

ĐẮC-LẬP  
HUY-TIN & C<sup>H</sup>  
Lam-mam-yu  
REPAIRIE-PAPERIE

NGUYỄN-DU  
(Đoạn trường tân thanh)

翹傳引解

KIỀU-TRUYỀN DẪN GIẢI

của

Hồ-đắc-Hàm

TƯ-NGHIỆP QUỐC-TỬ-GIÀM

DEPT. LEGAL  
HANOI  
N<sup>o</sup> 10823



In lần thứ nhất

IN TẠI NHÀ IN ĐẮC-LẬP HUẾ

1929

Nhà dẫn giải giữ bản quyền



# KIỀU TRUYỆN DẪN GIẢI

## 翹傳引解

PHẠM LÊ  
凡例

1° — Truyện này nguyên lúc đầu tác-giả, cụ Nguyễn-Du, nhân truyện Thanh-tâm-tài-nhân 青心才人 của Tàu mà dịch ra Quốc-âm, đề nhan là «Đoạn trường-tân-thanh» 斷腸新聲; sau nghe dân nhiều nhà đổi tên là Kim-Vân-Kiều tân-truyện 金雲翹新傳, Kim-Vân-Kiều-quảng-tập-truyện, 金雲翹廣集傳 Kim-Vân-Kiều-chủ-thích » 金雲翹註釋 v. v Nay tôi y theo truyện cũ mà chia ra từng đoạn, trước thời chép «truyện» 傳, thứ thời «dẫn» 引 tích, sau thời «giải» 解 nghĩa, để bạn thanh-niên xem đọc cho tiện. Nền bản này đặt tên là «Kiều-truyện dẫn-giải» 翹傳引解.

2° — Nguyên-văn 3.254 câu, nay chia ra 238 đoạn; mỗi đoạn có đề chữ số La-mã. đoạn nào tóm lấy đại-ý đoạn ấy mà lược thuật qua, lời văn giản-dị, câu truyện thật-thả, đọc thời hiểu ngay.

3° — Những câu tám chữ có đề chữ số chẵn A-rập, còn muốn tìm những câu sáu chữ thời cứ theo số đề của câu tám chữ liền đó mà tìm. Câu nào thuật truyện hay thuật lời, câu nào tả tình hay tả cảnh, hoặc có câu lời văn tiếp-ứng, hoặc có câu ý nghĩa sâu xa, cũng theo đại-ý câu ấy mà chú giải. Chấm câu lại theo đầu chấm chữ Pháp mà phân-biệt kỹ càng.

4° — Những chữ trong câu, hoặc chữ một, hoặc chữ đôi, mà cần phải thích nghĩa, thời về phần Quốc âm có đề chữ số A-rập, hoặc mỗi tiếng một số hoặc hai ba tiếng trong một câu chung một số, cứ theo số mà tra ngay ở dưới đoạn ấy. Còn về phần chữ Hán thời in chữ xiên và đánh dấu hoa-thị mà sẽ tra về mây trương ở dưới quyền này.



5° — Cách giải nghĩa về phần Quốc-âm : hoặc trích giải tiếng một, hoặc hiệp-giải tiếng đôi, hoặc phiên-dịch những tiếng thờ-âm, hoặc truy-nguyên gốc ở Hán-tự, trước thời thích nghĩa chính, sau lại thích nghĩa bóng. Còn chỗ nào xét có điền thiết, cũng dẫn mà phụ thêm vào.

6° — Cách giải nghĩa về phần Hán-tự : trích những chữ đôi trở lên, sắp thứ-tự thời không kể tự-diện chữ nhỏ, chỉ theo tự mẫu Quốc-ngữ, như chữ «Ái-ân 愛恩», chữ «Anh-hùng 英雄» thời tra về bộ A, chữ «Bao-dung 包容» chữ «Báo-đáp 報答» thời tra về bộ B, v. v. Đồng một bộ mà vì tiếng thứ hai, nên chữ trước chữ sau cũng có thứ tự, như chữ «Phong-lôi 風雷» đứng trước chữ «Phong-nguyệt 風月», chữ «Tài-mạo 才貌» ở sau chữ «Tài-danh 才名», v. v. Đồng một nghĩa mà vì tiếng đặt trên, nên chữ trên chữ dưới xem lẫn với nhau, như chữ «Mai-trúc 梅竹» xem chữ Trúc-mai 竹梅; chữ «Liễu-bồ 柳蒲» xem chữ Bồ-liễu 蒲柳, v. v. Trước thời thích-giải chữ một, sau lại hiệp-giải chữ đôi, câu sách nào có quan hệ lắm mới đem vào, điền-tích nào có hứng vị lắm cũng dẫn hết. Còn xuất-xứ, xét chỗ có cần thời cũng chỉ nói qua tên sách mà thôi.

7° — Cách giải nghĩa về lời làm văn : A. -- Từng chữ hoặc từng câu có ý hô-ứng với nhau ; như chữ «ghét nhau» trong câu 2 với chữ «đánh ghen» trong câu 6, chữ «so dây» trong câu 471 với chữ «cuốn dây» trong câu 3.214; câu 741 hô-ứng với câu 2.847, câu 3.094 hô-ứng với những câu 3.100, 3.123, 3.124, v. v. — B. -- Từng câu hoặc từng đoạn có ý đi sóng với nhau : như hai câu «người mà đến thê thời thối, . . . . .» với hai câu «người đầu gặp-gỡ làm chi, . . . . .»; hai câu 473, 474 đi sóng với hai câu 475, 476; Hai câu 477, 478 đi sóng với hai câu 479, 480; cái đoạn từ câu 1.039 đến câu 1.042 đi sóng với đoạn từ câu 1.043, đến câu 1.046; cái đoạn từ câu 2.237 đến câu 2.240 đi sóng với đoạn từ câu 2.241 đến câu 2.244; v. v. --- C. -- Chữ dùng đồng loại có ý bâng-thẩn với nhau, như chữ



### III

« quít » và chữ « cam » bàng-thân với chữ « đào » trong câu 833; chữ « hoa » chữ « trắng » bàng-thân với chữ « sương » chữ « mây » trong câu 3.122; chữ « cá » chữ « chim », chữ « rồng » chữ « phượng » bàng-thân với chữ « hùm », chữ « én », chữ « ngải », trong câu 2.167; v. v. — D.

Chữ có điển thiết cũng mượn mà dùng, như chữ « đồng-tước » trong câu 156, vì có chữ « hai-kiều » ở cuối câu, nên mượn đề nói nhà có hai gái đẹp; chữ « Lam-kiều » trong câu 643, vì hiệp vần « đặt-dìu » của câu trên, nên mượn đề nói chỗ có bán ngọc lạnh; v. v. — Đ. -- Chữ có nghĩa chính mà dùng nói bóng, như chữ « bướm-ong », chữ « oanh-yến », chữ « hoà-liếu », chữ « mây-mưa », v. v. E. — Cũng đồng một chữ mà nghĩa dùng tùy chỗ khác nhau, như chữ « tử-sinh » trong câu 1099 khác với chữ « tử-sinh » trong những câu 2.517, 2.562, 2.608, 3.088; chữ « phong-trần » trong câu 2.445 khác với chữ « phong-trần » trong những câu 986, 1.078, 1.192; chữ « trắng » trong câu 449 khác với chữ « trắng » trong câu 3.124; chữ « nước-non » trong câu 464 khác với chữ « nước-non » trong những câu 157, 676, 1.055 và câu 1.330; chữ « gió táp mưa sa » trong câu 403 khác với chữ « gió táp mưa sa » trong câu 2.443 và trong câu 3.099, v. v.

8° — Bản này làm ra cốt đề cho các bạn thanh-niên tra cứu và thích dụng theo thời đại bây giờ. Nên những chỗ chú-thích về phần quốc âm nguyên dịch điển chữ Hán, như là « bán hùm buôn sói », « kết cỏ ngâm vảnh », v. v. hoặc về phần Hán-tự dùng lẫn với Quốc âm, như là « sắc nước hương giới », « mây Tần mưa Sở » v. v. thì danh từ về những điển chữ Hán đó tức là « mải lang mại hà », « kiết thảo hàm hoản » hoặc là « quốc sắc thiên-hương », « Tần vân Sở vũ » đều chỉ viết bằng chữ Quốc-ngữ mà thôi.

9° — Truyện Kiều là một áng văn-chương tuyệt diệu, xưa nay văn sĩ xuất bản đã nhiều, chính tôi đã được đọc truyện ấy in ra hoặc bằng quốc-ngữ, hoặc bằng chữ nôm, có hơn mười mấy bản. Nhưng vì nhiều tiếng nói



mỗi xứ một khác, ý kiến mỗi người một khác, nên chép truyện có nhiều tiếng khác nhau, giải nghĩa cũng có nhiều chỗ khác nhau. Nay tôi đem những tiếng và những chỗ giải nghĩa trong bản này mà xét ra có khác với mấy bản gần đây, liệt kê sắp lại theo vần a, b, c, đăng vào sau phạm-lệ này, trước là đề tồn nguyên-văn của mấy bản kia, sau là đề làm bản đối tra cho các độc-giả được tiện đường chất chính. Còn bản này mới một lần đầu xuất bản, vì lúc gấp-gáp, có chỗ sai lầm, nên cũng phụ đăng cải chính vào đây luôn thể.

10° — Những chỗ vì nguyên bản chữ nôm in lầm, nên các bản Quốc-ngữ dịch theo, như trong câu 357, nói «quat bồ-ql» mới có điển thiết, mà vì chữ «bồ 蒲» viết rậm nét nên nhiều bản in lầm chữ «ba 華»; trong câu 845 và 1092 nói «đóa đồ-my» mới có tên cây, mà vì chữ «đồ 荼» thiếu nét ngang, nên nhiều bản đọc là chữ «trà 茶», v. v. Các chỗ ấy cũng đã tra-cứu ra mà đính chính lại.

11° — Tôi thường thấy con cháu trong nhà, xem truyện Kiều, khi đọc truyện đã lắm chỗ nghi-nan, khi làm văn lại nhiều điều lằng-lộn, bên lòng canh-cảnh đã bấy lâu nay. May nhờ ở chốn Thần kinh này gần các bậc đại-phương, lại sẵn sách tra cứu, trừu ra kinh, truyện, tử, sử, lại có các sách như «Thần-tiên truyện», «Dầu-dương-tạp-trở», «Phật-học từ-diên», «Trung-quốc từ-nguyên» v. v. tra xét đích xác rõ ràng, mới dám đem vào trong bản.

12° — Bản này làm ra đã trải năm lần mưa nắng, tưởng đề nhà riêng cho con cháu, dám đầu đàn diễn với anh em. Nhân vì liêu hữu bảo khuyên. Lại có báo chí giới thiệu, tôi mới đem công bố cho đồng nhân xem. Vậy trong bản «dẫn giải» này, chỗ thừa hớ, lỗi què mùa, chắc không khỏi được, trước nhờ các bậc bác nhả phủ chính cho được hoàn thiện, sau khuyên các bạn thanh niên đem làm tài liệu mà dùng, cho quốc văn được khoáng-trượng thêm nữa.

Huê, le 15 Novembre 1928

HỒ-ĐẮC-HÀM



翹 傳 引 解

KIỀU TRUYỀN DẪN GIẢI

I

- Trăm năm (I) trong cõi người ta,  
2 Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau! (2)  
Trải qua một cuộc bể-dâu (3)  
4 Những điều trông thấy mà đau-đớn lòng!  
Lạ gì \* *bĩ-sắc-tư-phong*,  
6 Trời xanh quen thói má hồng đánh ghen.

I. — Từ câu I đến câu 6, ý nói trải xem người đời được điều này thì mất điều kia, thấy ông trời xanh dặt dẹo má hồng mà sinh ra ngậm ngùi đau-đớn.

(1) Hai chữ « trăm năm » ở đây nói bao quát cả đời người, cũng như hai chữ « Đại-phàm » hay là hai chữ « xưa-nay ». Vậy hai chữ « Trăm năm » trong câu này, không quan-hệ gì, không hạn định gì, vì có thể đổi ra làm hai chữ khác được, như đổi là: « Đại-phàm trong cõi người ta, » « Xưa nay trong cõi người ta ». Đổi như thế cũng là một nghĩa một ý, nói bao quát mà thôi, chớ không phải chỉ hạn định là trăm năm như mấy chỗ khác. Như câu:

- 182 — — biết có duyên gì hay không.  
355 Rằng — — cũng từ đây.  
452 — — tạc một chữ đồng đến xương.  
510 Tiết — — nở bỏ đi một ngày.  
556 — — thề chẳng ôm cầm thuyền ai  
880 — — để một tấm lòng từ đây.  
1331 — — tình cuộc vòng tròn.  
1964 Chẳng — — cũng một ngày duyên ta.  
3186 — — đánh tiết cũng vì đêm nay.

Mấy câu trên này thời hai chữ « trăm năm » thiệt là hạn-dịnh, thiệt là quan-hệ, muốn đổi ra làm hai chữ khác cũng không được như muốn đổi là: « Đại-phàm biết có duyên gì hay không »; « Chẳng Xưa nay cũng một ngày duyên ta » v.v. thế thời trong câu không có nghĩa gì.

44737-11001  
INDOCHINA  
Nº 10823

HỌC VIỆN QUỐC GIA VIỆT NAM  
27.5.27

Phước ngd - 10/10/27  
Lên Văn Khoa 50



(2) Tài mạnh ghét nhau là tài với mạnh thường xung khắc nhau, ít đi cặp-đôi với nhau. Người ta ở đời, có tài thời kém mạnh, có mạnh thời kém tài, không ai có đủ cả tài cả mạnh. Xem câu « Trời xanh quen thói má hồng đánh-ghe », có chữ « ghen, đối-chiếu với « ghét » thời rõ.

(3) Bể là thương-hải; dâu là tang-diên; chữ lấy trong truyện Thần-tiên dịch ra. « Cuộc bể-dâu » là nói bể cả hóa ra ruộng dâu, ruộng dâu hóa ra bể cả, tức là nói cuộc đời thay đổi.

## II

Cảo thơm (1) lần dỏ trước đèn,  
8 \* *Phong-tình* \* *cổ-lục* còn truyền sử xanh.  
Rằng năm \* *Gia-tịnh* triều Minh,  
10 Bốn phương phảng-lặng, hai kinh (2) vững-  
Có nhà \* *Viên-ngoại* họ Vương, [vàng.  
12 \* *Gia-tư* nghĩ cũng thường thường bậc trung.  
Một trai con thứ tốt lòng,  
14 \* *Vương-Quan* là chữ, nổi dòng \* *nho-gia*.  
Đầu lòng hai ả \* *tổ-nga*,  
16 \* *Thủy-Kiều* là chị em là \* *Thủy-Vân*.  
Mai \* *cốt-cách*, tuyết \* *tinh-thần*,  
18 Một người một vẻ, mười phân vẹn mười.

---

II. — Từ câu 7 đến câu 18, đại khái dẫn truyện cũ mà tả cảnh-tượng triều Minh và nhà Vương viên-ngoại, lại kể qua con trai con gái họ Vương là ai và thế nào.

(1) Cảo là bản-thảo; « cảo thơm » là bản sách hay, thường đề tiếng thơm về sau.

(2) « Hai kinh » là Nam-kinh ở Giang-tô và Bắc-kinh ở Trục-lộ.

## III

Vân xem \* *trang-trọng* khác với,  
20 Khuôn trăng đầy đặn, nét ngài nở nang (1)  
Hoa cười (2) ngọc thốt, (3) \* *đoan-trang*,  
22 Mây thua nước tóc, tuyết nhường màu da.



III. — Từ câu 19 đến câu 22 nói trộm tốt của nàng Vân.

(1) Khuôn mặt như trăng tròn, nét lông mày như con ngài lằm nằm ngang.

(2) Cười miệng như hoa nở.

(3) Nói tiếng trong như ngọc.

IV

Kiều càng sắc-sảo mặn mà,

24 So bề \*tài-sắc lại là phần hơn.

Lần \*thu-thủy, nét \*xuân-sơn,

26 Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh. <sup>△</sup>

Một hai nghiêng nước nghiêng thành (1),

28 Sắc đành đòi một, tài đành họa hai (2).

\*Thông-minh vốn sẵn tánh trời,

30 Pha nghề \*thi-họa, đủ mùi \*ca-ngâm;

\*Cung-thương lầu bậc \*ngũ-âm,

32 Nghề riêng ăn đứt \*hồ-cầm một trương.

Khúc nhà tay lựa nên chương,

34 Một thiên \*bạc-mạnh lại càng \*nảo-nhân.

IV. — Từ câu 23 đến câu 34, nói sắc và tài của nàng Kiều.

(1) « Nghiêng nước » là khuynh-quốc; « nghiêng thành » là khuynh thành, là những chữ lấy trong bài ca của ông Lý-diên-Niên mà dịch ra. Ngó một lần nghiêng nước, ngó hai lần nghiêng thành, ý nói sắc đẹp làm cho người ham mê đến nỗi nghiêng đổ cơ đồ.

(2) « Đòi » và « Họa » là tiếng nói đùa, cũng như nói sắc là một tài là hai.

V

\*Phong-lưu rất mực \*hồng-quần,

36 Xuân xanh, xấp-xỉ đến tuần \*cập-kế.

Yên niềm trướng đủ màn che,

38 Tường-đông ong bướm đi về mặc ai, (1)

V. — Từ câu 35 đến 38 nói nàng Kiều đã đến tuổi gả chồng mà chưa đề-dinh với ai.



(1) « Tường đông » là tường nhà phía đông. « Ong bướm » là hai thứ trùng có cánh, hay đi tìm hoa nết nhụy, dùng để ví những kẻ trai điếm hay đi ghẹo gái. Câu này nói tuy ở tường đông có kẻ muốn dòm ghẹo, mà nàng Kiều vẫn không vương vít gì với ai.

## VI

Tiết vừa con én đưa thoi, (1)  
40 \**Thiều-quang* chín chục, đã ngoài sáu  
Cỏ non xanh tận chân trời, (3) [mười (2)  
42 Cảnh lê trắng diềm một vài bông hoa (4)

---

VI. — *Từ câu 39 đến câu 42, tả cảnh mùa xuân độ đầu tháng ba.*

(1) Tả cảnh mùa xuân vừa tiết xuân-phân có chim én bay đi liệng lại như người dẹt cưỡi đưa cái thoi.

(2) Ba tháng xuân là « chín chục » ngày, « đã ngoài sáu mươi » là đã quá tháng hai.

(3) « Xanh tận chân trời » là nói cỏ tốt quá, xem ra một sắc xanh với da trời, như tốt đến tận chân trời.

## VII

\**Thanh-minh* trong tiết tháng ba,  
44 Lễ là \**Tảo-mộ*, hội là \**Đạp-thanh*.  
Gần xa nô-nức \**yến-oanh*,  
46 Chị em sắm-sửa \**bộ-hành* chơi xuân,  
Đập-diu \**tài-tử*, \**giai-nhân*,  
48 Ngựa xe như nước, áo quần như nen (1)  
Ngõn-ngang gò đồng (2) kéo lên,  
50 Thoi vàng-bỏ rắc, tro tiền-giấy bay (3).

---

VII. — *Từ câu 43 đến câu 50 nói chị em Kiều gặp tiết Thanh-minh, đi chơi xuân cùng thiên-hạ và làm lễ tảo-mộ*

(1) « Nước » là thủy, « nen » là xỉ, bởi câu « Xa mã như thủy, y



thường như xỉ » mà dịch ra : ý nói người đông đi luôn như nước chảy, chập khít nhau như hàng răng.

(2) « Gò đồng » là còn gò năm mã.

(3) « Vàng-bó » rắc từng thoi và « tiền-giấy » đốt tro bay lên, là những đồ vàng mã dùng lúc đi lễ-mộ.

### VIII

Tà tà bóng ngả về tây,  
52 Chị em thơ-thần đan tay ra về.  
Bước lần theo ngọn \* *tiểu-khé*,  
54 Nhìn xem \* *phong-cảnh* có bề thanh-thanh.  
Nao-nao dòng nước uốn quanh,  
56 Dịp cầu nho-nhỏ cuối gành bắc ngang.  
Sè-sè năm đất bên đường,  
58 Dầu-dầu ngọn cỏ nửa vàng nửa xanh,

---

VIII. — Từ câu 51 đến câu 58, tả lúc chị em Kiều ra về thấy phong cảnh ngày xuân buổi chiều.

### IX

Rằng : « Sao trong tiết \* *Thanh-minh*,  
60 « Mà đây hương khói vắng tanh thế mà ? »  
\* *Vương-Quan* mới dẫn gần xa :  
62 « \* *Đạm-Tiên* nàng ấy xưa là \* *ca-nhi* ;  
« Nổi danh \* *tài-sắc* một thì,  
64 « *Xôn-xao* ngoài cửa thiếu gì \* *yến-oanh*.  
« Kiếp \* *hồng-nhan* có mong-manh, (1)  
66 « Nửa chừng xuân, thoát gây cảnh \* *thiên-*  
[*hương* ! (2)  
« Cỏ người khách ở \* *viễn-phương*,  
68 « Xa nghe cũng nức tiếng nàng tìm chơi.  
« Thuyền tình vừa ghé đến nơi,  
70 « Thi đà trâm gãy bình rơi (3) bao giờ!



- « Phòng không lạnh ngắt như tờ,  
72 « Dấu xe ngựa đã rêu lở mờ xanh.  
« Khóc than khôn xiết \* *sự-tình* :  
74 « Khéo \* *vô-duyên* bấy là mình với ta !  
« Đã không duyên trước chẳng mà,  
76 « Thi chi chút đỉnh (4) gọi là duyên sau. »  
« Sắm sanh nếp tử xe châu, (5)  
78 « Vui nông (6) một năm, mặc dầu cỏ hoa.  
« Trái bao thổ lặn, ác tà, (7)  
80 « Ấy mờ \* *vô-chủ* ai mà viếng thăm ! »
- 

IX. — Từ câu 59 đến câu 80, chị em Kiều thấy  
mả Đạm-Tiên, kể truyện lúc Đạm-Tiên còn sống  
và lúc đã chết rồi.

(1) « Mong-manh » cũng như mông-mãnh, kiếp —, ý nói bạc  
phận, phận mỏng.

(2) Nói Đạm-Tiên đương tuổi trẻ mà đã chết.

(3) « Trâm » « bình » là những chữ lấy trong bài thơ ông Cố-Huống mà dịch ra : Mài trâm trên đá, mài chưa nên mà nữa chừng  
trâm gãy, kéo bình trên giếng, bình chưa lên mà dây tơ đã đứt,  
dùng để nói bóng có công tìm người mà người đã mất dấu bao  
giờ rồi.

(4) « Chút đỉnh » là một chút gọi là, không bao nhiêu. Chút đỉnh  
tức là nếp tử xe châu.

(5) « Nếp tử » là quan-tài bằng gỗ tử, « xe châu » là bàn linh-xa,  
là những đồ của người khách làm lễ táng cho Đạm-Tiên, vì lúc  
Đạm-Tiên chết, nhà thổ còn để quán một chỗ chưa chôn.

(6) « Vui nông » là chôn sơ sịa xong rồi bỏ đó.

(7) « Thổ » là ngọc-thổ, là, mặt trăng ; « ác » là kim-ô, là mặt trời.  
Câu này ý nói từ lúc chôn Đạm-Tiên đến lúc nàng Kiều tới thăm  
biết bao lần thổ lặn ác tà, biết bao là đêm là ngày.

## X

- Lòng đâu sẵn mơn \* *thương-tâm*,  
82 Thoát nghe, Kiều đã đầm-đầm châu sa : (1)



- « Đau-đớn thay, phận đàn bà !  
84 « Lời rằng \* *Bạc-mạnh* cũng là lời chung ;  
« Phụ-phàng chi bấy \* *Hóa-công* !  
86 « Ngày xanh mòn-mỏi (2) má hồng phôi.  
« Sống làm vợ khắp người ta ! [pha. (3)  
88 Khéo thay thác xuống làm ma không chồng,  
« Nào người phụng chạ loan chung ?  
90 « Nào người tiếc lục tham hồng là ai (4) ?  
« Đã không kẻ đoái người hoài,  
92 « Sắn đây ta thắt một vãi nền hương.  
« Gọi là gặp-gỡ giữa đường,  
94 « Họa là người dưới tuổi vàng (5) biết  
Lâm dâm khăn vãi nhỏ to, [cho. »  
96 Sụp ngòi, vãi gặt trước mồ, bước ra (6),  
Một vùng cỏ áy, bóng tà (7)  
98 Gió hiu-hiu thổi một vãi bông lau.  
Rút trâm sắn giắt mái đầu,  
100 Vạch da cây, vịnh tám câu bốn vắn.  
Lại càng mê mẩn \* *tâm-thần*,  
102 Lại càng đứng lặng tần-ngần chẳng ra :  
Lại càng ủ-dột nét hoa,  
104 Sầu tuôn đứt nổi, châu sa (8) vẫn dài.

---

X. — Từ câu 81 đến câu 104, nàng Kiều  
thương xót Đạm-Tiên, khóc than, khăn vãi, vịnh  
thơ.

(1) Châu là nói ví nước mắt ; « châu sa » là nước mắt nhỏ  
giọt như hạt châu sa xuống.

(2) « Mòn mỏi » là tiêu hao lần lần. Đây nói tuổi xanh càng lâu  
càng già.

(3) « Phôi pha » là phai lạt. Đây nói má hồng càng lâu càng kém.

(4) « Phụng, » « Loan » là hai thứ chim thường dùng để nói ví vợ  
chồng ; « lục » « hồng » là hai sắc đẹp của cỏ hoa mùa xuân  
thường dùng để nói ví nhan sắc xuân thời của con gái. Đây nói



những người tới lui ngày trước thường hay chung chạ như vợ chồng hoặc hay ham-mê triu-trưng nhan sắc, mà bây giờ nào thấy ai thăm viếng gì đến Đạm-Tiên.

(5) « Suối vàng » là suối ở dưới đất sắc vàng. Đây nói dưới âm phủ họa may Đạm-Tiên biết cho.

(6) Trong hai câu này nói nàng Kiều làm bốn việc khác nhau : Trước hết đứng khấn vái, thứ hai ngồi xuống, thứ ba chấp tay mà gật đầu làm mấy xá trước mộ, sau hết đứng dậy đi ra.

(7) « Cổ áy » là cổ vàng úa; « bóng là » là bóng mặt trời đã xế chiều. Đây nói phong-cảnh tiêu điều lắm.

(8) « Châu sa » xem thích ở câu 82.

## XI

Vân rằng : « Chị cũng nức cười,  
106 « Khéo dư nước mắt khóc người đời xưa ! »

Rằng : « *Hồng-nhan* tự ngàn xưa,  
108 « *Cái điều \* Bạc-mạnh* có chữa ai đâu !  
« *Nỗi niềm* tưởng đến mà đau !

110 « Thấy người nằm đó biết sau thế nào ! » (1)

Quan rằng : « Chị nói hay sao !  
112 « Một lời là một, vận vào khó nghe !

« Ở đây \* *âm-khi* nặng-nề,  
114 « *Bóng chiều* đã ngã, dặm về còn xa ! »

Kiều rằng : « Những đứng \* *tài-hoa*,  
116 « Thác là \* *thẻ-phách*, còn là \* *tinh-anh*. (2)

« Dễ hay *tinh* lại gặp *tinh*,  
118 « Chờ xem, ắt thấy \* *hiển-linh* bây giờ ! »

Một lời nói chữa kịp thừa,  
120 Phút đầu trận gió cuốn-cờ (3) đến ngay ;

« Áo-áo đồ lộc (4) rung cây,  
122 Ở trong đường cỏ hương bay ít nhiều.

« Đề chừng ngọn gió lần theo,  
124 Dấu giầy từng bước in rêu rãnh-rãnh;

Mặt nhìn, ai nấy đều kinh ;  
126 Nàng rằng : « Này thiệt \* *tinh-thành* chẳng

xa !



« \**Hữu-tình* ta lại gặp ta,  
128 « *Chẳng* nề \**u-hiễn* mới là chị em. »  
Đã lòng \**hiễn-hiện* cho xem,  
130 Ta lòng, nàng lại nổi thêm vài lời,  
Lòng thơ lai-lãng \* *bồi-hồi*,  
132 Gốc cây lại vạch một bài \* *cổ-thi*.

---

XI. — Từ câu 105 đến câu 132, chị em Kiều cãi lể nhau về mối tình quan hệ người còn kẻ khuất đối-dãi với nhau là thế nào; Đạm-Tiên hiển linh, nàng Kiều ngâm thơ để tạ lòng tri-kỷ mà sắp sửa đường về.

(1) Thấy Đạm-Tiên nằm đó, biết thân phận Kiều ngày sau ra thế nào.

(2) Phàm những đưng tài hoa thời tuy hình-thể đã chôn sâu dưới đất mà linh hồn còn lưu ở trên không.

(3) « Trận gió cuốn cờ » là trận gió quẩn như cuốn lá cờ lại, tục thường gọi trận gió « ma cụt trốc »

(4) « Lộc » là lá cây dương non; « đồ lộc » là gió thổi, làm cho rụng lá.

## XII

Dừng dằng nửa ở nửa về,  
134 Lạc vàng đầu đã tiếng nghe gần-gần.  
Trông chừng thấy một \* *văn-nhân*  
136 Lỏng buông tay khấu bước lần dặm băng (1)  
\* *Đề-huề* lưng túi gió trăng, (2)  
138 Sau chân theo một vài thằng con con.  
Tuyết in sắc ngựa câu giòn (3)  
140 Cỏ pha mùi ảo nhuộm non da trời (4)

---

XII. — Từ câu 133 đến câu 140, chị em Kiều sắp sửa ra về, bỗng đầu trông thấy một người văn-nhân ở đường xa đi tới, đem theo có những gì và ăn bận đi đứng ra cách thế nào.



(1) Thả dây cương cho ngựa đi bước một và đi bằng qua những chỗ có mồ mả mà không theo đường cái, vì đã trông thấy ở chỗ ấy dường có người quen.

(2) «Lưng» là nửa. Đem theo nửa túi gió trăng, nói người sĩ phong lưu tao nhã, gặp lúc trăng thanh gió mát thời ngâm thơ mà đem đựng vào túi.

(3) «Ngựa câu giòn» là ngựa con giòn già xinh đẹp và sắc trắng in tuyết.

(4) Sắc áo xanh xanh như da trời và cỏ non mùa xuân cũng sắc xanh nên lẫn lộn với nhau cùng một màu xanh.

### XIII

Nẻo xa mới tỏ mặt người,

142 Khách đà xuống ngựa, tới nơi \**tự-tĩnh*

Hải văn (1) lần bước dậm xanh (2)

144 Một vùng như thề cây Quỳnh cảnh Giao (3)

Chàng Vương, quen mặt ra chào,

146 Hai Kiều e-lệ (4) nép vào dưới hoa.

Nguyên người quanh quất đầu xa,

148 Họ Kim tên Trọng, vốn nhà \**trâm-anh*.

Nền \**phủ hậu*, bậc \**tài-danh*,

150 \**Văn-chương* nét đất, (5) \**thông-minh*  
[tảnh trời.

\**Phong-tư*, \**tài-mạo* tốt vời, (6)

152 Vào trong \**phong-nhả* ra ngoài \**hào-hoa*.

Chung quanh vẫn đất nước nhà,

154 Vời \**Vương-Quan*, trước vẫn là \**song-*  
[thân

---

XIII. — Từ câu 141 đến câu 154, Vương-Quan ra chào khách, hai Kiều nép một bên. Khách là ai, ở đâu đến, tư-cách ra sao và quen biết thế nào.

(1) «Hải văn» là đôi giày có văn hoa, có thêu.

(2) «dậm x nh» là dậm cỏ sắc xanh.

(3) «Cây Quỳnh cảnh Giao» là những chữ lấy trong Thế-thuyết mà dịch ra. Đây nói dáng người xinh đẹp thanh-cao như những cây ngọc ở non liên mà khác với người phàm-trần.



(4) «E-lệ» là hình-trạng chị em Kiều trông thấy Kim-Trọng mà làm bộ thẹn thuồng, hổ người.

(5) «Nứt đất» là mồ mả ông bà hoặc là khi mạch non sông. Đây nói văn hay nhờ có đất tốt.

(6) «Tốt vời» là nói không ai sánh kịp.

#### XIV

- Trộm nghe thơm nức \* *hương-lân*.  
156 Một nền \* *đồng-tước*, khóa xuân hai Kiều (1)  
Nước non cách mấy buồng thêu, (2)  
158 Những là trộm dấu thầm yêu chốc mòng (3)  
May thay \* *giải-cầu* \* *tương-phùng*!  
160 Gặp tuần đồ lá, (4) thỏa lòng tim hoa.  
Bóng hồng lác thấy nẻo xa (5)  
162 \* *Xuân-lan*, \* *thu-cúc*, mặn-mà cả hai.  
Người \* *quốc-sắc*, kẻ \* *thiên-tài*,  
164 Tinh trong như đá, mặt ngoài còn e (6)  
Chập-chờn con tỉnh con mê,  
166 Rõn ngồi chẳng tiện, dứt về chín khôn (7)  
Bóng chiều như giục con buồn  
168 Khách đã lên ngựa, người còn ghé (8) theo.  
Dưới khe nước chảy trong veo,  
170 Bên cầu tơ liễu cỏ chiều thướt tha.

---

XIV. — Từ câu 155 đến câu 170, Kim-Trọng nghe tiếng hai Kiều, nhân tiết Thanh-minh đi chơi mà gặp. Mới gặp mặt mà hai bên đã có lòng yêu nhau, nên khi từ biệt ra về, ngó phong-cảnh dưới khe trên cầu có chiều vắng vẻ.

(1) Đây nói nghe tiếng họ Vương có hai người con gái.

(2) «Buồng thêu» là buồng có thêu thùa, chỗ hai Kiều ở. Đây nói ở trong buồng kín, không được gặp mặt mấy khi, cũng như là nước non cách trở.

(3) «Chốc mòng» là đã lâu ngày. Đây nói đã lâu ngày trong lòng yêu dấu mà không dám cho ai biết.



(4) Nước Tàu có hội « Đố lá », trai gái tới hội rất vui. « Hoa » thường dùng ví với con gái, tìm con gái thì gọi là « tìm hoa ». Kim-Trọng nhân liếc Thanh-minh gặp được chị em Kiều thời thỏa lòng yêu dấu mấy lâu nay.

(5) « Bóng hồng » là bóng người hồng-nhan, hai Kiều. « Lác » là ngẫu nhiên liếc thấy ở đường xa.

(6) Hai bên trong ông đã hợp nhau rồi ư nhau rồi, nhưng ngoài mặt còn sượng sùng e-lệ.

(7) Khi ấy trong lòng sùng sốt như tỉnh như mê, ngồi rón thoir trời đã chiều rồi, dứt về thì tỉnh còn giăng lạ.

(8) « Nghé theo » là nom theo, bởi chữ « nghễ » mà dịch ra.

## XV

Kiều từ trở gót trướng hoa,  
172 Mặt trời gác núi, chiêm đà \* *thu-không*.  
Gương Nga (1) chênh-chếch dòm song, (2)  
174 Vàng gieo ngấn nước, cây lòng bóng  
sân (3)  
\* *Hải-đường* rả ngọn \* *đông-lân*. (4)  
176 Giọt sương triu nặng cảnh xuân là-đa (5).

XV — Từ câu 171 đến câu 176, tả phong cảnh lúc chị em Kiều đã về tới nhà.

(1) « Gương Nga », tức là mặt trăng, vì cung trăng có chị Hằng-Nga ở trong.

(2) « Song » là cửa sổ; « dòm song » là chiếu vào cửa sổ.

(3) Trăng chiếu xuống thoir mặt nước long-lanh như có dợn sóng vàng và giữa sân ngang dọc đều thấy bóng cây.

(4) Bóng cây Hải-đường đã bỏ ngọn về Đông-lân, là nói đêm khuya, trăng đã xế về Tây chiếu vào ngọn cây mà bỏ bóng về Đông.

(5) Đêm càng khuya, sương sa nhiều, làm cho cảnh cây phải triu nặn là-đa xuống.

## XVI

Một mình lặng ngẫm bóng-nga,  
178 Dộn đường gần với nỗi xa bởi-bởi : (1)  
« Người mà (2) đến thế thì thôi,  
180 « Đòi \* *phồn-hoa* cũng là đòi bỏ đi !



- « Người đâu (3) gặp gỡ làm chi ?  
182 « Trăm năm biết có duyên gì hay không? »  
Ngồn-ngang (4) trăm mối bên lòng.  
184 Nên câu \* *tuyệt-diệu* ngụ trong \* *tánh-tình*.

---

XVI — Từ câu 177 đến câu 184, nàng Kiều  
ngồi xem trăng, nghĩ vợ vẫn những sự trông  
thấy lúc ban ngày, nhân trong lòng nhiều nỗi  
mà ngấm nèn thơ.

(1) « Dộn » là rộn, nhiều đường làm nỗi làm cho bời rối rộn rịt.  
(2) « Người mà... » là chị Đạm-Tiên; ý nói nàng tài sắc đường  
ấy mà mang lấy cái chữ hồng-nhan bạc-mạnh thế này, thời cái đời  
phồn-hoa cũng không ra gì cả. Ấy là nàng Kiều nghĩ đến nỗi xa.

(3) « Người đâu... » là chỉ Kim-Trọng; ý nói chẳng biết về sau có  
được cùng chàng kết nghĩa trăm năm hay không, mà lại xui gặp  
gỡ làm chi như thế ! Ấy là nàng Kiều nghĩ đến đường gần.

(4) Nhân có nghĩ đến đường gần nỗi xa, nên trong lòng trăm  
mối ngồn-ngang.

## XVII

- Chênh-chênh bóng nguyệt xế mảnh,  
186 Tựa lan bên triện (1) một mình thiu-thiu (2)  
Thoắt đâu thấy một \* *tiểu-kiều*,  
188 Có chiều \* *phong-vận* có chiều \* *thanh-tân*  
Sương in mặt, tuyết pha thân, (3)  
190 Sen vàng (4) lũng thừng như gần như xa :

---

XVII. — Từ câu 185 đến câu 190, nàng Kiều dựa  
ghế ngủ thiu đi, mộng thấy một tiểu-kiều, tư-cách  
ra sao và diện mạo thế nào.

(1) Ngồi dựa mình vào bên ghế.

(2) « Thiu thiu » là đương thức rồi riu mắt lại ngủ lần lần mà ngủ  
chưa say.

(3) nói mặt mũi và thân thể trắng trong như sương tuyết.

(4) « Sen vàng » là do hai chữ « kim-liên » lấy trong truyện Phan-  
Phi mà dịch ra; Xưa Đông-hôn-Hầu đúc bông sen bằng vàng lát trên  
mặt đất, bảo Phan-Phi bước lên mà đi, rồi khen nước bước của



nàng sinh ra bông sen. Nhân đó gọi bước chân người đẹp là sen vàng hay là gót sen. Đây nói gót chân liễu-kieu bước lỏm ngó bộ lững thững trước mặt như gần như xa.

### XVIII

Chào mừng đón hỏi dò la :

192 « \* *Bào-nguyên* lạc lối đâu mà đến đây ? »

Thưa rằng : « \* *Thanh-khi* xưa nay ;

194 « Mới cùng nhau lúc ban ngày, đã quên ?

« \* *Hàn-gia* ở mé (1) \* *tây-thiên*,

196 « Dưới dòng nước chảy, bên trên có cầu.

« Mấy lòng \* *hạ-cổ* đèn nhau,

198 « Mấy lời \* *hạ-tử* ném châu gieo vàng ! (2)

« Vàng trình \* *hội-chủ* xem tường,

200 « Mà xem trong sỏ \* *đoạn-trường* có tên.

« Âu đánh \* *quả-kiếp-nhân-duyên*,

202 « Cũng người một hội một thuyền (3) đầu

« Này mười bài mới (4) mới ra. [xa !

204 « Câu thần lại mượn bút hoa vẽ vờ. »

Kiều vâng \* *lãnh-ý* đề bài,

206 Tay tiên một vầy đủ mười khúc ngâm

Xem thơ nức nở khen thầm ;

208 « Giả đánh \* *tử-khẩu-cầm-tâm* khác thường !

« Ví đem vào tập \* *đoạn-trường*,

210 « Thì treo giải nhứt, chỉ nhường cho ai ! »

---

XVIII. — Từ câu 191 đến câu 210, nàng Kiều trong mộng chào hỏi tiểu-kieu ; Đạm-Tiên tạ ơn nàng Kiều về sự lúc ban ngày thăm mộ ngâm thơ và bảo cho biết trước trong sỏ *đoạn-trường* có tên, nàng Kiều lãnh ý Đạm-tiên đề 10 khúc ngâm ; Đạm-Tiên xem thơ mà khen tài nàng Kiều không ai bằng.

(1) « Mé » là ở một bên.



(2) Mấy bài thơ đề nơi mả Đạm-Tiên lời lẽ quý hoá như đem vàng ngọc mà vãi xuống.

(3) Số-phận hai người giống nhau, cũng như gặp nhau trong một hội, cùng nhau đi một thuyền.

(4) Mười bài là: 1· Tiếc đa tài, 2· Thương bạc mệnh, 3· Buồn đường nẻo, 4· Nhớ người quen, 5· Nghĩ mình hoa, 6· Tiếc xuân xanh, 7· Thương vận kiêu, 8· Khổ lênh đèn, 9· Nhớ vườn cũ. 10· Khóc tương-tư.

## XIX

Thềm hoa khách đã trở hải,

212 Nàng còn cầm (1) lại một hai \* *tự-tình*.

Giỏ đâu sịch (2) bức mảnh mảnh,

214 Tỉnh ra mới biết rằng mình chiêm-bao.

Trông theo nào thấy đâu nào !

216 Hương thừa (3) dường hải ra vào đâu đây.

---

XIX.— Từ câu 211 đến câu 216, Đạm-tiên từ về, nàng Kiều tỉnh dậy, trông không thấy người mới biết là chiêm bao.

(1) “Cầm lại” là lưu lại, mời ở lại, giữ lại chưa cho đi.

(2) “Sịch” là xè ra, xịch ra, làm cho nghiêng ra một bên.

(3) “Hương thừa” là người đi rồi mà mùi hương hầy còn phảng phất.

## XX

Một mình lợng-lự canh chầy,

218 Đường xa nghĩ nỗi sau này mà kinh:

« Hoa trời bèo giạt (1) đã đành,

220 Biết duyên mình, biết phận mình thế thôi ! »

Nỗi riêng lớp lớp sóng giời, (2)

222 Nghĩ đòi cơn lại sụt sùi đòi cơn.

Giọng Kiều rên rĩ trưởng loan (3)

224 Nhà-huyên (4) chợt tỉnh hỏi: « Can có gì ? »

« Cớ sao trần-trọc canh khuya ? »

226 Màu hoa-lê (5) hải dầm-dề giọt mưa ! »



- Thưa rằng : « Chút phận ngầy thơ,  
228 « \* *Dưỡng-sinh* đôi nợ tóc-tơ chưa đền.  
« Buổi ngày chơi mả \* *Đạm-Tiên*,  
230 « Nhấp đi, phút thấy ứng liền chiêm-bao ?  
« *Đoạn-trường* là số thể nào ?  
232 « Bải ra thể ấy, vịnh vào thể kia !  
« Cừ trong \* *mộng-triệu* mà suy ! »  
234 « Phận cọn thôi có ra gì mai sau ! »  
Dạy rằng : \* « *Mộng-huyền* cứ đâu ?  
236 « Bồng không (6) mua nảo chắc sầu, nghĩ  
[nao ! »

---

XX. — Từ câu 217 đến câu 236, nàng Kiều nghĩ mộng triêu mà than khóc lo buồn; bà Viên-Ngoại nghe con kể chuyện thấy trong chiêm bao mà khuyên giải đừng lo sầu.

(1) Hoa rụng xuống nước mà trôi đi, bèo bị sóng đánh mà giạt lại. Đây là nàng Kiều tự nghĩ duyên phận mình sau này cũng trôi nổi như cây bèo cảnh hoa vầy.

(2) Trong lòng đầy chất nhiều việc lo nghĩ như sóng giời nhiều lớp, càng lo nghĩ càng đau đớn lại sụt sùi khóc.

(3) "Trương loan" là bức màn vẽ hình chim loan.

(4) «Huyền» là chỉ bà mẹ; xem chữ "xuân-huyền".

(5) Mặt nàng Kiều trắng đẹp như hoa lê mà khi khóc nước mắt đầm đề ví như hoa thắm mưa xuân.

(6) "Bồng không" là bồng nhưng không có duyên cớ gì.

## XXI

- Vâng lời khuyên giải thấp-cao,  
238 Chưa xong đều nghĩ, đã dào mạch Trương (1)  
Ngoài song thả thả oanh vàng (2)  
240 Nách tường bông liễu bay sang láng-  
[diềng. (3)  
Hiên tà (3) gác bóng nghiêng-nghiêng,  
242 Nổi riêng riêng chạnh (4) tắc riêng một  
[mình.



XXI. — Từ câu 237 đến câu 242, nàng Kiều chịu nghe lời mẹ khuyển giải, nhưng đương nghĩ thân phận chưa xong mà nhân có cảnh vật trên người, lại sinh ra tưong-tư Kim-Trọng.

(1) « Mạch Tương » là mạch nước sông Tương, lấy tích bà Nga-Hoàng và bà Nữ-Ânh ngày xưa nhờ vua Thuấn mà khóc trên bờ sông Tương, nên bây giờ thường dùng chữ « Tương » mà ví nước mắt tưong-tư.

(2) Tiếng chim oanh báo năm mới, thường dùng để mừng người vợ chồng mới kết đôi; bông cây liễu nở mùa xuân, thường dùng để nói chỗ gái trai đi ngoạn cảnh. Đây là nàng Kiều nghe chim oanh kêu, thấy bông liễu bay mà nghĩ đến tình duyên trăm năm của mình.

(3) « Tà » là nghiêng. Đây nói khi nàng Kiều ngồi tựa ghế thời bóng trăng đã chiếu xiên vào hiên, ngó như nghiêng về một chiều.

(4) « Chạnh » là cảm động, « chạnh lòng » là trong lòng cảm động.

## XXII

Cho hay là giống *hữu-tình*,

244 Đổ ai (1) dứt mối tơ mảnh cho xong !

Chàng Kim tử lại *thơ-song*,

246 Nỗi nàng canh-cảnh bên lòng biếng khuây

Sầu đông cặng lắc cặng đầy, (3) [ (2).

248 Ba thu dồn lại một ngày dài ghê ! (4)

Mây Tần (5) khóa kín song the,

250 Bụi-hồng lẻo-đẻo đi về chiêm bao. (6)

Tuần trăng khuyết, đĩa dầu hao,

252 Mặt mơ tưởng mặt, lòng ngao-ngán lòng.

Phòng văn hơi giả như đồng.

254 Trúc se ngọn cỏ, tơ dùng phẩm loan (7)

Mảnh tương phát-phất gió đàn, (8)

256 Hương gây mũi nhớ, trà khan giọng tình

Ví chẳng duyên nợ ba-sinh (10) [ (9).

258 Làm chi đem thời *khuy-nh-thành* trên  
[người ?]



XXII. — *Từ câu 243 đến câu 258, Kim-Trọng tương-tư nàng Kiều, cảnh vật chung quanh đều là gây nên những mối cảm tình vô-hạn.*

(1) « Đố ai » là chỉ Kim-Trọng ; ý nói Kim-Trọng với nàng Kiều là có tình ý với nhau, thời mỗi tình ấy đã vấn vương lấy từ khi bông liễu bay sang, đố Kim-Trọng dứt mối tơ mảnh cho đoạn được.

(2) « Canh-cảnh » là ngẫm ngẫm luôn luôn. « Biếng khuây » là không thể lãng quên.

(3) « Sâu đông » là bởi câu « lòng sâu muôn học » trong Cổ-văn, ý nói sâu quá, nếu đem mà đông thời lác mấy cũng không lưng, cứ thấy đầy mãi.

(4) « Ba thu » là « tam thu » ; « một ngày » là « nhất nhật », là những chữ lấy trong kinh-thi mà dịch ra. Đây nói trông nhớ cả ngày mà xem ra một ngày dài bằng ba thu.

(5) Núi Tân là chỉ chung tất cả mấy hòn núi phía Nam nước Tàu ; « mây Tân » là mây núi Tân, lấy những chữ trong bài thơ ông Hàn-Dũ nhớ nhà mà dịch ra. Đây nói Kim-Trọng nhớ Kiều, ngồi trong cửa sổ nhìn ra không thấy gì cả, hình như có đám mây giăng cái màn che mất cái cửa sổ.

(6) « Bụi-hồng » là « hồng-trần », lấy những chữ trong bài phú ông Ban-Cổ mà dịch ra. Đây nói Kim-Trọng mơ tưởng nàng Kiều, cái chiêm bao cứ đeo đuổi mãi lấy cảnh phồn-hoa náo nhiệt.

(7) « Se » là nói bút trúc lông thỏ để cho khô mực ; « dùng » là nói tơ đàn trên phiếm loan để cho lơi dây. Đây nói Kim-Trọng tương-tư đến nỗi phòng bỏ lạnh, bút nghiên đòn dịch đều bỏ cả.

(8) « Mành tương » là « tương liêm », lấy những chữ trong bài thơ ông Tiêu-trọng-Khanh mà dịch ra. Đây nói cái mành ngoài đan tre mà trong kẹp the màu vàng, gió đánh xát vào.

(9) Nghe mùi hương mà không thấy bạn thân, thời sinh ra lòng nhớ, nong nước trà mà không có tình-nhân thời mất cả mùi ngon.

(10) « Ba sinh » là kiếp người chuyển sinh ba lần, lấy chữ « tam-sinh » trong sách Truyền-dãng-lục mà dịch ra. Đây nói chàng Kim với nàng Kiều dường như có duyên nợ từ kiếp này qua kiếp khác với nhau.

### XXIII

Bâng-khuâng nhớ cảnh nhớ người,  
260 Nhớ nơi \* kỳ-ngộ vội dời chân đi.



Một vùng cỏ mọc xanh rì,  
262 Nước ngâm (1) trong-vắt, thấy gì nửa đâu!  
Giỏ chiều như gọi (2) cơn sầu,  
264 Vĩ-lau (3) hiu hắt như màu khơi-trêu (4).

---

XXIII. — Từ câu 259 đến câu 264, Kim-Trọng đến chỗ gặp nhau hôm trước tìm nàng Kiều, chưa gặp Kiều mà chỉ thấy những phong cảnh tiêu-diêu.

- (1) « Nước ngâm » là nước đứng lặng một chỗ.  
(2) « Gọi » là kêu chọc ra, hay là đưa đến.  
(3) « Vĩ-lau » là cây lau, tức là « vĩ-lô » dịch ra.  
(4) « khơi-trêu » là làm trêu người để khơi thêm lòng sầu.

#### XXIV

Nổi riêng nhớ ít tưởng nhiều, (1)  
266 Xăm xăm đề nỏ \*Lam-Kiều lần sang. *khuyến*  
\*Thâm-nghiêm, kín cổng, cao tường,  
268 Cạn dòng lá thắm (2) dứt đường chim  
Lơ-thơ tơ liễu buông mảnh, [xanh. (3)  
270 Con oanh học nói trên cành mĩ-mai.  
Mấy lần cửa đóng then gài,  
272 Đầy thềm hoa rụng, biết người ở đâu!

---

XXIV. — Từ câu 265 đến câu 272, chàng Kim-Trọng theo lối cũ đi tìm nhà nàng Kiều, thấy nhà cửa thâm nghiêm và cảnh vật trêu người.

(1) Nhớ việc lúc gặp nhau thời ít mà tưởng cái tình yêu nhau thời nhiều.

(2) « Lá thắm » là lá thắm có đề bài thơ làm mối để kết duyên với nhau (xem chữ hồng-diệp). Đây nói dòng nước cạn, lá thắm khô trôi vào là không thông mối vào được.



(3) « Chim xanh » là « thanh điều », lấy chữ trong truyện bà Tây-vương-Mẫu, mà dịch ra. Đông-phương-Sóc thấy hai con chim xanh bay đến, mới tâu với vua Hán-vô-Đế biết hai con chim là Tây-vương-Mẫu sai đem tin đến. Đây nói « dứt dưng chim xanh » là không tin tức gì được.

## XXV

Tần-ngân đứng suốt giờ lâu,  
274 Đạo quanh chột thấy mái sau có nhà ;  
Là nhà \* *Ngô-Việt* \* *thương-gia*,  
276 Buồng không đề đỏ, người xa chưa về.  
Lấy (1) điều \* *du-học* hỏi thuê,  
278 Tủ đàn, cặp sách, \* *đề-huê* dọn sang.  
Cỏ cây, cỏ đá sẵn sàng,  
280 Có hiên \* *Lãm-thủy* nét vàng chưa phai.  
Mừng thăm chốn ấy chữ bài :  
282 « Ba sanh (2) âu hân duyên trời chi đây ! »  
Song hồ (4) nửa khép cánh mây, (5) [(3)  
284 Tường đông (6) ghé mắt ngày ngày hằng  
|trông.  
Tắc gang (7) \* *động-tỏa* \* *nguyên-phong*,  
286 Tit-mù nào thấy bóng hồng vào ra.

---

XXV. — Từ câu 273 đến câu 286, chàng Kim thấy sau vườn Viên-ngoại có nhà đề không, thuê mà dọn đồ đến ở, nhận ở đó có hiên Lãm-thủy, nên sinh ra thương ngày trông mong được gặp Thủy-Kiều, nhưng vẫn trông mà chưa gặp.

(1) « Lấy » là mượn lấy điều này mà để làm việc khác.

(2) Xem chung chú-thích câu 257.

(3) Kim-Trọng thấy trên hiên có đề hai chữ « Lãm-thủy » thời mừng mà nghĩ trong bụng : Mình đương mong mỏi thấy Thủy-Kiều, mà đây hai chữ « Lãm-thủy » nghĩa lượn Thủy, e điềm trời xui cho đó chàng ! »

(4) « Song hồ » là cửa sổ dán giấy hồ.



- (5) « Cánh mây » là cánh cửa kín như mây phủ.  
(6) « Tường đồng » là tường nhà Viên-ngoại.  
(7) « Tắc gang » là gán gủi như một gang một tắc. Đây nói chỗ gán gủi mà bị khóa chặt phong kín không cho trông thấy.

## XXVI

Những từ quán khách lân-la,  
288 Tuần trăng thăm-thoắt. (1) nay đã thêm  
Cánh tường phải buổi êm trời, [hai.  
290 Dưới đào đường có bóng người thướt-tha.  
Buồng cầm, xóc áo vội ra,  
292 Hương còn thơm-nức, người đã vắng-tanh.  
Lần theo tường gấm (2) dạo quanh,  
294 Trên đào lác (3) thấy một cảnh kim-thoa.  
Giờ tay cắt lấy về nhà :  
296 « Này trong \* *khuê-các* đâu mà đến đây ?  
« Gấm ầu (4) người ấy bâu này,  
298 « Chẳng duyên chưa để về tay ai cầm ! »  
Liền tay ngắm-nghĩa, biếng nằm, (5)  
300 Hầy còn thoang-thoảng hương trầm (6)  
[chưa phai.

---

XXVI. — Từ câu 287 đến câu 300, nàng Kiều ra chơi sau vườn, trở vào bỏ quên kim thoa trên cảnh cây đào ; chàng Kim ra tìm không thấy người mà lại bắt được kim-thoa, đem về ngắm nghĩa nghĩ ngợi cả đêm.

(1) « Thăm-thoắt » là không mấy lâu. Đây nói chưa bao lâu mà trăng đã tròn hai lần rồi ; đã được hai tháng.

(2) « Tường gấm » là bức tường đẹp như sắc gấm.

(3) « Lác thấy » là liếc thấy.

(4) « Gấm ầu » là nghĩ có lẽ là. Đây nói người quý thể ấy, của quý thể này, nghĩ có lẽ là nếu mình không có duyên thời để đâu cầm được vật này vào tay !

(5) « Biếng nằm » là không thể nằm ngủ. Đây nói cứ cầm chiếc thoa luôn trong tay ngắm-nghĩa cả đêm mà không ngủ.

(6) « Hương trầm » là tên một thứ hương thơm nhất trong các thứ hương. Đây nói chiếc thoa còn có mùi thơm tay nàng Kiều.



XXVII

Tan sương (1) đã thấy bóng người,  
302 Quanh tường ra ý tìm-tòi ngẩn-ngờ.  
Sinh đã có ý đợi chờ,  
304 Cách tường lên tiếng, xa đưa ướm lòng (2):  
«Thoa này bắt được \**hu-không*,  
306 «Biết đâu \**Hiệp-Phổ* mà mong châu về?» (3)  
Tiếng (4) Kiều nghe lọt bên kia:  
308 «Ơn người \**quân-tử* sả gì của rơi,  
«Chiếc thoa là của mấy mươi,  
310 «Mà lòng \**trọng-nghĩa-khinh-tài* xiết bao!»

---

XXVII. — Từ câu 301 đến câu 310, buổi sáng hôm sau nàng Kiều ra tìm kim-thoa; chàng Kim đứng đợi sẵn bên kia; cất tiếng tự xưng mình được kim-thoa mà chưa biết trả lại cho ai. Nàng Kiều nghe nói, mới tạ ơn chàng Kim có lòng khinh của trọng nghĩa.

(1) « Tan sương » là buổi vừa sáng, sương mới tan.

(2) « Ướm lòng » là thử dò tấm lòng người ta ra thế nào.

(3) Hai câu này ý nói: « khi không mà được của, chưa biết trả cho ai, cũng như biết chỗ Hợp-phố ở đâu mà mong đưa hạt châu về cho.

4) « Tiếng » là tiếng nói của chàng Kim. Đây nói nàng Kiều ở bên kia nghe tiếng chàng Kim mà trả lời lại.

XXVIII

Sinh rằng: « \* *lân-lý* ra vào,  
312 « Gần đây nào phải người nào xa-xôi!  
«Được rầy nhờ chút thom rơi, (1)  
314 « Kề đã thiếu-não (2) lòng người (3) bấy nay!  
«Mấy lâu mới được một ngày,  
316 Dừng chân gạn chút niềm tây (4) gọi-là. »



XXVIII. — Từ câu 311 đến câu 316, lời chàng Kim tự xưng với nàng Kiều là người -láng-diềng; mấy lần ao ước, nay được gặp nhau, xin cho ngỏ một đôi lời.

(1) « Thơm rơi » là mùi thơm rơi rớt một đôi chút. Đây nói được hôm nay gặp nhau là nhờ chút mùi thơm kim-thoa đánh rơi hôm trước làm mối cho.

(2) « Thiếu nảo » là trong lòng thiếu-thốn phiền-nảo những ước-ao vốn-nức cho được như nguyện.

(3) « Lòng người » là lòng của Kim-Trọng tự nói lấy.

(4) « Niềm tây » là lòng riêng, ý riêng của mình.

## XXIX

Vội về thêm lấy của nhà,  
318 Xuyên vàng (1) đôi chiếc, khăn là (2) một  
[vuông  
Thang mây đón bước ngọn tường, (3)  
320 Phải người hôm nọ rõ ràng chẳng nhe (4)?  
Sượng-sùng giờ ý rụt-rè, (5)  
322 Kẻ (6) nhìn tận mặt, người (7) e cúi đầu.

XXIX. — Từ câu 317 đến câu 322, chàng Kim muốn đưa khăn, xuyên cho tình-nhân, trèo tường để xem có phải người gặp hôm kia hay không.

(1) « Xuyên vàng » là xuyên đeo tay bằng vàng.

(2) « Khăn là » là khăn lụa mỏng.

(3) « Thang mây » là thang dài bắc để lên trên ngọn tường cao như lên mây xanh, lấy hai chữ « vân thê » trong sách Tả-truyện mà dịch ra.

(4) « Chẳng nhe » là có phải thế không.

(5) « Sượng sùng » là hồ thẹn, « rụt rè » là sợ khiếp. Đây nói dáng nàng Kiều lúc mới thấy chàng Kim.

(6) « Kẻ » là chỉ chàng Kim.

(7) « Người » là chỉ nàng Kiều.



XXX

- Rằng ; « từ \*ngẫu-nhĩ gặp nhau,  
324 « Thăm trông trộm nhớ mấy lâu đã chồn  
« Xương mai tính đã đủ mòn, (2) [(1).  
326 « Lăn lữa, ai biết hầy còn hôm nay ! (3)  
« Nằm tròn như cuội cung mây, (4)  
328 « Trăn-trăn một phận ấp cây đã liễu. (5)  
« Tiện đây xin một hai điều,  
330 « Đài gương (6) soi đến dấu-bèo cho chăng?

XXX. — Từ câu 323 đến câu 330, lời Kim-Trọng nói từ tiết Thanh-minh gặp nhau đến bấy giờ, lòng chàng sinh ra tưởng nhớ, nên thân chàng sinh ra ốm yếu, trộm hỏi nàng Kiều có thương đến chàng.

- (1) « Chồn » là chồn mồi.  
(2) « Xương mai » là xương vóc gầy mòn như cây mai, lấy hai chữ « mai cốt » trong Đường-thi mà dịch ra. Đây nói vì lòng tưởng nhớ nên người sinh ra ốm yếu đã lâu.  
(3) « Lăn lữa » là hết ngày này qua ngày khác. Đây nói đã lâu mà ai ngờ hôm nay lại được gặp nhau.  
(4) « Cuội » là thằng Cuội ở trong cung trăng, lấy tích chàng Ngô-Cương hóa làm cuội đốn cây quế trong sách Dậu-dương-tạp-trở.  
(5) « Ấp cây » là nằm đeo-queo ở dưới gốc cây, lấy tích Cuội đốn quế mà đốn chừng nào thời rút búa ra da quế díp miệng lại chừng nấy, nên cứ nằm luôn ở dưới gốc cây. Đây Kim-Trọng nói bấy lâu chàng vẫn nằm luôn ở bên nhà thuê để mong gặp được nàng Kiều, cũng vì như Cuội cứ nằm khoanh tròn mà trăn trăn một phận ấp cây để mong có ngày ngã cây quế.  
(6) « Đài-gương » là giá to để gương, có đủ sơn phấn làm đồ trang-thức, lấy hai chữ « cảnh-dài » trong bài phú ông Dũ-Tín mà dịch ra.  
(7) « Dấu bèo » là dấu chân cây bèo ở dưới nước, lấy hai chữ « bình tung » ở trong bài thơ ông Vương-Xưng mà dịch ra. Đây chàng Kim tự nói khiêm mình là người du-học cũng như cây bèo bị gió đánh mà trôi nổi ở giữa bể đông, mà cô Kiều thời là người trong sáng ví như một tấm gương to, họa may soi thấu đến chăng.



XXXI

Ngân-ngơ nàng mới thưa rằng :

- 332 « Thối nhà \* *băng-tuyết*, chất hằng \* *phĩ*;  
« Dầu khi lá thắm (1) chỉ hồng, (2) [*phong*;  
334 « Nên chăng thì cũng tại lòng mẹ cha.  
« Nặng lòng xót liễu vì hoa, (3)  
336 « Trẻ thơ đã biết đâu, mà dám thưa. »

XXXI. — Từ câu 331 đến câu 336, nàng Kiều chưa chịu nhận lời, tự nói khiêm nhà mình là thanh-bạch, thân mình là làm-thường, việc trăm năm phải tùy lòng cha mẹ; dầu chàng Kim hỏi đến mà nàng cũng chưa dám thưa thế nào.

(1) « Lá thắm » là lá đỏ có đề bài thơ đề làm mối kết duyên cùng nhau, xem chữ « hồng-diệp ».

(2) « Chỉ hồng » là sợi chỉ đỏ của ông Tơ buộc chân những kẻ phải lấy nhau. Xem chữ « xích thăng ».

(3) Cây liễu xanh non thường dùng để ví thân người con gái thơ yếu, sắc hoa tươi-đẹp thường dùng để ví sắc người con gái già. Đây nói « xót liễu vì hoa » là nói chàng Kim đã hết lòng thương đến thân nàng Kiều non đẹp như liễu như hoa.

XXXII

Sanh rằng : « Rày gió mai mưa, (1)

- 338 « Ngày xuân đã dễ tình cờ mấy khi ?  
« Dầu chẳng xét tấm \* *tình-si*,  
340 « Thiệt đây (2) mà có ích gì đến ai ?  
« Chút chi (3) gán bó một hai,  
342 « Cho đành, rồi sẽ liệu bài mỗi-manh. (4)  
« Khuôn-thiên (5) dầu phụ tắc thành,  
344 « Cũng liều bỏ quá xuân xanh một đời.  
« Lượng xuân (6) dầu quyết hẹp hòi,  
346 « Công đeo-đuôi, chẳng thiệt-thời lắm ru ! »



XXXII. — Từ câu 337 đến câu 346, lời Kim-Trọng nói người ta gặp nhau một lần cũng khó, hãy xin nàng Kiều định ước rồi sẽ kiếm người đến làm mối; nếu nàng không thương đến chàng, thì chàng cũng không kể cái thân chàng làm chi nữa.

(1) « Rày gió mai mưa » là nói hôm nay thời gió mà hôm sau lại mưa, không phải hôm nào cũng như hôm nào. Đây nói nay bị việc này, mai mắc việc khác, để đâu có cơ-hội tốt mà gặp nhau được luôn.

(2) « Thiệt đây » là Kim-Trọng tự nói làm thiệt hại cho mình.

(3) « Chút chi » là một chút nhỏ mọn. Đây ý Kim-Trọng muốn đưa khăn, xuyên cho nàng Kiều để ngỏ chút vi-tình mà giữ lòng gắn bó với nhau.

(4) « Mối-manh » là người đi làm mối.

(5) « Khuôn thiêng » là khuôn đúc thiêng liêng, là trời, do những chữ « linh diệu » (ngôi thiêng) « Đào chú » (khuôn đúc) mà dịch ra.

(6) « Lượng xuân » là nói tấm lòng ví như mùa xuân nuôi dưỡng muôn vật, có ý bao-dung người ta.

### XXXIII

Lặng nghe lời nói như ru,  
348 Chiều xuân (1) dễ khiến nét thu (2) ngại  
[ngùng ;

Rằng : « Trong buổi mới lạ lừng,  
350 « Nề lòng, có lẽ cảm lòng cho đang.

« Đá lòng \*quân-tử \*đá-mang,  
352 « Một lời vâng tạc đá vàng \*thủy-chung ».

Được lời như cội tấm lòng,  
354 Giở \*kim-thoa với khăn hồng, trao tay.

Rằng : « Trăm năm cũng từ đây,  
356 « Của tin, gọi một chút này làm ghi. »

Sấn tay bả quạt (3) \*bổ-qui,  
358 Với cảnh thoa ầy \*tức-thì đòi trao (4).



XXXIII. — Từ câu 347 đến câu 358, nàng Kiều nhận lời; chàng Kim đưa kim-thoa với khăn hồng để làm của tin, nàng Kiều đưa bả-quạt để đáp lại; hai bên kết ước với nhau.

(1) « Chiều xuân » là tình-tử hoai-xuân, lấy hai chữ « xuân tình » trong bài thơ ông Thừa-Tân mà dịch ra

(2) « Nét thu » là con mắt; xem chữ « thu ba »

(3) « Bả-quạt » là cái quạt, chiếc quạt; xem chữ « hồ-qui ».

(4) « Đổi trao » là hai bên trao đổi cho nhau. Đây nói chàng Kim đưa khăn hồng với kim-thoa cho nàng Kiều, thời Kiều lại tặng chiếc quạt cho Kim.

#### XXXIV

Lời đương gán vò *tắt-giao*,  
360 Mái sau (1) dường có xôn-xao tiếng người.  
Vội-vàng lá rụng hoa rơi, (2)  
362 Chàng về *thơ-viện*, thiếp dòi lầu trang. (3)  
Từ phen đã biết tuổi vàng, (4)  
364 Tình càng thăm-thía dạ càng ngàn-ngơ.  
Sông Tương một giải nông-sờ, (5)  
366 Bên trông đầu nọ, bên chờ cuối kia. (6)  
Một tường tuyết trở sương che,  
368 Tin xuân (7) đau để đi về cho năng!

XXXIV. — Từ câu 359 đến câu 368, Kim-Trọng với nàng Kiều đương kết ước cùng nhau, nghe có tiếng người xôn-xao, phải giả nhau mà đi về nhà nấy. Từ ấy về sau, hai bên càng yêu nhau càng nhớ nhau.

(1) « Mái sau » là sau nhà Viên-Ngoại.

(2) « Lá rụng hoa rơi » là ý nói từ biệt nhau một cách lặt-dật cũng ví như đôi chim trống mái đều đậu trên cây mà đến khi mỗi con vụt bay mỗi ngã làm cho cây ấy lá phải rụng, hoa phải rơi.

(3) « Lầu trang » là chỗ người con gái ở, lấy hai chữ « trang lầu » trong bài thơ ông Lô-Sử mà dịch ra.



(4) Chàng Kim và nàng Kiều hai bên đã ý hợp tâm đầu với nhau cũng ví như đem đá thử vàng mà vàng mấy tuổi đã biết rồi.

(5) « Nông sờ » là cạn. Đây nói nếu d m nước sông Tương mà so với tình tương-tư, thì sông còn cạn mà lòng nhớ lại sâu hơn.

(6) Câu này lấy bài thơ của nàng Lương-ý tặng cho chàng Lý-sinh ngày xưa mà dịch ra. Đây nói chàng Kim với nàng Kiều, ai ở nhà này, đều có lòng tương-tư mà không được tương-kiến.

(7) « Tin xuân » là tin-tức mùa xuân là tin vui ; lấy hai chữ « xuân tin » trong bài thơ ông Lưu-khắc-Trang mà dịch ra. Đây nói hai bên vì cách trở mà không được thông tin với nhau, cũng ví như bức tường bị tuyết trở sương che mà tin xuân không đi về được.

XXXV

Lần lần ngày gió đêm trăng, (1)

370 Thừa hồng rậm lục đã chừng xuân qua. (2)

Ngày vừa \*sinh-nhật \*ngoại-gia,

372 Trên hai đường, (3) dưới nữa là hai em. (4)

Tưng-bưng sắm-sửa áo xiêm,

374 Biện dâng một lễ xa đem tặc thành. (5)

---

XXXV. — Từ câu 369 đến câu 374, vừa tiết hết xuân sang hạ, gặp ngày lễ sinh-nhật ở bên họ ngoại, cả nhà Viên-Ngoại đi mừng mà để nàng Kiều ở lại nhà.

(1) « Ngày gió đêm trăng » là ý nói ngày nào đêm nào, gặp khi gió mát trăng trong cũng thương nhau nhớ nhau, mà vẫn như thế mãi, ngày này qua ngày khác, lại đêm này qua đêm khác.

(2) « Thừa hồng rậm lục » là ý nói mùa xuân gần hết, hươu hồng đã bơi thừa đi mà lá xanh đã mọc rậm lăm ; lấy những chữ « lục âm hồng hy » trong bài cổ-văn mà dịch ra.

(3) « Hai đường » là hai thân: ông bà Viên-Ngoại.

(4) « Hai em » là Vương-Quan và Thúy-Vân, đều là em nàng Kiều.

(5) « Tặc thành » là chút lòng thành của con ở với cha mẹ, lấy hai chữ « thốn thành » mà dịch ra.



XXXVI

- Nhà lan (1) thanh-vắng một mình,  
376 Gầm cơ *hội-ngộ* đã đánh hôm nay ;  
    \**Thời-trần* thức thức sẵn bày,  
378 Gót sen (2) thoăn-thoắt dạo ngay mé tường.  
    Cách hoa, sẽ rặng tiếng vắng, (3)  
380 Dưới hoa, đã thấy có chàng đứng trông :  
    « Trách lòng hò-hững với lòng, (4)  
382 « Lửa hương (5) chốc đề lạnh-lùng bấy lâu !  
    « Những là đắp nhớ đôi sầu,  
384 « \**Tuyết-sương* nhuộm nửa mái đầu hoa  
    [râm ! » (6)  
    Nàng rằng : « Gió bắt mưa cầm, (7)  
386 « Đã cam tề với \**tri-âm* bấy-chầy !  
    « Vắng nhà được buổi hôm nay,  
388 « Lầy lòng, gọi chút sang đây tạ lòng. »

---

XXXVI. — Từ câu 375 đến câu 388, được  
ngay người nhà đi vắng, Kiều lên sang chơi nhà  
Kim ; Kim trách Kiều thương không qua chơi,  
Kiều lựa lời đáp lại.

(1) « Nhà lan » là nhà có mùi thơm hoa lan, lấy hai chữ « lan  
thất » trong sách *Trang-tử* mà dịch ra. Đây nói nhà ăn ở lương  
thiện như trong nhà có mùi hoa thơm.

(2) « Gót sen » là gót chân đàn bà, lấy hai chữ « liên bộ » trong  
truyện bà Phan-Phi mà dịch ra. Xem chàng chú thích chữ « sen  
vàng » trong câu 190.

(3) « Tiếng vắng » là tiếng quý báu. « Rặng tiếng vắng » cũng như  
nói « tầng hắng » : « sẽ » là đánh tiếng nhẹ nhẹ ở bên kia vườn  
để làm dấu cho Kim-Trọng biết.

(4) Kim-Trọng trách lòng nàng Kiều hò-hững với lòng chàng.

(5) « Lửa hương » là những đồ đồ nguyện-ước cùng nhau, xem  
chú thích chữ « hương hỏa ».



(6) « Hoa râm » trắng lốm đốm, nhuộm lấy tuyết sương mà trắng hết phần nửa. Đây nói tương-tư đến nổi dầu bạc ra.

(7) « Gió bắt mưa cầm » là nói ngày nào cũng bị việc luôn không qua chơi được, đối-chiếu với câu « rây gió mai mưa ».

### XXXVII

Lăn theo núi giả (1) đi vòng,  
390 Cuối tường dường có ngõ thông mời rào ;  
Sấn tay mở khóa động Đào, (3) [(2)  
392 Rẽ mây trông tỏ lối vào \**Thiên-thai*.  
Mặt nhìn mặt (4), càng thêm tươi,  
394 Bên lời (5) \**vạn-phúc*, bên lời \**hàn-huyên*.  
Sánh vai (6) về chốn \**thor-hiên*,  
396 Góp lời (7) \**phong-nguyệt*, nặng nguyên  
[non sông.

---

XXXVII. — Từ câu 389 đến câu 396, nàng Kiều kiếm đường đi sang nhà Kim-Trọng ; hai bên gặp nhau ngoài vườn, chúc mừng nhau, rồi đem nhau về *thor-hiên* để chuyện trò thề ước.

(1) « Núi giả » là hòn non-bộ đắp ra ở sau vườn làm cảnh.

(2) « Mời rào » là mời ngăn chận lại mà có lối qua lại được.

(3) « Động Đào » là động có cây đào, chỗ người tiên ở. Xem chú-thích chữ « Đào-nguyên ». Đây chỉ vườn nhà Viên-ngoại.

(4) « Mặt nhìn mặt » là nàng Kiều với chàng Kim nhìn mặt nhau.

(5) « Bên lời » là bên này lấy lời hỏi thăm và bên kia cũng lấy lời đáp lại.

(6) « Sánh vai » là đi ngang nhau.

(7) « Góp lời » là chung lời nói bàn về một việc gì.

### XXXVIII

Trên yên, \**bút-giả*, \**thi-dòng*,  
398 \**Đạm-thanh* một bức tranh tùng treo lên:(1)  
« \**Phong-sương* được vẽ \**thiên-nhiên*.  
400 « Mặn-mà nét bút càng nhìn càng tươi. » (2)



- Sinh rằng : « \*Phác-họa vừa rồi,  
402 « \*Phẩm-đề, xin một vài lời thêm hoa. (3) »  
Tay tiên gió táp mưa sa, (4)  
404 Khoảng trên dừng bút thảo và bốn câu. (5)  
Khen : « Tài nhả ngọc phun châu, (6)  
406 « Nàng Ban, ả Tạ. (7) cũng đâu thế này !  
« Kiếp tu xưa ví chẳng dầy,  
408 « Phúc nào độ được giả này cho ngang! » (8)
- 

XXXVIII. — Từ câu 397 đến câu 408, nàng Kiều trông thấy bức tranh vẽ cây tùng, khen nét vẽ của chàng Kim. Chàng xin nàng đề thơ. Chàng xem thơ khen tài-hoa của nàng và tự mừng có phúc được gặp nàng.

- (1) « Tranh tùng » là bức tranh vẽ cây tùng.  
(2) Hai câu này là của nàng Kiều khen nét vẽ của chàng Kim.  
(3) « Thêm hoa » là nói làm đẹp thêm.  
(4) « Gió táp mưa sa » là tả cách làm thơ mau ; đây nói tay nàng Kiều thảo bài thơ như gió táp mưa sa.  
(5) Khoảng trên bức tranh đề một bài thơ tám câu.  
(6) « Nhả ngọc phun châu » là lời của Kim-Trọng khen thơ nàng Kiều quý như châu ngọc.  
(7) Nàng Ban-tiếp-Dư đời Hán làm bài thơ vịnh cái quạt ; nàng Tạ-đạo-Uân đời Tấn làm bài thơ vịnh bông liễu, đều là người có tiếng hay thơ. Đây nói nàng Ban, ả-Tạ cũng không hơn gì nàng Kiều.  
(8) Hai câu này ý chàng Kim nói nếu kiếp trước chàng không tu-nhân tích-đức cho dày dạn, thì kiếp này phúc đâu mà được độ sánh với một người danh-giá như vậy.

### XXXIX

- Nàng rằng : « Trộm liếc \*dung-quang.  
410 « Chẳng sân \*ngọc-bội, cũng phường \*kim-môn!  
« Nghĩ mình phận mỏng cánh chuồn, (1)  
412 « Khuôn-xanh (2) biết có vuông tròn mà hay?



- « Nhớ từ năm hăy thơ-ngây,  
414 « Có thầy \**trông-sĩ* đoán ngay một lời :  
« — \**Anh-hoa* \**phát-tiết* ra ngoài,  
416 « Nghìn thu \**bạc-mạnh* một đời \**tài-hoa*.  
« — Trông người (3) lại găm đến ta,  
418 « Một dày một mỏng, biết là có nên ? » (4)

---

XXXIX. — Từ câu 409 đến câu 418, lời nàng Kiều khen *trông* chàng Kim *phủ* qui phong lưu ; nghĩ phận nàng đơn bạc và nhắc lời *trông-sĩ* để làm chứng, lại e hai bên ngày sau khó nổi vậy duyên Tấn Tần.

(1) « Phận mỏng cánh chuồn » là ví phận người con gái mỏng như cánh con chuồn.

(2) « Khuôn xanh » là nói ông trời, lấy những chữ « thương thương » (xanh xanh) và « đào chú » (khuôn đúc) mà dịch ra.

(3) « Trông người » là trông chàng Kim.

(4) Lời nàng Kiều nói chàng Kim là phúc lộc dày dặn, còn nàng thời duyên phận mỏng-mạnh, chẳng biết ngày sau có thành vợ không được không.

## XL

- Sanh rằng : « \**Giải-cầu* là duyên,  
420 « Xưa nay \**nhân-định-thắng-thiên* cũng  
« Ví dù \**giải-kiết* đến điều, [nhiều.  
422 « Thi đem vàng đá mà liều với thân. » (1)

---

XL. — Từ câu 419 đến câu 422, lời chàng Kim nói người ta có thể vượt khỏi số trời ; nếu trời không cho, thời người cũng quyết một lòng với nhau.

(1) Hai câu này ý nói nếu rủi ro sinh ra sự gì, thời lời thề cũng vẫn tạc đá ghi vàng cho trọn một đời.



XLI

Đủ điều *trung-khúc \*ân-cần.*

424 Lòng xuân phơi-phởi, chén xuân tàng-tàng.

Ngày vui ngắn chẳng đầy gang, (2) [(1)

426 Trông ra ác (3) đã ngậm gương non đoài. (4)

Vắng nhà chẳng tiện ngồi dai, (5)

428 Giả chàng, nằng mới kịp dời song sa. (6)

---

XLI. — Từ câu 423 đến câu 428, chàng Kim và nàng Kiều tình-tự cùng nhau, từ sáng đến tối, nằng mới từ chàng trở về để xem-sóc trong nhà.

(1) Câu này ý nói được trò chuyện cùng nhau cạn lời thời sinh ra tấm lòng vui-vẻ, chút tình say-mê.

(2) « Ngắn chẳng đầy gang » là đo chẳng được một gang. Đây nói khi vui-vẻ những muốn cho ngày thêm dài mà mắng chời nên chẳng biết trời tối đi lúc nào, lại trông ra ngày ngắn quá.

(3) « Ác » là mặt trời. Xem chú thích câu 79.

(4) « Đoài » là phương Tây. Đây nói mặt trời đã lặn xuống núi phương Tây.

(5) « Ngồi dai » là ngồi lâu.

(6) « Song sa » là cửa sổ có treo màn bằng the.

XLII

Đến nhà vừa thấy tin nhà,

430 Hai thân còn dở tiệc hoa (1) chưa về.

Cửa ngoài vội rủ rèm the,

432 Xăm-xăm băng lối vườn khuya một mình.

Nhật thừa, gương dọi đầu canh, (3) [(2)

434 Ngọn đèn trông suốt, trường huỳnh (4) hắt-

Sinh vừa tựa án thiu-thiu, (5) [hiu.

436 Giở chiều như tỉnh, giở chiều như mê.

Tiếng sen (6) sẽ động giấc hòe, (7)

384 Bóng trăng đã xế hoa lê lại gần. (8)



- Bàng-khuàng đỉnh Giáp non Thần, (9)  
440 Còn ngờ giấc mộng đêm xuân mơ-màng. (10)  
Nàng rằng : « Khoảng vắng đêm trường,  
442 « Vì hoa nên phải đánh đường tìm hoa. (11)  
« Bấy giờ tỏ mặt đôi ta,  
444 « Biết đâu rồi nữa chẳng là chiêm bao ? » (12)
- 

XLII. — Từ câu 429 đến câu 444, nàng Kiều về thăm tin nhà rồi lại trở sang nhà Kim-Trọng. Vừa lúc chàng Kim ngủ thiêu đi, nàng sang đánh thức chàng dậy mà chàng vẫn chưa biết, nàng mới nói rõ cho chàng biết là nàng qua thăm chàng.

(1) « Tiệc hoa » là bữa tiệc trọng-thề, lấy hai chữ « hoa diên » trong bài văn ông Lý-Bạch mà dịch ra. Đây nói ông bà Viên-Ngoại còn vui tiệc ở bên ngoài.

(2) Hai câu này ý nói vội-vàng đóng cửa lại, đi bằng qua nhà Kim-Trọng, lúc đêm khuya.

(3) « Gương » là mặt trăng. Đây nói trăng dọi trên cành cây, vì có cành quang cành rậm, nên sinh ra chỗ thừa chỗ dầy.

(4) « Huýnh » là con đốm-đốm ; « trướng huýnh » là chỉ phòng học, lấy tích ông Trác-Dẫn bắt đốm-đốm làm đèn mà đọc sách ban đêm.

(5) « Thiêu-thiu » là mới nhấp mắt ngủ ; xem chú thích câu 186.

(6) « Tiếng sen » là tiếng chân bước ; xem chú thích chữ « sen vàng » câu 190.

(7) « Giấc hòe » là « hòe mộng » ; lấy tích ông Thuần-vu-Phân nằm ngủ dưới gốc cây hòe mà thấy chiêm bao vua gả cho một bà Công-chúa, trong sách Nam-kha-ký. Đây nói Kim-Trọng đương ngủ mơ-màng mà nghe bước chân Thúy-Kiều thò thừ dậy.

(8) « Hoa lê » vì mặt nàng Kiều. Đây nói trăng đã xế, nàng Kiều lại gần nơi Kim-Trọng.

(9) « Đỉnh Giáp » là đỉnh núi Vu-Giáp, là chỗ ở của nàng Thần-nữ ứng mộng cho vua Sở Tương-vương. « Non Thần » là Cù-lao ở Thần-Châu, là chỗ tiên ở. Đây nói Kim-Trọng mới ngủ dậy còn ngơ-ngác, hồn vía như đương vơ-vẩn về chỗ Thần Tiên.

(10) Khi chàng Kim thức dậy đương mơ-màng, đầu thấy nàng Kiều ở một bên mà còn tưởng là người trong giấc mộng.



(11) « Vi hoa » là vi chàng Kim.

(12) ý nàng Kiều nói chẳng biết ngày sau việc trăm năm của hai người có thành ra việc thật hay không. Câu này thành ra cái điểm nàng Kiều với chàng Kim ly-biệt nhau.

### XLIII

Vội mừng làm lễ rước vào,  
446 Đai sen (1) nổi sấp, song đào (2) thêm hương.  
Tiên thề (3) cùng thảo một chương,  
448 Tóc mây một món, dao vàng chia đôi ; (4)  
Vầng trăng vàng-vặc giữa trời,  
450 *Đinh-ninh* hai miệng, một lời song-song.  
Tóc tơ (6) căn-vặn tắc lòng, [ (5)  
452 Trăm năm tạc một chữ đồng (7) đến xương.  
Chén hà (8) sánh giọng *\*quỳnh-tương*,  
454 Dải là hương lộn (9), bình gương bóng  
[lòng. (10)

---

XLIII. — Từ câu 445 đến câu 454, Kim-Trọng mời nàng Kiều vào nhà, hai bên thề ước cùng nhau.

(1) « Đai sen » là cái chân đèn chạm hình búp sen.

(2) « Song đào » là cửa sổ có trồng cây đào một bên.

(3) « Tiên thề » là tờ giấy thề ước với nhau.

(4) Lấy con dao vàng cắt món tóc ra làm hai nửa giao đổi cho nhau.

(5) Hai người đối mặt kết ước với nhau một lời.

(6) « Tóc tơ » là cội tóc chân tơ, nói hết từng tí không sót cái gì.

(7) « Chữ đồng » là chữ « đồng-tâm ».

(8) « Chén hà » là chén rượu bằng ngọc màu đỏ như sắc ráng trên trời.

(9) « Dải là hương lộn » là nói khi hai bên ngồi gần nhau, dải lưng bằng là bay lẫn mùi hương bên này qua bên kia.

(10) « Bình gương » là cái bình-phong đóng tấm gương dựng. « Bình gương bóng lòng » là nói khi hai người ngồi kề nhau thời bóng hai người đều chiếu vào trong gương.



XLIV

- Sinh rằng : « Gió mát trăng trong,  
456 « Bấy lâu nay, một chút lòng chưa cam. (1)  
« Chảy sương chưa nện cầu Lam, (2)  
458 « Sợ làn-dân quá ra sòm-sở chẳng. » (3)  
Nàng rằng : « \*Hồng-diệp \*xích-thắng,  
460 « Một lời cũng đã tiếng rằng \*tương-tri.  
« Đứng điều nguyệt nọ hoa kia.  
462 « Ngoài ra ai lại tiếc gì với ai. » (4)  
Rằng : « Nghe nổi tiếng \*cầm-dài,  
464 « Nước non luống những lắng tai \*Chung-  
Thưa rằng : « \*Tiện-kỹ sả chi ! [kỳ.] » (5)  
466 « Đã lòng (6) dạy đến, dạy thì xin vâng. »

---

XLIV. — Từ câu 455 đến câu 466, Kim-Trọng ý muốn nghe đờn, nhưng chưa dám nói rõ, mới lựa lời vờm thử nàng Kiều. Nàng Kiều đáp lại ý nói trừ việc hoa-nguyệt ra, thời chàng muốn gì cũng được cả. Chàng mới nói rõ là muốn nghe đờn ; nàng vâng lời.

(1) Trong mấy câu này, Kim-Trọng muốn bảo nàng Kiều đánh đờn cho mà nghe ; nhưng nghĩ rằng trong các nghề chơi, nghề đánh đờn là chỉ lúc gặp thiết kẻ tri-âm thời mới chơi. Bấy giờ hai bên chưa thiết là vợ chồng, e nàng chưa chịu đánh đờn cho chàng nghe, cho nên chàng mới nói ầm-ung làm vậy. Xin độc-giả nhậ lại đoạn này cho kỹ ; kẻ có nhiều người hiểu lầm rằng đó là chàng muốn điều hoa-nguyệt gì với nàng, như thế thời oan cho chàng lắm.

(2) « Chảy » là chảy ngọc, « sương » là tể thuốc huyền-sương, « cầu Lam » là chỗ chàng Bùi-Hàng với nàng Vân-Anh gặp nhau « chưa nện » là chưa dùng chảy ngọc đã thuốc huyền-sương, ý nói chưa thiết kết duyên làm vợ chồng. Xem sự tích đã chú thích ở chữ « Lam-kiều ».

(3) Câu này nói sợ ép nài lắm thành ra sòm-sở khó coi.

(4) Hai câu này ý nàng Kiều nói trừ việc hoa-nguyệt ra, chàng bảo làm việc gì thời nàng cũng không tiếc gì công-lao.



(5) « Nước » là lưu-thủy, « non » là cao-sơn, đều nói về khúc đờn. Hai câu này Kim-Trọng mới nói rõ là nghe nàng Kiều có tiếng đàn hay, mấy lâu nay chỉ ao-ước mà chưa được nghe.

(6) « Đã lòng » là đã có lòng. Đây ý nàng Kiều nói chàng đã có lòng dạy đến chút nghề mọn của tôi, thời tôi thế phải vâng lời.

### XLV

Hiên sau treo sẵn cầm trăng, (1)

468 Vội-vàng, sinh đã tay nâng ngang mây. (2)

Nàng rằng : « Nghề mọn riêng tay,

470 « Làm chi cho bận lòng này làm thân ! » (3)

So dần dây vũ dây văn, (4)

472 Bốn dây to nhỏ theo vần \**Cung, Thương.*

Khúc đầu \**Hán-Sở-chiến-trường,*

474 Nghe ra tiếng sắt tiếng vàng (5) chen nhau.

Khúc đầu \**Tư-mã-phượng-cầu,*

476 Nghe ra như oản như sầu (6) phải chẳng.

\**Kê-khang* này khúc \**Quảng-lãng,*

478 Một rằng \**Lưu-thủy*, hai rằng \**Hành-vân.*

\**Quả-quan* này khúc \**Chiêu-quân*, [(7)

480 Nửa phần \**luyện-chùa*, nửa phần \**tư-gia*

Trong như tiếng hạc bay qua, [(8)

482 Đục như nước suối mới sa giữa vôi. (9)

Tiếng khoan như gió thoảng ngoài,

484 Tiếng mau sầm-sập như trời đổ mưa. (10)

---

XLV. — Từ câu 467 đến câu 484, Kim-Trọng đưa đờn cho nàng Kiều; nàng Kiều đánh đờn. Trước hết kể bốn khúc đờn là những khúc gì, sau lại tả bốn tiếng đờn là tiếng thế nào.

(1) « Cầm trăng » là cái đờn nguyệt, bởi chữ « nguyệt cầm » mà dịch ra.

(2) « Ngang mây » là nói nâng cây đờn lên cao mà đưa cho nàng Kiều.



- (3) « Lắm thân » là lắm thay, lắm ru.  
(4) « Dây vũ » là dây to, thường gọi là dây dài, « Dây văn » là dây nhỏ, thường gọi là dây tiểu.  
(5) « Tiếng sắt tiếng vàng » là tiếng ngựa sắt, tiếng gươm vàng. Đây nói khúc đờn nghe ra hùng-dũng như ở giữa trận Hán Sở xung đột cùng nhau.  
(6) « Như oán như sầu » là khúc đờn nghe ra buồn rầu thương nhớ, như lúc Tư-mã-Tường-như đờn với Trác-văn-Quân.  
(7) « Hai câu này ý nói khúc đờn nghe ra thanh-tảo hoạt-bát như lúc Kê-khang đờn khúc Quảng-lãng.  
(8) Hai câu này ý nói khúc đờn nghe ra mền nước nhớ nhà như lúc nàng Chiêu-Quân qua cửa ải.  
(9) Hai câu này ý nói tiếng đờn trong thiết là trong như chim hạc bay qua kêu một tiếng mà không lẫn với tiếng gì ; mà đục vẫn là đục như nước suối mới sa nữa với nghe tiếng chảy vầu-vầu.  
(10) Hai câu này ý nói tiếng đờn khoan một cách thanh-nhẹ như gió thoảng ngoài, mà mau một cách sầm-sập như mưa đổ xuống. Đây là nói tiếng đờn tuyệt-diệu.

## XLVI

- Ngọn đèn khi tỏ khi mờ,  
486 Khiến người (1) ngồi đó mà ngo-ngần sầu.  
    Khi tựa gối, lúc cúi đầu,  
488 Khi vò chín khúc, khi châu đôi mày. (2)  
    Rằng (3) : « Hay thi thật là hay,  
490 « Nghe ra ngậm đắng nuốt cay thế nào !  
    « Lựa chi những khúc *tiểu-tao*,  
492 « Thiệt lòng mình, cũng nao-nao lòng người. »  
    Rằng : (4) « quen mắt nét đi rồi,  
494 « Tẻ (5) vui thôi cũng tỉnh trời biết sao !  
    « Lời vàng vâng lĩnh ý cao,  
496 « Họa dần-dần bớt chút nào được không. »

---

XLVI. — Từ câu 485 đến câu 496, tiếng đờn nàng Kiều làm cho chàng Kim cảm-động. Chàng



*khen điệu đòn hay mà hiềm vì sầu-não, nàng đáp lại cho là thói quen, mà xin chừa bớt dần-dần.*

(1) « Khiến người » là khiến cho chàng Kim sinh sầu.

(2) Hai câu này ý nói chàng Kim nghe đòn sinh ra ngo-ngẩn, khi thời kê vào gối dựa, khi thời cúi gục đầu xuống, khi thời trong lòng rối như chín khúc tơ vò, khi thời ngó mặt buồn mà đôi mày chau lại.

(3) Từ câu này trở xuống là bốn câu ý chàng Kim nói khúc đòn hay mà tiếng sầu thảm, thời trong lòng nàng Kiều đa tự bị thiệt hại mà người ta nghe đòn cũng sinh buồn bực theo.

(4) Từ câu này trở xuống là bốn câu ý nàng Kiều nói khúc đòn lẽ-buồn hay vui-vẻ cũng bởi tình trời sinh ra, bấy lâu đã quen nết như vậy. Nay nghe chàng nói thì xin chừa bớt dần-dần đi.

(5) « Tẽ » nghĩa là hơi buồn, không được tươi.

XLVII

- Hoa hương càng tỏ thức hồng,  
498 Đầu mày cuối mặt càng nồng tấm yêu.  
Sóng tình dường đã xiêu-xiêu, (1)  
500 Xem trong âu-yếm có chiều lã-lơi. (2)  
Thưa rằng: (3) « Đừng lấy làm chơi,  
502 « Rể cho thưa hết một lời đã nao !  
« Vẽ chi (4) một đoá \*yêu-đào.  
504 « Vườn hồng chỉ dám ngăn rào chim xanh  
« Đã cho vào bậc \*bổ-kính, (5)  
506 « Đạo \*tùng-phu lấy chữ trinh làm đầu.  
« Ra tường trên Bộc trong dâu, (6)  
508 « Thì con người ấy ai cầu làm chi.  
« Phải điều ăn xối ở thi, (7)  
510 « Tiết trăm năm nỡ bỏ đi một ngày !  
« Găm duyên \*kỳ-ngộ xưa nay,  
512 « Lừa đôi ai lại đẹp tày \*Thôi, Trương?  
« Mây mưa đánh đổ đá vàng, (8)  
514 « Quá chiều nên đã chán-chường \*yến-oanh;



« Trong khi chấp cánh liền cánh, (9)  
516 « Mà lòng rê-rúng đã dành một bên !  
« Mãi tây (10) đề lạnh hương-nguyên,  
518 « Cho duyên đắm-thắm, ra duyên bề-bàng !  
« Gieo thoi trước chẳng giữ-giàng, [(11)  
520 « Đề sau nên thẹn cùng chàng bởi ai ? (12)  
« Vội chi liễu ép hoa nài ?  
522 « Còn thân ắt cũng đền-bồi có khi ! »  
Thấy lời *đoan-chính* dễ nghe,  
524 Chàng càng thêm nể thêm ví mười phần.

---

XLVII. — Từ câu 497 đến câu 524, lửa ở gần  
rom, Kim-Trọng động lòng tư-dục, Nàng Kiều  
lựa lời phân giải : trước hết trọng điều trinh-chính  
mà ghét thói dâm-bôn ; sau lại dẫn chuyện Thôi  
oanh-oanh lỡ duyên với Trương-quân-Thụy và  
chuyện người con gái cự lại Tạ-Côn để làm chứng  
mà xin chàng hãy đừng nài ép làm chi. Chàng  
nghe lời thêm lòng kính trọng.

(1) Đây nói sắc đẹp không phải sóng gió mà dễ đắm người,  
chàng Kim càng nhìn nàng Kiều lại càng say mê mà tình-dục như bị  
sóng đánh xiêu bạt vào.

(2) Đây nói xem trong lúc hai bên âu-yếm cùng nhau, thoi chàng  
Kim có làm ra cách lả-lơi.

(3) Từ câu này trở xuống cả thấy 22 câu là lời nàng Kiều cùng  
chàng Kim phân lẽ phải chẳng, dẫn chuyện đời xưa mà xin chàng  
hãy cứ thanh-thả đời ngày thành-hôn.

(4) « Vẽ chi » là không có vẽ vang chi, không quý báu gì, không  
ra gì.

(5) « Chim xanh » xem chú thích câu 268. Đây nói thân thơ yếu  
này không dám ngăn cấm ai dòm ngó, cũng như vườn có hoa  
hồng vẫn để cho chim xanh đi lại đùa tìn.

(6) « Trên bực trong dàu » là trên bãi cát và trong ruộng dàu,  
chỗ trai gái nước Trịnh nước Vệ hẹn hò cùng nhau làm thói dâm-  
bôn.



(7) « Ăn xổi ở thi » là nói ăn ở qua trong một lúc mà không nghĩ về sau.

(8) « Mây mưa » là nói bóng sự trai gái giao cấu; « đá vàng » là nói lời thề ghi tạc. Đây nói vì điều tư-dục dứt dây ái-tình.

(9) « Chắp cánh liền cành » là nói thề nguyện cùng nhau trên trời thời làm chim chắp cánh mà dưới đất thời làm cây liền cành, lấy những chữ « tị-dục điều » và « liên-lý-chi » trong bài ca Trương-hận mà dịch ra. Đây nói trong khi kết ước với nhau.

(10) « Mái tây » là bởi chữ « Tây sương », chỗ nàng Thôi và chàng Trương gặp nhau ở chùa Phổ-cứu.

(11) Từ câu 511 trở xuống cả thấy 8 câu, nàng Kiều nói xưa nay đôi lứa không có ai bằng Thôi Oanh-Oanh và Trương-quân-Thụy, mà Thôi không biết giữ tiết, đã chán-chường với Trương ; nên trong khi ăn ở cùng nhau mà đã có lòng khinh bỉ rẻ-rúng nhau, đến sau hương nguyện bỏ lìa, tình thân-thiết thành ra duyên hững-hờ, ấy là tại nàng Thôi sơ-suất không giữ mình.

(12) Hai câu này nàng Kiều lại nói chuyện ngày xưa người con gái đẹp ở làng diên không chịu cho Tạ-Côn trâu gheo mà trong khi dật cửi cầm cái thoi gieo cho Tạ-Côn gãy mất hai cái răng. Đây là nói Oanh-Oanh không biết giữ-giàng trước như người con gái ấy, đến sau phải hổ-thẹn với chàng Trương, thoi cái lỗi ấy là tại ai ?

## XLVIII

Bóng tàu vừa lạt về Ngân (1),

526 Tin đầu đã thấy cửa ngán (2) gọi vào.

Nàng thì vội trở buồng thêu (3),

528 Sinh thì dạo bước sân đào (4) vội ra.

---

XLVIII. — Từ câu 525 đến câu 528, đêm đã gần sáng, bỗng thấy chàng Kim có người nhà đưa tin. Nàng Kiều trở gót về, chàng Kim ra cửa để đón người nhà.

(1) « Bóng tàu » là bóng trên mái nhà ; « về ngán » là về bạc mặt trắng sáng như bạc. Đây nói trông lên mái nhà bóng trắng đã lạt dần dần đi.

(2) « Cửa ngán » là cửa ngán của nhà Kim-Trọng.

(3) « Buồng thêu » xem chú thích câu 157.

(4) « Sân đào » là ngoài sân có trồng cây đào.



XLIX. — Từ câu 529 đến câu 534, chàng Kim mở cửa, người nhà đem thơ vào, thấy trong thơ nói ông chủ mất, còn quần ở đất khách ; ông thân bảo chàng phải về để đem quan-tài chủ về Liêu-dương.

(3) « Cách trở » là chỗ này cách xa chỗ kia. Đây nói chỗ chàng Kim cách chỗ nàng Kiều ở là xa lắm.

Thấy tin xiết nổi \**kinh-hoàng*,

[ (10)



- Tai nghe ruột rồi bởi-bởi,  
548 Ngập-ngừng nàng mới giở lời trước sau :  
    « Ông tơ (11) ghét bỏ chi nhau ?  
550 « Chưa vui sum-hợp, đã sầu chia-phôi !  
    « Cùng nhau trót đã nặng lời,  
552 « Dầu thay mái tóc, dám rời lòng tơ ! (12)  
    « Quân bao tháng đợi năm chờ,  
554 « Nghĩ người ăn gió, năm mưa (13) xót thẳm !  
    « Đã nguyên hai chữ \**đồng-tâm*,  
556 « Trăm năm thề chẳng ôm cầm thuyền ai.  
    « Còn non còn nước còn dài, [(14)  
558 « Còn về còn nhớ đến người hôm nay ! »

---

L. — Từ câu 535 đến câu 558, chàng Kim được tin nhà, đi tìm nàng Kiều trò-chuyện và dặn-dò để từ biệt mà về. Nàng nghe mới thổ than và quyết giữ một lòng với chàng.

(1) « Đài trang » là chỗ người con gái ở, bởi hai chữ « trang dài » mà dịch ra.

(2) « Gót đầu » là dưới gót và trên đầu. Đây nói từ đầu đến cuối kể hết mọi việc.

(3) « Tang tóc » là nói trên đầu có tang-chê.

(4) « Trao tơ » là lấy tích trong sách Thiên-bảo : đời Đàng, Trương-gia-Trinh có năm con gái, cho mỗi người cầm một sợi tơ ngồi sau màn ; bảo Nguyên-Chấn kéo được sợi nào thì lấy người ấy làm vợ. Nguyên-Chấn bắt được sợi chỉ đỏ của người con gái thứ ba. Đây nói vợ chồng chưa kịp thành hôn.

(5) « Tráng thề » là nói lúc thề ước cùng nhau ở mặt trắng chứng-minh cho.

(6) Câu này ý chàng Kim nói dầu xa cách mặt nàng mà lòng chàng cũng không thay đổi.

(7) Câu này ý nói xa cách nhau ở ngoài nghìn dặm mà phải đến ba năm mới gặp nhau lại được.

(8) Câu này ý nói gỡ cho được mối sầu này có lẽ đương còn lâu lắm.

(9) « Gìn vàng giữ ngọc » là thân quý như vàng và giá trọng như ngọc, nên giữ gìn cho trọn vẹn.



(10) « Kẽ » là chàng Kim tự nói lấy. Đây nói cho đành lòng chàng đương lúc đi xa, như ở dưới chân mây và cuối phương trời.

(11) « Ông tơ » là ông lão cầm sợi tơ-hồng xe duyên cho hai bên vợ chồng lấy nhau.

(12) Câu này ý nói đầu đến già tóc đổi sắc khác mà tấm lòng tơ kết ước với nhau vẫn cũng không chuyển.

(13) « Ăn gió năm mưa » là nói khách đi đường xa, xông pha mưa gió, lấy những chữ « phong xan lộ túc » trong Cổ-văn mà dịch ra.

(14) « Ôm cầm thuyền ai » là ôm dòn đến thuyền người khác mà gảy. Đây nói đầu đến khi nào cũng không tha-thích với ai.

## LI

Dùng-dằng (1) chưa nở rời tay,  
560 Vùng đông (2) trông đã đứng ngay nóc  
Ngại-ngùng một bước một xa, [nhà.  
562 Một lời *trân-trọng*, châu sa (3) mấy hàng,  
Buộc yên, quây gánh (4) vội-vàng,  
564 Mỗi sào sẻ nửa, bước đường chia hai, (5)

LI. — Từ câu 559 đến câu 564, chàng Kim và nàng Kiều còn đương chuyện trò, trời vừa sáng. Chàng lên đường, nàng đưa chân, hai bên từ biệt nhau một cách buồn thương vô ngần !

(1) « Dùng-dằng » là nói hai bên cầm lấy tay nhau đương còn dấn-diu chưa nở dứt nhau mà ra đi.

(2) « Vùng đông » là vùng mặt trời mọc ở phía đông. Đây nói mặt trời đã chiếu trên nóc nhà.

(3) « Châu sa » là nước mắt sa xuống. Xem chú thích câu 82.

(4) « Yên » là yên ngựa ; « gánh » là gánh đi đường.

(5) Câu này ý nói chàng Kim lên đường mà nàng Kiều lại nhà, hai người chia ra hai ngã thời mỗi sào mỗi người sẻ lấy một nửa.

## LII

Buồn (1) trông *\*phong-cảnh* quê người.  
566 Đầu cảnh quỳên nhật, cuối trời nhận thừa.  
[(2)]



Não người cũ gió tuần mưa, (3)  
568 Một ngày nặng gánh \**tuong-tu* một ngày.  
[ (4) ]

---

LII. — Từ câu 565 đến câu 568, chàng Kim  
phần thời đi đường nhọc mệt, phần thời thương  
nhớ nàng Kiều.

(1) « Buồn » là tả phong cảnh buồn rầu lúc chàng Kim đi đường.

(2) « Quyên nhặt » là tiếng con đỗ-quyên kêu mau ; « nhạn  
thưa » là con chim nhạn bay đương ít. Đây tả cảnh-vật cuối mùa  
hạ sang đầu mùa thu.

(3) « Người » là chỉ Kim-Trọng ; « cũ gió tuần mưa » nói một cũ  
năm ngày thời gió và một tuần mười ngày thời mưa. Đây nói  
thương chàng Kim đi đường bị phải mưa gió lâu ngày nhọc mệt.

(4) Đây nói càng ngày càng nhớ nàng Kiều.

### LIII

Nàng còn đứng tựa hiên tây, (1)  
570 Chín hồi vẩn-vít như vầy mối tơ. (2)  
Trông chừng khói ngất song thưa, (3)  
572 Hoa trôi giạt thắm, liễu xơ-xác vàng, (4)  
Tần-ngần dạo gót lầu trang, (5)  
574 Một đoàn mừng thọ \**ngoại-hương* mới về.

---

LIII. Từ câu 569 đến câu 574, nàng Kiều đứng  
trông chàng Kim, cảnh-vật xem ra một sắc mùa  
thu, nàng trở vào phòng thời người nhà đi họ  
ngoại vừa về.

(1) « Hiên tây » là mái hiên phía tây ở sau nhà.

(2) Trong lòng bối rối như chín khúc tơ vò.

(3) Trước cửa sổ trông ra chỉ thấy khói lên mà không thấy người  
ở đầu.

(4) Tả cảnh mùa thu hoa thắm đã lợt, lá liễu đã vàng, trong lúc  
nàng Kiều nhớ chàng Kim thành ra cảnh-vật sinh buồn thêm.

(5) « Lầu trang » là chỗ người con gái ở. Xem chú thích câu 362.



LIV

- \**Hàn-huyền* chưa kịp giải-giề, (1)  
576 \**Sai-nha* đã thấy bốn bề lao-xao.  
Người nách thước, kẻ tay đao, (2)  
578 Đầu trâu mặt ngựa, (3) ào-ào như sôi.  
\**Già-giang* một lão một trai,  
580 Một dây \**vô-loại* buộc hai \**thâm-tình*. (4)  
Đầy nhà vang tiếng ruồi xanh, (5)  
582 Rụng-rời giậu liễu, tan-tánh cội mai ; (6)  
Đồ \**tế-nhuyễn*, của riêng tây,  
584 Sạch sành-sanh, vết cho dây túi tham.  
Điều đâu bay-buộc ai làm ?  
586 Này ai đan rập, giắt giảm (7) bỗng-dưng ?  
Hỏi ra sau mới biết rằng : (8)  
588 Phải tên \**xưng-xuất* là thằng bán tơ.  
Một nhà \**hoảng-hốt* ngần-ngờ,  
590 Tiếng oan dậy đất, (9) ản ngờ lửa mây. (10)  
\**Hạ-từ* van lạy trót ngày,  
592 Điec tai \**lân-tuất*, phủ tay \**tồi-tàn*. (11)  
Rường cao (12) rút ngược dây oan,  
594 Dầu rằng đá cũng nát gan, lựa người !  
Mặt trông đau đớn rụng-rời,  
596 Oan này, chỉ một kêu trời, nhưng xa !  
Một ngày là thời \**sai-nha*,  
598 Lắm cho \**khốc-hại* chẳng qua vì tiền.

---

LIV. — Từ câu 585 đến câu 598, người nhà chưa kịp trò chuyện cùng nhau, đã thấy một lũ *sai-nha* áp tới, bắt trói ông Viên-Ngoạt và Vương-Quan, lấy hết của-cải trong nhà. Hỏi duyên cớ thời mới biết thằng bán tơ vu oan cho Vương-ông; cả nhà kêu



*oan mà bọn sai-nha vẫn cứ ra tay độc-ác để kiếm tiền.*

- (1) « Giải-giề » là kẻ hỏi qua người nói lại.  
(2) « Nách thước » là cặp thước bên nách : « tay đao » là cầm đao trong tay, đều là đồ đạc của bọn sai-nha.  
(3) « Đầu trâu mặt ngựa » là tả bộ dạng độc ác của bọn sai-nha.  
(4) « Lão » là chỉ Vương-ông, « trai » chỉ Vương-Quan. Đây nói bắt trời và đóng gông chà con nhà họ Vương.  
(5) « Ruồi xanh » là vì bọn tiểu-nhân hay dèm-phá, lấy hai chữ « thương dăng » trong Kinh-Thi mà dịch ra. Đây nói tiếng bọn tiểu nhân ồn-ào.  
(6) « Giậu liễu » thiết tưởng là hàng rào cắm bằng nhánh liễu, lấy hai chữ « liễu phàn » trong Kinh-Thi mà dịch ra. « Cội mai » thiết tưởng cử một cây mai để nói chung cả mấy thứ cây trong vườn. Đây nói phá hết rào giậu cây cối.  
(7) « Rập » là cái nỏ để bắt cá hoặc cái bẫy đánh chim, « giảm » là vòng trặc hay là cái ngàm khớp vào nơi bẫy hoặc đầu lưỡi câu. Đây nói bày mưu kế mà đánh sập người ta.  
(8) « Bồng-dung » là tự-nhiên vô-cố mà sinh sự ra  
(9) « Dậy đất » là tiếng kêu vang ồn ào làm cho đất dậy lên.  
(10) « Lòa mây » là nói cái việc nghi-ngờ như có đám mây che lấp không phân biệt được rõ-ràng.  
(11) Câu này ý nói tiếng kêu oan khóc lóc làm cho diếc tai long óc mà bọn sai-nha cứ ra tay độc-ác.  
(12) « Rường cao » là cái rường nhà, cái trính ở trên cao. Đây nói bắt người không tội mà phải chịu sự oan ức trời lại mà rút ngược lên trên rường nhà.

LV

- Sao cho (1) \*cốt-nhục vẹn-tuyền,  
600 Trong khi \*ngộ-biến \*tùng-quyền biết sao?  
Duyên \*hội-ngộ, đức \*cù-lao,  
602 Chữ tình chữ hiếu (2) bên nào nặng hơn. ?  
Đề lời (3) \*thệ-hải-minh-son,  
604 Lâm con, trước phải đền ơn \*sinh-thành.  
Quyết tình nằng mới \*hạ-tình :  
606 « Rẽ cho đề thiếp bán mình chuộc cha ! » (4)



LV. — Từ câu 599 đến câu 606, gặp con tai biển, nàng Kiều tự nghĩ kiếm cách để thoát nạn cho Vương-ông, phải đành gác chữ tình mà làm theo chữ hiếu, nên mới quyết bán mình để chuộc cha.

(1) « Sao cho » là ý nàng Kiều tự nghĩ biết làm sao cho vẹn tình cha con.

(2) « Chữ tình » là tình riêng đối với chàng Kim. « chữ hiếu » là lòng thảo đối với Vương-ông.

(3) « Để lời » là gác để lời thề lại đó.

(4) Câu này ý nàng Kiều đã quyết định rồi mới tự nguyện với người nhà xin bán mình để chuộc tội cho Vương-ông.

### LVI

Họ chung có kẻ lại già,

608 Cũng trong *nha-dịch* lại là *từ-tâm* ; (1)

Thấy nàng *hiếu-trọng* *tình-thâm* (2)

610 Vì nàng nghĩ cũng thương thắm xót vay !

Tính bài lọt đỏ luồn đây, (3)

612 Có ba trăm lượng việc này mới xuôi.

Hãy về tạm phở giam ngoài, (4)

614 Nhủ nàng *qui-liệu* trong đôi ba ngày.

LVI. — Từ câu 607 đến câu 614, trong *nha-lại* có ông họ Chung thấy tình nàng Kiều mà thương, mới xin lĩnh cha con họ Vương ra ngoài và bảo nàng phải liệu 300 lượng vàng để lo hộ việc ấy cho.

(1) Câu này ý nói cũng trong bọn sai-nha đi đó mà lại là người hiền lành.

(2) Chữ tình ở đây nói tình cha con.

(3) Tính ngả này lo ngả nọ cho trọn vẹn cả mọi việc.

(4) Cho tạm giam cha con họ Vương ở ngoài để hậu cứu.

### LVII

« Thương lòng (1) con trẻ thơ-ngây ;

616 « Gặp cơn vạ gió tai bay (2) *\*bất-kỳ*.

« Đau lòng (3) *\*tử-biệt-sinh-ly*,





<https://www.facebook.com/thuchoisach>



- 618 « Thân còn chẳng tiếc, tiếc gì đến duyên ỉ  
« Hạt mưa sả nghĩ phận hèn (4)  
620 « Liều đem tác cỏ, quyết đền ba xuân (5). »

LVII. — Từ câu 615 đến câu 620, nàng Kiều dương khí ngộ biến, lo việc từng quyền, tội vu oan cảm cảnh cha già, nỗi ly-biệt thương tình con trẻ, mà nàng vẫn liều mình quyết chí, để mong báo đức đền ơn.

- (1) « Thương lòng » là nàng Kiều tự thương xót trong lòng.  
(2) « Vạ gió tai bay » là nỗi tai vạ thình-lình xảy đến như cái gì theo gió bay vào.  
(3) « Đau lòng » là nàng Kiều tự đau đớn trong lòng.  
(4) « Hạt mưa » là ví thân phận đàn bà. Như câu tục thường hát: « Thân em như hạt mưa rào, hạt sa xuống giếng hạt vào vườn hoa. »  
(5) « Tác cỏ » là tấm lòng người con như một tác cỏ; « ba xuân » là công ơn cha mẹ như bóng sáng ba tháng xuân trong bài thơ ông Mạnh-Giao mà dịch ra.

### LVIII

- Sự lòng ngộ với *băng-nhân*,  
622 Tin sương (1) đồn-đại xa gần *xôn-xao*.  
Gần miền có một *mụ nào*,  
624 Đưa người *viễn-khách* tìm vào *văn-danh*.  
Hỏi tên rằng *Mã-giám-Sinh*,  
626 Hỏi quê rằng huyện *Lâm-thanh* cũng gần.  
*\*Quá-niên* trạc ngoại *tứ-tuần*,  
628 Mày râu nhẵn-nhụi, áo quần bảnh-bao;  
Trước thầy sau tớ *xôn-xao*,  
630 Nhà băng (2) đưa mỗi rước vào lầu trang.  
Ghế trên ngồi tót *sồ-sàng*, (3)  
632 Buồng trong mỗi đã giục nàng kíp ra.  
Nỗi mình thêm tức nỗi nhà,



- 634 Thềm hoa một bước, lệ hoa mấy hàng !  
Ngại-ngùng giợn gió e sương. (4)  
636 Xem hoa bóng thẹn, trông gương mặt dày.  
Mỗi cẳng vén tóc, bắt tay,  
638 Nét buồn như cúc, mình gầy như mai ! (5)

---

LVIII. — Từ câu 621 đến câu 638, nàng Kiều quyết bán mình, tiếng đồn khắp gần xa. Người mối đưa Mã-giám-Sinh đến ; bảo nàng ra chào, nàng vừa bực mình vừa hổ người, nên mặt mũi sinh ra buồn rầu.

(1) « Tin sương » bởi chữ « sương-tin » là trời sắp làm sương thời có chim nhận báo tin trước, nên thiên-hạ đều biết. Đây nói tin nàng Kiều bán mình đồn khắp mọi nơi.

(2) « Nhà băng » là người mối. Xem chữ « băng nhân ».

(3) « Sỗ-sàng » là không then-thuồng. Đây nói Giám-Sinh ngồi lên ghế cao một cách đường-dột.

(4) « Giợn gió e sương » là nói khi ở trong buồng đi ra ngó bộ nhút-nhát ví như cánh hoa e-lệ ngọn gió và giọt sương.

(5) Hai câu này ý nói người mối muốn trang điểm cho nàng Kiều, mà nàng thời nét mặt buồn-bã như cây cúc mùa thu và mình vóc gầy mòn như cánh mai gặp tuyết.

## LIX

- Đắn-đo (1) cân sắc, cân tài,  
640 Ép cung cầm-nguyệt (2), thử bài quạt thơ.  
Mặn nồng một vẻ một ưa,  
642 Bằng lòng, khách (3) mới \*tùy-cơ dặt-diu.  
Rằng : « Mua ngọc (4) đến \*Lam-Kiều,  
644 « \*Sinh-nghi xin dạy bao nhiêu cho trường ? »  
Mỗi rằng : « Đàng giá nghìn vàng,  
646 « Gặp nhà, (5) nhờ lượng người thương,  
Cò-kẻ (6) bớt một thêm hai, [dám nài ! »  
648 Giờ lâu ngả giá, vâng ngoài bốn trăm. (7)  
Một lời thuyên đã êm giã (8)



650 Hãy đưa \**canh-thiếp*, trước cầm làm ghi.

Định ngày \**nap-thái* \**vu-qui*,

652 Tiền lưng đã có việc gì chẳng xong !

---

LIX. — Từ câu 639 đến câu 652, Giám-Sinh xem sắc thử tài năng Kiều, mới định lời mua bán với người mới ; định giá xong rồi, mới chọn ngày đưa tiền đến làm lễ rước dâu.

(1) « Đản đồ » là càn nhắc. Đây nói Giám-Sinh xem thử sắc tài năng Kiều đáng giá bao nhiêu.

(2) « Cầm nguyệt » xem chữ « cầm trăng », câu 467.

(3) « Khách » chỉ Mã-giám-Sinh.

(4) « Mua ngọc » là ý Giám-Sinh nói muốn mua người đẹp thời phải đến tận nhà cũng vì như muốn mua ngọc thời phải đến Lam-kiều.

(5) « Gặp nhà » là gặp lúc trong nhà túng rối.

(6) « Cò kè » là không chịu nói cho dứt lời, ý nói trước thời trả hạ xuống, sau lại trả thêm lên, chưa định hẳn gì

(7) Giám-Sinh mua Kiều hơn 400 lạng.

(8) « Êm giã » là đã yên chỗ, không dời đi chỗ khác nữa. Đây nói việc đã xong đầu vào đây, như thuyền đậu đã êm giã rồi

## LX

Một lời cậy với \**Chung-Công*,

654 \**Khất-từ* \**tạm-lãnh* \**Vương-ông* về nhà,

Thương tình con trẻ cha già,

656 Nhìn nàng ông những máu sa ruột đau :

« Nuôi con những ước về sau, (1)

658 « Trao tơ (2) phải lúa, gieo cầu (3) đáng

« Trời làm chi cực bầy trời ! [nơi !

660 « Này ai \**vu-thác*, cho người hiệp tan !

« \**Phủ-cân* bao quản thân tàn, (4)

662 « Nỡ đày-đọa trẻ, càng \**oan-khốc* già !

« Một lần sau trước cũng là, (5)

664 « Thôi thì mặt khuất, chẳng thả lòng đau ! »

Theo lời càng chảy dòng châu, (6)



666 Liều mình ông đã gieo đầu tường vôi.

LX. — *Từ câu 653 đến câu 666, Chung-ông giúp lời, Vương-ông được tạm tha về nhà. Ông thấy nàng Kiều sắp đi bán mình, thương con mà đau đôn khóc than, nghĩ chết đi còn hơn để cho con chịu nhục. Ông gieo vào tường để liều chết.*

(1) Từ câu này trở xuống cả thấy là 8 câu, lời Vương-ông rên-rỉ than khóc.

(2) « Trao tơ », xem chú thích câu 540.

(3) « Gieo cầu » là lấy tích trong sách Tam-hợp-bảo-kiếm. Đời Hán, vua Vũ-Đế kén Phò-mã cho Công-chúa ; Công-chúa ngồi trên lầu gieo quả cầu xuống, ai cướp được thời cho làm Phò-mã.

(4) « Thân tàn » là thân người đã đến tuổi già sắp chết.

(5) Câu này ý nói chẳng trước thời sau cũng một lần chết.

(6) « Dòng châu » là nước mắt, chảy dòng châu cũng nghĩa như chữ châu sa câu 82.

## LXI

Vội-vàng kẻ giữ người coi,

668 Nhỏ to nàng lại tìm lời khuyên can :

« Vẽ chi (1) một đoá (2) *\*hồng-nhan* !

670 « Tóc tơ chưa chút đèn ân *\*sinh-thành* !

« Dâng thơ đã thẹn nàng Oanh ! (3)

672 « Lại thua ả Lý (4) bán mình hay sao ?

« Cội xuân (5) tuổi hạc (6) càng cao,

674 « Một cây gánh vác biết bao nhiêu cảnh ;

« Lòng tơ dầu chẳng đứt tình, [(7)

676 « Gió mưa âu hắt tan-tánh nước non ! (8)

« Thà rằng liều một thân con !

678 « Hoa dầu rã cánh, lá còn xanh cây. (9)

« Phận sao đành vậy cũng vầy,

680 « Cầm như chẳng đỡ những ngày còn xanh.

[(10)



« Cũng đừng tính quàn toan quanh, (11)  
682 « Tan nhà là một, thiệt mình là hai. »  
Phải lời ông cũng êm tai,  
684 Nhìn nhau giọt ngán, giọt dài ngổn-ngang.

---

LXI. — Từ câu 667 đến câu 684, Vương-ông liệu mình, cả nhà lo sợ, nàng Kiều mới liệu lời khuyên can : gặp lúc gia-biến, con phải bán mình chuộc cha ; thà là nàng Kiều đi mà Vương-ông được tha, còn hơn Vương-ông mất mà người nhà chịu khổ. Ông nghe lời, mới đành lòng chịu thôi.

(1) « Về chi » (Xem chú thích câu 503).

(2) « Đóa » là cành hay là nhánh. Đây nói má hồng cũng ví như một nhánh hoa.

(3) Đời Hán, cha nàng Đề-Oanh bị tội đáng chết, nàng ấy dâng bức thơ xin vua Văn-Đế để thế chết cho cha ; vua thấy nàng có hiếu mới tha tội cho cha nàng.

(4) Đời Đường, nàng Lý-Kỷ nhà nghèo, mới bán mình cho người làng để đem cúng cho thần rắn, lấy tiền về nuôi cha mẹ. Sau nàng vào miếu chém thần rắn rồi lấy vua Việt-Vương.

(5) « Cội xuân » ví với cha. Xem chú thích chữ « xuân-đường ».

(6) « Tuổi hạc » là nói tuổi thọ nghìn năm như tuổi chim hạc, lấy hai chữ « bạc-loán » mà dịch ra.

(7) Câu này ý nói một cha mà phải bảo-dưỡng nhiều con.

(8) Hai câu này ý nói nếu lòng cha mà không chịu để cho con đi, thời cửa nhà tan nát chẳng còn gì hết.

(9) « Hoa » ví nàng Kiều, « lá » ví người nhà, « cây » ví ông bà Viên-Ngoại. Đây nói một mình Kiều đi mà cả nhà được sum họp.

(10) Câu này ý nói cũng như lúc mới sinh ra mà nuôi không được.

(11) Câu này ý nói đừng lo gì những việc vô-ích mà làm liều như thế.

## LXII

Mãi ngoài họ Mã vừa sang,  
686 Tờ hoa đã ký, cần vàng mới trao, (1)  
Trăng già (2) độc-địa làm sao ?  
688 Cầm dây chẳng lựa, buộc vào \*tự-nhiên. (3)



Trong tay đã sẵn đồng tiền,  
690 Dầu lòng đổi trắng thay đen khó gì! (4)  
Họ Chung ra sức giúp vì,  
692 \**Lễ-tam* đã đạt \**tụng-kỳ* cũng xong. (5)  
Việc nhà đã tạm \**thung-dung*,  
694 \**Tinh-kỳ* giục-giã đã mong độ về (6).

---

LXII. — Từ câu 685 đến câu 694. Mã-giám-Sinh đến nạp tiền cưới; Vương-ông đem tiền đề chuộc tội. Việc nhà lo xong, sắp sửa đưa nàng Kiều về chỗ Giám-Sinh.

- (1) Vương-ông ký tờ bán Kiều xong, Giám-Sinh đưa vàng trả.  
(2) « Trăng già » là bà nguyệt-lão. Xem chung chú thích chữ « xích-thăng ».  
(3) Trách bà nguyệt độc ác sao lại buộc chân Kiều với chân Giám-Sinh.  
(4) Hai câu này ý nói ở đời hễ có tiền thì phải làm ra trái mà dờ nói ra hay cũng được.  
(5) Có Chung-ông nói giùm, đem lễ cho quan, nên việc kiện cũng xong.  
(6) Việc nhà đã hơi thư-thải, bây giờ sắp việc đưa Kiều về cho họ Mã.

### LXIII

Một mình nàng, ngọn đèn khuya,  
696 Áo đầm giọt lệ, tóc xe mái sầu.  
« Phận dầu, dầu vậy cũng dầu ; (1)  
698 « Xót lòng đeo-đẳng bấy lâu một lời !  
« \**Công-trình* kể biết mấy mươi !  
700 « Vì ta khảng-khít (2) cho người dở-giang !  
« Thề hoa chưa ráo chén vàng,  
702 « Lỗi thề thôi đã phụ-pháng với hoa ! (3)  
« Trời Liều (4) non nước bao xa !



704 « Nghĩ đâu rẽ cửa chia nhà từ tôi !

« Biết bao duyên nợ thề bồi !

706 « Kiếp này thôi thề thì thôi còn gì ?

« *Tái-sinh* chưa dứt hương-thề,

708 « Làm thân trâu ngựa (5) đền nghi *trúc-mai* !

« Nợ tình chưa trả cho ai, (6)

710 « Khỏi tình mang xuống *\*tuyền-đài* chưa  
tan. » (7)

Nỗi riêng, riêng những *bàn-hoàn*,

712 Dầu chong trắng đĩa, (8) lệ tràn thấm khăn.

---

LXIII. — Từ câu 695 đến câu 712, đêm khuya  
nàng Kiều ngồi một mình, thấy việc thành hôn sắp  
tới nơi, nhớ đến lời thề với chàng Kim ngày trước,  
nghĩ kiếp này đã đành lỗi hẹn, thời kiếp sau xin sẽ  
đền nghi, bàn-hoàn lắm dạ chưa yên, sự sự suốt  
đêm không ngủ.

(1) Câu này ý nói gặp bạc-phận như thế thời phải chịu vậy  
không tránh khỏi được.

(2) « Khăn-khit » là xoắn-vó. Đây nói vì nàng xoắn-vó lấy chàng  
mà làm cho chàng duyên phận thành dở-gai.

(3) « Hoa » là chỉ chàng Kim. Cũng như chữ « hoa » trong câu 442.  
Còn « thề hoa » là lời thề viết trong giấy hoa-tiên, tức là tiên thề  
trong câu 447.

(4) « Liều » là Liều-Dương quê của Kim-Trọng.

(5) Theo sách Luân-hồi; hễ ai có nợ kiếp này chưa trả được thời  
sau chết phải hóa kiếp làm con trâu con ngựa ở nhà chủ nợ  
mà làm công trả lại.

(6) « Ai » là chỉ chàng Kim.

7) Ngày xưa, tục truyền, có người con gái phải lòng một  
người lái-buôn; sau vì người lái-buôn đi xa, không gặp mặt  
nhau, người con gái đau bệnh tương-tư mà chết. Sau dời mả  
đi táng chỗ khác, thấy trong hòm có một khối cứng mà trong  
như thủy-tinh, đánh mãi không vỡ. Đến sau người lái-buôn  
trở về, cầm lấy khối ấy mà khóc, nước mắt nhỏ xuống thời  
tự-nhiên khối ấy tan ra thành huyết. Khối ấy tức là « khối  
tình » của người con gái.

(8) Chong đèn suốt đêm thời dầu cạn thấy lòng đĩa trắng.



LXIV

- \**Thùy-Vân* chợt tỉnh giấc xuân, (1)  
714 Dưới đèn ghé đến \**ân-cần* hỏi-han :  
« Cơ trời dâu-bề (2) \**đạ-đoan*,  
716 « Một nhà đề chị riêng oan một mình !  
« Cớ chi ngồi nhẩn (3) tàn canh,  
718 « Nỗi riêng còn mắc mối tình chi đây ? »
- 

LXIV. — Từ câu 713 đến câu 718, nàng *Vân* thức dậy, lại gần hỏi thăm nàng *Kiều* ; trước là than thở về việc nhà mà đề chị riêng chịu điều oan, sau là hỏi thử nỗi riêng gì mà chị vẫn suốt đêm không ngủ.

(1) « Giấc xuân » là giấc ngủ êm-dềm sung-sướng như cảnh mùa xuân, lấy chữ « xuân-miên » mà dịch ra.

(2) « Dâu-bề » là nói thay đôi như ruộng dâu bề xanh. Xem chú-thích câu thứ 3.

(3) « Ngồi nhẩn » là ngồi luôn không nằm.

LXV

- Rằng : « Lòng đương thồn-thức đầy, (1)  
720 « *Tơ duyên* còn vương (2) mỗi nầy chưa  
« Hở môi ra cũng thẹn-thùng, [xong.  
722 « Đề lòng thì phụ tấm lòng với ai ! (3)  
« Cây em, em có chịu lời,  
724 « Ngồi lên cho chị lạy rồi sẽ thưa.  
« Giữa đường đứt gánh \**tương-tư*,  
726 « *Giao-loan* chấp mỗi *tơ* thừa mặc em (4).  
« Kể từ khi gặp chàng *Kim*,  
728 « Khi ngày quạt ước, khi đêm chén thề.  
« Sự dâu sông gió (5) \**bất-kỳ* !  
730 « *Hiếu*, tình có lẽ (6) hai bề vẹn hai !



- « Ngày xuân em hãy còn dài,  
732 « Xót tình máu mủ, thay lời nước non ; (7)  
« Chị dầu thịt nát xương mòn,  
734 « Ngậm cười chín suối (8) hãy còn thơm lây!  
« Chiếc vàng (9) với bức tờ mây, (10)  
736 « Duyên này thì giữ vật này của chung ;  
« Dầu em nên vợ nên chồng,  
738 « Xót người mệnh bạc, ắt lòng chẳng quên.  
« Mất người còn chút của tin,  
740 « Phiếm đàn với mảnh hương nguyên ngày  
« Mai sau, dầu có bao giờ, (11) [xưa.  
742 « Đốt lò hương ấy, so tơ phiếm này ;  
« Trông ra ngọn cỏ lá cây,  
744 « Thấy hiu-hiu gió, thì hay chị về.  
« Hồn còn mang nặng lời thề,  
746 « Nát thân \**bồ-liếu*, đền nghi \**trúc-mai* (12)  
« \**Dạ-đài* cách mặt khuất lời,  
748 « Rảy xin chén nước cho người thác oan.  
« Bây giờ trâm gãy gương tan, (14) [(13)  
750 « Kề làm sao xiết muôn vàn \**ái-ân* !  
« Trăm nghìn gọi lạy \**tinh-quân*,  
752 « Tơ duyên ngắn-ngủi có ngần ấy thôi ;  
« Phận sao phận bạc như vôi,  
754 « Đã đành nước chảy hoa trôi (15) lổ-làng.  
« Ôi \**Kim-lang* ! hỡi \**Kim-lang* !  
756 « Thôi thôi thiếp đã phụ chàng từ đây ! »

---

LXV. — Từ câu 719 đến câu 756, lời nàng Kiều nói với nàng Vân ; kể chuyện ngày trước thề ước với chàng Kim, giao những đồ tặng của chàng lại cho em, đề cày em thay lời. Sau lại hẹn lúc chết rồi còn hiển-linh chiếu-cổ đến em và hóa kiếp trả nghĩa



*chờ chàng. Cuối cùng trách duyên tử phận, mà  
than khóc tình-nhân.*

- (1) « Thôn thức đầy » là trong lòng nhiều điều lo nghĩ.  
(2) « Vướng » là bị mắc cái gì ngăn trở lấy.  
(3) Hai câu này ý nói bây giờ nói ra thời sợ trên cùng em  
mà giấu đi thời phụ lòng với chàng Kim.  
(4) « Giao loan » là thứ giao nẫu bằng tủy xương chim loan, bởi  
chữ « loan giao » trong truyện vua Hán-võ-Đế dùng để chấp mối dây  
đứt cho liền lại với nhau; « Chấp mối tơ thừa » là nói thay nàng  
mà xe duyên với chàng Kim.  
(5) « Sóng gió » là nói việc tự-nhiên xảy đến, như đất  
bằng mà có sóng gió.  
(6) « Có lẽ » là nói có lẽ đâu mà . . . . . không lẽ.  
(7) « Tình máu mủ » là tình chị em, « lời nước non » là lời thề ước.  
(8) « Ngậm cười chín suối » là nói chết chôn xuống đất mà  
cũng được vui lòng.  
(9) « Chiếc vàng » là hai chiếc « xuyên vàng » của chàng  
Kim tặng ngày trước. Xem câu 318.  
(10) « Tờ mây » là tờ giấy vẽ mây, tức là « tiên thê » trong câu 447.  
(11) Câu này ý nói mai sau như chết đi mà đến ngày kỵ  
thời . . . . .  
(12) Câu này ý nói thân yếu ớt này dầu chết đi nữa cũng  
mong trả nghĩa cho chàng Kim.  
(13) Khi chết rồi không thấy mặt, không nghe lời, nhưng hễ thấy  
hiu-hiu gió thổi hay chị về, xin hãy rảy cho chén nước để tỏ  
lòng có biết nhau.  
(14) « Trâm » và « gương » là đồ trang-sức của đàn bà; « Trâm  
gãy, gương tan » là nói duyên phận đã sinh ra lở-làng.  
(15) « Nước chảy hoa trôi » là nói người con gái đã bị số phận  
làm cho lở-làng ví như cái hoa bị nước chảy trôi đi bơ-vơ  
giữa dòng.

## LXVI

*Cạn lời, hồn ngắt máu say,*

758 Một hơi lặng-ngắt, đôi tay giả-đồng. (1)

*\*Xuân-huýên chợt tỉnh giấc nồng,*

760 Một nhà tập-nập kẻ trong người ngoài.

*Kẻ thang, người thuốc bồi-bồi,*

762 Mới tan cơn vụng, chưa phai giọt hồng.

[ (2) ]



Hỏi : (3) « sao ra sự lạ-lùng ? »  
764 Kiều càng nức-nở (4) nói không ra lời.

---

LXVI. — Từ câu 757 đến câu 764, nàng Kiều than khóc rồi tự-nhiên ngắt mà mê đi. Ông bà Viên-Ngoại thức dậy, cả nhà lo chạy thuốc thang cho Kiều tỉnh lại. Ông bà hỏi sự có làm sao, thời nàng cứ khóc mà nói không được.

(1) « Giá-đồng » là lạnh như hơi giá hơi đồng.

(2) « Con vụng » là con mê ; « giọt hồng » là giọt nước mắt chảy trên má hồng. Đây nói mới hết cơn mê nhưng mà chưa ráo nước mắt.

(3) « Hỏi » là lời ông bà Viên-Ngoại hỏi.

(4) « Nức-nở » là khóc nghẹn đi nói không được rõ.

## LXVII

Nỗi nàng, Vân mới rỉ tai : (1)  
766 « Chiếc vàng này với tờ-bồi ở đây ! »  
« — Vì cha nên lỗi duyên mày, (2)  
768 « Thôi thời việc ấy sau này đã em. (3)  
« Vì ai rúng cái rơi kim ? (4)  
770 « Đề con bèo nổi, mây chìm (5) vì ai ? (6)  
« Lời con dặn lại một hai,  
772 « Dầu mòn bia đá, dăm sai tắc vàng ! » (7)  
Lay rồi nàng mới thừa tường :  
774 « Nhờ cha trả được nghĩa chàng cho xuôi.  
« Sả chi thân phận tôi-đôi ! (8) .  
776 « Dầu rằng xương trắng quê người quản  
đâu ! »

---

LXVII. — Từ câu 765 đến câu 776, trước hết nàng Vân thi-thầm với Vương-ông về việc nàng Kiều thề-thốt với chàng Kim ; thứ hai Vương-ông than thở, vì mình để thân con lưu-lạc, mà dẫn



nàng em chấp mỗi tơ hồng : thứ ba nàng Kiều cảm tạ, nhờ cha mà nghĩa chàng trả xuôi, thời dẫu quê người quán đâu xương trắng.

(1) « Rỉ tai » là nói nhỏ ở bên tai.

(2) Từ câu này trở xuống cả thấy là 6 câu lời Vương-ông nói.

(3) « Đã em » là đã có em. Đây nói đã có em Vân để thay cho chị mà kết duyên với chàng Kim.

(4) Sách Bát-vật-chí có nói : « Hồ-phách hút được hột cải, đá nam-châm bắt được cái kim ; vì trong hồ-phách có điện, hễ đem xát cọ hồi lâu mà đặt hột cải vào thời hút ngay, còn đá nam-châm (tục gọi lâm-châm) hay ưa hơi sắt, hễ để cái kim gần thời bắt ngay. Đây nói « rụng cải rơi kim » là nói làm cho hai bên phân-ly nhau.

(5) « Bèo nổi mây chìm » là nói để cho lưu-lạc quê người vì như cánh bèo bơ-vơ giữa bể và đám mây xăn-văn trên không, mà không nhất định ở chỗ nào.

(6) Mấy chữ « vì ai » ở hai câu này là Vương-ông tự hỏi tự trách lấy mình.

(7) « Tắc vàng » là tắc lòng ghi tạc như vàng.

(8) « Tôi-đôi » là phận tôi tớ hèn-hạ.

### LXVIII

Xiết bao kẻ nổi \*thảm-sầu !.

778 Khắc canh đã giục \*nam-lâu mấy hồi, (1)

Kiệu hoa đâu đã đến ngoài,

780 \*Quản-huyền đâu đã giục người (2) \*sinh-

Đau lòng kẻ ở người đi, [ly !

782 Lệ rơi thấm đá, (3) tơ chia rủ tấm. (4)

Trời hôm mây kéo túi-giằm,

784 Dầu-dầu ngọn cỏ, dầm-dầm cảnh sương.

---

LXVIII. — Từ câu 777 đến câu 784, người dương câu chuyện, trời đã sáng ngày, kiệu hoa vừa tới vườn hồng, nàng Kiều về nhà họ Mã. Chia đôi ngả người đi kẻ ở, kẻ xiết bao cảnh ấy tình này !

(1) Câu này ý nói trống mõ trên lầu đã giục mấy hồi để tan canh.



(2) « Người » là chỉ nàng Kiều.

(3) « Lệ rơi thấm đá » là nói khóc đến nỗi nước mắt đầm-dề .  
dầu đá cứng cũng thấm ướt đi được.

(4) « Tơ chia rủ tấm » là nói buồn đến nỗi trong lòng đau  
đớn như con tấm bị rút ruột mà lấy tơ ra cho hết, thời đau  
không biết là dường nào !

## LXIX

- Rước nàng về đến *\*trú-phường*,  
786 Bốn bề *\*xuân-tỏa* một nàng ở trong.  
Ngập-ngừng then lục, e hồng, (1)  
788 Nghĩ lòng lại xót-xa lòng đôi phen :  
« Phầm tiên rơi đến tay hèn, (2)  
790 « Hoài công nằng giữ mưa gìn với ai ! (3)  
« Biết thân đến bước lạc loài,  
792 « Nhị đào thả bẻ cho người *\*tình-chung* ; (4)  
« Vì ai ngăn đón gió đông,  
794 « Thiệt lòng khi ở, đau lòng khi đi. (5)  
« *\*Trùng-phùng* dầu họa có khi.  
796 « Thân này thôi có còn gì mà mong.  
« Đã sinh ra số long-đong,  
798 « Còn mang lấy kiếp má hồng được sao ? »

---

LXIX. — Từ câu 785 đến câu 798, Giám-sinh  
rước về nhà trọ, nàng Kiều vào ở phòng trong,  
mặt đàn mày dày, lòng thương phận tử, biết  
thân này phải về họ Mã, thà này xưa lấy quách  
chàng Kim ; ấy là vì mình nên để cho chàng lúc  
ở đã chịu thiệt-thòi, khi đi lại thêm đau-đớn,  
cũng liệu một thác, cho khỏi trần-duyên.

(1) « Lục » và « hồng » là màu hoa sắc ở mùa xuân dùng để ví nhan  
sắc đàn bà. « Then lục e hồng » là nói sắc mặt ngó ra then-thường

(2) « Phầm tiên » là phẩm vật của tiên ăn ; « tay hèn » là tay  
người hèn-hạ. Đây nàng Kiều tự nghĩ mình là vật quý-hóa mà  
lại rơi vào tay Giám-sinh là tên hèn hạ kia.



(3) « Hoài công » là uổng công. Câu này ý nói uổng công bấy lâu giữ gìn trinh tiết để chờ mà lấy Kim-Trọng.

(4) « Lạc loài » là nói đi với người khác loại với mình, « nhị đào » là hoa đào, « người tình-chung » là chỉ Kim-Trọng. Hai câu này ý nói nếu biết trước là đến ngày này mình phải đi cùng phường bỉ-tiện, thà là ngày kia quyết định mau cho chàng Kim thành thất gia ngay lúc cây đào mới nở hoa.

(5) « Gió đông » là ngọn gió mùa xuân, ví như việc gì được thuận tiện, do hai chữ « đông phong » trong câu thơ ông Đỗ-Mục vịnh việc Chu-du mà dịch ra ; « ngăn đón gió đông » là nói làm cho trở ngại mất điều thuận tiện. Hai câu này ý nàng Kiều nói tại mình dưng dằng không chịu nói thiệt với cha mẹ để cho chàng Kim tiện việc thành hôn ngay lúc trước đi, nên bấy lâu để cho chàng khi ở đã chịu thiệt-thòi mà ngày ra đi lại sinh đau-đón.

(6) « Kiếp má hồng » là nói hồng-nhan bạc-mạnh. Hai câu này ý nàng Kiều nói đã sinh ra cái số xấu như thế thì chịu giữ cái kiếp hồng-nhan mà ở đời mãi được đâu, thà là hóa kiếp đi thôi hơn. Thế là nàng Kiều nói câu ấy ý muốn liều chết, xem đoạn dưới có câu : « Trên án sẵn có con dao.... » thời rõ.

## LXX

Trên án sẵn có con dao,

800 Giấu (1) cầm nạng đã gói vào chéo khăn :

Phòng khi nước đã đến chân, (2)

802 Dao này thì liệu với thân sau này.

Đêm thâu một khắc một chầy, (3)

804 Bâng-khuâng như tỉnh như say một mình.

---

LXX. — *Từ câu 799 đến câu 804, nàng Kiều tính việc liều chết, thấy trên án có con dao, đem gói vào chéo khăn mà để sẵn đó gặp cơ thời tỉnh. Đêm dài dằng-dặc, say tỉnh một mình.*

(1) « Giấu » là thu giấu không cho Mã-giám-Sinh biết.

(2) « Nước đã đến chân », bởi câu tục-ngữ « nước đã đến chân thời nhảy » ý nói gặp lúc gặp thì phải tỉnh.

(3) « Đêm thâu » là suốt đêm ; « một khắc một chầy » là đêm dài. Đây nói suốt đêm cứ trông cho đêm mau sáng thành ra càng khắc càng trông thời đêm lại càng dài thêm.



LXXI

- Chẳng ngờ (1) gã *\*Mấ-giám-Sinh*,  
806 Vẫn là một đứa *\*phong-tinh* đã quen.  
Quá chơi lại gặp hồi đen, (2)  
808 Quen mùi lại kiếm ăn miền *\*nguyệt-hoa*. (3)  
Lầu xanh (4) có mụ *\*Tú-bà*,  
810 Làng chơi (5) đã trở về già hết duyên.  
Tình-cờ chẳng hẹn mà nên,  
812 Mặt cửa, mướp đấng (6) đôi bên một phường.  
Chung lưng mở một ngôi hàng,  
814 Quanh năm buôn phấn bán hương (7) đã lè.  
Đạo tìm khắp chợ thì quê, (8)  
816 Giả danh hầu-hạ, dạy nghề ăn-chơi (9).

---

LXXI. — Từ câu 805 đến câu 816, kể chuyện *Giám-Sinh* là tên dĩ trai và *Tú-Bà* là con dĩ già chung tiền lưng mở một nhà thổ để kiếm ăn.

(1) « Chẳng ngờ » là nói nàng Kiều không biết việc như thế.

(2) Câu này ý nói *Giám-Sinh* ăn chơi quá độ lại gặp trong lúc đen rủi mà phá hết tiền của.

(3) Câu này ý nói nghề chơi hoa-nguyệt đã quen thạo rồi nên nhân nghề đó mà kiếm cách làm ăn.

(4) « Lầu xanh » là lầu các con dĩ ở. Xem chữ « thanh lầu ».

(5) « Làng chơi » là bọn gái tiếp khách trong nhà thổ, hay là bọn trai điếm hay tới lui chơi nơi nhà thổ.

(6) « Mặt cửa » là rặng cửa. Trên mặt cửa có rặng lờ ra ; mướp đấng có da lóm vào, nếu đem rặng cửa mà đặt vào da mướp, thời chỗ lờ chỗ lóm vừa bám khít nhau. Đây nói *Giám-Sinh* là tên dĩ trai, *Tú-Bà* là con dĩ già, hai bên cùng một phường nhà thổ với nhau.

(7) « Phấn » trắng, « hương » thơm, là đồ trang sức của con gái. « Buôn phấn bán hương » là buôn bán hoa con gái.

(8) « Khắp chợ thì quê » là tìm khắp thành phố thì đến nhà quê.

(9) Câu này ý nói mượn tiếng mua người để hầu-hạ mà kỳ-thiệt mua người đem về để dạy nghề tiếp khách trong lầu xanh.



LXXII

Rủi may âu (1) cũng sự trời,  
818 \**Đoạn-trường* lại chọn mặt người \**vô-*  
[*duyên!*

Xót nàng chút phận \**thuyền-quyên!*  
820 Cảnh hoa đem bán vào thuyền lái buồn. (2)

Mẹo lừa (3) đã mắc vào khuôn, (4)  
822 \**Sinh-nghi* rẽ giả \**ngình-hôn* sẵn ngày.

---

LXXII. — Từ câu 817 đến câu 822, cơ trời xui khiến, người vô-duyên lại mắc số đoạn-trường; chưa xót thay nàng Kiều chút thân thơ yếu, mắc tay bọm giả, tiền cưới chẳng được bao nhiêu, ngày đi lại thêm vội-vả!

(1) « Âu » là có lẽ. Đây nói người ta ở đời mắc điều rủi hay là điều may, có lẽ cũng vì trời xui khiến cả.

(2) « Cảnh hoa » là nói thân người con gái tươi đẹp như hoa; « lái buồn » là nói bọn nhờ nghề buôn bán kiếm ăn. Đây nói nàng Kiều bị bán cho Giám-Sinh.

(3) « Mẹo lừa » là mưu kế của Giám-Sinh để lừa nàng Kiều tức là « giả danh hầu hạ dạy nghề ăn chơi. »

(4) « Khuôn » ở đây cũng nghĩa như tiếng « vòng ».

LXXIII

Mừng thăm cò đã đến tay, (1)  
824 . Càng nhìn vẻ ngọc, càng say khúc vàng : (2)  
« Đã nên \**quốc-sắc* \**thiên-hương*,

826 « Một cười này, hân nghìn vàng chẳng ngoa.  
« Về đây, nước trước bể hoa, (4) [(3)

828 « \**Vương-tôn*, \**qui-khách* ắt là đua nhau,  
« Hân ba trăm lượng kém đâu,

830 « Cũng là vừa vốn, còn sau thi lời. (5)

« Miếng ngon kê đến tận nơi,

832 « Vốn nhà cũng tiếc, của trời cũng tham. (6)



- « Đào tiên đã bén tay phàm,  
834 « Thì vin cảnh quít cho cam sự đời. (7)  
« Dưới trần mấy mặt làng chơi,  
836 « Chơi hoa đã dễ mấy người biết hoa.  
« Nước vô lựu, máu mòng gà, (8)  
838 « Mượn-màu \*chiêu-tập lại là còn nguyên.  
« Mập-mờ đánh lẫn con đen, (9)  
840 « Bao nhiêu cũng bấy nhiêu tiền, mất chi!  
« Mụ giả hoặc có điều gì, [(10)  
842 « Liều công mất một buổi qui mà thôi. (11)  
« Vả đây đường-sá xa-xuôi,  
844 « Mà ta \*bất-động nửa người \*sinh-nghi ». (12)

---

LXXIII. — Từ câu 823 đến câu 844, trong lòng Giám-Sinh tự nghĩ : nàng Kiều nhan-sắc như thế, ở đời này dễ có ai bằng ! về đây chắc nhiều kẻ yêu vì, mỗi hàng mới là đất khách. Nhưng nàng Kiều đã về tay mình, của trời đưa đến, không chơi cũng thiệt. Dầu hương phấn có phai lạt đi nữa thời đã có cách tu-bồ, nào có ngại gì. Làng-chơi mấy kẻ biết hoa, lối mập-mờ thời con đen phải lẫn. Tú-Bà có biết chẳng nữa thời liều mất công một buổi là xong. Huống chi đường về còn xa, mình không chơi, ai lìn mình là người thân-ái.

(1) Bối câu tục-ngữ : « Cờ về tay ai nấy phất », đây ý Giám-Sinh tự nghĩ mà mừng là nàng Kiều đã về tay mình rồi.

(2) « Vẻ ngọc » là nhan-sắc trong sáng như ngọc ; « khúc vàng » là tấm lòng qui-hóa như vàng. Đây nói càng nhắm nàng Kiều thời lòng Giám-Sinh càng thêm say mê.

(3) « Chẳng ngoa » là chẳng nói sai. Đây khen dáng đẹp nàng Kiều cũng như sách Tàu có chữ « nhất tiểu thiên kim » thật là chẳng nói sai.

(4) « Nước » là nước bước ; « hoa » là hoa con gái. Đây nói ai cũng đua nhau đến trước để chơi cùng nàng Kiều.



(5) Hai câu này ý nói bọm đưa tiền đến chơi lần trước hết, có kém ít đi nữa chắc cũng được 300 lượng, mà số tiền đó cũng là gần vừa vốn rồi, còn mấy lần sau thôi là có lời. Vì khi Giám-Sinh mua nàng Kiều chỉ hơn 400 mà thôi.

(6) Hai câu này ý Giám-Sinh tự nghĩ nàng Kiều về ở cùng mình một phòng cũng như miếng ngon kề bên miệng mình, bây giờ nghĩ đến số tiền xuất mua hôm kia cũng sợ làm cạn thời mất vốn, mà xem người ở bên mình thiệt là của trời đưa đến cho, như không chơi thời cũng uổng.

(7) « Quit » là cụt xuống ; « cam » là thỏa thích. Hai câu này Giám-Sinh lại nghĩ quả đào qui hóa của tiên ăn mà đã vào tay mình là người trần-phàm, thời mình vin cho cảnh đào quit xuống cho thỏa thích sự đời của mình. Vậy thời tiếng « quit » và tiếng « cam » không phải là hai thứ cây ; nhưng mượn tiếng mà dùng trong câu này để đi sóng với tiếng « đào » cho vui tai dễ nghe, thế cũng là một lối làm văn gọi là : « bâng-thấn ».

(8) Khi gái đã có khách chơi, lấy vỏ cây lựu nấu nước mà rửa thời cửa mình sẵn lại, sau lại lấy huyết trong mòng con gà bôi vào giả làm nguyên-sương.

(9) « Con đen » là dân đen đầu, bởi chữ « Lê-dân » dịch ra. Đây cũng nghĩa như tiếng « thiên hạ » hay là « bọm chơi ».

(10) « Mất chi » là không thiệt-hại gì. Đây nói mình đòi bao nhiêu thời khách chơi cũng trả bấy nhiêu, nào mình có thiệt-hại gì.

(11) Hai câu này ý Giám-Sinh lại nghĩ nếu Tú-Bà có biết sự ấy mà có nói điều gì, thời mình mất công qui một buổi là xong.

(12) Hai câu này Giám-Sinh lại nghĩ thêm một lẽ nữa, ở đó về đến nhà thổ đường đi còn xa, nếu mình không động gì đến nàng, thời có lẽ nàng nghĩ mình là không phải chồng nàng đó chăng ?

## LXXIV

Tiếc thay một đoá *\*đỏ-mi*,

846 Con ong đã mở đường đi lối về ; (1)

Một con mưa gió nặng-nề,

848 Thương gì đến ngọc, tiếc gì đến hương !

Đêm xuân một giấc mơ-màng,

850 Đuốc hoa (2) đề đỏ, mặc nàng nằm trơ. (3)

---

LXXIV. Từ câu 845 đến câu 850, thương tiếc thay cho nàng Kiều lắm thân dày dạn đến nỗi !



Góm ghê thay cho Giám-Sinh một tay ăn chơi quá độ ! Vẩy-vùng mưa gió, dày vò phần hương, chơi hoa rồi lại phụ hoa, thiệt là bạc tình công-tử.

(1) « Đóa đồ-mi » là nói ví nàng Kiều, « con ong » là nói ví Giám-Sinh. Đây nói tiếc cho nàng Kiều con gái đương xuân mà bị lão Giám-Sinh mở đường hoa-nguyệt.

(2) « Đuốc hoa » là cây đuốc thắp đêm vợ chồng vào phòng lặn thú nhút, lấy hai chữ « hoa chúc » mà dịch ra.

(3) « Nằm trơ » là nói dề Kiều nằm trơ ra đỏ mặt mình, mà Giám-Sinh thôi đi thẳng, bỏ đuốc hoa suốt đêm không tắt và cũng không thêm ngó lại đến nữa.

### LXXV

Nỗi riêng tâm-tả tuôn mưa, (1)

852 Phần cảm nỗi khách, phần dơ nỗi mình :

« Tuồng chi (2) là giống hôi-tanh ?

854 « Thân nghìn vàng đề \*ô-danh má hồng !

« Thôi còn chi nữa mà mong !

856 « Đòi người đến thế là xong một đời ! »

Giận duyên tử phận bởi-bởi,

858 Cầm dao, nằng đá toan bài \*quyên-sinh.

Nghĩ đi nghĩ lại một mình :

860 « Một mình thì chớ, hai tình (3) thì sao ?

« Sau đầu \*sinh-sự thế nào,

862 « \*Truy-nguyên, chẳng kéo (4) lụy vào \*song

« Nỗi mình âu cũng gián dần, (5) [thân.

864 « Kíp chầy, thôi cũng một lần mà thôi ! » (6)

Những là đo-đắn ngược xuôi,

866 Tiếng gà nghe đã gáy sôi (7) mái tường.

---

LXXV. — Từ câu 851 đến câu 866, nàng Kiều nằm mà than khóc, phần thời tức mình, phần thời giận Giám-Sinh, nghĩ má hồng đã vương lầy hôi-tanh, toan liều chết cho rồi một kiếp.



Nhưng suy đi nghĩ lại, sợ chết ngay thời lụy đến ông bà Viên-ngoại. Ấu là hãy đành chịu vậy, đợi lúc đi đến nơi sẽ tỉnh cũng chẳng hề gì. Đo-dẫn thiệt hơn, thâu đêm không ngủ.

(1) « Tuôn mưa » là nói nước mắt chảy như mưa tuôn.

(2) « Tuồng chi » là nói không ra dáng chi, không ra bộ chi. Từ câu này trở xuống cả thấy bốn câu, lời nàng Kiều tự nghĩ : Giám-Sinh không phải là người đồng-khí mà thân nàng đến thế là gái thất-trinh.

(3) « Hai tình » là nói hai người tình-thân, tức là hai cha mẹ. Từ câu này trở xuống cả thấy là năm câu, nàng Kiều lại tự nghĩ : bây giờ nếu chỉ một mình thôi chết đi cũng được, nhưng còn có cha mẹ thời sợ lụy đến đó chẳng.

(4) « Chẳng kéo » là nói chẳng như thế ấy, kéo phải thế kia, cũng nghĩa như tiếng « e phải ».

(5) « Giãn dần » là nói bớt dần, nguôi dần.

(6) Câu này ý nói thôi hãy chờ đó để xem thế nào ; trước sau cũng một lần chết.

(7) « Gáy sồi » là gáy đội lên, nhiều con gà đồng gáy một lần.

## LXXVI

Lầu mai vừa rúc còi sương, (1)

868 \*Mã-sinh giục-giã vội-vàng ra đi.

\*Đoạn-trường thay lúc \*phân-kỳ !

870 Vó câu (2) khắp-khềnh, bánh xe gập-ghềnh.

[(3)]

---

LXXVI. — Từ câu 867 đến câu 870, trời lang tang sáng, Mã-Sinh giục-giã ra đi ; lìa nhà bỏ cửa, đã bắt đầu lòng, lên dốc xuống dèo, lại thêm nhọc mệt.

(1) « Lầu mai » là lầu canh lúc ban mai, lúc gần sáng. « Rúc còi » là thổi còi, « sương » là nói lúc chưa thiệt sáng còn có hơi sương.

(2) « Vó câu » là chân ngựa.

(3) « Gập-ghềnh » và « khắp-khềnh » đều nói đường đi không được bằng-phẳng, nhưng cũng có ý tả đến bước chân lưu-lạc của người vô-duyên.



LXXVII

- Bề ngoài mười dặm *\*trường-dinh*,  
872 *\*Vương-ông* mở tiệc (1) *\*tiễn-hành* đưa theo.  
Ngoài thì chủ khách dập-diu,  
874 Một nhà huyền (2) với một Kiều ở trong.  
Nhìn cang lã-chả giọt hồng,  
876 Rỉ tai nàng mới giải lỏng thấp cao :  
« Hồ sinh ra phận thơ đào, (3)  
878 « Công cha nghĩa mẹ kiếp nào trả xong ?  
« Lỡ-làng nước đục bụi trong, (4)  
880 « Trăm năm đề một tấm lòng từ đây. (5)  
« Xem gương (6) trong bấy nhiêu ngày,  
882 « Thân con chẳng kéo (7) mắc tay bọm già ;  
« Khi về bỏ vắng trong nhà, (8)  
884 « Khi vào dùng-dắng, khi ra vội-vàng, (9)  
« Khi ăn khi nói lỡ-làng, (10)  
886 « Khi thầy khi tớ xem thường xem khinh,  
« Khác màu kẻ quý người thanh, [(11)  
888 « Găm ra cho kỹ như hình con buôn. (12)  
« Thôi con còn nói chi con,  
890 « Sống nhờ đất khách, thác chôn quê người». *\*Vương-bà* nghe bấy nhiêu lời,  
892 Tiếng oan đã muốn vạch trời kêu lên.  
Vài tuần chưa cạn chén khuyên, (13)  
894 Mãi ngoài nghe đã giục liền ruỗi xe.

---

LXXVII. -- Từ câu 871 đến câu 894, *Vương-ông* mở tiệc đưa chân ; ở trong thời nàng Kiều ngồi với *Vương-bà*, kể hết chuyện tru-phường hôm trước : xem *Mã-Sinh* ra bộ bọm già buôn bán mà hồ cái thân thơ trẻ mắc lừa, *Vương-bà*



*thương con mà khóc. Ở ngoài thời chủ khách  
dập-diu cuộc rượu, Mã-Sinh giục-giã xe đi.*

(1) Nguyễn truyện nói là Chung-ông mở tiệc, mà nhiều bản dịch là Vương-ông cũng có một nghĩa. Vì theo lối văn ở đây thời rành là nói câu chuyện của người nhà Viên-ngoại, như Vương-bà khóc với nàng Kiều, Vương-ông nói với Mã-Sinh thời cho Vương-ông mở tiệc cũng phải nghĩa.

(2) « Nhà huyên » là Vương-bà, mẹ nàng Kiều. Xem chú thích câu 224.

(3) « Thơ đào » là nói thân phận con gái thơ yếu như cây đào. Từ câu này trở xuống cả thảy 14 câu là lời nàng Kiều nói.

(4) Nước trong mà hóa ra đục, bụi đục mà hóa ra trong, ý nói thân nghìn vàng chịu bán cho giống hội-tanh, thế là danh phận đã hỗn-hào, khó phân biệt ra được trong đục nữa.

(5) « Tấm lòng » là tấm lòng hối-hận. Đây nói thân-phận đã hỗn hào rồi thời tự rầy trở đi, cái thân cũng chẳng làm gì, nên điều giận này để mãi trong lòng bao giờ cũng không quên, dầu đến trăm năm cũng vậy, như câu tục-ngữ thường nói : « Sống để dạ, chết đem đi . »

(6) « Xem gương » là xem bộ dạng Mã-Sinh.

(7) « Chẳng kéo » là e phải. Xem chú thích câu 862.

(8) Khi Mã-Sinh đem nàng Kiều về thời bỏ nàng ở lại một mình trong nhà.

(9) Khi Mã-Sinh toan vào phòng, thời ngó bộ thái-thụt không quả quyết, còn khi xong việc thời nhẩy phóc ra một cách vội-vàng lắm.

(10) Khi ăn khi nói không được đứng-dẫn, lộ ra bốn-tướng một đũa phong-tinh.

(11) Thầy tớ đều khinh bỉ Mã-Sinh, găm ra thời nó không phải thiệt là chủ nhà.

(12) Xét kỹ thời nó là con buôn, không phải người thanh kẻ quý.

(13) « Chén khuyên » là chén rượu khuyên mời lúc đưa chân lên đường, bởi chữ « hựu chi » mà dịch ra.

### LXXVIII

Xót con (1) lòng nặng tri-tri,

896 Trước yên 2) ông đã năn-ni thấp cao :

« Chút thân, yếu liễu (3) thơ đào, (4)

898 « Ngặt nhà (5) đến nỗi mắc vào tội người ; (6)

« Từ đây góc bể bên trời, (7)

900 « Nắng mưa thui-thủi quê người một thân.



- « Nghìn tầm nhờ bóng \*tùng-quân,  
902 « \*Tuyết-sương che chở cho thân \*cát-đăng  
Cạn lời khách mới thừa rằng : [! » (8)  
904 « Buộc chân, thôi cũng \*xích-thăng nhiệm  
« Mai sau dầu đến thế nào, [trao. (9)  
906 « Kia gương \*nhật-nguyệt, nọ đao \*quỉ  
[thần. » (10)

LXXVIII. — Từ câu 895 đến câu 906, Mã-Sinh lên ngựa, Vương-ông đứng trước yên nắn-ni gởi gắm, để cho nàng Kiều đi ra đất khách được phận nương nhờ, Mã-Sinh thề-thốt nặng lời, quyết không phụ-bạc.

- (1) « Xót con » là Vương-ông thương xót nàng Kiều.  
(2) « Trước yên » là đứng trước yên ngựa.  
(3) « Yếu liễu » là thân người con gái yếu ớt như cây liễu.  
(4) Từ câu này trở xuống cả thấy 6 câu là lời Vương-ông nói.  
(5) « Ngặt nhà » là nói trong nhà gặp lúc túng-rối.  
(6) « Tội người » là nói vào làm tội tở nhà người.  
(7) « Góc bể bên trời » là nói chỗ xa-xôi đất khách quê người.  
(8) Hai câu này ý nói nhờ lượng bao-dung cho người lễ-mọn được khỏi khổ-sở, cũng như bóng nghìn tầm của cây thông, bụi tre che chở cho loài dây leo khỏi bị tuyết sương.  
(9) « Khách » là Mã-Sinh; « buộc chân » là nói tơ hồng buộc chân cho làm vợ chồng, xem chủ thích chữ « xích thăng » ; « nhiệm » là nhiệm-mầu. Mã-Sinh nói duyên vợ chồng đã có dây tơ hồng vấn vương từ lúc nào rồi, vẫn là nhiệm-mầu lắm.  
(10) « Gương » là bóng sáng soi xuống như tấm gương ; « Đao » là phép hình phạt như gươm đao. Hai câu này Mã-Sinh thề nói với Vương-ông, nếu ngày sau chàng có sai lời lỗi ước mà để cho đến nỗi thế nào, thời có mặt trời mặt trăng soi xuống và quỉ thần lấy gươm đao mà trị tội không tha.

### LXXIX

- Đùng-đùng gió giục mây vùn,  
908 Một xe trong cõi \*hồng-trần như bay ; (1)  
Trông voi gặt lệ, chia tay,  
910 Góc trời thăm-thăm, ngày ngày đắm-dắm. (2)



- Nàng thi cỏi khách xa-xăm, (3)  
912 Bạc-phao cầu giả, đen-giằm ngàn mây. (4)  
\* *Vĩ-lô* san-sát hơi may, (5)  
914 Một trời thu, đề riêng ai một người. (6)  
Dặm khuya, ngắt tạnh, mù khơi, (7)  
916 Thấy trăng mà then những lời non sông; (8)  
Rừng thu từng biếc chen hồng,  
918 Nghe chim như nhắc tấm lòng *thần-*  
[*hôn* ! (9)

---

LXXIX. — Từ câu 907 đến câu 918, Mã-Sinh vừa nói dứt lời, xe đã vùn-vụt chạy; ông bà Viên-Ngoại cùng con từ biệt, đứng mà khóc và trông một phương trời càng ngày càng xa. — Còn nàng Kiều đi đường thời cảnh vật ầu-sầu, trời thu tẻ ngắt, thấy trăng mà then những lời non sông thề với Kim-Trọng, nghe chim mà nhớ đến tấm lòng hôm sớm ở với hai thân.

(1) Hai câu này nói xe đi mau như gió như mây.

(2) Hai câu này nói ông bà Viên-Ngoại từ khi đã cùng nàng Kiều tống-biệt, trông đường xa, gạt nước mắt mà chia tay ra, thời ngày ngày cứ dăm-dăm trông con ở một phương trời xa thăm-thẳm.

(3) Nàng Kiều thời đi xa-xôi ở chốn đất khách.

(4) Trên cầu vừa tiết lạnh thời giá trăng như bạc, bên ngàn nơi chân trời thời mây kéo đen-sì.

(5) « Hơi may » là hơi gió mùa thu rụng bông lau nghe tiếng san-sát.

(6) Người sầu nên cảnh vật thêm sầu, vì như trời thu chỉ riêng cho một nàng Kiều.

(7) « Dặm khuya » là đường đi ban đêm; « ngắt tạnh » là cao ngắt phẳng-lặng; « mù khơi » là mịt-mù xa-khơi.

(8) Nhớ khi « hai miệng một lời » thời có « vầng trăng » làm chứng, mà nay « lời thề thôi đã phụ-phàng với hoa », nên trông trăng thời nhớ đến lời « chỉ núi thề sông » mà tự then.

(9) Đến tiết mùa thu, trong rừng lá xanh đã lỏ-đỏ có lá vàng chen lá đỏ. « Nghe chim » là nói nghe tiếng chim nhớ tổ mà kêu.



LXXX

- Những là lạ nước lạ non,  
920 \**Lâm-tri* vừa một tháng tròn đến nơi.  
Xe châu dừng bánh cửa ngoài,  
922 Rèm trong đã thấy một người bước ra.  
Thoắt trông lòn-lọt màu da, (1)  
924 Ăn chi cao lớn đầy-đà (2) làm sao?  
Trước xe, lời-lả han chào, (3)  
926 Vâng lời nàng mới bước vào tận nơi.

---

LXXX. — Từ câu 919 đến câu 926, nước non xa lạ, một tháng tròn đi tới *Lâm-tri*. Ngoài cửa dừng xe, ở trong bỗng thấy một người đi ra, tuổi đã nhiều mà mình còn lòn mập. Mụ đưa lời chào hỏi, nàng *Kiều* vâng lời đi vào.

(1) « Lòn-lọt màu da » là nói nhan sắc không được đượm-thắm như trước nữa, tức là nói « làng chơi đã trở về già hết duyên. »

(2) « Đầy-đà » là nói béo mập.

(3) « Lời-lả » là làm suồng làm sã như cách quen nhau đã lâu. « Han chào » là hỏi han chào mừng, hỏi thăm hết những việc đi đường và sức khoẻ thế nào và mời vào trong nhà.

LXXXI

- Bên thi mấy ả mây ngái,  
928 Bên thi ngồi bốn năm người làng chơi, (1)  
Giữa thi \**huong-án* hân-hoi,  
930 Trên treo bức tượng trắng đôi lông mày.  
Lầu xanh quen lối xưa nay, [ (2)  
932 Nghề này thi lấy ông này \**tiên-sư*.  
Hương hoa hôm sớm phụng thờ,  
934 Cô nào xấu vía có thừa mỗi hàng; (3)  
Cời xiêm lột áo sỗ-sàng,  
936 Trước thần, sẽ nguyện mảnh hương lăm.  
Đôi hoa (5) lột xuống chiếu nằm, [dầm. (4)  
938 Bướm ong bay lại ăm-ăm \**từ-vi*. (6)



LXXXI. — Từ câu 927 đến câu 938, tả cảnh khi nàng Kiều vào nhà, thấy những khách chơi, bàn thờ trong nhà Tú-Bà, và kẻ lối ăn làm của nhà thanh-lâu.

(1) « Lãng chơi » xem chú thích câu 810.

(2) Theo thói thường các nhà thờ, có vẽ tượng thần mây trắng mà thờ làm tiên sư.

(3) Đây nói cô nào bị xấu vía không được may-mắn mà có thừa ít mỗi hàng đi thời.....

(4) « Nguyên » là khẩn nguyện. « Mảnh hương » là một ít cây hương. « Lầm-dầm » là khẩn tiếng nho-nhỏ.

(5) « Đổi hoa » là dùng cành hoa mới, đổi cành hoa cũ đi, rồi lấy cành hoa cũ mà lót dưới chiếu mà nằm.

(6) « Bướm ong » xem chú thích câu 38. Đây nói nếu làm theo cách đã kể trên kia thì khách chơi đông lắm, ví như bướm ong bay lại ầm-ầm bên hoa.

## LXXXII

Kiều còn ngo-ngần biết gì,

940 Cúi lời (1) lạy xuống, mụ thì khẩn ngay :

« Cửa hàng buôn bán cho may,

942 « Đêm đêm \*Hàn-thực, ngày ngày \*nguyên-

« Muôn nghìn người thấy cũng yêu, [tiêu!

944 « Xôn-xao \*oanh-yến, dập-dìu \*trúc-mai.

« Tin nhận vắn, lá thơ bởi,

946 « Đưa người cửa trước, rước người cửa

Lạ tai (3) nghe chữa biết đâu, [sau ».

948 Xem tình ra cũng như mầu dỏ-dang.

---

LXXXII. — Từ câu 939 đến câu 948, nàng Kiều mới đến, chưa hiểu công việc ra sao, nhưng vâng lời Tú-Bà, nàng mới lạy đề cho mụ khẩn; nàng nghe những lời khẩn lạy làm lạ tai không



hiều, mà xem tình cũng đoán được là một đứa con buồn.

(1) « Cửi lời » là nói nàng Kiều vâng lời Tú-Bà.

(2) « Tin nhận » là tin tức mượn chim nhận đưa đến, do chữ « nhận tín ». « Lá thơ » là một bức thơ, do chữ « thư điệp ». « Vần » là vần có luôn luôn ; « bời » là bời-bời nhiều lắm. Đây nói thơ từ của khách chơi lại nhiều.

(3) « Nghe » là nói nàng Kiều nghe những lời khẩn của Tú-Bà.

### LXXXIII

Lễ xong \**huong-hỏa* \**gia-đường*,

950 \**Tú-Bà* vất nóc trên giường ngồi ngay; (1)

Dạy rằng : « con lạy mẹ đây,

952 « Lạy rồi thì lạy cậu (2) mầy bên kia. »

Nàng rằng : « phải bước \**lưu-ly*,

954 « Phận hèn vâng đã cam bẽ \**tiểu-tinh*.

« Điều đâu lấy yển làm oanh ! (3)

956 « Ngây-thơ chẳng biết là \**danh-phận* gì ?

« Đủ điều \**nạp-thải* \**vu-qui*,

958 « Đã khi chung-chạ lại khi đứng ngồi.

« Giờ ra thay mặt đôi ngôi, (4)

960 « Dám xin gởi lại một lời cho mình. »

---

LXXXIII. — Từ câu 949 đến câu 960, vừa khẩn vái xong, Tú-Bà lên giường ngồi, bảo nàng Kiều lạy mẹ rồi qua lạy Mã-Sinh ; nàng không chịu lạy và nói : Sinh đã cưới nàng về làm tiểu-thiếp, nàng đã ăn nằm với Sinh, mà bây giờ bảo nàng lạy Sinh, là có làm sao ?

(1) « Vất nóc » là lên ngồi trên cao vất tréo chân này qua chân kia ; ngồi vất mảy.

(2) « Cậu » là chỉ Mã-Sinh.

(3) « Lấy yển làm oanh » là nói hôm trước bảo là vợ-chồng mà hôm sau lại gọi là cậu cháu, cũng như lấy chim yển làm chim oanh.

(4) « Thay mặt đôi ngôi » là nói trước đã chung-chạ với Sinh mà nay phải lạy Sinh, thế là đổi phận-vị hầu mà làm cháu.



LXXXIV

- Mụ nghe nàng nói hay tình,  
962 Bấy giờ mới nổi *\*tam-bành* mụ lên :  
    « Này này sự đã *\*quả-nhiên* !  
964 « Thôi đã cướp sống chồng mình đi rồi ! (1)  
    « Bảo (2) rằng đi dạo lấy người,  
966 « Dem về rước khách kiếm lời mà ăn.  
    « Tuồng *\*vô-nghĩa* ở *\*bất-nhân*,  
968 « Buồn mình trước đã *tần-mãn* (3) thử chơi.  
    « Mầu hồ (4) đã mất đi rồi,  
970 « Thôi thôi vốn-liếng đi đời nhà ma !  
    « Con kia đã bán cho ta, (5)  
972 « *\*Nhập-gia* phải cứ phép nhà tao đây ;  
    « Lão kia có giở bài bầy, (6)  
974 « Chẳng văng vào mặt (7) mà mầy lại nghe.  
    « Cớ sao chịu trót một bề,  
976 « Gái tơ mà đã ngựa nghê (8) sớm sao ?  
    « Phải làm cho biết phép tao . . . »  
978 Giật *\*bi-tiên*, rắp sẵn vào ra tay.  
    Nàng rằng : « Trời thăm đất dày,  
980 « Thân này đã bỏ những ngày ra đi.  
    « Thôi thì thôi, có tiếc gì . . . »  
982 Sẵn dao tay ảo, *\*tức-thì* giở ra.  
    Sợ gan nát ngọc liễu hoa, (9)  
984 Mụ còn trông mặt, nàng đã quá tay.

---

LXXXIV. — Từ câu 961 đến câu 984, Tú-Bà nghe được công chuyện Mã-Sinh ăn nằm với nàng Kiều, mới nổi nóng lên mà oát ; trước mắng Sinh buồn mà *tần-mãn* để làm cho mất vốn, sau mắng Kiều ngựa nghê quá sớm mà không giữ phép nhà, nói chưa xong đã giật cây roi,



loan sẵn vào mà đánh. Nàng Kiều cũng nói nếu làm đến thế nàng cũng không tiếc gì thân nàng; vừa nói vừa rút con dao trong tay áo ra, mũi còn đứng trông trông-trọc, có ý e dè, mà nàng thời đã quá tay, bao giờ không biết.

(1) « Chồng » là chỉ Mã-Sinh, « mình » là ta, lời Tú-Bà tự xưng lấy. Đây nói nàng Kiều đã cướp mất chồng mũi đi rồi.

(2) « Bảo » là Tú-Bà bảo Mã-Sinh. Từ câu này trở xuống cả thấy 6 câu là lời Tú-Bà mắng Mã-Sinh.

(3) « Tần mẩn » là rờ mò.

(4) « Màu hồ » là màu vải hồ. Đây nói con gái mất may xưa, cũng ví như tấm vải mất màu hồ.

(5) « Con » là chỉ nàng Kiều. Từ câu này trở xuống cả thấy 7 câu, là lời Tú-Bà mắng nàng Kiều.

(6) « Lão » là chỉ Mã-Sinh, « bài bảy » là chuyện bảy-ba, chuyện xằng.

(7) « Văng vào mặt » là mắng xả hoặc đánh vào mặt.

(8) « Ngựa nghè » là ham chuyện hoa-nguyệt.

(9) Đây nói Tú-Bà còn sợ nàng Kiều có gan liều mình làm cho ngọc nát hoa tàn.

### LXXXV

Thương ôi \*tài-sắc\* mực này,

986 Một dao \*oan-nghiệt\* đứt dây \*phong-trần\*!

Nỗi oan vô-lỡ (1) xa gần,

988 Trong nhà người chật một lần như nệm.

Nàng thì bản-bật giấc tiên, (2)

990 Mũi thì ngăn-ngắt, mắt nhìn hồn bay ;

Vực nàng vào chốn hiên tây, (3)

992 Cắt người xem-sóc, rước thầy thuốc-men.

---

LXXXV. — Từ câu 985 đến câu 992, thương xót cho nàng Kiều vừa có tài có sắc, mà vì một lưỡi dao làm cho đứt hết trần-duyên ; ai nghe nàng chết oan cũng chạy đến cả. Lại khốn khổ cho Tú-Bà thấy mà sợ hãi mất hồn mất vía, phải vực nàng và bảo người chăm sóc, mong được hồi-sinh.



(1) « Võ-lở » là tràn trải ra khắp, đầu thời một chỗ, sau khắp mọi nơi, ví như cái gì võ-lở ra.

(2) « Giấc tiên » là giấc ngủ của tiên. Đây là nói nàng Kiều mê luôn không tỉnh lại, như tiên ngủ một giấc đến trăm ngày.

(3) « Hiên tây » là hiên nhà ở về phía tây.

### LXXXVI

Nào hay chưa hết \*trần-duyên,

994 Trong mê đường đã đứng bên một nàng;(1)

Rỉ rằng : « \*Nhân-quả dở-dang,(2)

996 « Đã toan trốn nợ (3) \*đoạn-trường được  
[ sao ?

« Số còn nặng nghiệp mã-đào,

998 « Người đầu muốn quyết, trời nào đã cho.

« Hãy xin hết kiếp \*liều-bồ !

1000 « Sông \*Tiền-đường sẽ hẹn-hò về sau. »

---

LXXXVI. Từ câu 991 đến câu 1000, ngờ đầu lòng người muốn quyết, số trời chưa cho ; trong giấc mê của nàng Kiều, đã thấy nàng Đạm-Tiên ửng mọng : bảo cho nàng biết nợ đời còn nặng, kiếp người chưa xong ; hãy chờ đến sông Tiền-đường, mới mong rửa sạch.

(1) Hai câu này ý nói nàng Kiều những tưởng kiếp người đến thế là xong, mà ngờ đâu dứt đi chưa được ; trong cơn mê đã thấy một nàng đứng bên.

(2) Từ câu này trở xuống cả thấy 6 câu là lời Đạm-Tiên bảo nàng Kiều.

(3) « Trốn nợ » là nói người ta ở đời, mà vất-vả tức là nợ đời ; mà chết đi tức là trả xong nợ đời. Đây nói nàng Kiều muốn chết cho khỏi nợ đời.

### LXXXVII

Thuốc thang suốt một ngày thâu,

1002 Giấc mê nghe đã dàu-dàu (1) vừa tan.

\*Tù-Bà chực sẵn bên màn,

1004 Lựa lời khuyên-giải mơn-man (2) gỡ dần ;



- « Một người dễ có mấy thân,  
1006 « Hoa xuân đương nhụy (3) ngày xuân còn  
« Cũng là lỡ một lần hai, (4) [dài.  
1008 « Đá vàng sao nở ép nài mưa mây. (5)  
« Lỡ chân trượt đã vào đây,  
1010 « Khóa buồng xuân, đề đợi ngày đào non. (6)  
« Người còn thì của hầy còn,  
1012 « Tìm nơi *\*xứng-đáng* làm con-cái nhà.  
« Lâm chi tội báo *\*oan-gia*,  
1014 « Thiệt mình mà hại đến ta hay gì ? »  
« Kề tai mấy nỗi năn-nỉ,  
1016 Nàng nghe dường cũng *\*thị-phi* rạch-ròi.  
« Vả trong *\*thần-mộng* mấy lời,  
1018 *\*Túc-nhân* thì cũng có trời ở trong.  
« Kiếp này nợ trả chưa xong,  
1020 Làm chi thêm một nợ chồng kiếp sau. (7)  
« Lặng nghe ngẫm-nghĩ gót đầu,  
1022 Thưa rằng: « Ai có muốn đâu thể này.  
« Được như lời thể là may,  
1024 « Hẳn rằng mai có như rày cho chẳng?  
« Sợ khi ong bướm đái-đăng,  
1026 « Đến điều sống đục, sao bằng thác trong. »  
« Mụ rằng: « Con hầy *\*thung-dung*, [(8)  
1028 « Phải điều lòng lại dối lòng mà chơi;  
« Mai sau ở chẳng như lời,  
1030 « Trên đầu có bóng mặt trời rạng soi. »  
« Thấy lời *\*quyết-đoán* hẳn-hoi,  
1032 Đánh lòng nàng cũng sẽ nguôi-nguôi dần.



mới tỉnh lại dần dần. Tú-Bà đứng chờ hồi lâu, để lựa lời khuyên giải. Nàng nghe mẹ nói cũng phải lẽ, mà nghiệm trong giấc mộng, trời cũng chưa cho dứt hết duyên trần. Nhưng nàng chỉ sợ về sau, lời nói mẹ không được chắc chắn, thời mẹ lại nặng lời thề thốt làm cho nàng phải tin.

(1) « Dầu dầu » cũng như nói dịu-dịu, có hơi giảm lần.

(2) « Mưa-mạn » cũng như nói mon-men, kiếm lời mà gỡ dần dần.

(3) « Hoa đương nhụy » là hoa vừa mới nở nhụy ra, nói vì tuổi người đương trẻ, nhan sắc đương tốt.

(4) Câu này Tú-Bà tự xưng lấy, vì mẹ nói một là lẽ hai là làm nên mới bắt nàng Kiều vào ở thanh-lâu.

(5) « Đá vàng » và « mây mưa », xem chú thích câu 513. Đây ý Tú-Bà nói nếu nàng Kiều muốn giữ lòng trinh-tiết thời mẹ cũng không nỡ ép làm chuyện chơi-bời.

(6) « Khóa buồng xuân » xem chú thích chữ « Xuân tỏa ». « Ngày đào non » là ngày con gái về nhà chồng, do chữ « đào yên » dịch ra. Đây nói ở trong buồng kín đợi ngày lấy chồng.

(7) « Chồng » là chồng chấp, sắp thành đồng cao lên. Đây nói như kiếp này trả nợ chưa xong mà tự chết đi, thời kiếp sau lại chồng thêm một lớp nợ nữa.

(8) « Ong bướm » xem chú thích câu 38. « Đãi-dãi » cũng như nói đau diu, qua lại luôn luôn. Hai câu này nàng Kiều nói sợ khi khách chơi đến ân cần quăn quít lấy mình, thì sống như thế phải chịu ô danh, thà là chết đi cho được thơm tiếng.

### LXXXVIII

Trước lầu \**Ngung-bích* khóa xuân,

1034 Vết non xa, tấm trắng gần ở chung. (1)

Bốn bề bát-ngát xa trông,

1036 Cát vàng còn nợ, bụi hồng dặm kia.

Bể-bàng mây sớm đèn khuya,

1038 Nửa tỉnh nửa cảnh như chia tấm lòng : (2)

Tưởng người dưới nguyệt chén đồng, (3)

1040 Tin sương luống những rày trông mai chờ.

Bên trời góc bể bơ-vo, [(4)

1042 Tấm son (5) gọi rửa bao giờ cho phai!



- Xót người dựa cửa (6) hôm mai,  
1044 Quạt nòng ấp lạnh (7) những ai đó giờ ?  
Sân Lai (8) cách mấy nắng mưa,  
1046 Cỏ khi gốc tử (9) đã vừa người ôm.  
Buồn trông cửa bể chiều hôm,  
1048 Thuyền ai thấp-thoảng cánh buồm xa-xa ?  
Buồn trông ngọn nước mới sa,  
1050 Hoa trôi man-mác biết là về đâu ?  
Buồn trông nội cỏ dầu-dầu,  
1052 Chân mây mặt đất một màu xanh-xanh.  
Buồn trông gió cuốn mặt ganh,  
1054 Âm-âm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi. (10)

LXXXVIII. — *Từ câu 1033 đến câu 1054, Tú-bà tuy là quyết đoán, nàng Kiều chưa được yên vui, thường ở phòng riêng, trông ra bốn phía, phần thời nhớ hai thân và nhớ Kim-trọng, nửa lòng bận-bịu vì tình; phần thời trông cửa bể và trông mặt ganh, nửa lòng âu-sầu với cảnh.*

(1) « Khóa xuân » xem chú thích chữ « Xuân tỏa ». Đây nói ở trong lầu kín chẳng có ai làm bận, chỉ ở xa thời có non, ở gần thời có trăng là chung-tinh mà thôi.

(2) « Bể bàng » là hồ-hững, không được vui sướng. Đây nói sớm dậy trông mây và khuya lại trông đèn một cách tức-bực lắm, mà tấm lòng lại chia ra hai ngả: nửa thời âu sầu với cảnh, nửa thời bận-bịu vì tình. Từ câu 1039 cả thấy 8 câu là chia lòng vì tình và từ câu 1047 cả thấy 8 câu là chia lòng vì cảnh.

(3) « chén đồng » là chén rượu đồng-tâm. Đây nói nhớ đến Kim-Trọng lúc thề ước cùng nhau ở dưới vầng trăng.

(4) « Tin-sương » đã chú thích ở câu 622. Đây nói chắc là chàng Kim chờ đợi tin tức của Kiều luôn.

(5) « Tấm son » là tấm lòng son, do chữ « đan-tâm » dịch ra.

(6) « Dựa cửa » là nói cha mẹ trông đợi con lấy tích « ỷ môn » của bà mẹ ông Vương-tôn-Giả. Đây nói thương xót ông bà Viên-ngoại trông đợi nàng Kiều.

(7) « Quạt nòng ấp lạnh » là nói con thờ cha mẹ thời mùa hạ nóng nực phải quạt cho mát và mùa đông lạnh-lẽo phải đắp cho ấm, do



chữ « hạ sảnh đồng ồn » trong kinh Lễ dịch ra. Đây nói biết lấy ai thờ cha mẹ ở nhà.

(8) « Sân Lai » là sân ông Lão-lai, để múa áo vẽ cho cha mẹ vui lòng. Đây nói đi ra khỏi sân nhà cha mẹ cách mấy lâu nay.

(9) « Gốc tử » là gốc cây tử trong làng, xem chú thích chữ « tử phần ». Đây nói ở làng cây tử đã lớn rồi.

(10) Nguyên truyện : khi nàng Kiều ở trong lầu có làm bài thơ mà câu thứ ba và câu thứ tư có ý nói : « Gần bờ tiếng sóng kêu quanh ghế, cách tường bóng buồm phất ngoài hiên » đều là tả cảnh âu-sầu của người lưu-lạc.

### LXXXIX

Chung-quanh-những nước non người,  
1056 Đau lòng \*lưu-lạc, nên vài bốn câu. (1)

Ngâm-ngủi rủ bức rèm châu, (2)

1058 Cách tường, nghe có tiếng đầu họa-vàn.

Một chàng vừa trạc \*thanh-xuân,

1060 \*Hình-dung chải-chuốt, áo khăn dịu-dàng.

Nghĩ rằng cũng mạch (3) \*thơ-hương,

1062 Hỏi ra mới biết rằng chàng \*Sở-khanh ;

Bóng Nga (4) thấp-thoảng dưới mảnh,

1064 Trông nàng chàng cũng ra tình đeo-đai : (5)

« Than ôi, sắc nước hương trời, (6)

1066 « Tiếc cho đầu bông lạc loài đến đây ;

« Giá đành trong nguyệt trên mây, (7)

1068 « Hoa sao hoa khéo đọa-đày mấy hoa !

« Tức gan riêng giận trời già,

1070 « Lòng này ai tỏ cho ta hồ lòng ?

« \*Thuyền-quyên vì biết \*anh-hùng,

1072 « Ra tay tháo củi sờ lòng như chơi ! » (8)

---

LXXXIX. — Từ câu 1055 đến câu 1072, quê người dất khách, khiến cho nàng Kiều vì tình vì cảnh mà vịnh nên thơ. Có chàng Sở-Khanh đứng bên kia tường, trông thấy nàng và nghe giọng thơ



ngâm, chàng mới theo vần mà họa lại : trước là than thở cho nàng một người liên-nữ mà phải bước lạc loài, sau là khoe-khoang lấy mình là một bậc anh hùng đề ra tay lễ-độ.

(1) « Nền vài bốn câu » là làm bài thơ tám câu.

(2) « Rèm châu » là bức rèm lấy hạt châu mà kết thành ra, nói bức rèm quý báu ; do chữ « Châu liêm » dịch ra.

(3) « Mạch » là dòng giới.

(4) « Bóng Nga » là bóng nàng Kiều, xem chú thích chữ « Tổ-ngà »

(5) « Đeo đai » là quyến-luyến. Đây nói Sở-Khanh thấy nàng Kiều mới ra tình quyến-luyến họa vận bài thơ của nàng, và nói mấy câu sau đó.

(6) « Sắc nước » là sắc đẹp hơn người trong nước, xem chú thích chữ « Quốc-sắc » ; « Hương trời » là con gái quý như hương của trời, xem chú thích chữ « Thiên hương ». Từ câu này trở xuống cả thấy 8 câu đều là lời của Sở-Khanh đứng bên tường nói, lúc đương họa thơ với nàng Kiều.

(7) « Trong nguyệt trên mây » là nói bậc người tiên ở trong cung trăng và trên tầng mây.

(8) Hai câu này ý Sở-Khanh nói nếu nàng Kiều biết mình là anh hùng thời sẽ cứu nàng ra khỏi thanh-lâu, cũng như tháo cũi cho con thú hoặc mở lồng cho con chim là những việc dễ lắm.

## XC

Song thu (1) đã khép cánh ngoài,

1074 Tai còn đồng-vọng mấy lời sắt định. (2)

Nghĩ người thôi lại nghĩ mình, (3)

1076 Cảm lòng chua xót, lạt tình bơ-vơ. (4)

Những là lần-lựa nắng mưa,

1078 Kiếp \*phong-trần biết bao giờ là thôi ; (5)

Đánh liều nhả một hai lời,

1080 Nhờ tay \*tế-độ vớt người \*trầm-luân.

Mảnh tiên (6) kể hết xa gần,

1082 Nỗi nhà \*báo-đáp nỗi thân lạc-loài.

Tan sương vừa rạng ngày mai ;

1084 Tiện-hồng (7) nàng mới nhả lời gởi sang.

Trời tây bảng-lảng bóng vàng, (8)

1086 \*Phục-thơ đã thấy tin chàng tới nơi.



Mở xem một bức Tiên-mai, (9)

1088 Rành rành « *\*Tích-việt* » có hai chữ đề.

Lấy trong *\*ý-từ* mà suy :

1090 Ngày hai mươi mốt, *\*tuất-thì* phải chăng?

XC. — Từ câu 1073 đến câu 1090, lời Sở-Khanh đã lọt vào tai nàng Kiều, khiến cho nàng phải suy đi nghĩ lại, nàng tự nghĩ là nếu ở mãi trong thanh-lâu thời bao giờ cho hết duyên sạch nợ, mà may gặp người tế-dộ cũng đánh liều đề xin cứu cho khỏi nổi trầm-luân. Nàng bèn viết thơ cho chàng, chàng cũng phục thơ cho nàng định ngày đi trốn.

(1) « Song thu » là cửa sổ có gió mùa thu thổi vào.

(2) « Đồng vọng » là nói còn nghe vang-vẳng. « Lời sắt danh » là lời hẹn vững bền như danh như sắt. Đây nói nàng Kiều còn nghe vang-vẳng lời hẹn của Sở-Khanh.

(3) Nàng Kiều nghĩ việc Sở-Khanh rồi lại nghĩ việc mình.

(4) Cảm lòng Sở-Khanh thương xót đến kẻ lạc loài mà nàng Kiều cũng nhân đó quên bớt tình cảnh bơ-vơ đất khách.

(5) « Lăn lưa nắng mưa » là nói nay lần mai lưa cứ lóng-dóng chịu nổi mưa nắng như thế mãi thì biết bao giờ cho hết kiếp phong trần. Từ câu này trở xuống cả thảy 4 câu là lời nàng Kiều tự nghĩ.

(6) « Mảnh tiên » là giấy huê tiên viết thơ.

(7) Đòi Hán ông Tô-Vũ ở Hung-nô gửi thư về Tàu thời buộc vào chân chim hồng (loài ngỗng trời) cho nó bay về, nên gọi tên tức thư từ là hồng tiện, nghĩa là tiện có chim hồng.

(8) Đây nói mặt trời đã xế chiều.

(9) « Tiên mai » là giấy huê tiên có vẽ cây mai.

## XCI

Chim hôm xao-xác về rừng,

1092 Đóa *\*đỏ-mi* đã ngậm trăng nửa vầng. (1)

Tường đông lay động bóng cảnh,

1094 Đầy song đã thấy *\*Sở-khanh* lén vào. (2)

Sương-sùng đánh dạn ra chào,

1096 Lạ thời nàng mới rí trao *\*ân-cần* ;



- Rằng : « Tôi bèo bọt (3) chút thân,  
1098 « Lạc đàn (4) mang lấy nợ nần \*yến-oanh.  
« Dám nhờ \*cốt-nhục \*tử-sinh,  
1100 « Còn nhiều kết cỏ ngậm vành (5) về sau. »  
Lặng ngòi lăm-nhằm gật đầu :  
1102 « Ta đây phải mượn ai đâu mà rằng. (6)  
« Nàng đã biết đến ta chẳng ?  
1104 « Bề \*trăm-luân lấp cho bằng mới thôi. »  
Nàng rằng : « Muôn sự ơn người,  
1106 « Thế nào xin quyết một bài cho xong? »  
Rằng : « Ta có ngựa \*truy-phong,  
1108 « Cỏ tên dưới trường (7) vốn dòng \*kiện-nhi.  
« \*Thừa-cơ lên bước ra đi,  
1110 « Ba mươi sáu chước, chước gì lại hơn ? (8)  
« Dầu khi gió kếp mưa đơn ; (9)  
1112 « Có ta đây cũng chẳng con-cỏ gì. »

XCI. — Từ câu 1091 đến câu 1112, trời vừa tối, Sở-Khanh ở tường bên kia trèo qua, lên vào trong lầu. Nàng Kiều chào xong, kể nỗi mình lưu lạc và xin chàng cứu vớt hộ cho. Sở-Khanh gật đầu và tự khoe mình có thể cứu nàng khỏi nạn.

(1) Hai câu này nói « chìm về rừng » là khi trời gần tối và « trắng ngậm vành » là lúc trăng mới lên.

(2) Sở-Khanh trèo cây đã bước chân qua tường, nên trăng soi mà trông thấy bóng cây rung-rinh.

(3) « Bèo bọt » là cánh bèo bọt nước trôi lênh-dênh ở giữa bể đông. Đây nói thân người lưu-lạc.

(4) « Lạc đàn » là chim lạc bầy. Đây nói xa người ân-ái mà ở chốn thanh-lâu, cũng ví như bỏ đàn loan phụng mà ở cùng oanh yến. Xem chú thích chữ « yến oanh ».

(5) Tích « Kết cỏ » là do tích « Kiết thảo ». Đời Đông-Châu liệt-quốc Ngụy-Thù có nàng hầu đương trẻ tuổi, khi gần chết ông dặn con là Ngụy-Khảo phải đem người hầu ấy chôn theo ông. Nhưng sau Ngụy-Khảo không chôn người ấy mà lại cho đi cải giá. Đến lúc Ngụy-Khảo đi đánh giặc ở nơi bãi cỏ, tự-nhiên thấy tên tướng giặc là Đỗ-Hồi



chân vương lấy cổ rồi ngã ra, bị phải Ngụy-Khỏa đâm chết. Đến đêm Ngụy-Khỏa nằm thấy một ông già lớn nói : « Tôi cảm ơn Ngài không chôn sống con tôi ; nên tôi kết cổ làm cái vòng để trặc chân Đổ- Hồi ngã ra cho ngài giết chết đó ». Còn tích « ngậm vành » là do tích « hàm hoàn » Đời Tần, ông Dương-Bảo bắt được một con chim sẻ vàng đầu yếu, ông đem chim về nuôi chim ăn uống. Khi chim đã mạnh, ông thả cho chim bay đi ; sau thấy con chim ấy ngậm một vành ngọc đến tạ ơn ông. Hai câu này ý nói xin chàng cứu cho thời sau sẽ báo ơn chàng.

(6) Từ câu này trở xuống cả thấy 3 câu là lời Sở-Khanh nói.

(7) « Tên dưới trướng » là tên hầu hạ, đầy tớ.

(8) Đây nói ba mươi sáu chước, chạy trốn là chước trên hết. Lấy câu « tam thập lục kế tẩu vi thượng sách » lời nói của Đản-Công bảo Vương-kính-Tắc mà dịch ra.

(9) « Gió kếp mưa đơn » là nói khi có việc gấp xảy đến, một việc hay là nhiều việc không hạn định trước được, cũng như nói : mưa gió bất kỳ. Vậy chữ « kếp » là chỉ nhiều việc, chữ « đơn » là chỉ một việc mà có ý nói không hạn định được.

## XCII

Nghe lời nàng đã *\*sinh-nghi*,  
1114 Song đà quá đổi (1) quản gì được thân.  
Cũng liều nhắm mắt đưa chân,  
1116 Mà xem con Tào (2) xoay vần đến đâu ? (3)  
Cùng nhau lên bước xuống lầu,  
1118 *\*Song-song* ngựa trước ngựa sau một đoàn.  
Đêm thâu khắc lậu (4) canh tàn, (5)  
1120 Gió cây trút lá, trăng ngàn ngậm gương.  
Lối mòn cỏ lạt màu sương, (6)  
1122 Lòng quê (7) đi một bước đường một đau.  
Tiếng gà xao-xác gáy mau,  
1124 Tiếng người (8) đâu đã mái sau dậu-dàng.  
Nàng càng thồn-thức (9) gan vàng,  
1126 *\*Sở-khanh* đã rẽ dây cương lối nào ? (10)  
Một mình khôn biết làm sao,  
1128 Dậm rừng bước thấp bước cao hải-hùng.



XCH. — Từ câu 1113 đến câu 1128, Nghe lời Sở-Khanh, nàng Kiều có lòng nghi. Nhưng cũng liều xem thử làm sao, mới cùng nhau lên ra để chạg trốn. Trời gần sáng đường đi còn xa, người ruồi theo nghe tiếng lao-xao, Sở-Khanh kiếm lối đi mất, nàng Kiều một mình run sợ ở giữa rừng xanh.

- (1) « Quá đổi » cũng như nói lỡ chừng.
- (2) « Con Tạo » là trời, xem chữ « Hóa nhi ».
- (3) Đây nói làm liều để xem trời định cho thế nào.
- (4) « Khắc lậu » là đồng hồ bằng nước để khắc canh.
- (5) « Canh tân » là nói đêm đã khuya, gần sáng.
- (6) Tả lúc mờ mờ sáng.
- (7) « Lòng quê » là tấm lòng nhớ quê-hương.
- (8) « Tiếng người » là tiếng người nhà Tú bà ruồi theo nàng Kiều.
- (9) « Thồn thừ » là cách lo lắng, xem chú thích câu 719.
- (10) Sở-Khanh kiếm lối đường tắt thẳng ngựa đi mất.

### XCHH

*\*Hóa-nhi* thiết có nữ lòng.

1130 Làm chi dày tía, vò hồng (1) lắm nao!

Một đoàn đưa đến trước sau,

1132 Vút đầu xuống đất, cánh đầu lên trời. (2)

*\*Tú-bà* tốc thẳng đến nơi,

1134 Hăm-hăm áp điệu một hơi tới nhà,

Hung-hăng chẳng hỏi chẳng tra,

1136 Đang tay vui liểu gặp hoa (3) tới-bời.

Thịt da ai cũng là người,

1138 Lòng nào hồng rụng thắm rời (4) chẳng đau?

XCHH. — Từ câu 1129 đến câu 1138, Người ruồi theo kéo nhau một lũ, nàng Kiều còn trốn đi đâu? Tú-bà bắt nàng về nhà, ra tay đánh đập.

- (1) « Tía » và « hồng » là sắc các thứ hoa để vì sắc đẹp con gái. « dày tía vò hồng » là làm cho người con gái cực khổ.
- (2) Không trốn đi đâu được, như muốn xuống đất thời không có vút và muốn lên trời thời không có cánh.



(3) « Liều » và hoa » đề ví thân người con gái. « Vui và gặp » là nói đánh đá làm khổ.

(4) « Hồng » và « thắm » đề ví sắc đẹp con gái. « Rụng » và « rời » là nói đã bị phá hại.

## XCIV

Hết lời *\*thủ-phục* *\*khẩn-cầu*,

1140 Uốn lưng thịt đồ, cắt đầu máu sa.

Rằng: « Tôi chứt phận đàn bà,

1142 « Nước non lia cửa lia nhà đến đây.

« Bây giờ sống thác ở tay,

1144 « Thân này đã đến thế này thì thôi.

« Nhưng tôi có sả chi tôi,

1146 « Phận tôi đành vậy, vốn người đề đâu? (1)

« Thân lươn bao quản lấm đầu, (2)

1148 « Chứt lòng *\*trinh-bạch* từ sau xin chữa. »

Được lời mụ mới *\*tùy-cơ*, [(3)

1150 Bắt người *\*bảo-linh* làm tờ *\*cung-chiêu*.

Bày-vai (4) có ả *\*Mã-Kiều*,

1152 Xót nằng ra mới đành liều chịu đoan.

Mụ càng kể nhặt kể khoan,

1154 Gạn-gùng đến mực, nồng-nản mới tha.

---

XCVI. — Từ câu 1139 đến câu 1154, nàng Kiều có ý kêu tha, mà Từ-bà chưa người con giận. Sau lại mụ mới bắt Mã-Kiều bảo lĩnh, mà làm giấy cam đoan và gạn-gùng cho hết lễ.

(1) Nếu chết đi thì phận Kiều đã đành chịu vậy, còn tiền vốn 450 lượng của Từ-bà có phải mất đi không.

(2) Con lươn dưới bùn còn kể chỉ là đầu lấm, nói ví thân bèn hạ thời việc gì cũng không từ.

(3) Từ đó về sau đành chịu làm mấy lần mưa, mà không giữ lòng như vàng như đá nữa.

(4) « Bày-vai » là một lừa một tác cùng nhau.



XCV

- Vực nàng vào nghỉ trong nhà,  
1156 \**Mã-Kiều* lại ngỏ ý ra dặn lời :  
« Thôi đã mắc lận (1) thì thôi,  
1158 « Đi đâu chẳng biết con người \**Sở-khanh*.  
« \**Phụ-tình* nổi tiếng lâu xanh,  
1160 « Một tay chôn biết mấy cảnh \**phù-dung*.  
« \**Đà-đao* sắp sẵn chước dùng,  
1162 « Lạ gì một cốt một đồng (2) xưa nay.  
« Có ba mươi lượng trao tay, (3)  
1164 « Không-dung chi có chuyện này trò kia.  
« Rồi ra trở mặt \**tức-thì* ;  
1166 « Liệu năn-nì, chớ sân-si thiệt đời. » (4)  
Nàng rằng : « Thề-thốt nặng lời,  
1168 « Có đâu mà lại ra người hiểm sâu ! »

---

XCV. — Từ câu 1155 đến câu 1168 nàng *Kiều* vào nghỉ trong nhà, *Mã-Kiều* bàn hết điều hơn lẽ phải ; nàng *Kiều* mới biết là người thề thốt như vậy mà hóa ra hiểm sâu.

(1) « Mắc lận » là phải lừa.

(2) Tú-bà với *Sở-Khanh* đồng mưu với nhau làm kế ấy để bắt tội *Kiều* và bắt phải ra tiếp khách cũng vì như bà cốt và con đồng đồng một nghề với nhau.

(3) Tú-bà thuê *Sở-Khanh* ba chục lượng.

(4) « Sân-si » là lần dân, không chịu thua lẽ. Đây nói *Sở-Khanh* trở mặt mau lẹ, nàng *Kiều* phải liệu ăn ở cho khéo đừng giận dữ mà sinh chuyện hóa ra thiệt đời.

XCVI

- Còn đương suy trước nghĩ sau,  
1170 Mặt mo đã thấy ở đâu sẵn vào. (1)  
\**Sở-khanh* lên tiếng rêu-rao :  
1172 « Nỡ nghe rằng có con nào ở đây ?



- « Phao cho (2) quyển gió rủ mây,  
1174 « Hãy xem có biết mặt này là ai ? »  
Nàng rằng : « Thôi thể thi thôi,  
1176 « Rằng không, thì cũng vâng lời rằng không. »  
Sở-khanh thét mắng dùng-dùng,  
1178 Bước vào, vừa rắp \*thị-hùng ra tay.  
Nàng rằng : « Trời lẽ có hay,  
1180 « Quyển oanh rủ yến (3) sự này tại ai ?  
« Đem người giầy xuống giếng khơi, (4)  
1182 « Nói rồi, rồi lại ăn lời (5) được ngay ;  
« Còn tiên « Tích-việt » ở tay,  
1184 « Rõ-ràng mặt ấy mặt này chứ ai ? »  
Lời ngay, đông mặt trong ngoài,  
1186 Kẻ chê \*bất-nghĩa người cười \*vô-lương.  
Phụ-tình ăn đá rõ-ràng,  
1188 Dơ tuồng (6) nghĩ mới kiếm đường tháo lui.

---

XCVI. — Từ câu 1169 đến câu 1188, nàng Kiều và Mã-Kiều đương ngồi nói, bỗng thấy Sở-khanh bước vào, hỏi trong lầu xanh, ai lại vu cho chàng là người đi dụ gái, nàng Kiều trả lời đáp lại, thối chàng nổi giận thét mắng mà toan đánh nàng. Nàng Kiều đem thơ « Tích-việt » làm chứng mà nói quyết là chàng phụ ước, chàng nghe nói hổ thẹn mà kiếm đường tháo lui.

(1) « Sấn vào » là bước xộc vào.

(2) « Phao » là nói vu.

(3) « Quyển oanh rủ yến » và « Quyển gió rủ mây » (173) đều nói quyển rủ con gái.

(4) « Giầy xuống giếng khơi » là lập mưu hãm hại người ta một cách hiểm sâu, ví như xô người xuống giếng.

(5) « Ăn lời » là chối đi không nhận.

(6) « Dơ tuồng » là xấu hổ.



XCVII

- Buồng riêng, riêng những sứt-sùi,  
1190 Nghĩ thân mà lại ngậm-ngùi cho thân.  
Tiếc thay trong giá trắng ngần, (1)  
1192 Đến \**phong-trần* cũng \**phong-trần* như ai.  
Tẻ vui cũng một kiếp người,  
1194 \**Hồng-nhan* phải giống ở đời mãi ru? (2)  
Kiếp xưa đã vụng đường tu,  
1196 Kiếp này chẳng kéo đền bù mới xuôi. (3)  
Dầu sao bình đã vỡ rồi,  
1198 Lấy thân mà trả nợ đời cho xong. (4)

---

XCVII. — Từ câu 1189 đến câu 1198, nàng Kiều ngồi một mình, ngấm nghĩ sự đời mà chán ngán. Thôi đời người ai sống quá trăm năm nàng cũng liệu cho xong một kiếp. Huống chi đã đành thất tiết, giữ gìn cũng chẳng làm chi.

(1) « Ngàn » tức là chữ « ngàn » là bạc, nói tấm lòng trinh tiết trong như giá trắng như bạc.

(2) « Tẻ » là buồn, xem chú thích câu 494. Đây nói cực khổ hay là vui sướng cũng là một kiếp người mà thôi, có phải sống lâu ở đời mãi dầu, thôi thế nào trước sau rồi cũng chết.

(3) « Vụng » là kém. « Chẳng kéo » xem chú-thích câu 862. Đây nói kiếp trước không khéo tu hơn tích đức, nên kiếp này e phải trả nợ đời.

(4) Đây nói đã bị thất tiết với Mã-Sinh và Sở-Khanh, thôi cũng liều thân mà ra tiếp khách.

XCVIII

- Vừa tuần nguyệt rạng gương trong, (1)  
1200 \**Tù-bà* ghé lại \**thung-dung* dặn-dò :  
« Nghề chơi cũng lắm \**công-phu*,  
1202 « Làng chơi (2) ta phải biết cho đủ điều. »  
Nàng rằng : « Mưa gió dập-diu, (3)  
1204 « Liều thân, thì cũng phải liều thế thôi ! » (4)



- Mụ rằng: « Ai cũng như ai,  
1206 « Người ta ai mất tiền hoài đến đây. (5)  
« Ở trong còn lắm điều hay,  
1208 « Nỗi đêm khếp mở, nỗi ngày riêng chung. (6)  
« Này con thuộc lấy làm lòng,  
1210 « Vành ngoài bảy chữ (7), vành trong tám  
« Chơi cho liễu chán hoa chê, [nghề. (8)  
1212 « Cho lầu-lóc đá, cho mê-mẩn đời. (9)  
« Khi khỏe hạnh, khi nét ngải,  
1214 « Khi ngâm ngợi nguyệt, khi cười cợt hoa. (10)  
« Đều là nghề-nghiệp trong nhà, (11)  
1216 « Đủ ngàn ấy nét, mới là người soi. » (12)

---

XCVIII. — Từ câu 1199 đến câu 1216, nàng Kiều đã đành quyết chí, Tú-Bà mới lại dặn-dò Mụ nói khách muốn vào lầu xanh là vì ở lầu xanh đủ thú phong-lưu, thời mình có phải học bảy chữ và tám nghề mới là người chơi đủ cách.

- (1) « Nguyệt rạng gương trong » là nói trăng sáng như gương.  
(2) « Làng chơi » xem chú thích câu 810.  
(3) « Mưa gió đập-diu » là nói chịu đề cho khách lui tới đập-diu mà làm mưa làm gió phá hại hồng-nhan.  
(4) Đây ý nàng Kiều nói đã liễu thân mà trả nợ đời, thời đến đâu hay đó, chớ còn biết làm sao.  
(5) « Hoài » là uổng, xem chú câu 790, Đây ý Tú-Bà nói như không biết đủ điều mà cứ liễu thân, thời ai đại chi mà đem tiền đến đây làm chi cho uổng.  
(6) « Khép mở » là khép cửa mở cửa nói khi đưa khách ra và rước khách vào. « Riêng chung » là riêng một mình hoặc chung với ai, nói khách riêng của mình hoặc khách chung của mấy chị em.  
(7) « Bảy chữ » : 1) chữ « khố » là giả bộ thương khách mà khóc lóc để cho khách mê mình ; 2) chữ « tiền » là cắt lượm kết cánh tay hai người giả làm như ý xe tơ kết tóc ; 3) chữ « thích » là chạm tên người khách vào cánh tay hoặc đùi chân mình, để cho khách thương yêu ; 4) chữ « thiền » là đốt hương thề nguyện ; 5) chữ « giá » là giả cách hẹn ước lấy nhau làm vợ chồng ; 6) chữ « tẩu » là dụ khách cùng nhau chạy trốn, rồi bảo người theo bắt để bóc lột. 7) chữ



« tử » là giả làm cách sống chết cũng thủy chung với nhau, cho khách quyến-luyến không rời được.

(3) « Tám nghề » là nói khách chơi có nhiều hạng người như 1) người ngắn bé, 2) người dài lóa, 3) người tánh nóng, 4) người tánh chậm, 5) người đã chơi thạo, 6) người chưa chơi quen, 7) người đa tình và 8) người tham sắc, cứ tùy cách người mà dùng nghề cho thích-biệt.

(9) Chơi cho kỹ-cùng đảo-đề, cho khách phải say mê : như liêu phải chán, hoa phải chể, đá phải lăn lóc, dờn phải mê mẩn.

(10) « Khóe hạnh » là chuỗi con mắt ; « nét ngài » là đôi lông mày. Đây nói khi lấy mày đón, khi liếc mắt đưa, là lấy nhan sắc mà mê người ; khi ngậm ngời vùng trắng, khi miệng cười hoa nở, là lấy thanh âm mà ghẹo khách.

(11) « Trong nhà » là nhà thổ, nhà trâm dĩ.

(12) « Ngàn ấy » là chừng ấy, bấy nhiêu. « Người soi » là người sành sỏi, người rọi. Đây nói có đủ được những điều kể trên ấy, mới là người sành về nghề chơi.

## XCIX

Gót đầu vàng dạy mấy lời,

1218 Đường châu nét nguyệt, đường phai vẽ hồng.

Những nghe nói đã thẹn-thùng. [(1)

1220 Nước đời lắm nỗi lạ-lùng khắt-khe. (2)

Xót mình cửa các buồng khuê,

1222 Vỡ lòng học lấy những nghề-nghiệp hay. (3)

Khéo là mặt dạn mày dày,

1224 Kiếp người đã đến thế này thời thôi.

Thương thay *thân-phận* lạc loài,

1226 Dầu sao cũng ở tay người biết sao ?

---

XCIX. — Từ câu 1217 đến câu 1226, những lời dạy, nàng Kiều càng nghe thời càng thẹn càng buồn, song quyền ở tay người, phải sao chịu vậy.

(1) « Nét nguyệt » và « vẽ hồng » đều chỉ nhan sắc người đẹp « Châu » và « phai » là nói mặt có vẻ buồn.



(2) « Khất khe » hay là « khe khất » đều bởi chữ « khê khắc » mà thành ra là nói cách khó chịu, ăn ở phụ bạc không trung hậu.

(3) « Cửa các buồng khuê » là chỗ ở kín-nhiệm của người con gái trinh. « Võ lòng » là nói mới khai tâm, mới bắt đầu học tập. « Hay » là nghĩa nói chớm. « Nghề nghiệp hay » là nói nghề nghiệp lạ đời trái thói, hèn mạt.

### C

Lầu xanh mới rủ trướng đào, (1)

1228 Càng treo giá ngọc, càng cao phẩm người.

Biết bao bướm lả ong lời, (3) [(2)

1230 Cuộc say đầy tháng, trận cười suốt đêm.

Đập-diu lá gió cảnh chim, (4)

1232 Sớm đưa \* *Tổng-Ngọc*, tối tìm \* *Trường-*  
[*khanh*.

C. — Từ câu 1227 đến câu 1232, trướng đào mới rủ, tiếng nàng Kiều nao-nức lầu xanh, bướm lại ong qua, trọn ngày hết tháng, câu chuyện ở nhà thơ, lấy bút nào mà tả cho vừa.

(1) « Lầu xanh » xem chú thích câu 809. « Trướng đào » là bức màn sắc đỏ.

(2) Vì giá quý như ngọc nên phẩm người thêm cao.

(3) « Ong bướm » xem chú thích câu 38. « Bướm lả ong lời » tả tánh hạnh bộn dĩ trai.

(4) Đòi Đàng, nàng Tiết-Dao làm thơ có câu ý nói : « Cảnh rước chim nam bắc, lá đưa gió lại qua ». Người cha xem thơ. Biết con gái mình ngày sau thành gái giang hồ.

### CI

\* Khi tỉnh rượu, lúc tàn canh,

1234 Giật mình (1) mình lại thương mình xót-xa.

Khi sao phong gấm rủ là,

1236 Giờ sao tan-tác như hoa giữa đường ! (2)

Mặt sao dày gió dạn sương !

1238 Thân sao bướm chán ong chường bấy thân !

Mặc người mưa Sở mây Tần, (4) [(3)

1240 Những mình nào biết có xuân là gì ?



CI. — Từ câu 1233 đến câu 1240, những lúc canh khuya, nàng Kiều tỉnh giấc, chạnh nghĩ lại tiếc công gìn giữ, chịu nỗi dày bừa, càng xấu hổ lại càng đau đớn ; mặc ai vẫy vùng phỉ chí, mà mình thời chưa xót biết bao.

(1) « Giật mình » là tỉnh lại mà nhớ những việc đã qua.

(2) Trước sao ở trong buồng the mà giữ được trinh tiết, nay sao ra giữa đường cái mà chịu nỗi dày bừa.

(3) Sắc mặt như gió đánh sương pha mà không hề thẹn, tấm thân dề ong qua bướm lại thôi đã chán chường.

(4) « Mưa Sở mây Tần » là nói vì chuyện trai gái chơi bởi một cách vẫy vùng thích chí nguyên lấy chữ « Tần vân Sở vũ » trong câu thơ Từ không-Đô mà dịch ra.

## CII

Đôi phen (1) gió tựa hoa kề,  
1242 Nửa rèm tuyết ngậm, bốn bề trăng thâu. (2)

Cảnh nào cảnh chẳng đeo sầu ?  
1244 Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ ?

Đôi phen nét vẽ câu thơ,  
1246 Cung cầm trong nguyệt, nước cờ dưới hoa.

Vui là vui giọng kẻ lả, [(3)  
1248 Ai \*tri-âm đó, mặn-mà với ai ?

Thờ-ơ gió trúc mưa mai, (4)  
1250 Ngần-ngờ trăm nỗi, dùi-mài một thân.

CH. — Từ câu 1241 đến câu 1250, phong hoa tuyết nguyệt, nàng Kiều sầu nên cảnh đeo sầu ; thi họa cầm kỳ, nàng Kiều vui cũng là vui giọng, cực cho tấm thân dùi-mài mà sinh ra trong lòng ngờ-ngần.

(1) « Đôi phen » là có nhiều khi.

(2) Hai câu này nói tựa theo ngọn gió, kề bên cảnh hoa, tuyết đóng vào rèm và trăng soi thâu vách là tả cảnh phong hoa tuyết nguyệt.

(3) Hai câu này kể các thú thi họa cầm kỳ.



(4) Gió thổi trên cành trúc, mưa dầm vào hoa mai đều là cảnh vui đẹp mà nàng Kiều lại « thờ ơ » lạt-lẽo không có tình ý gì là vì không gặp kẻ tri-âm.

### CIII

- Ôm lòng (1) đòi đoạn xa gần,  
1252 Chẳng vô mà rồi, chẳng dần mà đau.  
Nhớ ơn chín chữ cao sâu, (2)  
1254 Một ngày một ngả bóng dâu tà-tà. (3)  
Dặm nghìn nước thăm non xa,  
1256 Nghĩ đâu \**thân-phận* con ra thế này.  
Sân hòe đòi chứt thơ ngây, (4)  
1258 \**Trần-cam* ai kẻ đỡ thay việc mình ?  
Nhớ lời \**nguyện-ước* ba sinh, (5)  
1260 Xa-xôi ai có (6) biết tình chẳng ai ?  
Khi về hỏi liễu \**Chương-đài*,  
1262 Cảnh xuân đã bẻ cho người chuyền tay. (7)  
Tình sâu mong trả nghĩa dày,  
1264 Hoa kia đã chấp cảnh này cho chưa ? (8)  
Mỗi tình đòi đoạn vô tơ, (9)  
1266 Giắc \**Hương-quan* luống mần-mơ canh dài.

---

CIII. — Từ câu 1251 đến câu 1266, nàng Kiều chệnh nghĩ việc riêng, trong lòng vô rồi : phần thời nhớ ở nhà, hai thân già yếu, hai em trẻ thơ, mà nàng thời lạc bước phương xa, chẳng biết lấy ai đỡ thay mình cho được. Phần thời nhớ chàng Kim, trắng thề còn đấy, chén vàng chưa ráo mà nàng thời gởi thân nhà thờ, chẳng biết em Vân đã chấp mối là chưa ? Nghĩ quần lo quanh suốt đêm như mộng.

(1) « Ôm lòng » là trong lòng buồn bực phải ôm lấy mà đè nén cho khỏi phát lộ ra.

(2) Kinh thi thơ Lục-Nga kể công đức cha mẹ có chín chữ : 1. Sinh là chịu khí cha mà thành thai ; 2. Cúc là nhờ huyết mẹ mà thành



hình; 3. Phũ là cha mẹ vỗ-về cho ta khỏi sợ hại; 4. Súc là cha mẹ nuôi nấng cho ta khỏi đói khát; 5. Trưởng là nuôi cho khôn lớn; 6. Dục là dưỡng cho nên người; 7. Cố là săn-sóc; 8. Phục là chăm nom; 9. Phúc là dắt-dìu. Từ câu này trở xuống 6 câu là nói nàng Kiều nhớ ông bà Viên-ngoại.

(3) « Bóng dàu » là bóng mặt trời lặn còn chiếu lên ngọn cây dàu nói ví cảnh người già. Đây nói càng ngày càng thêm già.

(4) « Hòe » xem chú thích chữ « quế hòe »; « Sân hòe » đây nói về hàng con. « Đòi chút thơ ngây » là chỉ Thúy-Vân và Vương-Quan hai người còn nhỏ dại.

(5) « Ba sinh » xem chú thích câu 257. Từ câu này trở xuống 6 câu là nói nàng Kiều nhớ chàng Kim.

(6) « Ai » là chỉ chàng Kim.

(7) Khi chàng Kim về bối tín tức nàng Kiều thời nàng đã về tay người khác rồi.

(8) Vì nàng Kiều có tình sâu với chàng Kim, nên mới dặn Thúy-Vân thay lời đề trả ơn chàng, nhưng bây giờ không biết chàng với Vân đã thành vợ chồng hay chưa.

(9) Vì hai điều nhớ kể trên ấy mà trong lòng bối-rối thành như chín khúc tơ vò.

#### CIV

Song sa vô-vô phương trời,

1268 Nay \*hoàng-hôn đã, lại mai \*hôn-hoàng.

Lần-lần thổ bạc ác vàng, (1)

1270 Xót người trong hội \*đoạn-trường đòi con.

Đã cho lấy chữ \*hồng-nhan,

1272 Làm cho cho hại, cho tàn, cho cân. (2)

Đã đẩy vào kiếp \*phong-trần,

1274 Sao cho \*sĩ-nhục một lần mới thôi.

---

CIV. — Từ câu 1267 đến câu 1274, nàng Kiều trông xa vọng-vọi, hết ngày này đến ngày kia, cảnh vật trên người, khiến cho đau lòng đứt ruột; kiếp người đến thế, tàn hại và sĩ-nhục xiết bao.

(1) « Thổ » và « ác » xem chú thích câu 79. Đây nói lần hồi cho hết ngày qua đêm.

(2) « Cân » là cân nhắc so sánh. Đây nói làm cho cái hồng nhan cho tồi tàn, cho hư hại, cho đáng cái số bạc mệnh mới chịu thôi.



CV

- Khách du (1) bỗng có một người,  
1276 \**Kỳ-tâm* họ Thúc vốn nòi (2) \**thơ-hương*.  
Vốn người huyện Tích châu Thường.  
1278 Theo \**Nghiêm-đường* mở ngôi hàng \**Lâm-*  
\**Hoa-khôi* mỗ tiếng \**Kiều-nhi*, [tri.  
1280 Thiếp hồng (3) tìm đến \**hương-khue* gởi  
Trưởng tô giáp mặt hoa đào, (4) [vào.  
1282 Vẻ nào chẳng mận, nét nào chẳng ưa ?  
\**Hải-đường* môn-mởn cảnh to,  
1284 Ngày xuân càng gió càng mưa càng nồng. (5)  
\**Nguyệt-hoa* \**hoa-nguyệt* nảo-nùng,  
1286 Đêm xuân ai dễ cầm lòng được chẳng ? (6)  
Lạ chi \**thanh-khi* lẽ hăng.  
1288 Một dây một buộc ai giăng cho ra. (7)  
Sớm đào tối mận lân-la, (8)  
1290 Trước còn trắng gió sau ra đá vàng. (9)

---

CV. -- Từ câu 1275 đến câu 1290, có một người khách họ Thúc lên Kỳ-tâm, theo ông Ích đến Lâm-trí để mở ngôi hàng buôn bán. Chàng nghe Kiều có tài và có sắc, tìm đến lâu xanh mà chơi. Từ khi chàng đã gặp nàng, trọng vì nét, say vì sắc, trước còn câu chuyện trắng hoa, sau lại những lời thề ước.

- (1) « Khách du » là khách ở phương xa đến du lịch một xứ nào.  
(2) « Nòi » là dòng dõi.  
(3) « Thiếp hồng » là mảnh giấy đỏ đề tên họ người gởi, thường gọi là danh-thiếp.  
(4) « Trưởng tô » là bức màn có kết tua kết giải. « Mặt hoa đào » là ví sắc mặt Kiều hồng đẹp như hoa đào.  
(5) Kiều đẹp như cảnh hoa hải-đường còn non. Chàng Thúc càng đến chơi lại càng nồng-nàn thêm, như hoa được gió xuân mưa xuân lại càng đẹp thêm.



(6) « Đêm xuân » là nói đêm quý hóa một khắc đáng giá nghìn vàng. Tình cảnh đêm xuân như vậy thời dễ ai cầm giữ tấm lòng tình-dục lại được đâu.

(7) « Lễ hằng » là lễ thường. Đây nói theo lễ thường thời người đồng-thanh đồng-khí hay vắn-vít lấy nhau mà không gỡ ra được.

(8) « Sớm đào tối mận » là nói sớm thời người này đưa cho quả đào, tối thời người kia trả lại quả mận để làm cái quà quen biết nhau lần lần ; do chữ « đào đào báo lý » trong Kinh-Thi trích lục ra.

(9) Trước còn tới lui chơi-bời như mấy người quen mùi nguyệt hoa mà sau hóa ra thề ước cùng nhau ghi vàng tạc đá.

## CVI

- Dịp đầu may-mắn lạ đường,  
1292 Lại vừa gặp khoảng *\*xuân-đường* lại quê. (1)  
Sinh cang một tỉnh mười mê,  
1294 Ngày xuân lắm lúc quên về với xuân. (2)  
Khi gió gác, khi trăng sân,  
1296 Bầu tiên chuốc rượu, câu thần nổi thọ. (3)  
Khi hương sớm, lúc trà trưa,  
1298 Bàn vây diễm nước, đường tơ họa đàn. (4)  
Miệt-mải trong cuộc *\*truy-hoan*,  
1300 Càng quen thuộc nét càng dan-diu tình. (5)  
Lạ cho cái sống *\*khuynh thành*,  
1302 Làm cho đồ quán xiêu đình như chơi. (6)  
*\*Thúc-sinh* quen thói bốc rời,  
1304 Trăm nghìn đồ một trận cười như không. (7)  
Mụ cang tô lục chuốt hồng.  
1306 Máu tham hể thấy hơi đồng thi mê. (8)

---

CVI. — Từ câu 1291 đến câu 1306, may thay!  
Gặp lúc Thúc-ông về làng ở bên huyện Tích,  
Thúc-sinh ngày nào cũng qua lại với Kiều luôn.  
Gió mát trăng thanh, câu thơ chén rượu, hương  
thơm trà đượm, nước cờ khúc đàn, vừa là lài,



vừa là sắc, vừa là cảnh, vừa là tình, xui cho lòng chàng mê-mệt. Tú-bà thắng được nhiều tiền càng lo trau chuốt, mà chàng thời thích chơi cho phí chí, xem trăm nghìn tiền bạc như không.

(1) « Lại quê » là trở về quê quán cũ.

(2) « Một tỉnh mười mê » là mười phần thì trong lòng mê gần hết cả mười mà chỉ được một chút tỉnh. Đây nói chàng gặp dịp lại càng mê say Kiêu quá chừng, ngày chơi xuân có nhiều lúc vì vui với xuân mà quên về nhà.

(3) Tả cảnh trăng, gió, thơ, rượu, hai người thù tạc xướng họa với nhau.

(4) Tả cảnh hương, trà, cờ đàn, hai người vui chơi với nhau.

(5) « Miệt mài » là luôn luôn không dứt; « đan díu » là vấn vít lấy nhau. Đây nói vui chơi với nhau luôn mà nét càng quen và tình càng bền.

(6) « Quán » và « đình » đều là nói nơi trú chỗ ở. Đây nói tài sắc Kiêu làm cho chàng Thúc đồ hết tiền của cũng vì như sóng đánh làm cho đồ quán xiêu đình.

(7) « Bốc rời » là bốc cả nắm tiền rời mà không đếm. « Trận cười » chỉ một cuộc chơi đùa. Đây nói chàng Thúc có tánh huy hoác, vãi tiền ra không kể, dầu trăm nghìn cũng đổ đi trong một trận cười mà không coi ra gì, nguyên dịch nghĩa câu « Thiên kim mại nhất tiểu ».

(8) « Lục » và « hồng » đề vì sắc đẹp, xem chú thích câu 90. Đây nói Tú-bà có máu tham thấy hơi tiền đồng thời mê, lại càng trau chuốt nhan sắc cho Kiêu.

## CVII

Dưới trăng quyền đã gọi hè,

1308 Đầu tường lửa lựu lập-lòe đơm bông. (1)

Buồng the phải buổi \**thung-dung*,

1310 Thang lan rủ bức trướng hồng tằm hoa. (2)

Rõ-ràng trong ngọc trắng ngà,

1312 Dày-dày sẵn đúc một tòa \**thiên-nhiên*. (3)

Sinh càng tỏ nét càng khen,

1314 \**Ngu-tinh* tay thảo một thiên luật Đường. (4)

Nàng rằng : « Vâng biết ý chàng,

1316 « Lời lời \**châu-ngọc* hàng hàng gấm thêu. (5)



« Hay hèn lẽ cũng nổi điều, (6)

1318 « Nổi quê nghĩ một hai điều ngang-ngang.

« Lòng còn gởi áng mây vàng,

1320 « Họa-vần xin hãy chịu chàng hôm nay. » (7)

---

CVII. — Từ câu 1307 đến câu 1320, có một ngày kia, Kiều tắm nước nóng ở trong buồng, lộ thân thể ra, chàng Thúc trông thấy, chàng mới nhân đó vịnh một bài thơ. Nàng đọc thơ khen hay, mà lại nói vì nổi nhớ nhà chưa có thể họa thơ được.

(1) « Quyên » là chim cuốc; « hè » là mùa hạ, « Lửa lựu » là ngọn lửa trong cây lựu, lấy tích « lựu hỏa » trong kinh Lễ mà dịch ra. Đây tả cảnh mùa hạ.

(2) « Thang lan » là nước hoa lan nấu lên, do chữ « lan thang » dịch ra. « Tắm hoa » là lấy hoa lan nấu mà tắm, do chữ « mộc hoa » trong Sở-từ trích dịch ra. Đây nói buồng màn xuống và dùng nước thơm mà tắm.

(3) Hai câu này tả thân-thể của Kiều, xem chung chú thích chữ « thiên nhiên ».

(4) « Tổ nét » là xem được rõ hình trạng, « luật Đường » là luật thơ của người đời Đường. Đây nói chàng xem thấy nàng đẹp mà ngâm thơ đề miên-lả chân tướng.

(5) Lời Kiều khen thơ chàng Thúc quý báu như châu ngọc và vẽ đẹp như gấm thêu.

(6) « Nổi điều » là lấy đuôi chó chắp vào đuôi điều, lấy tích câu « điều bát túc, cầu vị túc » đời Tấn-mạt thường dùng để chê các người ngư-sử đội mũ đuôi điều (lấy đuôi con chó làm mũ) không xứng chức. Đây nói hay hoặc dở lẽ cũng nên nổi thêm ít câu như đuôi chó nối vào đuôi điều.

(7) « Mây vàng » lấy tích khi sinh vua Nghiêu có đám mây vàng phủ trên nóc nhà, đây chỉ nhà cha mẹ. Ý Kiều nói lòng còn nhớ nhà lắm, xin đề bữa khác sẽ họa thơ.

### CVIII

Rằng: « Sao nói lạ-lùng thay,

1322 « Cảnh kia chẳng phải cội này mà ra? » (1)

Nàng càng ủ dột \*thu-ba,

1324 \*Đoạn-trường lúc ấy nghĩ mà buồn tanh:



« Thiếp như hoa đã lìa cành,  
1326 « Chàng như con bướm liệng vánh mà chơi.  
« Chúa xuân đành đã có nơi, (3) [(2)  
1328 « Vắn ngày thôi chớ dài lời làm chi. »

CVIII. — Từ câu 1321 đến câu 1328, chàng Thúc nghe nàng Kiều nói đến nhớ nhà, mới biết nàng không phải là chính phượng nhà thờ, mà hỏi dò tông-tịch. Nàng nghe hỏi mà buồn bực không muốn trả lời; nên mới nói là chàng ở nhà thôi đã có vợ chính rồi, không nên hỏi gì càn-vấn.

(1) Hai câu này ý chàng Thúc nói: « Ừ lạ chưa! thế ra cô nương không phải con bà này? »

(2) Hai câu này ý nàng Kiều nói nàng lìa cửa nhà vào ở nhà thờ ví như hoa đã lìa cành, mà chàng thôi đến chơi cũng ví như con bướm liệng chung quanh hoa mà chơi.

(3) « Chúa xuân » là nói vợ chính làm chủ trong nhà. Đây nói ở nhà đã có vợ chính rồi.

[CIX]

« Sinh rằng: « từ thừa \**trương-tri*,  
1330 « Tắm riêng, riêng những nặng vì nước non.  
« Trăm năm tính cuộc vuông tròn, [(1)  
1332 « Phải dò cho đến ngọn nguồn lạch sông »  
Nàng rằng: « Muôn đời ơn lòng, [(2)  
1334 « Chút e bên thú bên tưng (3) để đâu!  
« \**Bình-khương* nắn-nả bấy lâu,  
1336 « Yêu hoa yêu được một màu \**điểm-trang*.  
« Rồi ra lạt phấn phai hương, (5) [(4)  
1338 « Lòng kia giữ được thường thường mãi  
« Vả trong thềm quế cung trăng, [chăng?  
1340 « \**Chủ-trương* đành đã chị Hằng ở trong.  
« Bấy lâu khăng-khít dải đồng, [(6)  
1342 « Thêm người người cũng chia lòng riêng  
[tây. (7)



- « Vẻ chi chút phận bèo mây,  
1344 « Làm cho bề ái khi đầy khi vơi. (8)  
« Trăm điều ngang ngựa vì tôi,  
1346 « Thân sau ai chịu tội trời ấy cho ?  
« Như chàng có vững tay-co,  
1348 « Mười phần cũng đắp điểm cho một vài.  
« Thế trong dầu lớn hơn ngoài, [(9)  
1350 « Trước hàm \**sư-tử* gọi người \**dằng-la*. (10)  
« Cúi đầu luôn xuống mái nhà,  
1352 « Giấm chua lại tội bằng ba lửa nong. (11)  
« Ở trên còn có nhà thung, (12)  
1354 « Lòng trên trông xuống biết lòng có  
[thương ?  
« Sả chi liễu ngổ hoa tường, (13)  
1356 « Lầu xanh (14) lại bỏ ra phường lầu xanh.  
« Lại càng dơ dáng đại hình, (15)  
1358 « Đánh \**thân-phận* thiệp, ngại \**danh-giá*  
[chàng.  
« Thương sao cho vẹn, thời thương,  
1360 « Tính sao cho trọn mọi đường, xin vâng. »  
Sinh rằng : « Hay nói đề-chùng, (16)  
1362 « Lòng đây lòng đó chưa từng hay sao ?  
« Đường xa chớ ngại \**Ngô Lão*, (17)  
1364 « Trăm điều hãy cứ trông vào một ta.  
« Đã gần chi có điều xa,  
1366 « Đá vàng cũng quyết \**phong-ba* cũng liều. » x  
Cùng nhau căn vặn đến điều, [(18)  
1368 Chỉ non thề bề nặng gieo đến lời. (19)  
Ní-non đem văn tình dài,  
1370 Ngoài hiên Thỏ đã non đoài ngậm gương. (20)

CIX. — Từ câu 1329 đến câu 1370, chàng  
Thúc nói sở dĩ hỏi dò tung-tích là vì chàng có



ý muốn kết thân với nàng. Nàng từ rằng chàng đã có vợ chính rồi, không nên vắn-vương lấy nàng để cho trong nhà sinh việc: một là chưa chắc chàng đã vức đỡ cho nàng được ít nhiều, hai là chưa chắc vợ cả đã có lòng dung-thứ; ba là chưa chắc Thúc-ông đã ưng cho chàng cưới hầu. Chàng nói xin nàng cứ thuận tình thời thế nào chàng cũng quyết liệu xong. Hai bên thề thốt nặng lời, đêm khuya trời sáng.

(1) « Tắm riêng » là tắm lòng riêng. Đây nói trong lòng riêng những muốn chỉ non thề bề cùng nàng.

(2) Ý chàng Thúc nói muốn kết tóc trăm năm cùng nàng, nên muốn hỏi dò tung-tích của nàng thế nào, cũng ví như uống nước phải hỏi nguồn, vào sông phải tìm lạch.

(3) « Bên thú » là chàng Thúc cưới vợ lẽ; « bên tưng » là nàng Kiều bỏ nhà thờ mà theo lấy chồng; hai bên đều khó cả.

(4) « Nấn-ná » là để cho dài ngày, làm cho lòi-thời việc. Đây nói chàng đi lại nhà thờ đã lâu ngày, sở dĩ yêu nàng là vì nàng còn non trẻ cũng ví như yêu hoa còn lúc hoa đương điểm trang.

(5) « Phấn » và « hương » xem chú thích câu 814. Đây nói lúc nàng Kiều đã về già hết duyên, cũng ví như hoa đã lạt phấn phai hương.

(6) Hai câu này ý nói trong nhà chàng Thúc đã có vợ cả rồi, cũng ví như trong cung trắng đã có chị Hằng-nga làm chủ.

(7) « Khăng-khít » xem chú thích câu 700. « Dải đồng » là cái dải đồng-tâm. « Riêng tây » là nói cách không ở công-cộng. « Người » là nàng Kiều tự chỉ lấy mình. Đây nói bấy lâu chàng Thúc đã cùng vợ cả kết dải đồng tâm với nhau, nếu mà nay thêm một người hầu nữa thời người hầu ấy làm cho chàng sanh lòng riêng tây.

(8) « Vẽ chi » xem chú thích câu 503 « Bèo mây » xem chú câu 770. « Bể ái » nói lòng yêu nhau rộng lớn như bể. Đây nói có cần chi cái thân nàng lưu lạc như bèo giữa bể, mây giữa không, mà làm cho cái tình yêu mến của chàng đối với vợ cả khi mặt khi lạt.

(9) « Tay co » là thứ cán gươm có cái vòng để cầm cho vững. « Vững tay co » là nói có quyền cầm cương trong việc nhà. Đây nói nếu chàng có thể cầm quyền được việc nhà thời mười phần chàng cũng chỉ đắp điểm che chở cho nàng một vài phần mà thôi.

(10) « Trong » là nói đàn bà con gái ở trong, « ngoài » là nói đàn ông con trai ở ngoài, nguyên lấy nghĩa câu « nam ngoại nữ nội » trong Kinh Dịch mà trích dịch ra. « Gởi » là nói giao mặc



người khác mà không đoái hoài đến. « Dầu » là nói giả phỏng như, nếu như. Đây nói nếu như vợ cả của chàng có quyền lấn hiếp được chàng, thế là chàng bắt thân nàng làm hầu mà giao cho một người vợ cả ác nghiệt.

(11) « Giấm chua » là nói người vợ ghen tương thời cách ăn ở chua như giấm. « Lửa nòng » là nói vì người ở lâu xanh như sa vào hầm lửa nòng nọc. Đây nói nàng bỏ lâu xanh mà bước chân vào nhà chàng Thúc để làm hầu, thờ phải lòn cúi trước mặt vợ cả, ví như vào nhà thấp phải cúi đầu, thế là kiếp làm hầu lại cực khổ bằng ba kiếp làm dĩ.

(12) « Nhà thung » tức là nhà xuân, xem chú thích chữ « xuân huyên », ở đây đọc « thung » là đề hiếp vãn mà nghĩa cũng đề chỉ cha.

(13) « Liễu-ngõ hoa-tường » là nói ví hạng người ai chơi với cũng được, như cây liễu ở trước ngõ, cánh hoa ở bên tường ai muốn hái cũng được; tức là nói hạng người làm dĩ.

(14) « Lầu xanh » xem chú thích câu 809.

(15) « Đơ dáng đại hình » là nói thân-thể bị đơ nhuốc xấu-hỗ.

(16) « Nói đề chừng » là nói ức-đặc mà không biết được đích xác.

(17) Chàng Thúc bảo nàng Kiều đừng nghĩ gì việc xa-xòai mà nghỉ ngơi đến những việc gì ở dàu dàu như ở nước Ngô nước Lào.

(18) Hai câu này ý nói đã ở thân thiết cùng nhau, thời đừng nghĩ ngại gì, xin quyết một lòng dầu gặp hoạn nạn cũng vậy.

(19) « Cẩn-văn » là nói hết mọi lời. Đây nói cùng nhau thề thốt nặng lời.

(20) « Nỉ non » là giọng nói thẩn-thỉ căn kẽ. « Thỏ » là mặt trắng xem chú thích câu 79. « Đoài » là phương tây. Đây nói cùng nhau nói chuyện suốt đêm, trông ra ngoài trăng đã lặn ở núi phương tây.

## CX

Mượn điều *\*trúc-viện* *\*thừa-lương*,

1372 Rước về hậy tạm giấu nàng một nơi,

*\*Chiến-hòa* sắp sẵn hai bài,

1374 Cậy tay thầy-thợ, mượn người dò-la. (1)

Bản tin (2) đến mặt *\*Tủ-bà*,

1376 Thua cơ mưu cũng *\*cầu-hòa* dám sao? (3)

Rõ-ràng của dấn tay trao,

1378 *\*Hoàn-lương* một thiếp thân vào cửa công.

[(4)]



\**Công-tư* hai lễ đều xong,  
1380 Gót tiên phút đã thoát vòng \**trần-ai* ! (5)

CX. — Từ câu 1371 đến câu 1380, Thúc-sinh đưa nàng Kiều về giấu một nơi. Lập ra hai mưu: một là đi kiện Tú-bà, hai là trả tiền lại. Trước thời mượn Hoa-dong làm thầy-thợ, sau thời thuê Bộ-tân đi dò-la, nên Tú-bà nghe được cũng phải bàn hòa. Thúc-sinh đưa bạc lại và làm giấy trình quan. Việc đâu xong đấy, nàng Kiều về nhà Thúc-sinh.

(1) Hai câu này nói lập ra mưu chước sẵn mà cậy người khôn khéo và mượn người dò biết việc ấy để đối đãi với Tú-bà.

(2) « Bản tin » là đưa tin đến mau cho Tú-bà biết như ở bề ngoài bản một cái tên vào.

(3) Câu này nói nếu Tú-bà để cho sinh kiện thời mụ phải thua và nàng cũng đã về tay người ta rồi, nên mụ cũng phải cầu hòa để lấy bạc vốn ngày trước, mà không dám làm gì hết cả.

(4) Khi Thúc-sinh đã trao tay cho Tú-bà (45) lạng rồi, mới làm giấy trình quan địa-phương để cho phép nàng được bỏ nhà thổ mà ra lấy chồng.

(5) « Gót tiên » là gót chân nàng tiên ; đây nói chân nàng Kiều đã bước ra khỏi Thanh-lâu cũng ví như gót chân nàng tiên đã thoát vòng phạm-trần.

## CXI

Một nhà sum họp \**trúc-mai*,  
1382 Càng sâu nghĩa bề, càng dài tình sông. (1)  
Hương càng đượm, lửa càng nồng,  
1384 Càng xuê vẻ ngọc, càng lồng màu sen. (2)

CXI. — Từ câu 1381 đến câu 1384, khi nàng Kiều đã về nhà chàng Thúc, tình nặng nghĩa dày, duyên ưa phận đẹp, càng ngày càng đắm thắm xiết bao !

(1) Sâu không gì bằng bề, dài không gì bằng sông. nên lấy mà ví với tình nghĩa vợ chồng càng sâu càng dài.

(2) « Hương » và « lửa » là đồ nguyện ước, xem chữ « Hương hỏa » « Vẻ ngọc » và « màu sen » là ví mùi thơm sắc đẹp. Đây nói càng ngày lại càng thân thiết thêm.



CXII

- Nửa năm hơi tiếng vừa quen, (1)  
1386 Sân ngô cảnh bích đã chen lá vàng. (2)  
Giàu thu vừa nẩy chồi sương, (3)  
1388 Cối yên (4) đã thấy \**xuân-đường* đến nơi.  
\**Phong-lôi* nổi trận bời-bời, (5)  
1390 Nặng lòng e-ấp, tính bài phân chia. (6)  
Quyết ngay \**biện-bạch* một bề, (7)  
1392 Dạy cho má phấn lại về lầu xanh. (8)

CXII. — Từ câu 1385 đến câu 1392, chàng Thúc và nàng Kiều ở cùng nhau đã được sáu tháng, bỗng đâu thấy Thúc-ông đi tới. Ông thấy Thúc-sinh lấy vợ lẽ, mới tính bài ly-dị.

- (1) Sáu tháng đã ăn ở quen thuộc với nhau.  
(2) Cây ngô-đồng giữa sân trên cảnh xanh biếc đã có lổ-đổ một đôi lá vàng, là nói vừa lúc hết hạ sang thu.  
(3) « Giàu thu » là hàng giàu về lúc mùa thu. « Chồi sương » là chồi cúc gặp sương đậm ra.  
(4) « Cối yên » là khi đến nơi xuống ngựa giải yên ra.  
(5) « Nổi trận bời bời » là nói cơn nóng giận dữ dội.  
(6) « E-ấp » là lóng-dóng lòi-thôi, cứ dự-dự không nhứt định « Phân chia » là chia ra hai đảng không cho đoàn-tụ với nhau. Đây nói nếu Thúc-ông cứ lóng-dóng để cho Thúc-sinh say mê Thúy-Kiều, thời nặng-nề trong lòng lắm, cho nên tính bắt phải lìa nhau ra.  
(7) « Quyết... một bề » là nhứt định, không e ấp nữa.  
(8) « Lầu xanh » xem chú thích câu 809.

CXIII

- Thấy lời \**nghiêm-huấn* rành-rành,  
1394 Đánh liều sinh mới lấy tình nài kêu.  
Rằng : « Con biết tội đã nhiều,  
1396 « Dầu rằng sấm sét búa rìu cũng cam. (1)  
« Trót vì tay đã nhúng chàm, (2)  
1398 « Đại rồi mới biết khôn làm sao đây ?



- « Cùng nhau vả tiếng một ngày,  
1400 « Ôm cầm ai nỡ dứt giây cho đành (3)  
« Lượng trên quyết chẳng thương tình,  
1402 « \**Bạc-diên* thôi có tiếc mình làm chi ! »

---

CXIII. — Từ câu 1393 đến câu 1402, chàng Thúc thấy cha dạy thế, mới kiếm lời van lạy cùng cha : việc đã lỡ rồi, dầu cha làm tội gì cũng chịu. Chàng với nàng vẫn đã cùng nhau giao ước, bây giờ không nỡ lìa nhau. Nếu Thúc-ông không thương thì cũng liều thân cùng số mệnh.

(1) « Sấm sét » là oai nghiêm của trời ; « Búa rìu » là đồ dễ bửa xẻ. Đây nói dầu quả mãng hoặc hình phạt thế nào cũng phải chịu.

(2) « Tay đã nhúng chàm » là nói đã làm lỡ rồi thì phải chịu, ví như đã nhúng vào nước á chàm thời phải chịu xanh tay.

(3) Câu này ý nói chàng không nỡ lìa bỏ nàng ra, ví như ôm cái đàn cầm không nỡ dứt giây đi mà không gảy nữa.

#### CXIV

- Thấy lời sắt đá tri-tri, (1)  
1404 Sốt gan (2) ông mới cáo qui cửa công.  
Đặt bằng nỗi sóng (3) đùng-đùng.  
1406 \**Phủ-đường* sai lá phiếu-hồng (4) \**thôi-tra*.  
Cùng nhau theo gót \**sai-nha*,  
1408 \**Song-song* vào trước sân hoa, lạy qui.

---

CXIV. — Từ câu 1403 đến câu 1408, nghe lời Thúc-sinh nói, Thúc-ông tức giận đem việc ấy kiện với quan phủ. Quan phủ sai người đem trát tới đòi, Thúc-sinh và nàng Kiều đi theo vào hầu cửa phủ.

(1) « Tri-tri » là nói một cách vững bền không thể lay chuyển. Đây nói nghe lời Thúc-sinh bền như sắt vững như đá không lay chuyển được.

(2) « Sốt gan » là nói nóng ở trong lá gan. Đây nói Thúc-ông tức giận, đem đơn qui kiện tại phủ-đường.





<https://www.facebook.com/thuchoisach>



(3) « Đất bằng nổi sóng » là do chữ « bình địa khỉ ba đào » dịch ra. Đây nói đương khi yên lặng mà sinh việc rắc-rối vì như đây sóng ở giữa đất bằng.

(4) « Phiếu hồng » là tờ trát quan sai đi bắt, sắc đỏ.

### CXV

Trông lên mặt sắt đen sì, (1)

1410 Lập nghiêm trước đã ra uy nặng lời :

« Gả kia đại nết chơi bời, (2)

1412 « Mà con người thể ra người đong đưa. (3)

« Tuồng chi hoa thối hương thừa, (4)

1414 « Mượn màu son phấn đánh lừa con đen ! (5)

« Suy trong *\*tình-trạng \*nguyên-đan*,

1416 « Bề nào thì cũng chưa an bề nào.

« Phép công *\*chiếu-án* luận vào,

1418 « Có hai đường ấy muốn sao mặc mình : (6)

« Một là cứ phép *\*gia-hình*,

1420 « Một là lại cứ lâu xanh (7) phó về ! »

---

CXV. — Từ câu 1409 đến câu 1420, quan phủ ra hỏi việc kiện, phân xử hai đường : một là bắt giam nàng Kiều vào nhà ngục, một là bắt trở lại lâu xanh, tùy ý nàng chọn lấy.

(1) « Mặt sắt » là hình trạng dướng mặt ông quan phủ làm việc công minh và có oai nghiêm, do hai chữ « thiết diện » trong các truyện ông Triệu-thiện-Nghi làm quan phủ ở Sùng-yên và ông Lý-Luân làm quan đoãn ở Khai-phong đời Tống dịch ra. Đây nói trông lên công-đường thấy quan phủ có bộ chính-trực oai-nghiêm.

(2) « Gả kia » là chỉ Thúc-sinh. Từ câu này trở xuống cả thảy là 10 câu là lời quan phủ nói.

(3) « Con người » là chỉ nàng Kiều ; « Đong-đưa » là hay đưa dãi phỉnh gạt người ta. Đây nói còn con kia ăn làm như thế là thói gian-phỉ để phỉnh-phờ chúng.

(4) « Tuồng chi » là không ra tuồng, không ra bộ chi ; « hoa » và « hương » dùng để nói mùi thơm sắc đẹp, « hoa thối hương thừa » là nói thứ đồ đã để cho người chơi chán mà dư thừa ra. Đây nói hạng gái làm dĩ không được trình tiết nữa.



(5) « Son phấn » là đồ trang sức của con gái, dùng phấn để giả làm da trắng và son để giả làm sắc hồng; « con đen » xem chú thích câu 839. Đây nói trau dồi vào đề lừa khách chơi đêm

(6) « Minh » là chỉ tự mình nàng Kiều.

(7) « Lầu xanh » xem chú thích câu 809.

## CXVI

Nàng rằng : « Đã quyết một bề,  
1422 « Nhện nầy vương lấy tơ kia mấy lần ! (1)  
« Đục trong thân cũng là thân,  
1424 « Yếu thơ vâng chịu trước sân \*lôi-đinh ! » (2)  
Dạy rằng : « Cừ phép \*gia-hình, » (3)  
1426 Ba cây giập lại một cảnh \*mẫu-đơn. (4)  
Phận đành chi dám kêu oan,  
1428 Đào quèn-quẹt má, liễu tan-tác mày ! (5)  
Một sân lằm cát đã đầy,  
1430 Gương lơ nước thủy, mai gầy vóc sương ! (6)

---

CXVI. — Từ câu 1421 đến câu 1430, nàng Kiều nghe lời quan dạy xin chịu giam trong nhà ngục mà không chịu trở về lầu xanh. Quan mới bảo, theo phép mà làm hình phạt; nàng Kiều trong lúc chịu hình, đau đớn khổ sở biết là bao nhiêu!

(1) Đây nói con nhện trót đã giăng tơ thì cứ đeo luôn ở trong văng tơ, cũng như nàng Kiều đã định lấy Thúc-sinh thì cũng quyết theo trọn một bề.

(2) Hai câu này ý nói dầu thân có bị điều dơ đục hay là được tiếng trong sạch thế nào mặc lòng, cái thân yếu ớt này cũng xin chịu tội trước sân hình phạt.

(3) Câu này lời quan phủ dạy người trong phủ theo phép mà gia hình

(4) « Ba cây » là khóa tay, gông cổ và cùm chân, ba cây làm đồ hình phạt, do hai chữ « tam mộc » trong Hán-thư mà dịch ra; « cảnh mẫu đơn » là nói vì người gái có sắc đẹp. Đây nói đem đồ gông cùm và xiềng mà làm tội một mình nàng Kiều.

(5) Đây nói khi đã bị gia hình thời má đào thành ra lõ-lẹm quèn-quẹt và mày liễu hóa ra tan-tác rụng-rời.



(6) Hai câu này ý nói khi nàng Kiều chịu hình phạt ở giữa sân, thời cái thân đầy những bùn cát lem luốc, buồn bức đến nỗi con mắt nguyên sáng như gương mà bây giờ đã lờ nước thủy, ốm yếu đến nỗi cốt cách thanh như cây mai mà bây giờ đã gãy vóc xơ.

### CXVII

Nghĩ tình chàng Thúc mà thương,  
1432 Nẻo xa trông thấy, lòng càng xót-xa !  
Khóc rằng : « \**Oan-khốc* vì ta ! (1)  
1434 « Có nghe lời trước, chớ đà lụy sau ! (2)  
« Cạn lòng chẳng biết nghĩ sâu,  
1436 « Đề ai trắng túi hoa sầu vì ai ? » (3)

CXVII. — Từ câu 1431 đến câu 1436, Thúc-sinh đứng ở đằng xa, thấy nàng Kiều chịu hình, mới tự trách mình mà khóc : nàng đã biết trước mà chàng không nghe lời, nên đề nàng đã lụy về sau, đều là tại chàng không hay suy nghĩ.

(1) Từ câu này trở xuống cả thấy 4 câu là lời Thúc-sinh than khóc.

(2) Nếu chàng biết nghe lời nàng nói trước, thời nàng không đến nỗi đà lụy về sau.

(3) Chữ « ai » trên là chỉ nàng Kiều ; chữ « ai » dưới là Thúc-sinh tự hỏi lấy mình. « trắng » và « hoa » là ví nhan sắc người con gái ; « trắng túi hoa sầu » là nói người con gái bị phải lúc đau-dớn khổ-sở.

### CXVIII

\**Phủ-đường* nghe thoảng (1) vào tai,  
1438 Động lòng lại gạn đến lời riêng-tây. (2)  
Sụt-sùi chàng mới thưa ngay,  
1440 Đầu đuôi kể lại tự ngày \**cầu-thân* :  
« Nàng đã tính hết xa gần,  
1442 « Từ xưa nàng đã biết thân có rày !  
« Tại tôi hững lầy (3) một tay,  
1444 « Đề nàng cho đến nỗi này, vì tôi. »



Nghe lời nói cũng thương lời, (4)  
1446 Dẹp uy mới dạy cho bài *giải-vi*.

Rằng : « Như hân có thể thi, (5)  
1448 « Trăng hoa, (6) song cũng *\*thị-phi* biết điều »!

CXVIII. — Từ câu 1437 đến câu 1448, quan phủ nghe qua những lời, Thúc-sinh than khóc, mới đòi chàng hỏi việc đầu đuôi. Chàng nói để cho nàng bị việc ngày nay, là vì chàng nặng lời đoán kết. Quan phủ nghe nói, khen nàng đầu phượng dĩ-thỏa mà cũng biết việc phải chăng.

(1) « Nghe thoáng » là nghe qua mà chưa được rõ-ràng, vì lúc ấy Thúc-sinh than khóc một mình ở nẻo xa.

(2) « Động lòng » là sinh lòng thương xót ; « gạn » là hỏi căn vặn cho biết được rõ-ràng ; « riêng-lây » là việc riêng của một người. Đây nói nghe qua mà sinh lòng thương xót, lại hỏi cho biết việc riêng của Thúc-sinh.

(3) « Hứng lấy » là cam đoan mà đương lấy trách nhiệm vực đỡ cho người nào.

(4) Quan phủ nghe lời Thúc-sinh nói mà động lòng thương.

(5) Câu này và câu dưới đó là lời quan phủ nói.

(6) « Trăng hoa » là gái giang-hồ, ví như trăng để cho người chơi, hoa để cho khách hái, do chữ « nguyệt hoa » dịch ra.

### CXIX

Sinh rằng : « Chút phận bọt-bèo, (1)  
1450 « Theo đòi vả cũng ít nhiều bút-nghiên. »

Cười rằng : « Đã thể thi nên, (2)  
1452 « *\*Mộc-giã* hãy thử một thiên trình nghề ! »  
Nàng vâng cất bút tay đề, [(3)

1454 Tiên hoa (4) trình trước án phê xem tường.

Khen rằng : « Giả đáng *\*Thịnh-Đường*, (5)  
1456 « Tài này sắc ấy nghìn vàng chưa cân !

« Thực là *\*tài-tử \*giai-nhân* !  
1458 « *\*Châu-trần* còn có *\*Châu-trần* nào hơn ?

« Thôi đừng rước dữ cru hờn, (6)  
1460 « Làm chi lỗ dịp cho đòn ngang cung ! (7)



- « Đã đưa đến trước cửa công.  
1462 « Ngoài thi là lẽ, song trong là tình.  
« Dâu con trong đạo *\*gia-đình*,  
1464 « Thôi thi đẹp nổi *\*bắt-bình* là xong ! »

CXIX. — Từ câu 1449 đến câu 1464, Thúc-sinh nhân trình quan biết nàng Kiều hay nghề vịnh thơ. Quan mới ra một bài thơ « cái gông », nàng làm xong thơ, quan xem thơ mà khen nàng có cả tài cả sức, mới khuyên Thúc-ông đem nàng về để sánh đôi với Thúc-sinh.

(1) « Bọt bèo » là nói khiêm thân phận hèn mọn ví như bèo bọt ở giữa bể đông.

(2) Câu này và câu dưới đó là lời quan phủ nói.

(3) Bắt nàng Kiều làm thử một bài thơ vịnh « cái gông ».

(4) « Tiễn hoa » là giấy hoa tiên dùng viết thơ.

(5) Từ câu này trở xuống cả thảy 10 câu là lời quan phủ nói.

(6) Thôi đừng rước lấy điều dữ và cru mang hơn giận làm gì nữa.

(7) Đây nói ví đừng nghĩ việc ngang trái mà lỡ duyên Châu Trần.

## CXX

- Kíp truyền sắm sửa lễ công, (1)  
1466 Kiệu hoa cắt gió, đuốc hồng điểm sao. (2)  
Bày hàng *\*cổ-xuy* xôn-xao,  
1468 Song-song đưa tới trưởng đào sánh đôi;  
Thương vì hạnh, trọng vì tài;  
1470 *\*Thúc-ông* thôi cũng đẹp lời *\*phong-ba*.  
*\*Huệ-lan* thẹn nức một nhà,  
1472 Từng cay đắng, lại mặn mà hơn xưa ! (3)

CXX. — Từ câu 1465 đến câu 1472, quan phủ mới truyền đưa nàng Kiều về nhà Thúc-sinh. Thúc-ông thấy tài nàng Kiều, cũng nguôi cơn giận. Một nhà sum họp, vui vẻ hơn xưa.

(1) « Lễ công » là lễ vật quan phủ truyền cho sắm sửa.

(2) Khi rước nàng Kiều về thời kiệu hoa đi mau như gió và đuốc đỏ rực rả như sao.



(3) Trước đã chịu gia hình ở cửa công là từng việc cay đắng mà nay được một nhà sum họp thối tình nghĩa ăn ở với nhau lại càng mặn mà hơn xưa.

### CXXI

- Mảng vui rượu sớm cò trưa, (1)  
1474 Đào đã phai thắm, sen vừa nảy xanh. (2)  
Trướng hồ (3) vắng-vẽ đêm thanh,  
1476 E tình nằng mới bày tình riêng chung :  
« Phận bồ (4) từ vẹn chữ Tùng,  
1478 « Đổi thay \*nhạn-yến đã hồng đầy niên. (5)  
« Tin nhà ngày một vắng tin,  
1480 « Mặn tình \*cát-lũy lạt tình \*tào-khương.  
« Nghĩ ra thiệt cũng nên đường, (6)  
1482 « Tâm hơi (7) ai dễ giữ-dàng cho ta ?  
« Trộm nghe kẻ lớn trong nhà, (8)  
1484 « Ở trong khuôn-phép, nói ra mỗi-giường.  
« E thay những dạ \*phi-thường,  
1486 « Dễ dò rốn bề, khôn lường đáy sông. (9)  
« Mà ta suốt một năm ròng,  
1488 « Thế nào cũng chẳng giấu xong được nào !  
« Bầy-chầy chưa tỏ \*tiêu-hao, (10)  
1490 « Hoặc là trong có làm sao chẳng là ?  
« Xin chàng liệu kịp lại nhà,  
1492 « Trước là đẹp ý, sau ta biết tính,  
« Đêm ngày giữ mực giấu quanh.  
1494 « Rày lần mai lựa như hình chưa thông!» (11)

---

CXXI. — Từ câu 1473 đến câu 1494, một cuộc vui vầy, xuân qua hạ tới. Nàng Kiền khuyên giải với Thúc-sinh : kể từ nàng theo chàng đã một năm mà chàng không có liếp được tin tức của vợ cả ; thế nào chàng cũng chẳng giấu xong. Nàng khuyên chàng kịp trở lại nhà, liệu cho êm việc.



(1) « Mãng vui » là ham mê việc vui mà quên bỏ các việc khác. Đây nói chàng với nàng cò rêu vui chơi mà quên ngày tháng đi.

(2) Hoa thắm cây đào đã phai màu mà lá xanh cây sen vừa nứt nõng, là nói vừa hết mùa xuân qua mùa hè.

(3) « Trường hồ » là bức màn hồ giấy.

(4) « Phận bồ » là thân phận yếu ớt của cây bồ, xem chủ thích chữ « bồ liễu ». « Chữ lòng » là nói đàn bà lấy chồng thì phải theo chồng, xem chủ thích chữ « Tùng-phu ».

(5) Chim « nhạn » ra lúc mùa thu, chim « yến » ra lúc mùa xuân; « đổi thay nhạn yến » là nói hết mùa này qua mùa khác.

(6) « Nền duong » là nền chuyện, nền một việc phải lo sợ.

(7) « Tầm » là cái bọt dưới đáy nước trồi lên, « chới » là khí thổi ra hoặc hút vào; hai vật này đều là khó giữ lại cho khỏi thoát lậu ra ngoài. Đây nói muốn giấu đi mà không cho vợ cả biết thì cũng khó.

(8) « Kẻ lớn trong nhà » là chỉ vợ cả của Thúc-snh.

(9) Rốn bể tuy sâu mà có khi dò được, đáy sông tuy cạn mà khôn lẽ đo lường. Đây nói lòng người sâu sắc không biết đầu mà dò.

(10) « Bầy chầy » là nói đã bấy lâu nay. Đây nói đã lâu không được tin tức gì.

(11) Câu này ý nói làm việc gì không chịu làm cho xong, cứ để ngày này qua ngày khác.

## CXXII

Nghe lời khuyên nhủ \**thung-dung*.

1496 Định tình sinh mới quyết lòng \**hồi-trang*.

Rạng mai gởi (1) đến \**xuân-đường*,

1498 \**Thúc-ông* cũng vội giục chàng \**ninh-gia*.

Tiền đưa một chén \**quan-hà*, (2)

1500 \**Xuân-đình* thoát đã dạo ra \**cao-đình*.

Sông Tần (3) một dải xanh-xanh,

1502 Lối-thoi bờ liễu mấy cảnh \**Dương-quan*. (4)

Cầm tay dài vắn thở than,

1504 Chia phôi ngừng chén, hiệp tan ghen lời.

Nàng rằng : « Non nước xa khơi, [(5)

1506 « Sao cho trong ăm thì ngoài mới êm.



- « Dễ lừa yếm thăm tròn kim ; (6)  
1508 « Làm chi bùng mắt bắt chim khó lòng ! (7)  
« Đồi ta chút nghĩa đèo-bồng, (8)  
1510 « Đến nhà trước liệu nói sòng (9) cho mình.  
« Dầu khi mưa gió \**bất-tình*,  
1512 « Lớn ra phận lớn, tôi đành phận tôi. (10)  
« Hơn điều giấu ngược giấu xuôi,  
1514 « Lại mang những việc tày trời đến sau. (11)  
« Thương nhau xin nhớ lời nhau,  
1516 « Năm chầy cũng chẳng đi đâu mà chầy !  
« Chén đưa nhớ bữa hôm nay,  
1518 « Chén mừng Xin đợi đêm này năm sau. »  
Người lên ngựa, kẻ chia bầu, (12)  
1520 Rừng phong thu đã nhuốm màu \**quan-san*.  
Dặm hồng bụi cuốn \**chinh-an*, (14) [(13)  
1522 Trông người đã khuất mấy ngàn dâu xanh.  
Người về chiếc bóng năm canh, (16) [(15)  
1524 Kẻ đi muôn dặm một mình pha-phôi. (17)  
Vàng trắng ai sể làm đời ? (18)  
1526 Nửa in gối chiếc, nửa soi dặm trường ! (19)

---

CXXII. — Từ câu 1495 đến câu 1526, nghe lời nàng khuyên nhủ, Thúc-sinh mới định về thăm nhà. Khi rót rượu đưa chân, hai bên có tình lưu luyến. Nàng dặn dò các việc, đoạn xong, hai người từ biệt, người về năm canh chiếc bóng, kẻ đi muôn dặm một mình, tình cảnh xiết bao thương nhớ !

(1) « Gối » là trình rõ với ai việc gì có ý cung-kính.

(2) « Chén quan-hà » là chén rượu đưa chân đi đường xa ; xem chú thích chữ « quan-hà ».

(3) « Sông Tần » là con sông hai người ly biệt nhau, mà sinh lòng trông nhớ, do hai chữ « Tần-xuyên » trong bài ca Vy-tây mà dịch ra.

(4) « Loi thoi » nói cảnh cây dài ngắn không tày nhau.



Xem chung chú thích chữ « dương-quan ».

(5) Lúc sắp chia tay từ biệt thời cầm chén rượu phải ngừng lại mà không thể uống, lúc nói đến việc tan-hợp thời mở lời nói phải nghẹn đi mà không thể nói.

(6) Tục ngữ : « Lò được yếm thắm, khó lửa được tròn kim » nghĩa là cái yếm thắm tuy là đỏ nhưng có khi vô-ý không trông thấy, cái tròn kim tuy rằng nhỏ nhưng nhìn kỹ thời thế nào cũng thấy. Đây nói thế cũng không giấu được vợ cả mà không cho biết.

(7) Đã bùng mắt thời thấy dâu mà bắt được chim. Đây nói làm việc gì cũng phải cho rõ ràng mới nên việc được, không nên âm thầm giấu diếm làm gì.

(8) « Đeo bông » là nói thương yêu quá sức, hạn-bịu quẩn-quít lấy nhau.

(9) « Nói sòng » là nói thẳng, nói thật, nói suồng sả ra cho rõ.

(10) « Lớn » chỉ vợ cả, « tòi » chỉ nàng Kiều. Đây nói người nào giữ phận người nấy.

(11) « Những việc tày trời » là nói những việc to lớn. Đây nói sợ sau có sinh việc gì biến cố to lớn nữa chăng.

(12) « Người » chỉ Thúc-sinh, « kẻ » chỉ nàng Kiều.

(13) « Rừng phong » là q. rừng có những cây phong (cây bàng) Đây nói đương lúc đi đường trông thấy rừng phong đã nhuộm sắc đỏ mùa thu. xem chú thích chữ « quan-san ».

(14) Đi dặm đường xa thời có bụi hồng cuốn lên. Xem chú thích chữ « chinh-an ».

(15) « Người » chỉ Thúc-sinh. Đây nói trông Thúc-sinh đã cách mấy quãng rừng cây dâu xanh.

(16) « Người » chỉ nàng Kiều. Đây nói nàng Kiều đã từ Thúc-sinh mà về thời chỉ có một mình một bóng làm hạn năm canh.

(17) « Kẻ » chỉ Thúc-sinh. Đây nói chàng đi muôn dặm xa-xôi một mình nhọc mệt.

(18) « Vàng trắng » là mượn trăng mà tả cảnh lúc đi đường. Đây nói cả hai người ly biệt vì như một vàng trắng sẽ ra làm đôi.

(19) « Gối chiếc » là chiếc gối của nàng Kiều lúc nằm một mình, « dặm trường » là dặm đường dài-dặc lúc Thúc-sinh ra đi.

### CXXIII

Kể chi những nỗi dọc đường (1)

1528 Buồng trong này đã \*chủ-trương ở nhà : (2)

Vốn dòng họ Hoạn \*danh-gia,

1530 Con quan \*Lại-bộ tên là \*Hoạn-thư.



Duyên Đăng thuận nẻo gió đưa, (3)  
1532 Cùng chàng kết tóc xe tơ những ngày; (4)  
Ở ăn thì nết cũng hay,  
1534 Nói điều dâm-buộc (5) thì tay cũng già.

CXXIII. — Từ câu 1527 đến câu 1534, việc Thúc-sinh đi đường thời hãy tạm gác; đây kể đến việc vợ cả của chàng, ăn ở vẫn có nết hay, mà lời nói và cách làm, lại là một tay sáu-sắc.

(1) Đây ý tác-giả nói những việc vụn-vặt lúc Thúc-sinh đi đường không kể làm gì.

(2) Ở nhà Thúc-sinh đã có vợ cả làm chủ cho mọi việc.

(3) Nguyên thơ xưa có câu ý nói: « Có duyên gió đưa đến các Đăng », do tích lúc Vương-Bột qua Nam-xương nhờ được thuận gió xuôi buồm nên chỉ một đêm mà đi đến các Đăng-vương để dự yến. Đây nói có duyên may mắn được gặp nhau.

(4) « Kết tóc » là kết tóc thề ước cùng nhau làm vợ chồng, do chữ « kết-phát » dịch ra: « xe tơ » cũng nghĩa như chữ chỉ hồng, xem chú thích câu 333. Đây nói Hoạn-thư kết duyên với Thúc-sinh đã lâu ngày.

(5) « Dâm buộc » là dùng lời nói hoặc cách làm để lừa buộc người ta vào vòng.

#### CXXIV

Từ nghe vườn mới thêm hoa, (1)  
1536 Miệng người đã lắm, tin nhà thì không.  
Lửa tâm càng gặp càng nồng, (2)  
1538 Trách người (3) đen bạc ra lòng trắng hoa:  
« Ví bằng thủ thật cùng ta, (4)  
1540 « Cũng dung kẻ dưới (5) mới là lượng trên!  
« Đại chi chẳng giữ lấy nền, (6)  
1542 « Tốt gì mà rước tiếng ghen vào mình?  
« Lại còn bùng-bít giấu quanh,  
1544 « Làm chi những thói trẻ-ranh nực cười!  
« Tính rằng cách mặt khuất lời.  
1546 « Giấu ta, ta cũng liệu bài giấu cho! (7)



« Lo chi việc ấy mà lo.

1548 « Kiến trong miệng chén lại bỏ đi đâu? (8)

« Làm cho nhìn chẳng được nhau,

1550 « Làm cho đày đọa cắt đầu chẳng lên.

« Làm cho trông thấy \*nhãn-tiền.

1552 « Cho người thăm ván bán thuyền biết  
tay ! » [(9)]

---

CXXIV. — Từ câu 1535 đến câu 1552, Hoạn-thư ở nhà nghe người nói Thúc-sinh có hầu. Nàng bèn tức giận, mới dùng mưu mà làm cho Kiều chịu nổi dày-bừa và cho chàng hết lòng phục bạc.

(1) « Vườn mới thêm hoa » là nói Thúc-sinh mới cưới hầu.

(2) « Lửa tâm » là nói lòng nóng giận như lửa, do hai chữ « tâm hỏa » mà dịch ra. Đây nói lòng nàng nổi giận càng dè nên bao nhiêu lại càng nồng-nần bấy nhiêu.

(3) « Người » chỉ Thúc-sinh

(4) Câu này trở xuống cả bảy 14 câu là lời Hoạn-thư tự nghĩ.

(5) « Kể dưới » là chỉ nàng Kiều.

(6) « Nền » là nền nếp trong nhà. Đây nói đại chi mà không giữ nền nếp nhà quan cho trọn tiếng.

(7) Câu này ý Hoạn-thư nói chàng đã muốn giấu thời ta cho giấu, để ta làm cho rồi coi chàng có thể giấu mãi được chăng !

(8) Kiều thế nào cũng về tay Hoạn-thư chớ không trốn được đi đâu, cũng ví như con kiến ở trong miệng chén lại bỏ đi đâu được.

(9) « Thăm ván bán thuyền » là hỏi thăm ván mới mà tính bán thuyền củ đi. Đây nói cười được hầu mới mà quên vợ cũ.

### CXXV

Nổi lòng kín chẳng ai hay,

1554 Ngoài tai đề mặc gió bay mái ngoài. (1)

Tuần sau bỗng thấy hai người,

1556 Mách tin (2) ý cũng liệu bài \*tấn-công.

\*Tiểu-thư nổi giận dùng-dùng:

1558 « Góm tay thêu dệt ra lòng trêu người! (3)

« Chồng tao nào phải như ai,

1560 « Điều này hẳn miệng những người 'thị-phi'.



Vội vàng xuống lệnh ra uy,  
1562 Đưa thi vả miệng, đưa thi bẻ răng ! (4)

CXXV. — Từ câu 1553 đến câu 1562, Hoạn-thư nghĩ lòng như vậy; nào dễ ai hay. Cũng trong độ ấy có hai người đem việc ấy mách với nàng để lắt công ; nào ngờ nàng đã không thưởng công cho, mà lại nặng lời quở mắng ; rồi bẻ răng và vả miệng hai người ấy.

(1) Việc Thúc-sinh cười hần, kể nói qua người nói lại, như gió thổi bên tai, mà Hoạn-thư gác ở ngoài tai, làm như không biết.

(2) « Mách tin » là nói cho Hoạn-thư biết việc Thúc-sinh cười hần.

(3) Ghê gồm cho đưa bày việc ra mà quấy rối cho ngứa mắt. Từ câu này trở xuống 4 câu là lời Hoạn-thư nói.

(4) Hai người mách tin trên kia một người bị vả miệng, một người bị bẻ hết bốn cái răng.

### CXXVI

Trong ngoài kín-mít như bưng. (1)  
1564 Nào ai còn dám nói năng một lời.  
Buồng đào (2) khuya sớm thanh-thoi,  
1566 Ra vào một mực, nói cười như không.  
Đêm ngày lòng những giận lòng, (3)  
1568 Sinh đã về đến lầu hồng xuống yên.  
Lời tan hiệp, nổi \*hàn-huyên,  
1570 Chữ tình càng mặn, chữ duyên càng nồng.  
\*Tỷ-trần vui chén \*thung-dung,  
1572 Nỗi lòng ai ở trong lòng mà ra? (4)

CXXVI. — Từ câu 1563 đến câu 1572, Hoạn-thư ra tay, trong ngoài ai cũng kinh sợ, chẳng ai dám nói đến việc ấy nữa. Nàng thời buồng đào khuya sớm làm dáng vui cười, mà ở trong lòng vẫn căm giận. Vừa lúc Thúc-sinh về đến, thăm hỏi ân-cần, cuộc rượu vui vầy, ai lại tưởng lòng nàng có khác.



(1) « Kín mít như bưng » là nói ai cũng không dám nói đến việc ấy, ví như bưng kín miệng bình không dám hở ra.

(2) « Buồng đào » là buồng của đàn bà ở.

(3) Lòng Hoạn-thư vẫn cứ giận Thúc-sinh ăn ở phụ-bạc luôn luôn.

(4) Thấy sắc mặt Hoạn-thư vui vẻ như vậy, ai ở trong lòng ra mà biết được nàng có lòng giận Thúc-sinh.

## CXXVII

Chàng về xem *\*ý-tứ* nhà, (1)

1574 Sự mình cũng rập lân-la giải bày. (2)

Mấy phen cười nói tình say,

1576 Tóc tơ *\*bất-động* mảy-may *\*sự-tình*. (3)

Nghĩ đã bưng kín miệng bình, (4)

1578 Nào ai có khảo mà mình lại xưng,

Những là e-ấp dưng-dăng. (5)

1580 Rút dây sợ nửa động rừng lại thôi. (6)

CXXVII. — Từ câu 1573 đến câu 1580, Thúc-sinh về nhà cũng muốn nói cho Hoạn-thư biết mình cưới hầu. Nhưng chàng lại nghĩ việc mình đã giấu, nào mấy ai hay, nên chàng để mãi không chịu nói ra, sợ nói ra thôi lỡ sinh nhiều việc.

(1) « Xem ý tứ nhà » là xem ý tứ Hoạn-thư ở nhà ra thế nào.

(2) « Lân la » là mở mối dần dần. Đây nói cũng toàn khước mối dần dần để tỏ việc mình ra.

(3) Chàng Thúc chưa nói động đến việc mình một tý gì nhỏ như cội tóc chân tơ.

(4) Ý chàng nghĩ việc mình đã giấu đi được rồi không để cho ai biết mà nói đến cho nàng rõ được, vậy cũng ví như miệng bình bưng kín không để lộ ra.

(5) « E-ấp dưng-dăng » là tả lời nói hoặc cách làm không được quả quyết.

(6) Ý chàng nghĩ bây giờ nói một việc nhỏ như thế nhưng rồi nhân đó mà sinh ra nhiều việc to, vậy cũng ví như rút sợi dây nhỏ mà sợ động đến cả rừng lớn.



CXXVIII

Có khi vui chuyện mua cười,  
1582 *Tiểu-thư* lại giở những lời đầu-đầu ;  
Rằng : « Trong ngọc đá vàng thau, (1)  
1584 « Mười phần ta đã tin nhau cả mười. (2)  
« Khen cho những miệng đông-dài, (3)  
1586 « Bướm ong (4) lại dạm những lời nọ kia.  
« Thiếp dầu vụng chẳng hay suy,  
1588 « Đã dơ bụng nghĩ lại bia miệng cười. » (5)  
Thấy lời thủng-thỉnh như chơi,  
1590 Thuận lời chàng cũng nói xuôi đờ đòn. (6)  
Những là cười phần cợt son,  
1592 Đèn khuya chung bóng, trăng tròn sánh vai,  
[ (7)

---

CXXVIII. — *Từ câu 1581 đến câu 1592, Hoạn-thư nhân khi thanh-thải, nói với Thúc-sinh rằng nàng với chàng một lòng tin nhau, dầu ai nói chi thòì nàng cũng mặc-kệ. Nghe lời nàng nói chàng cũng kiểm lời đáp qua, lại làm ra bộ vui cười cho qua buổi.*

- (1) Từ câu này trở xuống 6 câu là lời Hoạn-thư nói với Thúc sinh.  
(2) Hai câu này nói ngọc hay là đá, vàng hay là thau, tức là trong nhà việc lớn hay việc nhỏ, điều hơn hoặc điều thiệt, hai vợ chồng cũng tin nhau tất cả.  
(3) « Giông dài » là bày đặt thêm dặt.  
(4) « Bướm ong » xem chú thích chữ « ong bướm » câu 38. Đây nói người ngoài lại đặt ra những việc chàng mua dĩ làm hầu mà nói với nàng.  
(5) Ý nói nghĩ đến việc nọ kia đã dơ nhuốc tấm bụng mà sinh cái lòng ghen ghét, lại thêm tiếng cười chê.  
(6) « Đờ đòn » là nói làm cho qua việc đi.  
(7) Hai câu này tả những lúc chàng Thúc kiểm việc vui cười để làm cho Hoạn-thư hết lòng nghi ngờ : thấy má phấn mà cười, nhìn môi son mà cợt, lúc đèn khuya chung bóng mà đứng và khi trăng tròn sánh vai mà đi.



CXXIX

- Thú quê thuần hức bén mùi, (1)  
1594 Giếng vàng đã rụng một vài lá ngô. (2)  
Chạnh niềm nhớ cảnh \**giang-hồ*,  
1596 Một màu \**quan-tái*, mấy mùa gió trắng. (3)  
Tình riêng chưa dám đi răng. (4)  
1598 \**Tiểu-thư* trước đã liệu chừng nhủ qua :  
« Cách năm mây bạc xa-xa, (5)  
1600 « \**Lâm-tri* cũng phải tỉnh mà \**thần-hôn*. »  
Được lời như mở tắc son, (6)  
1602 Vó câu thẳng ruồi nước non quê người ;  
Long-lanh đầy nước in trời, (7)  
1604 Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng. (8)

CXXIX. — Từ câu 1593 đến câu 1604, Thúc-sinh ở với Hoạn-thư thú quê đã chán, hết hạ qua thu, cùng nàng Kiều cách biệt đã lâu, chạnh niềm nhớ đến. Chàng muốn đi mà chưa dám nói. Hoạn-thư đã biết ý biểu chàng đi thăm Thúc-ông. Được lời chàng mới lên đường, cảnh sắc mùa thu, kêu gọi mỗi tình du-tử.

(1) « Thuần hức » là rau thuần cá hức, tức là thứ rau thứ cá ở nhà quê đương lúc mùa thu. « Bén mùi » là đã quen bén lâu ngày. Đây nói Thúc-sinh đã về ở với Hoạn-thư lâu ngày đã chán thú vị ở quê hương rồi.

(2) Cây ngô-dồng đã có một đôi lá vàng rụng xuống dưới giếng, ai thấy như thế cũng đã biết tới mùa thu. Đây nói cảnh vật mới sang mùa thu.

(3) Khi Thúc-sinh ở quê-hương nhớ cảnh-vật Lâm-tri lúc trước ở với nàng Kiều thời nhìn ra một màu dặm cách đường ngăn mà xa nhau trải mấy đêm trăng ngày gió.

(4) Tình ý của Thúc-sinh chưa dám tỏ cho Hoạn-thư biết.

(5) « Mây bạc » là do hai chữ « bạch vân » dịch ra, do điển ông Dịch-nhân-Kiệt đời Đường trông thấy đám mây trắng trên núi Thái-hàng mà nói là nhà cha rìe ông ở dưới ấy. Đây là lời Hoạn-thư nói Thúc-sinh xa cách nhà cha đã được một năm.



(6) « Tắc son » là tấm lòng son. Đây nói Thúc sinh nghe lời Hoạn thư nói vừa hợp với lòng chàng.

(7) Đây tả màu trời sắc nước mùa thu; cũng như ý văn ông Vương-Bột có câu « nước thu chung trời một sắc ».

(8) Đến mùa thu sắc trời xanh in thời ngó bên hành như xây khót biếc, mặt trời bớt nóng, thời trông lên núi như phơi bóng vàng. Đây tả cảnh sắc trời thu khi Thúc sinh đi dọc đường.

### CXXX

Roi câu vừa giống dặm trường. (1)

1606 Xe hương (2) nằng đã thuận đường *qui-ninh*

Thừa nhà huyền (3) hết mọi tình,

1608 Nỗi chàng ở bạc, nỗi mình chịu đen :

« Nghĩ rằng ngựa ghê, hờn ghen, (4)

1610 « Xấu chàng mà có ai khen chỉ mình !

« Vậy nên ngảnh mặt làm thinh,

1612 « Mưu cao vốn đã rắp-ranh những ngày.

« *\*Lâm-tri* đường bộ thảng chầy,

1614 « Mà đường *\*hải-đạo* sang ngay thì gần.

« Dọn thuyền lựa mặt *\*gia-nhân*,

1616 « Hãy đem dây xích buộc chân nàng về.

« Làm cho cho mệt cho mê,

1618 « Làm cho đau-đớn ê-chề cho coi ;

« Trước cho bỏ ghét những người,

6120 « Sau cho để một trò cười về sau. »

*\*Phu-nhân* khen chước rất mau.

1622 Chiều con mới dạy mặc dầu ra tay.

---

CXXX. — Từ câu 1605 đến câu 1622, Thúc-sinh đi rồi, Hoạn-thư về nhà thăm mẹ, đem việc Thúc-sinh cưới hầu mà trình cho mẹ hay, và tỏ cho mẹ biết những mưu mình sắp đặt bấy lâu nay. Bà mẹ nghe lời con nói, khen chước hay mà cho phép thi-hành.



(1) « Roi câu » là cái roi để thúc con ngựa câu. Đây nói vừa lúc Thúc sinh lên ngựa ra đi.

(2) « Xe hương » là xe có mùi hương của đàn bà con gái nhà sang trọng.

(3) « Nhà huyền » xem chú thích câu 224. Đây chỉ bà mẹ của Hoạn thư.

(4) « Ngựa ghê hờn ghen » là nói hờn ghen như ngựa ghê, gãi chùng nào lại thêm ngựa chùng ấy, cũng như hờn ghen, gây ra chùng nào lại sinh ra việc xấu hổ chùng ấy. Từ câu này trở xuống cả thấy 12 câu là lời Hoạn-thư tự nghĩ mà trình bà mẹ biết.

### CXXXI

Sửa-sang buồm gió lèo mây, (1)

1624 \**Khuyển-Ung* lại chọn một bầy \**côn-quang*;

Dặn dò hết các mọi đường,

1626 \**Thuận-phong* một lá vượt sang bến Tề. (2)

CXXXI. — Từ câu 1623 đến câu 1626, lúc đã được phép bà mẹ, mới sắm sửa chiếc thuyền, lựa mấy tên gia-nhân đi cùng lên *Khuyển* tên *Ung* mà liệu việc, dặn-dò sau trước, chạy thuyền sang đến *Lâm-tri*.

(1) « Buồm gió lèo mây » là cánh buồm và dây lèo đi mau như gió như mây.

(2) « Bến Tề » là bến sông ở *Lâm-tri* thuộc về phần đất nước Tề.

### CXXXII

Nàng từ chiếc bóng song thê,

1628 Đường kia nổi nọ như chia mối sầu.

Bóng dâu đã xé ngang đầu, (1)

1630 Biết đâu ấm lạnh, biết đâu ngọt bùi ? (2)

Tóc thê đã chấm ngang vai, (3)

1632 Nào lời non nước, nào lời sắt son ?

Sắn-bím (4) chứt phận con-con,

1634 Khuôn duyên (5) biết có vuông tròn cho  
[ chẳng ?



Thân sao lắm nỗi *\*bất-bằng* ?

1636 Liều như cung Quảng ả Hằng nghĩ sao ! (6)

CXXXII. — Từ câu 1627 đến câu 1636, nàng Kiều từ cách mặt Thúc-sinh, một mình vô-vợ, mới nghĩ đến đường này nỗi kia. Sau lại nghĩ bây giờ lấy chàng Thúc thời đã cam phận lẽ mọn, nhưng duyên này cũng chưa chắc vuông tròn về sau. Ngao ngán tâm thân, thời cũng liều như ả Hằng nằm một mình ở trong cung Quảng.

(1) « Bồng dâu » xem chú thích câu 1254. Đây nói cha mẹ đã già rồi. Câu này và câu dưới là nàng Kiều nhớ ông bà Viên-ngoại.

(2) « Ấm lạnh » tức là « nóng lạnh », xem chú thích câu 1044. « Ngọt bùi » xem chú thích chữ « Trăn cam ». Đây nói biết lấy người dâu đỡ thay việc hầu nôi cha mẹ cho nàng.

(3) Tóc thề từ lúc gặp Kim-trọng đến bây giờ thời đã ra đến ngang vai. Câu này và câu dưới là nàng Kiều nhớ chàng Kim.

(4) « Sắn bìm » là thứ cây dây leo, xem chú thích chữ « cát-đăng ». Đây nói làm hầu chàng Thúc.

(5) « Khuôn duyên » cũng nói như duyên phận, duyên trời đào-tạo cho người.

(6) « Cung Quảng » là cung Quảng-hàn là cung trăng ; « ả Hằng » là ả Hằng-nga, ở trong cung một mình mà không có chồng. Đây là khi Thúc-sinh đi vắng, Kiều ở một mình mà tự liều mình như ả Hằng nằm trong cung Quảng.

### CXXXIII

Đêm thu gió lọt song đào.

1638 Nửa vành trăng khuyết ba sao giữa trời ; (1)

Nén hương đến trước *\*Phật-dài*,

1640 Nỗi lòng khẩn chữa cạn lời vân-vân.

Dưới hoa dầy lữ *\*ác-nhân*,

1642 Âm âm *\*khốc-quỉ* *\*kinh-thần* mọc ra !

Đầy sân gươm tuốt sáng lóa ;

1644 *\*Thất-kinh* rặng chữa biết là làm sao ?



Thuốc mê đầu đã rưới vào,  
1646 Mơ-màng như giấc chim bao biết gì !  
Vực ngay lên ngựa *\*tức-thì*,  
1648 Phòng đào viện sách bốn bề lửa xông.  
Sắn thây *\*vô-chủ* bên sông.  
1650 Dem vào đề đỏ lẫn sông ai hay ?

---

CXXXIII. — Từ câu 1637 đến câu 1650, có một đêm khuya, nàng Kiều còn đương khăn vải ở trước Phật-dài. Bỗng đâu một lũ ác-nhân, âm âm áp tới, rưới thuốc mê cho nàng mà vực ngay lên ngựa đem đi. Chúng nó lại châm lửa đốt nhà, đem một thây ma bên sông bỏ vào lửa cho cháy

(1) « Nửa vầng trăng khuyết » là tuần trăng hạ-huyền độ về đêm 22, 23 tháng bảy hoặc tháng tám, vì lúc ấy dương mùa thu, xem câu trên thời rõ. « Ba sao giữa trời » là nói đêm khuya gần sáng chỉ lập-lòe ba cái sao ở giữa trời mà thôi.

#### CXXXIV

Tôi-đòi phách lạc hồn bay,  
1652 Vơ càn bụi cỏ gốc cây ăn mình.  
*\* Thúc-ông* nhà ở gần quanh,  
1654 Chợt trông ngọn lửa *\*thất-kinh* rụng-rời.  
Tổ thầy chạy thẳng đến nơi,  
1656 Tôi-bời tưới lửa, tìm người lao-xao.  
Giỏ cao ngọn lửa càng cao,  
1658 Tôi-đòi tìm đủ, nàng nào thấy đâu ?  
Hót-hơ hơ-hót (1) nhìn nhau,  
1660 Giếng sâu bụi rậm trước sau tìm quang  
Chạy ra chốn cũ phòng hương,  
1662 Trong tro thấy một đồng xương cháy tàn



- Tình ngay ai biết mưu gian, (2)  
1664 Hấn nằng thôi lại còn bản rằng ai!  
    \*Thúc-ông sủi-sút vẫn dài,  
1666 Nghĩ con vắng-vẻ, thương người nết-na. (3)  
    \*Di-hải lật rước về nhà,  
1668 Nào là \*khâm-liệm, nào là \*tang-trai.

CXXXIV. -- Từ câu 1651 đến câu 1668, tôi  
tổ trong nhà chạy tìm bụi cây nấp trốn. Thúc-  
ông ở nhà bên kia trông thấy ngọn lửa, chạy  
đến tưới lửa và tìm người; nhưng tìm nằng  
Kiều không thấy, chỉ thấy một đồng xương cháy  
ở trong tro, ai cũng chắc là nằng Kiều chết cháy.  
Thúc-ông bảo đem hải-cốt về nhà mà tống-táng  
và làm chay.

- (1) « Hót-hơ hót-hởi » là tả bộ dạng sồn-sắc, hoảng-hốt.  
(2) Cứ tình thiết mà đoán nằng Kiều chết cháy, ai hay là cái  
mưu gian lấy thây ma ở bên sông lẫn vào.  
(3) « Con » chỉ Thúc-sinh; « người » chỉ nằng Kiều. Đây nói nghĩ  
Thúc-sinh đi vắng mà thương nằng Kiều ăn-ở nết-na.

### CXXXV

- Lễ thường đã đủ một hai, (1)  
1670 \*Lục-trình chàng cũng đến nơi bây giờ.  
    Bước vào chốn cũ lâu thơ,  
1672 Tro than một đồng, nằng mưa bốn tường. (2)  
    Sang nhà cha, tới \*trung-đường,  
1674 \*Linh-sàng bài-vị (3) thờ nằng ở trên.  
    Hỡi ôi! nói (4) hết \*sự-duyên,  
1676 Tor tình đứt ruột, lửa phiền cháy gan.  
    Gieo mình vạt-vả khóc than:  
1678 « Con người thể ấy, thác oan thể này! (5)



« Chắc rằng \*mai-trúc sum vầy,  
1680 « Ai hay \*vĩnh-quyết là ngày đưa nhau !  
« Thương càng nghĩ, nghĩ càng đau,  
1682 « Để ai rắp thăm quạt sầu cho hay ? »

CXXXV. — Từ câu 1669 đến câu 1682, khi Thúc-ông đã lo các việc tang tế, Thúc-sinh vừa đến Lâm-tri. Chàng vào nhà riêng thì thấy nhà đã bị cháy, mới sang nhà Thúc-ông lại thấy có bài-vị thờ nàng ; mới bẩm cha hỏi việc đầu đuôi, chàng nghe qua mà cháy gan đau ruột, gieo mình than khóc, thương xót vô ngần !

(1) « Lễ thương » là việc tế lễ theo thói thường. Đây nói Thúc-ông đã làm đủ các tang tế cho nàng Kiều

(2) Nhà đã cháy thành ra tro mà bốn phía tường đã bị mưa nắng đánh tạt vào.

(3) « Bài vị » là cái bài bằng gỗ khắc vị hiệu người chết.

(4) « Nói » là Thúc-ông kể việc với Thúc-sinh.

(5) Từ câu này trở xuống cả thấy là 5 câu là lời Thúc-sinh than khóc nàng Kiều.

### CXXXVI

Gần miền nghe có một thầy,  
1684 \*Phi-phù \*tri-quỉ cao tay \*thông-huyền.  
Trên \*Tam-đảo, dưới \*cửu-tuyền,  
1686 Tim đầu thì cũng biết tên rõ-ràng.  
Sấm-sinh \*lẽ-vật rước sang,  
1688 Xin tìm cho thấy mặt nàng hỏi-han.  
\*Đạo-nhân phục trước \*tịnh-đàn,  
1690 \*Xuất-thần giây-phút chưa tàn nển hương.  
Trở về \*minh-bạch nói tường:  
1692 « Mặt nàng chẳng thấy việc nàng đã tra. (1)  
« Người này nặng nghiệp \*oan-gia,  
1694 « Còn nhiều nợ lắm sao đã thác cho ?



- « *\*Bột-cung* đương mắc nạn to,  
1696 « Một năm nữa, mới thăm dò được tin ;  
« Hai bên giáp mặt chiến-chiến, (2) .  
1698 « Muốn nhìn mà chẳng dám nhìn, lạ thay ! »  
Nghe lời nói lạ đường này,  
1700 Sự nằng đá thể, lời thầy dám tin,  
Chẳng qua đồng cốt (3) quảng xiên,  
1702 Người đầu mà lại thấy trên cội trần.  
Tiếc hoa (4) những ngậm-ngùi xuân ;  
1704 Thân này để lại mấy lần gặp tiên !  
Nước trôi hoa rụng (5) đã yên,  
1706 Hay đâu *\*địa-ngục* ở miền *\*nhân-gian*. (6)
- 

CXXXVI. — Từ câu 1683 đến câu 1706, Thúc-sinh nghe nói có một thầy cao tay phù pháp, mới rước sang để tìm cho thấy mặt nàng mà hỏi han. Thầy xuất thần hồi lâu, trở về bảo rằng không gặp nàng Kiều mà đã hỏi được việc nàng ấy : nàng vẫn chưa chết, một năm nữa nàng mới gặp chàng, nhưng hai bên không thể nhìn nhau được. Thúc-sinh nghe lời thầy nói, vẫn chưa dám tin, nhưng chỉ đem lòng thương nhớ !

(1) Đạo-sĩ đi tìm không thấy mặt nàng Kiều, mà việc nàng đã hỏi được rồi.

(2) « Chiến-chiến » cũng như nói sờ-sờ, cũng như nói « rõ-ràng mặt đỏ mặt này chứ ai ».

(3) Đồng nam gọi là ông-dồng, đồng nữ gọi là bà cốt ; « đồng cốt » tức là ông-dồng bà cốt, những người phụng thờ thần thánh, mà cầu khấn ngài giáng để chỉ bảo việc cho.

(4) « Tiếc hoa » là Thúc-sinh thương tiếc nàng Kiều.

(5) « Nước trôi hoa rụng » cũng như « nước chảy hoa trôi » xem chú thích câu 754.

(6) Ai cũng chắc nàng Kiều quả đã mất rồi, nào có biết nàng còn sống mà chịu nỗi khổ sở.



CXXXVII

- \**Khuyển-Ung* đã đặt mưu gian,  
1708 Vực nàng đưa xuống đề an dưới thuyền ;  
Buồm cao lèo thẳng cánh suyền, (1)  
1710 Đề-chứng huyện Tích băng miền vượt sang.  
Giả đồ (2) lên trước \**sảnh-đường*,  
1712 \**Khuyển-Ung* hai đưa nộp nàng dâng công.  
Vực nàng tạm xuống \**môn-phòng*,  
1714 Hãy còn thêm-thiếp giấc nồng chưa phai.  
\**Hoàng-lương* chột tỉnh hồn mai, (3)  
1716 Cửa nhà đâu mất lâu đài nào đây ? (4)

---

CXXXVII. — Từ câu 1707 đến câu 1716, nói về *Khuyển Ung* đã đem nàng *Kiều* đề nằm dưới thuyền, băng miền vượt sang huyện *Tích*. Chúng nó lên nộp nàng đề dâng công. Lúc đem nàng vào nhà tạm nghỉ, thời nàng còn mê không biết gì, đến khi nàng tỉnh cơn mê, thời mới biết là bị người ta đổi đi chỗ khác.

(1) « Suyền » là bởi chữ « Suyền, 端 » nghĩa là đi mau. Đây nói « cánh suyền » là cánh buồm đi mau.

(2) « Giả đồ » là nói ở dưới thuyền đi lên trên đất.

(3) « Hồn mai » là hồn người nằm dưới cây mai, do tích ông *Triệu-sur-Hùng* dời Tây vào núi gặp người con gái bán hàng rượu cho uống say mà nằm ngủ, đến lúc tỉnh dậy thì chỉ thấy mình nằm ở dưới gốc cây mai to.

(4) Câu này là lời nàng *Kiều* thấy việc lạ mà tự hỏi lấy mình.

CXXXVIII

- \**Bàn-hoàn* giở tỉnh giở say,  
1718 \**Sảnh-dàng* mắng (1) tiếng đòi ngay lên  
\**A-Hoàn* lên xuống giục mau, [hầu.  
1720 *Hải-hùng* nàng mới theo sau một người.



- Nhìn trông tòa rộng dây dài,  
1722 « *\*Thiên-quan-trùng-tể* » có bài treo lên.  
Ban ngày thấp sấp hai bên,  
1724 Giữa giường *\*thất-bảo* ngồi trên một bả.  
Gạn-gùng ngọn hỏi ngành tra,  
1726 *\*Sự-tình* nằng đá cử mà gởi thừa.  
*\*Bất-tình* nổi trận mây mưa : (2)  
1728 « Tuồng gì những giống bơ-thờ quen thân.  
« Con này chẳng phải *\*thiện-nhân*, [(3)  
1730 « Chẳng phùng trốn chúa thì quân lộn  
« Ra tuồng mèo mả gà đồng, (4) [chồng.  
1732 « Ra tuồng lũng-túng chẳng xong bề nào ;  
« Đã đem mình bán cửa tao,  
1734 « Lại còn khỗng-khỉnh làm cao thể này !  
« Nào là *\*gia-pháp* nọ bấy, (5)  
1736 « Hãy cho ba chục biết tay một lần. »  
*\*A-hoàn* trên dưới dạ rân,  
1738 Dẫu rằng trăm miệng khôn phân lẽ nào ! (6)  
*\*Trúc-côn* ra sức đập vào,  
1740 Thịt nào chẳng nát, gan nào chẳng kinh ?  
Xót thay *\*đào-lý* một cảnh,  
1742 Một phen mưa gió, tan tành một phen ! (7)  
*\*Hoa-nô* truyền dạy đổi tên,  
1744 Buồng đào dạy ghép vào phiên *\*thị-tỳ*.  
Ra vào theo lối *\*thanh-y*,  
1746 Dãi-dầu tóc rối da chì quần bao ! (8)

---

CXXXVIII. — Từ câu 1717 đến câu 1746, nàng  
Kiều tỉnh dậy, chợt nghe tiếng dòm lên hầu ; nàng  
đi theo một người, lên sảnh đường bộ Lại ; Hoạn-  
bà ban hỏi đến nàng, thì nàng cứ thiết mà gởi  
thừa. Hoạn-bà nổi giận : nói nàng Kiều là người



bất-thiện, vào cửa bà mà còn khùng-khỉnh làm cao. Bà lại biểu bắt nàng mà đánh ; và gọi nàng bằng tên Hoa-nô, ghép vào lũ thị-tỳ, vào trình ra bẩm, cực khổ lắm thân.

(1) « Mắng tiếng » là đứng xa lên tiếng.

(2) « Nổi trận mây mưa » là nổi cơn giận dữ dội như mây kéo mưa sa. Đây nói thốt-nhiên Hoạn-bà nổi giận mà quát mắng nàng Kiều.

(3) Từ câu này trở xuống cả thảy 9 câu là lời Hoạn-bà mắng nàng Kiều.

(4) « Mèo mả gà đồng » là nói mèo ở mả, gà ở đồng đều là những loài không có căn cước, đồ vô loại, đồ hoang.

(5) « Bảy » là chỉ bọn a-hoàn.

(6) Đây nói nàng Kiều chỉ có một cái miệng, nếu lúc bảy giờ mà nàng có trăm miệng cũng không có thể phân giải được việc gì nữa.

(7) Hai câu này ý nói xót thay cho thân nàng Kiều như một cánh đào lý mà bị ba trận đòn như gió táp mưa sa, đã một phen « thắm rời hồng rụng » với Tú-bà, lại một phen « làm cát đầy sân » với quan phủ, phen này lại « kinh gan nát thịt » với Hoạn-bà.

(8) Khi đã chịu phạt con hầu, thì không có thì giờ mà tô chuốt nữa, tóc rối không gỡ, da đen như chì cũng chẳng quản chi.

### CXXXIX

*\*Quản-gia có một mụ nào,*

1748 Thấy người thấy nết ra vào mà thương :

Khi chê chén, khi thuốc thang.

1750 Đem lời *\*phương-tiện*, mở đường *hiếu-sinh*;

Dạy rằng : « May rủi đã đành, (1)

1752 « *\*Liều-hồ* mình giữ lấy mình cho hay.

« Cũng là *\*oan-nghiệp* chi đây,

1754 « Sa cơ mới đến thế này chẳng dung !

« Ở đây tai vách mạch rừng, (2)

1756 « Thấy ai người cũ (3) cũng đứng nhìn chi.

« Kéo khi sấm sét *\*bất-kỳ*,

1758 « Con ong cái kiến kêu gì được oan. » (4)



- Nàng càng giọt ngọc (5) chứa-chan,  
1760 Nỗi nàng luống những *\*bàn-hoàn* niềm tây :  
« *\*Phong-trần* kiếp đã chịu đầy,  
1762 « Lầm-than lại có thứ này bằng hai ! (6)  
« Làm sao bạc chẳng vừa thôi ? (7)  
1764 « Khăng-khăng buộc mãi lấy người *\*hồng-*  
« Đã đành *\*túc-trái \*tiền-oan*, { *nhan*.  
1766 « Cũng liều ngọc nát hoa tàn mà chi ! » (8)

CXXXIX. -- Từ câu 1747 đến câu 1766, có một mục quản-gia thấy nét nàng Kiều mà sinh lòng thương xót, mới bày vẽ điều ăn nết ở cho nàng, bảo nàng phải gìn-giữ lấy thân. Nàng nghe mục nói càng than khóc và nghĩ phận mình đã mang kiếp khổ, thôi đã đành oan-nghiệt xưa kia, thời xuân xanh cũng liền bỏ quá.

(1) « May rủi đã đành » là nói gặp may mà mắc phải rủi đã đành phận rồi. Từ câu này trở xuống cả thấy 8 câu là lời quản gia nói.

(2) « Tai vách mạch rừng » « bời câu tục ngữ : « rừng có mạch vách có tai » nghĩa là việc trong đề lộ ra ngoài, cũng như có tai bên vách khó nổi giấu ngược giấu xuôi ; dầu nhỏ sau thành ra lớn, cũng như mạch nước trong rừng chảy ra thành sông thành bể. Đây nói ở nhà Hoạn-bà khó lòng, nên phải giữ gìn cẩn thận, đừng cho người ta dò biết sự mình mà gây ra việc.

(3) « Người cũ » là chỉ Thúc-sinh. Đây ý mục quản-gia biết thế nào Thúc-sinh với nàng Kiều cũng gặp nhau tại chỗ ấy, nên dặn nàng Kiều trước làm vậy, nhưng gia-pháp ở đó nghiêm quá, mục sợ lậu ra nên không dám nói rõ.

(4) Đây nói bóng dưng mà chỉ Hoạn-bà nóng giận lên thời phận Kiều hèn mọn như con ong con kiến kêu gì được oan.

(5) « Giọt ngọc » cũng như giọt châu, tức là nước mắt.

(6) « Lầm than » bời chữ « đồ thân » dịch ra. Đây nói thứ này lại khổ sở bằng cả hai thứ trước.

(7) « Bạc chẳng vừa thôi » là bạc quá ! tệ quá ! không biết thế nào cho vừa đủ ? Đây nói phận bạc quá chừng, không thể lường được.

(8) « Ngọc » và « hoa » dùng » để ví nhan sắc người con gái trong như ngọc đẹp như hoa. Đây nói cũng liều bỏ nhan sắc cho tòi-tàn mà không kể làm chi nữa !



CXL

- Những là nương-nấu qua thi,  
1768 \**Tiểu-thư* phải buổi mới về \**ninh-gia*.  
Mẹ con (1) trò chuyện lân-la,  
1770 \**Phu-nhận* mới gọi nàng ra dạy lời :  
« \**Tiểu-thư* dưới trướng thiếu người, (2)  
1772 « Cho về bên ấy, theo đòi lầu trang. »  
Linh lời nàng mới theo sang,  
1774 Biết đâu \**địa-ngục*, \**thiên-đường* là đâu ?  
Sớm khuya khăn mặt, lược đầu,  
1776 Phận con hầu, giữ con hầu, dám sai !
- 

CXL. — Từ câu 1767 đến câu 1776, vừa lúc *Hoạn-thư* về nhà thăm viếng. Đang lúc mẹ con trò chuyện, *Hoạn-bà* mới bảo nàng sang hầu *Hoạn-thư* ; nàng lĩnh lời theo sang, giữ một phận cháu hầu khuya sớm.

(1) « Mẹ con » *Hoạn-bà* và *Hoạn-thư*.

(2) Câu này và câu dưới là lời của *Hoạn-bà* bảo nàng *Kiều* sang hầu *Hoạn-thư*.

CXLI

- Phải đêm êm-ả chiều trời,  
1778 Trúc to (1) hỏi đến nghề chơi mọi ngày;  
Linh lời nàng mới lựa dây,  
1780 Nỉ-non thanh-thót (2) dễ say lòng người !  
\**Tiểu-thư* xem cũng thương tài,  
1782 Khuôn uy (3) dường cũng bớt vài bốn phân.
- 

CXLI. — Từ câu 1777 đến câu 1782, nhân có một đêm thanh mát, *Hoạn-thư* hỏi đến nghề đánh đàn của nàng *Kiều* ; nàng vâng lời gảy đàn, làm cho *Hoạn-thư* nghe mà say-mê ; xem tài cũng động lòng thương xót, bớt sự uy-nghiêm.



(1) « Trúc tơ » là bởi hai chữ « trúc ti » mà dịch ra. Trúc là các thứ sáo, dịch làm bằng loài cây tre, ti là các thứ đòn có dây tơ.

(2) « Nỉ-non » là động sâu thăm ; « thanh-thót » là động thanh tao, trong trẻo như tiếng giọt nước thường nghe trong chỗ thanh vắng.

(3) « Khuôn uy » là khuôn phép uy nghiêm. Đây nói cách Hoạn thư xử với nàng Kiều về cái khuôn phép uy nghiêm cũng nhân đó mà trong mười phần bỏ được vài bốn phần.

## CXLII

Cửa người dày-dọa chút thân,  
1784 Sớm ngơ-ngẩn bóng, đêm năn-nỉ lòng.  
\**Lâm-tri* chút nghĩa đèo-bồng,  
1786 Nước non đề chữ \**trương-phùng* kiếp sau.(1)  
Bốn phương mây trắng (2) một màu,  
1788 Trông vời \**cổ-quốc* biết đâu là nhà ?

CXLII. — Từ câu 1783 đến câu 1788, từ khi nàng Kiều lại ở nhà Hoạn-thư, tấm thân dày-dọa, lòng những âu-sầu, phần thời nghĩ điều thề ước với Thúc-sinh, phần thời trông nhớ quê nhà của cha mẹ.

(1) Đây nói chút nghĩa gần bỏ với Thúc-sinh ở Lâm-tri, xin ước kiếp sau sẽ gặp nhau lại.

(2) « Mây trắng » xem chú thích chữ « mây bạc » câu 1599. Đây nói trong bốn phương đều thấy mây trắng, không biết đâu là nhà cha mẹ của nàng Kiều.

## CXLIII

Lần-lần tháng trọn ngày qua,  
1790 Nỗi gần nào biết đường xa thế này ?  
\**Lâm-tri* từ thuở uyên bay, (1)  
1792 Buồng không thương kẻ (2) tháng ngày chiếc  
Mây ai trắng mới in ngần, (3) [thân.  
1794 Phần thừa hương cũ (4) bội phần xót-xa.



Sen tàn cúc lại nở hoa,  
1796 Sầu dài ngày ngắn, đông đã sang xuân. (5)  
    Tim đâu cho thấy \**cổ-nhân*,  
1798 Lấy câu *vận-mạnh* khuây dần nhớ thương.  
    Chạnh niềm nhớ cảnh \**gia hương*, [(6)  
1800 Nhớ quê chẳng lại tìm đường thăm quê.

---

CXLIII. — Từ câu 1789 đến câu 1800, Thúc-sinh ở lại Lâm-tri, tưởng nàng Kiều mất rồi, chàng một mình trong cái buồng không, trông thấy cảnh-vật chung quanh, bội phần thương xót, ngày qua tháng trớn, càng lâu càng vắng liếng *cổ-nhân*, thôi cũng đồ cho số mệnh, mà để tấm lòng cho khuây khỏa, nhớ quê quán cũ, chàng lại tìm đường mà thăm quê.

(1) Chim uyên ương thường khi con trống con mái bay đôi đậu cặp với nhau, ví như vợ chồng. Đây nói « uyên bay » là nàng Kiều không ở đó nữa, ví như trong hai con chim uyên ương mà một con chim bay đi.

(2) « Kể » là chỉ Thúc-sinh.

(3) « Mây ai » là mây nàng Kiều ; « trăng mới » là trăng về đầu tháng, về độ mồng ba mồng bốn. Đây nói trông trăng mới in ngần như nét lông mày, mà nhớ đến mày mặt nàng Kiều.

(4) « Phấn » và « hương » xem chú thích câu 814. Đây nói « phấn thừa hương cũ » là hương phấn của nàng Kiều dùng để lại.

(5) Hai câu này nói vừa giáp một năm : « sea tàn » là hết mùa hạ « cúc nở » là sang thu, đông hết rồi sang xuân.

(6) Thúc-sinh nghĩ mình mà không được ở lâu với nàng Kiều, là do số mệnh xui nên, vậy cũng khuây khỏa không thương nhớ nữa.

#### CXLIV

\**Tiểu-thư* đón cửa đã-dề, (1)  
1802 \**Hàn-huyên* vừa cạn mọi bề gần xa.  
    Nhà hương cao cuốn bức là,  
1804 Buồng trong truyền gọi nàng ra lạy mừng.



- Bước ra một bước một dừng,  
1806 Trông xa nàng đã tỏ chừng nẻo xa:  
« Phải rằng nắng quáng đèn lò, (2)  
1808 « Rõ-ràng ngời đỏ, chẳng là *Thúc-sinh* ?  
« Bây giờ tình mới tỏ tình,  
1810 « Thôi thôi đã mắc vào vảnh chẳng sai !  
« Chước đâu có chước lạ-đời,  
1812 « Người đâu mà lại có người *tình-ma* !  
« Rõ-ràng thật lừa dối ta.  
1814 « Làm ra con ở chủ nhà đôi nơi.  
« Bề ngoài thon-thót nói cười,  
1816 « Mả ra *nham-hiểm* giết người không dao.  
« Bây giờ đất thấp trời cao, [(3)  
1818 « Ăn làm sao nói làm sao bây giờ ? »  
Càng trông mặt càng ngần-ngơ,  
1820 Ruột tấm đôi đoạn như tơ rối bời.  
Sợ uy, dám chẳng vâng lời,  
1822 Cúi đầu nép xuống sân mai một chiều.

---

CXLIV. — Từ câu 1801 đến câu 1822, *Thúc-sinh* về đến nhà, *Hoạn-thư* đón cửa chào mừng. Lúc vào nhà thoir truyền gọi nàng *Kiều* ra chào, nàng mới bước ra, trông xa đã biết chừng là người cũ. Nàng trông mặt *Thúc-sinh*, trong lòng thêm rối, nhưng sợ uy-nghiêm *Hoạn-thư* phải cúi đầu xuống đất, chẳng dám trông lên.

(1) « Dã dề » là nói cách *Hoạn-thư* đón rước *Thúc-sinh*, ra ân-cần sốt-sắng lắm.

(2) Ý nàng *Kiều* nói mặt mình đã trông thấy người rõ-ràng, có phải đâu bị nắng quáng đèn lò mà xem lẫn đi.

(3) Hai câu này ý nói bề ngoài thoir giả cười nói làm như cách ăn ở dễ-dàng mà ở trong lòng âm-thầm mưu-chước để làm hại người ta.



CXLV

Sinh đà phách lạc hồn xiêu :

1824 « Thương ôi chẳng phải nàng Kiều ở đây !

« Nhân làm sao đến thế này ? [(1)

1826 « Thôi-thôi ta đã mắc tay ai rồi ! »

Sợ quen, dám hở ra lời,

1828 Khôn ngần giọt ngọc sụt sùi nhỏ sa.

*\*Tiểu-thư* trông mặt hỏi tra :

1830 « Mới về, có việc chi mà *\*động-dung* ? »

Sinh rằng : « *\*Hiếu-phục* vừa xong,

1832 « Suy lòng *\*trắc-tự* đau lòng *\*chung-thiên*. »

Khen rằng : « *\*Hiếu-tử* đã nên ! (2)

1834 « *\*Tẩy-trần* mượn chén *\*giải-phiên* đêm

Vợ chồng chén tạc chén thù, (3) [thu. »

1836 Bắt nàng (4) đứng chực *\*trì-hồ* hai nơi.

Bắt khoan, bắt nhặt đến lời.

1838 Bắt quí tận mặt, bắt mời tận tay.

Sinh càng như đại như ngây,

1840 Giọt dài giọt ngắn, chén đầy chén vơi.

Ngảnh đi, (5) chột nói, chột cười,

1842 Cáo say chẳng đã tỉnh bài tháo ra. (6)

*\*Tiểu-thư* vội thét : « con Hoa ! (7)

1844 « Khuyên chàng chẳng cạn, thì ta cò đòn ! »

Sinh càng nát ruột tan hồn,

1846 Chén mời phải ngậm bồ-hồn (8) ráo ngay.

*\*Tiểu-thư* cười nói tỉnh say,

1848 Chưa xong cuộc rượu, lại bày trò chơi.

Rằng : « *\*Hoa-nô* đủ mọi tài, (9)

1850 « Bản đàn thử dạo một bài chàng nghe. »

Nàng càng choán-váng tê-mê,

1852 Vâng lời ra trước bình the vắn đàn.



- Bốn dây như khóc như than,  
1854 Khiến người trên tiệc cũng tan nát lòng.  
Cũng trong một tiếng tơ đồng,  
1856 Người ngoài cười nụ, người trong khóc  
Giọt châu lả-chả khôn cầm, [thăm. (10)  
1858 Cúi đầu chàng những gạt thăm giọt tương  
\**Tiểu-thư* lại thét lấy nằng: [(11)  
1860 « Cuộc vui gây khúc \**doạn-trường* ấy chi ?  
« Sao chẳng biết \**ý-tử* gì ?  
1862 « Cho chàng buồn-bã tội thì tại người ! »  
Sinh càng thăm thiết \**bồi-hồi*,  
1864 Vội-vàng gượng nổi gượng cười cho qua.  
Giọt rờn (12) canh đã điềm ba,  
1866 \**Tiểu-thư* nhìn mặt dường đà \**cam-tâm*.  
Lòng riêng khắp-khởi mừng thăm,  
1868 Vui này đã bỏ đau ngăm xưa nay. (13)  
Sinh thì gan héo ruột đầy,  
1870 Nổi lòng càng nghĩ càng cay đắng lòng  
Người (14) vào chung gối \**loan-phòng*,  
1872 Nàng ra tựa bóng đèn chong canh dài.

---

CXLV. — Từ câu 1823 đến câu 1872, Thúc-sinh thấy Kiều, thì xót thương mà sụt-sùi than thở. Hoạn-thư thấy vậy, mới hỏi ; chàng nói tang-phục vừa xong, vì nhớ mẹ mà sinh lòng thương xót. Hoạn-thư khen là chí-hiểu, mới bày cuộc rượu để giải khuây : bắt nàng Kiều đứng hầu một bên, cuộc rượu chưa xong, lại bắt đánh đàn. Đêm đã gần khuya, vợ chồng vào phòng chẵn gối, còn nàng Kiều ra ngoài chiếc bóng nằm canh.

1) Câu này và hai câu dưới là khi Thúc-sinh trông thấy nàng Kiều mà tự nghĩ trong lòng.



(2) Câu này và câu dưới là lời Hoạn-thư nói với Thúc-sinh.

(3) « Tạc » là khách rót rượu mời chủ, « thù » là chủ rót rượu mời khách. Đây nói « chén tạc chén thù » là hai bên rót rượu khuyên mời lẫn nhau.

(4) « Nàng » là chỉ nàng Kiều.

(5) « Ngảnh đi » là xoay mặt ngó lơ nơi khác. Đây ý Thúc-sinh sợ ngó mặt nàng Kiều mà sinh thương xót, nên ngảnh đi mà cười, nói cho qua.

(6) « Tháo ra » là lui ra không ngồi lại mà uống rượu nữa.

(7) « Con hoa » là con Hoa-nô, chỉ nàng Kiều.

(8) « Bò hòn » là một thứ trái đắng lắm. « Ngậm bò hòn » là ngậm rượu như ngậm một vật gì đắng nuốt không xuống mà cũng phải gắng nuốt cho xong.

(9) Câu này và câu dưới là lời Hoạn-thư nói với Thúc-sinh.

(10) « Người ngoài » là người ngoài cuộc, chỉ Hoạn-thư; « người trong » là người trong cuộc, chỉ Thúc-sinh. Đây nói nghe tiếng đàn mà Hoạn-thư thời vui, còn Thúc-sinh thời buồn.

(11) « Giọt tương » cũng như mạch tương, xem chú thích câu 238.

(12) « Giọt rồng » là đồng hồ đời Tần làm bằng hình con rồng, đổ nước vào thời nhỏ ra từng giọt để khắc thời giờ.

(13) Hôm ấy Hoạn-thư bắt được nàng Kiều hầu rượu, đánh đàn là cuộc vui để bù lại những điều lo lắng mà sinh ra đau ngẫm trong lòng bấy lâu.

(14) « Người » là chỉ Thúc-sinh và Hoạn-thư.

## CXLVI

Bây giờ mới tỏ tấm hơi, (1)

1874 Máu ghen đâu có lạ đời nhà ghen!

Chước đâu rẻ thủy chia uyên, (2)

1876 Ai ra đường nấy, ai nhìn được ai?

Bây giờ một vực một trời, (3)

1878 Hết điều \**khinh-trọng* hết lời \**thị-phi*.

Nhẹ như bắc, nặng như chì, (4)

1880 Gỡ cho ra nợ, còn gì là duyên?

Lỡ-làng chút phận \**thuyền-quyên*,

1882 Bề sâu sóng cả có tuyền được vay? (5)

Một mình âm-ỷ (6) đêm chầy,

1884 Dĩa dầu vơi, nước mắt đầy năm canh,



CXLVI — Từ câu 1873 đến câu 1884, nàng Kiều chịu những điều hành-hạ, mới ngao-ngán cho cái máu ghen của Hoạn-thư : mưu kia đã mắc vào vành, thân ấy khôn đường thoát khỏi. Nàng đêm khuya một đèn một bóng, ngồi nghĩ mà nước mắt tuôn rơi.

(1) « Tâm hơi » xem chú thích câu 1482. Đây nói lúc ấy mới biết được rõ-ràng.

(2) « Thúy » là chim phỉ-thúy, « uyên » là chim uyên-trương, hai thứ chim thường hay bay cặp đầu cặp. « Rẽ » và « chia » là nói Hoạn-thư làm cho Thúc-sinh và Thúy-Kiều phân ly nhau ra.

(3) « Một vực một trời » là nói một bên thời chủ nhà, có ngôi quyền cao trọng ví như ở trên trời và một bên thời con ở chịu đầy đọa khổ sở, ví như sa xuống vực sâu.

(4) Câu này ý nói cách ăn nói của Hoạn-thư điêu đảo khó lường, khi thời khoan-thai dễ-dàng ví như khi nhẹ thời nhẹ quá như bắc, lại khi thời nặng nề nghiêm nhặt ví như khi nặng thời nặng quá như chì.

(5) Khi đã lỡ ra ở với người có lòng sâu hiểm, ví như chiếc thuyền đi giữa bể sâu có sóng lớn thì cũng khó tuyền được.

(6) « Âm ỷ » là nói cách đau ngầm và bức tức.

## CXLVII

Sớm khuya hầu hạ \*đài-dinh,

1886 \*Tiểu-thư trông mặt đề tình hỏi tra.

Lựa lời nàng mới thừa qua :

1888 « Phải khi mình lại xót xa nỗi mình. »

\*Tiểu-thư lại hỏi Thúc-sinh :

1890 « Cây chẳng tra lấy \*thực-tình cho nao. »

Sinh đã nát ruột như bảo,

1892 Nói ra chẳng tiện, trông vào chẳng đang

Những e lại lụy đến nàng,

1894 Đánh liều mới sẽ liệu đường hỏi tra.

Cúi đầu quì trước sân hoa,

1896 \*Thân-cung nàng mới dâng qua một tờ ;



- \*Diện-tiền* trình với *\*tiểu-thư*,  
1898 Thoát xem đường cũng ngần-ngơ chút tỉnh.  
Liên tay đưa lại *\*Thúc-sinh*,  
1900 Rằng : « Tài nên trọng mà tình nên thương ;  
« Ví chẳng có số giàu sang, [(1)  
1902 « Giá này đầu đúc nhà vàng (2) cũng nên.  
« Bề trần chìm nổi *\*thuyền-quyên*, (3)  
1904 « *\*Hữu-tài* thương nỗi *\*vô-duyên* lạ đời.»  
Sinh rằng : « Thực có như lời,  
1906 « *\*Hồng-nhan* *\*bạc-mạnh* một người nào  
« Nghìn xưa âu cũng thế này, [vay ;  
1908 « *\*Tìr-bi* âu liệu bớt tay mới vừa. » (4)  
*\*Tiểu-thư* rằng : « Ý trong tờ,  
1910 « Rắp đem mạnh bạc xin nhờ cửa không. (5)  
« Thôi thì thôi cũng chiều lòng,  
1912 « Cũng cho khỏi lụy trong vòng bước ra.  
« Sẵn *\*Quan-âm-các* vườn ta,  
1914 « Có cây trăm thước, có hoa bốn mùa. (6)  
« Có *\*cổ-thụ*, có *\*san-hồ*,  
1916 « Cho nàng ra đó, giữ chùa *\*tụng-kinh*. »

---

CXLVII. — Từ câu 1885 đến câu 1916, nàng Kiều ra vào hầu-hạ, Hoạn-thư trông mặt mới hỏi có sao mà buồn, nàng lấy sự thương xót nỗi mình mà thưa lại. *Tiểu-thư* nhận đó cậy *Thúc-sinh* tra hỏi, thời nàng quì dưới sân dâng lên một tờ thần-cung ; *Tiểu-thư* xem giấy rồi nói với sinh về việc nàng Kiều. Sinh cũng khuyên *tiểu-thư* lấy tình lân-tuất mà mở lòng *tìr-bi* *Tiểu-thư* mới cho nàng ra ở *Quan-âm-các* trong vườn, giữ chùa mà tụng kinh niệm phật.

(1) Từ câu này trở xuống 5 câu là Hoạn-thư xem tờ của nàng Kiều mà bàn với *Thúc-sinh*.



(2) « Nhà vàng » là nhà làm bằng vàng để cho người sang trọng ở, do hai chữ « kim ốc » lấy trong câu nói của vua Hán-vũ-đế khen nàng A-Kiều mà dịch ra. Đây ý Hoạn-thư khen giá nàng Kiều cao trọng, nếu đúc nhà vàng cho ở cũng xứng đáng.

(3) « Bể trần » bởi chữ « trần hải », là nói bể khô ở giữa cõi trần. Đây nói số phận người con gái phải chịu ba chìm ba nổi ví như bể khô, ở cõi trần.

(4) Câu này và câu trên ý thúc sinh nói xira nay hồng nhan bạc mệnh ai cũng như thế cả, khuyên tiểu-thư bớt tay hành hạ mà mở lòng xót thương.

(5) « Cửa không » là cửa chùa, cửa phật do hai chữ « không môn » ở trong sách Phật mà dịch ra.

(6) Câu này nhiều nhà chú thích khác nhau : người thời bảo cây hương khởi bốc lên trăm thước và cây đèn có hoa cả bốn mùa ; người thời bảo cây bồ-đề cao trăm thước và hoa Bát-nhã nở bốn mùa. Nhưng thiết tưởng ở đây chỉ tả cảnh chùa mà thôi ; ý nói chùa làm ra đã lâu đời nên có cây cao và cảnh chùa vui vẻ, trong vườn mùa nào cũng có các thứ hoa theo thời tiết mà nở ra.

### CXLVIII

Tung-búng trời mới *\*bình-minh*,  
1918 *\*Hương-hoa \*ngũ-cùng* sắm-lễ thờ.  
Đưa nàng đến trước *\*Phật-đường*,  
1920 *\*Tam-qui \*ngũ-giới* cho nàng *\*xuất-gia*.  
Áo xanh (1) đòi lấy *\*ca-sa*,  
1922 *\*Pháp-danh* lại đòi tên ra *\*Trạc-tuyền*.  
Sớm khuya tỉnh đủ dầu đèn,  
1924 *\*Xuân-Thu* cắt sẵn hai tên *\*hương-trà*.

---

CXLVIII. — Từ câu 1917 đến câu 1924, buổi sáng hơn sau, Hoạn-thư bảo sắm lễ cúng Phật, để cho nàng Kiều đi tu, tên Hoa-nô lại đòi làm tên Trạc-tuyền ; ở đó lo việc hương đèn, đã cắt sẵn hai tên : Xuân-hoa và Thu-nguyệt.

(1) « Áo xanh » là áo những đứa thị-tỳ, xem chú thích chữ « thanh y ».



CXLIX

- Nàng từ lãnh gót vườn hoa, (1)  
1926 Đường gần rừng tía, đường xa bụi hồng. (2)  
    \**Nhân-duyên* đâu lại mà mong,  
1928 Khỏi điều then phần tủi hồng thời thôi. (3)  
    \**Phật-tiền* thăm lấp sầu vui, (4)  
1930 Ngày pho \**thủ-tự*, đêm nôi \**tâm-hương*.  
    Cho hay giọt nước cảnh đương, (5)  
1932 Lửa lòng rười tắt mọi đường \**trần-duyên*.  
    Nâu sông từ trở màu thuyền, (6)  
1934 Sân thu trắng đã vài phen đứng đầu. (7)  
    \**Quan-phòng* then nhặt lưới mau, (8)  
1936 Nói lời trước mặt, rơi châu vắng người. (9)  
    Gác kinh viện sách đôi nơi, (10)  
1938 Trong gang-tắc, lại gặp mười \**quan-san*. (11)

---

CXLIX. — Từ câu 195 đến câu 1938. từ lúc nàng Kiều ra ở chùa đã được hai tháng, giữ điều trai-giới, quên hết trần-duyên. Ngặt vì phép nhà Hoan-thư nghiêm nhặt, qua lại rất là khó khăn, lúc có đông người thời chàng Thúc vẫn nói nói cười cười, còn lúc vắng người thời chàng lại nghĩ đến nàng mà sầu tuôn giọt lệ : hai người cách mặt, gần cũng như xa.

1 « Vườn hoa » là vườn của cảnh chùa, chỗ nàng Kiều đi tu.

(2) « Rừng tía » là nói chỗ đức Phật Quan-âm ở, do chữ « tử trúc lâm » trong sách Tây-du mà dịch ra. « Bụi hồng » là nói cõi tục, do hai chữ « hồng trần » mà dịch ra, xem chú thích câu 908.

(3) « Phần » và « hồng » đều là đồ trau dồi nhan sắc con gái, « then phần tủi hồng » là nói nhan sắc bị nhờ nhục xấu hổ. Đây nói đi tu cho khỏi Hoan-thư hành-hạ là được.

(4) « Thăm lấp sầu vui » là những điều sầu thăm bấy lâu đều vui lấp đi cho hết cả.



(5) « Giọt nước cành dương » là do mấy chữ « dương chi thủy » trong truyện Phật-Đồ-trường lấy nước cành dương rưới cho con trai ông Thạch-lặc bị bệnh chết rồi sống lại ở sách Pháp-uyên-chà-lâm mà dịch ra. Đây nói ơn huệ đơm, nhuần của nhà Phật.

(6) « Nâu sông » là sắc áo của người đi tu. Đây nói từ khi đã vào cửa thuyền mà mặc áo đi tu.

(7) « Sân thu » là sân đường lúc mùa thu ; « đứng đầu » là soi chính trên đầu. Đây nói vài phen trắng đứng đầu là được vài tháng rồi

(8) « Then nhất » là then cái nghiêm nhất. « Mau » nghĩa là dây, « lưới mau » là lưới dây bủa kín đảo. Đây nói cách phòng giữ của Hoạn-thư nghiêm nhất kín đảo.

(9) Lúc có mặt đông người thời Thúc-sinh nói cười vui vẻ như thường, còn lúc vắng người thời chàng lại chảy nước mắt buồn rầu vô hạn.

(10) « Gác kinh » là chỗ nàng Kiều đi tu, « viện sách » là chỗ Thúc-sinh xem sách.

(11) Hai người ở cách chỉ trong gang tấc mà hóm ra xa nhau bằng mười dặm quan-san ; xem chung chú thích chữ « quan-san ».

## CL

Những là ngậm thở ngùi than, (1)

1940 *Tiểu-thư* phải buổi *vấn-an* về nhà.

*Thừa-cơ* sinh mới lên ra,

1942 Xăm-xăm đến chốn vườn hoa với nàng. (2)

Sụt-sùi kể nỗi *doạn-trường*,

1944 Giọt châu tầm tã, đơm tràng áo xanh : (3)

« Đã cam chịu bạc với tình, (4)

1946 « Chúa xuân đề tội một mình cho hoa ! (5)

« Thấp cơ thua trí đàn-bà, (6)

1948 « Trông vào đau ruột, nói ra ngại lời !

« Vì ta cho lụy đến người,

1950 « Cắt lăm ngọc trắng, thiết đời xuân-xanh !

« Quản chi lên thác xuống ghềnh, (7)

1952 « Cũng toan sống thác với tình cho xong. (8)



- « *Tông-đường* chứt chữa cam lòng.  
1954 « Cắn răng bẻ một chữ đồng làm hai. (9)  
« Thẹn mình đá nát vàng phai, (10)  
1956 « Trăm thân dễ chuộc một lời được sao? » (11)  
Nàng rằng : « Chiếc bách sông đào, (12)  
1958 « Nỗi chim cũng mặc lúc nào rủi may. (13)  
« Chứt thân quần-quai vũng lầy,  
1960 « Sống thừa còn tưởng đến rày nữa sao ?  
« Cúng liêu một hạt mưa đào, (14)  
1962 « Mả cho *\*thiên-hạ* trông vào cũng hay !  
« Xót vì cầm đá bén đây,  
1964 « Chẳng trăm năm cũng một ngày duyên ta!  
« Liệu bài mở cửa cho ra,  
1966 « Ấy là tình nặng, ấy là ơn sâu ! » (15)  
Sinh rằng : « Riêng tưởng bấy lâu, (16)  
1068 « Lòng người (17) *\*nham-hiểm* biết đâu mà  
[lường !  
« Nửa khi giông-tổ (18) phụ-phàng,  
1970 « Thiệt riêng đây, cũng lại càng cực đây !  
« Liệu mà xa chạy cao bay, (19)  
1972 « *\*Ái-ân* ta có ngàn này mà thôi.  
« Bây giờ kẻ ngược người xuôi, (20)  
1974 « Biết bao giờ lại nổi lời nước non ?  
« Dầu rằng sông cạn đá mòn,  
1976 « Con tằm đến thác cũng còn vương tơ. » (21)  
Cùng nhau kẻ-lề sau xưa.  
1978 Nói rồi lại nói, lời chưa hết lời.  
Mặt trông, tay chẳng nở rời,  
1980 *\*Hoa-ti* đã động tiếng người nẻo xa.  
Ngại-ngàn nuốt tủi lẳng ra, (22)  
1982 *\*Tiểu-thư* đâu đã rẽ hoa bước vào ;



- Cười cười nói nói ngọt ngào,  
1984 Hỏi : « Chàng mới ở chốn nào lại chơi ? » (23)  
Dối quanh sinh mới liệu lời :  
1986 « Tìm hoa quá bước xem người viết kinh. »  
Khen rằng : « *Bút-pháp* đã tinh, (24)  
1988 « So vào với thiếp *Lan-đình* nào thua ;  
« Tiếc thay *lưu-lạc* *giang-hồ*,  
1990 « Nghìn vàng thật cũng nên mua lấy tài. »  
*Thuyền-trà* cạn nước *hồng-mai*,  
1992 *Thung-dung* nổi gót *thư-trai* cùng về. (25)

CL. — Từ câu 1939 đến câu 1992. nhân lúc Hoạn-thư về thăm nhà mẹ, Sinh lên ra hỏi thăm và than thở cùng nàng Kiều. Hai người trò chuyện, bỗng đâu đã thấy liên-thư ở xa đi tới, cười cười nói nói, chào Thúc-sinh vừa mới qua chơi. Sinh nói nhân lúc tìm hoa, lại đó để xem người viết kinh. Nàng mới khen chữ viết tốt, rồi cùng ngồi uống nước trà, đoạn xong, hai người cùng về bên viện sách.

(1) « Ngậm thở ngùi than » là nói Thúc-sinh thương nhớ nàng Kiều mà vì xa cách không dịp để than thở cùng nhau được.

(2) « Nàng » là chỉ nàng Kiều.

(3) « Áo xanh » là áo của Thúc-sinh do hai chữ « thanh sam » mà dịch ra. Đây nói sinh kể việc với nàng mà rơi lụy ước áo.

(4) Từ câu này trở xuống cả thấy 12 câu là lời của Thúc-sinh nói với nàng Kiều.

(5) « Chứa xuân » xem chú thích câu 1327 ; « hoa » là chỉ nàng Kiều. Đây nói đề cho Hoạn-thư bắt tội một mình Kiều.

(6) « Đàn bà » là chỉ Hoạn-thư.

(7) Thân nàng Kiều quý hóa như ngọc mà bị Hoạn-thư làm cho làm cát mấy phen, thời đời người của nàng cũng rất là thiệt.

(8) Câu này và câu trên ý Thúc-sinh nói cũng muốn liều thân mà theo nàng Kiều đi trốn.

(9) Câu này và câu trên ý Thúc-sinh lại nói chỉ vì chưa có con trai để nối nghiệp tổ tông, vậy phải ở lại với Hoạn-thư mà không thể đi trốn với nàng được. Vậy như thế là một chữ « đồng » mà



bẻ ra làm hai nửa, nghĩa là nửa lòng để ở Hoạn-thư, còn nửa nữa để ở nàng Kiều.

(10) Trước kia Thúc-sinh nói với nàng Kiều « đá vàng cũng quyết » mà nay lại « bẻ chữ đồng làm hai » thời lời vàng đá đã lỗi với nàng, nên chàng tự lấy làm hổ thẹn lắm.

(11) Trước kia chàng Thúc nói với nàng Kiều là « trăm điều hãy cứ một ta », mà nay lại « vì ta nên lụy đến người », nàng không có thể trông vào chàng được một điều gì, thế thời đã đành lỗi mất lời thề, dầu mất trăm mạng người cũng không chuộc lại lời ấy được.

(12) « Chiếc bách » là chiếc thuyền làm bằng gỗ bách, do chữ « bách châu » lấy trong kinh-thi mà dịch ra. Đây nói phận gái lênh đênh ví như chiếc thuyền sóng vỗ.

(13) Phận đàn bà mười hai bến nước, ví như chiếc bách giữa giòng mây nổi rủi chìm, gặp đầu hay đổ.

(14) « Hạt mưa » xem chú thích câu 619. Câu này và câu dưới ý nàng Kiều nói thân nàng ví như hạt mưa rơi xuống đầu yên ở đó, thời nàng cũng muốn liêu ở luôn nơi Quan-âm-các cho thiên hạ trông vào đó mà biết hồng nhan bạc mệnh là như vậy.

(15) Câu này và 3 câu trên, nàng lại nói nàng cùng chàng tuy một ngày cũng đã bên duyên cầm sắt, thời nỡ lòng nào mà ở đây cho đànu được. Vậy nàng xin chàng liệu cách cho nàng ra khỏi cửa Hoạn-thư thời nàng lại cảm tình nặng ơn sâu của chàng là không biết mấy.

(16) « Riêng tưởng bấy lâu » là nói bấy lâu lòng chàng cũng đã riêng nghĩ đến việc ấy.

(17) Đây nói chỉ sợ lòng Hoạn-thư sâu sắc khôn lường, nên chưa biết tính thế nào.

(18) « Giông » là khi trời nổi giông sét rồi mưa to, « tố » là khi gió to và mưa dữ. Đây nói sợ khi Hoạn-thư giận dữ mà gây nên việc bất bình.

(19) Thúc-sinh bảo nàng Kiều liệu cách mà trốn đi.

(20) Thúc-sinh và nàng Kiều mỗi người đi một ngã.

(21) Câu này và câu trên ý nói lòng Thúc-sinh thương nhớ nàng Kiều luôn luôn, dầu sông cạn mà lòng chẳng cạn, đá mòn mà lòng chẳng mòn; lại ví như con tằm mùa xuân đến lúc gần chết mà vẫn kéo tơ.

(22) « Ngại ngần » là cách bỡ ngỡ; « nuốt tui » là dè nén điều sâu tui vào lòng; « lẳng ra » làm lơ đi như không có tình ý gì đến. Đây nói Thúc-sinh biết Hoạn-thư sắp vào, nên chàng giả làm cách vô tình.

(23) Câu này Hoạn-thư hỏi Thúc-sinh.



(24) Câu này và ba câu dưới lời Hoạn-thư khen người viết kinh chữ tốt.

(25) Hai vợ chồng uống nước rồi cùng nhau ra về.

## CLI

Nàng càng c-lệ ử-ê,

1994 Rỉ tai (1) hỏi lại *hoa-tỳ* trước sau.

Hoa rằng: « Bà (2) đến đã lâu ;

1996 « Rồn chân đứng núp độ đầu nửa giờ.

« Rành-rành kẻ tóc chân tơ, (3)

1998 « Mấy lời nghe hết đã dư tỏ-tường.

« Bao nhiêu đoạn khổ tình thương,

2000 « Nỗi ông (4) vật-vả, nỗi nàng thổ-than.

« Ngán tôi đứng lại một bên ;

2002 « Chán tai rồi mới bước lên trên lầu. »

Nghe thôi *\*kinh-hĩ* xiết đầu :

2004 « Đàn bà thể ấy thấy âu một người.

« Ấy mới gan, ấy mới tài,

2006 « Nghĩ càng thêm nỗi sồn gai (5) rụng rời.

« Người đâu sâu-sắc nước đời ;

2008 « Mà chàng Thúc phải ra người bỏ tay.

« *\*Thực-tang* bắt được đường này ;

2010 « Máu ghen ai cũng châu mày nghiêng rằng.

« Thế mà im chẳng đái-đăng, (6)

2012 « Chào mời vui-vẻ, nói năng dịu-dàng !

« Giận dầu ra dạ *\*thể-thường*,

2014 « Cười dầu mới thiệt khôn lường hiểm sâu.

« Thân ta ta phải lo âu, [(7)

2016 « Miệng hùm nọc rắn (8) ở đâu chốn này !

« Ví chẳng chấp cánh cao bay,

2018 « Tréo cây lâu cũng có ngày bẻ hoa. (9)



« Phận bèo bao quân nước sa,  
2020 « *Linh-dinh* đầu nữa cũng là *linh-dinh*.  
« Chín c quê khách một mình, [(10)  
2022 « Tay không chưa để tìm vành ản no ! » (11)

---

CL I. — Từ câu 1993 đến câu 2022, Hoạn-thư và Thúc-sinh về bên thư viện. Nàng Kiều mới hỏi hoa-tý các việc trước sau. Nàng nghe Hoa-tý kể chuyện lại mà kinh sợ rụng rời. Nàng nghĩ rằng, nếu không biết lánh đi, tất cũng có ngày chết oan. Thôi đi đầu cũng kiếp *linh-dinh*, còn muốn ở làm gì nữa. Nhưng chỉ nghĩ đường dài túi cạn, biết *linh* làm sao ?

- (1) « Rỉ tai » xem chú thích câu 765.  
(2) « Bà » là chỉ Hoạn-thư.  
(3) « Kê tóc chân tơ » là những việc tỉ mỉ ví như sợi tóc sợi tơ. Đây nói biết hết các việc đầu đuôi không sót điều gì.  
(4) « Ông » là chỉ Thúc-sinh.  
(5) « Sồn gù » là rợn ốc gai mình, nói ý kinh sợ.  
(6) « Đãi đẳng » cũng như nghĩa chữ rầy rà, khác với chú thích câu 1026.  
(7) Nghe việc trái tai ngửa mắt mà giận là thường tình còn nghe mà cười thò cái lòng sâu hiểm thiệt khó lường lắm.  
(8) « Miệng hùm nọc rắn » là những thứ ác độc làm chết người ví với lòng người sâu sắc lại hiểm độc hơn, do những chữ « hồ khẩu xà vĩ » trong sách Kim-cổ kỹ-quan mà trích dịch ra.  
(9) Câu này và câu trên nói nếu không trốn đi thời bị Hoạn-thư làm hại.  
(10) Câu này và câu trên nói tấm thân chịu khổ đã quen, ở đâu cũng vậy.  
(11) Câu này và câu trên nói chỉ sợ đi ra đường xa một mình mà tay không thì biết lấy gì mà kiếm ăn.

## CL II

Nghĩ đi nghĩ lại quanh-co,  
2024 « *Phật-tiền* sẵn có mọi đồ « *kim-ngân*.



Bên mình giắt đề \**hộ-thân*,

2026 Làn nghe canh đã một phần trống ba.

Cắt mình qua ngọn tường hoa, (1)

2028 Làn đường theo bóng trắng tà về tây. (2)

Mịt-mù dậm cắt đôi cây,

2030 Tiếng gà điểm nguyệt, dấu giày cầu sương. (3)

Canh khuya thân gái dậm trường, (4)

2032 Phần e đường sá, phần thương dải dầu !

---

CLII. — Từ câu 2023 đến câu 2032, nàng Kiều ngó thấy những đồ kim ngân để sẵn trước bàn thờ phật, mới nghĩ có thể nhờ đó mà sinh kế. Đêm khuya vừa đến trống ba mới trèo tường mà đi trốn: dậm khuya mù-mịt, thân gái bơ-vơ, nàng Kiều lúc bấy giờ nhiều phần lo sợ.

(1) Leo qua tường không dám mở cửa.

(2) Lúc ấy nàng Kiều cũng ngó theo bóng trắng xế mà đi về phía tây.

(3) Câu này tả cảnh đi đường lúc buổi sớm, do câu « kê mình mao điểm nguyệt » và câu « nhân tích bản kiêu sương » trong thơ đời Đường mà dịch ra. Đây nói điểm canh đã xế bóng trắng mà có tiếng gà gáy giục, và ván cầu đã ướt hơi sương mà có dấu giày bước lên.

(4) Đêm thời khuya, thân thời yếu, đường lại dài, là sự việc khó khăn cho nàng Kiều lúc bước chân ra.

### CLIII

Trời đông vừa rạng ngàn dâu, (1)

2034 Bơ-vơ nào đã biết đâu là nhà !

Chùa đâu trông thấy nẻo xa,

2036 Rành-rành « \**Chiêu-ẩn-am* » ba chữ bài;

Xăm-xăm gỗ mái cửa ngoài,

2038 \**Trú-trì* nghe tiếng vội mời vào trong.



Thầy màu ăn mặc nâu-sống,  
2041 \*Giác-duyên \*sư-trưởng lành lòng liền  
[thương.

Gạn-gùng ngành-ngọn cho tường,  
2042 Lạ-lúng nằng hầy tìm đường nói quanh :

« \*Tiểu-thuyền quê ở \*Bắc-kinh,  
2044 « \*Qui-sư \*qui-Phật \*tu-hành bấy lâu ;  
« \*Bần-sư rồi cũng đến sau,

2046 « Dạy đưa \*pháp-bảo sang hầu \*sư-huynh.  
« Rày vâng \*diện-hiến rành-rành » :

2048 Chuông vàng khánh bạc bên mình giở ra,  
Xem qua sư mới dạy qua :

2050 « Phải nề (2) \*Hằng-thủy là ta \*hậu-tình.  
« Chín e đường sả một mình,

2052 « Ở đây chờ đợi \*sư-huynh ít ngày. »  
Gởi thân được chốn am mây, (3)

2054 Muối dưa đắp-đồi tháng ngày \*thung-dung.  
\*Kệ-kinh câu cũ thuộc lòng,

2056 Hương đèn việc cũ, \*trai-phòng quen tay.  
Sớm khuya là bởi phước mây, (4)

2058 Ngọn đèn khêu nguyệt, (5) tiếng chày nện  
[sương. (6)

Thầy nằng \*thông-tuệ khác thường,  
2060 Sư càng nề mặt, nằng càng vững chân.

---

CLIII. — Từ câu 2033 đến câu 2060, trời vừa sáng nàng Kiều thoát trông thấy đường xa kia có am Chiêu-ẩn. Nàng đến gõ cửa, Giác-duyên thấy nàng ăn-mặc nâu-sống, động lòng thương xót, mới hỏi tra ngành-ngọn, thời nàng lựa lời đáp lại. Giác-duyên bảo nàng ở lại để chờ sư-trưởng. Từ khi nàng được nơi nương tựa, sư thấy nàng thông



tuệ mà có lòng thương, nằng được sự bao-dung  
mà thêm vững dạ.

(1) « Ngân đàn » bởi chữ « phù tang » là chỗ ở về phương đông.  
Đầy nói mặt trời đã mọc ở phía đông.

(2) « Nê » là tiếng xưng các đàn bà tu đạo Phật. « Nê hằng-  
thủy » nghĩa là bà sư Hằng-thủy.

(3) « Am mây » là chỗ tu-hành, hoặc chỗ ẩn-dật do chữ vân-  
am mà dịch ra.

(4) « Lá bối » là lá cây bối như loài lá dừa, lá kê mà to hơn,  
ở nước Thiên-trúc thường dùng lá bối mà viết kinh Phật. « Phướn  
mây » là lá cờ phướn có rìa về các thứ mây.

(5) Đèn kêu luôn cả đêm để thay tiếp vừng trắng lúc canh khuya.

(6) Chày nện chuông khi gần sáng như lửa lãn với hơi sương.

#### CLIV

Cửa thuyền vừa buổi cuối xuân,

2062 Bóng hoa rợp đất vẽ ngân ngang trời. (1)

Gió quang mây tạnh thanh-thoi,

2064 Có người \*đàn-việt lên chơi cửa Giả. (2)

Giở đồ chuông khánh xem qua,

2066 Khen rằng : « Khéo giống của nhà \*Hoạn-  
[nương] » ! (3)

\*Giác-duyên thực ý lo lường,

2068 Đêm thanh mới hỏi lại nằng trước sau.

Nghĩ rằng khôn nổi dầu màu. (4)

2070 Sự mình nằng mới gót dầu bày ngay :

« Bảy giờ sự đã dường này, (5)

2072 « Phận hèn dầu rủi dầu may tại người ! »

\*Giác-duyên nghe nói rưng-rời,

2074 Nửa thương nửa sợ \*bồi-hồi chẳng xong.

Rỉ tai (6) mới kể sự lòng :

2076 « Ở đây cửa Phật là không hẹp gì ; (7)

« E chẳng những sự \*bất-kỳ,

2078 « Đề nằng cho đến thể thi cũng thương !



« Lánh xa trước liệu tìm đường,  
2086 « Ngồi chờ nước đến nên đường còn quê. » (8)

CLIV. — Từ câu 2061 đến câu 2080, nhân buổi trời thanh, có một người tới thăm chùa viếng cảnh người ấy thấy chuông khánh mà nói giống của nhà Hoạn nương. Giác-duyên nghe nói sinh nghi, mới hỏi lại nàng Kiều các việc sau trước; nàng mới kể thật mà kể hết. Giác-duyên nghe vậy, lo sợ vô cùng, tự nghĩ nếu có sự gì xảy ra bất ý, thời phải lạy đến nàng, nên bảo nàng phải tìm đường, lánh đi cho khỏi nạn.

(1) « Vẽ ngân » xem chú thích câu 525. Đây tả cảnh mùa xuân nói hoa nở nền bóng hoa rợp đất và trắng soi sáng nền vẽ ngân ngang trời.

(2) « Cửa Già » là cửa chùa, bởi chữ « Già lam » tiếng Ấn-độ thường dùng để gọi chùa-chiền.

(3) Câu này là lời của người chơi chùa xem đồ chuông khánh mà khen.

(4) « Dấu màu » là nói màu đã lộ ra mà dấu đi, cũng như nói « dấu mùi ». Đây ý nàng Kiều nghĩ việc lộ ra rồi không thể dấu.

(5) Câu này và câu dưới là lời nàng Kiều kêu van với Giác-duyên.

(6) « Rỉ tai » xem chú thích câu 765. Đây là Giác-duyên ghé bên tai nàng Kiều mà nói nhỏ.

(7) Câu này và bốn câu dưới là lời của Giác-duyên dạy nàng Kiều.

(8) « Nước đến » bởi câu tục-ngữ « nước đến chân mới nhảy », xem chung chú thích câu 801; « quê » là quê mùa đại-dột. Đây nói nếu không biết liệu trước mà chờ cho có việc gấp mới liệu thời đại lắm.

### CLV

Có nhà họ Bạc bên kia,  
2082 Am mây (1) quen lối đi về dầu hương.

Nhấn sang dạn hết mọi đường.

2084 Dọn nhà hãy tạm cho nàng đỡ chân. (2)

Những mừng được chốn *an-thân*;

2086 Vội-vàng nào kịp tính gần tính xa.



CLV. — Từ câu 2081 đến câu 2086, bên kia có nhà họ Bạc thường hay lên cúng tại chùa; Giác-duyên mới bảo họ Bạc dọn nhà cho nàng Kiều qua đó ở tạm. Nàng những mừng được nơi yên-ổn, chưa kịp tính việc nên chăng.

(1) « Âm mây » xem chú thích câu 2053.

(2) « Đỡ chân » là ở tạm đó, rồi đi đâu sẽ tính về sau.

## CLVI

- Náo ngờ cũng tờ bọm già,  
2088 \**Bạc-bà* học với \**Tù-bà* \**đồng-môn*.  
Thấy nàng mạn phần tươi son, (1)  
2090 Mừng thăm được món bán buôn có lời.  
\**Hư-không* đặt-đề nên lời,  
2092 Nàng đã nhón-nhác rụng-rời lắm phen.  
Mụ càng xua-đuổi cho liền,  
2094 Lấy lời \**hung-hiêm* ép duyên \**Châu-Trần*.  
Rằng : « Nàng muòn dạm một thân,  
2096 « Lại mang lấy tiếng dữ gần lành xa. (2)  
« Khéo \**oan-gia* của \**phá-gia*,  
2098 « Còn ai dám chửa vào nhà nửa đây !  
« Kíp toan kiểm chốn xe dây,  
2100 « Không-dung chửa dễ mà bay đường trời !  
« Nơi gần thì chẳng tiện nơi, [(3)  
2102 « Nơi xa thì chẳng có người nào xa,  
« Này chàng \**Bạc-hạnh* cháu nhà,  
2104 « Cũng trong \**thân-thích* ruột-rà chẳng ai.  
« Cửa nhà buôn bán châu Thai,  
2106 « Thực-thà có một, đơn-sai chẳng hề.  
« Thế nào nàng cũng phải nghe,  
2108 « \**Thành-thân* rồi sẽ liệu về châu Thai.



« Bấy giờ ai lại biết ai ?

2110 « Dầu lòng bề rộng sông dài thênh-thênh.(4)

« Nàng dầu quyết chẳng *thuận-tình*.

2112 « Trái lời nẻo trước, lụy mình đến sau ! » (5)

---

CLVI. — Từ câu 2087 đến câu 2112, nàng Kiều qua ở bên họ Bạc, Bạc-bà thấy nàng nhan sắc khác thường, cũng tính nhân đó mà kiếm ăn miễn hoa-nguyệt, mới ép nàng kết duyên cùng Bạc-hạnh; để sau về lập nghiệp châu Thai; nếu nàng không nghe lời, thời đến sau phải phiền-lụy.

(1) Bạc-bà thấy nhan-sắc nàng Kiều có thể lấy son phấn trau dồi cho mặt tươi lên được.

(2) « Dữ gần lành xa » là ở dữ với người gần mà ở lành với người xa. Đây nói nàng Kiều mang lấy tiếng trộm chuông khánh của Hoạn-thư là dữ với người gần, mà dâng cho Giác-duyên là lành với người xa.

(3) « Xe dây » là xe duyên làm vợ chồng ; « không dưng » là nó không làm như thế thời..... Câu này và câu trên ý nói nếu không kiếm nơi xe duyên cho gấp đi thời dầu có cánh như chim cũng khôn bay đường trời để lánh cho khỏi nạn.

(4) Câu này và câu trên ý nói khi nàng Kiều đã về làm vợ Bạc-hạnh rồi, không ai nhận nàng là Trạc-tuyền ở chùa Hoạn-thư nữa, thời lòng nàng thanh-thoi như sông dài như bề rộng.

(5) Câu này và câu trên ý nói nàng Kiều không nghe lời Bạc-bà mà lấy Bạc-hạnh thời sau phải khổ sở.

## CLVII

Nàng càng mặt ủ mày chau,

2114 Càng nghe mụ nói càng đau như dần.

Nghĩ mình từng đất sầy chân, (1)

2116 Thế cùng nàng mới xa gần thở than :

« Thiếp như con én lạc đàn, (2)

2118 « Phải cung rầy đã sợ lán cây cong. (3)

« Cùng đường dầu tỉnh chữ từng, (4)

2120 « Biết người biết mặt, biết lòng làm sao?(5)



- « Nửa khi muôn-một thể nào,  
2122 « Bán hùm buôn sói chắc vào lưng đầu? (6)  
« Dầu ai lòng có \*sở-cầu,  
2124 « \*Tâm-minh xin quyết với nhau một lời.  
« \*Chứng-minh có đất có trời,  
2126 « Bấy giờ vượt bề ra khỏi quản gì » (7)

CLVII. — Từ câu 2113 đến câu 2126, nàng Kiều nghe Bạc-bà nói, mới cùng mẹ thổ thán: bấy giờ nàng phải thể cùng, đi đâu cũng có lòng lo sợ; nếu được một người chắc-chắn mà xe to kết tóc, thời nàng cũng quyết một lòng xin theo.

(1) « Túng đất » là không có nơi chốn nương-tựa; « sầy chân » là lạc bước lỡ chân. Đây nói lúc gặp việc lo lắng mà có điều túng rối.

(2) « Lạc-dân » là chim bay lạc đoàn. Đây ý nàng Kiều nói lúc nàng đi ra lạc bước ví như con én lạc đàn.

(3) Con chim đã bị cung bắn thời thấy cây nào cong cũng tưởng là cung mà bay cao, nguyên là lấy câu « kinh cung chi điều » trong sách Thuyết-uyên mà dịch ra. Đây nói đã mắc lừa với Mã-giám-Sinh một lần rồi, còn sợ mắc lừa một lần khác nữa.

(4) « Túng » là theo chồng, xem chung chú thích chữ « Túng-phu ».

(5) Câu này ý nói thấy người thời biết người biết mặt mà không biết trong lòng thế nào, do câu « tri nhân tri diện, bất tri tâm » mà dịch ra.

(6) « Hùm » và « sói » là hai loài thú độc dữ ở trong rừng núi, không thể bắt nuôi mà đem ra buôn bán được; « bán hùm buôn sói » là việc không có bằng cớ, do những chữ « mặt lang mãi hồ » trong sách Kim-cổ-ký-quan mà trích dịch ra. Câu này và câu trên ý nói nếu trong muôn điều mà có một điều xảy ra không lành, thời đã gặp phải những người phản-trắc, ăn ở hữu thủy vô chung như thể bán hùm buôn sói, có thể chắc-chắn vào đâu được.

(7) Câu này và ba câu trên ý nói như ai muốn lấy nàng thời phải thế cho có trời đất chứng minh thì dầu đi đâu nàng cũng đi.

### CLVIII

- Được lời mẹ mới ra đi,  
2128 Mách tin họ Bạc \*tức-thì sầm-sanh:



- Một nhà dọn-đẹp linh-đình.  
2130 Quét sân đặt trác, (1) rửa bình thấp nhang.  
\**Bạc-sinh* qui xuống vôi-vàng,  
2132 Quà lời (2) nguyện hết \**Thành-hoàng* \**Thờ*-  
Trước sân lòng đã giải lòng, [công.  
2134 Trong mản làm lễ \**to-hồng* kết duyên.
- 

CLVIII. — Từ câu 2127 đến câu 2134, *Bạc-bà* nghe nàng *Kiều* nói, mời vôi-vàng mách lìn cho *Bạc-Hạnh* sắm sanh lễ cưới. *Bạc-sinh* trước nguyện với quỷ thần sau lại cúng *to-hồng* cho đủ lễ.

(1) « Trác » tức là hương-án đặt trước bàn thờ để đồ hương đèn v.v.

(2) « Quà lời » là bất kể vị thần gì cũng đều khấn nguyện hết cả.

### CLIX

- \**Thành-thần* mời rước xuống thuyền,  
2136 Thuận buồm một lá xuôi miền châu Thai.  
Thuyền vừa đỗ bến thành-thời,  
2138 \**Bạc-sinh* lên trước tìm nơi mọi ngày.  
Cũng là \**hàng-viện* xưa nay,  
2140 Cũng phường bán thịt (1) cũng tay buôn  
Xem người \**định-giả* vừa rồi, [người.  
2142 Mỗi hang một đã ra mười thì buồng. (2)  
Mướn người thuê kiệu rước nàng,  
2144 Bạc đem mặt bạc (3) kiếm đường cho xa
- 

CLIX. — Từ câu 2135 đến câu 2144, *Bạc-sinh* làm lễ vừa xong, mời rước nàng *Kiều* xuống thuyền để qua châu Thai. Thuyền đến bến rồi *Bạc-sinh* lên trước tìm nhà thờ để bán nàng mà lấy tiền; nhận tiền xong thì mướn người thuê kiệu rước nàng, còn *Bạc* thời kiếm đường đi đầu mất,



(1) « Phư-ơng bán thịt » là phư-ơng treo đầu dê bán thịt chó, thường hay giả-dối đánh lừa người ta mà lấy tiền. Đây nói ví nhà trù-m-đĩ.

(2) « Bu-ông » là thả ra. Đây nói Bạc-sinh tính được lời nhiều thì bán.

(3) Chữ « Bạc » trước là chỉ Bạc-sinh, chữ « bạc » sau là chỉ bạc tình, « mặt bạc » cũng như nói « mặt mo » của Sở-khanh. Đây ý tác-giả nhân tên họ mà nói luôn để tả rõ tâm tính của Bạc-hạnh : bán được tiền xong thì thoát đi mất không kịp từ giả nàng Kiều.

### CLX

- Kiều hoa đặt trước thềm hoa,  
2146 Bên trong thấy một mụ ra vội-vàng.  
Đưa nàng vào lạy \**gia-đường*,  
2148 Cũng thán mây trắng (1) cũng phư-ơng lâu-  
Thoắt trông nàng đã biết tình, [xanh. (2)  
2150 Chim lồng khôn lẽ cắt mình bay cao. (3)  
Chém cha cái số hoa đào, (4)  
2152 Gỡ ra rồi lại buộc vào như chơi ! (5)  
Nghĩ đời mà ngán cho đời,  
2154 \**Tài-tình* chi lắm cho trời đất ghen !  
Tiếc thay nước đã đánh phen,  
2156 Mà cho bùn lại vắn lên mấy lần ! (6)  
\**Hồng-quân* với khách \**hồng-quân*,  
2158 Đã xoay đến thế còn vắn chưa tha !  
Lỡ từ lạc bước chân ra. (7)  
2160 Cái thân liệu những từ nhà liệu đi.  
Đầu xanh đã tội tình chi ?  
2162 Mả hồng đến quá nửa thì chưa thôi ! (8)  
Biết thân tránh chẳng khỏi trời,  
2164 Cũng liệu mặt phẫn cho rồi ngày xanh.

---

CLX. — Từ câu 2145 đến câu 2164, kiêu nàng Kiều vừa tới cửa, có một mụ ra dẫn nàng vào nhà : cũng thấy mấy ả mày ngài và cũng ông



thần mây trắng như ở Tú-bà lúc trước. Nàng đã mắc lận khôn lẽ đi đâu : thời cũng liệu cho dành cái kiếp hồng-nhan bạc mệnh.

(1) « Mây trắng » xem chú thích câu 930.

(2) « Lầu-xanh » xem chú thích chữ « thanh lâu ».

(3) Đây nói mình đã vào tay người thời trốn đi đâu cũng không được, ví như chim lồng còn bay đi đâu.

(4) Theo lời trong sách Tử-vi-dầu-số : số người đàn bà có đào-hoa thủ mệnh thời phải giang-hồ cả đời.

(5) Đây nói mới thoát khỏi nhà Tú-bà, nay lại gặp Bạc-bà.

(6) Câu này và câu trên ý nói tấm thân đã muốn giữ cho trong sạch mà vẫn dơ-dục lại như cũ.

(7) Đây nói cái bước đầu đã sẩy chân, thời bước sau cũng lỡ rồi không ra gì nữa.

(8) « Má hồng » là kiếp má hồng, nói kiếp hồng nhan bạc mệnh. Đây nói bị phải cái kiếp hồng nhan bạc mệnh đã chịu đền trả nợ đời mãi đến nửa đời mà cũng chưa hết.

## CLXI

Lần thâu gió mát trăng thanh, (1)

2166 Bồng đầu có khách \**biên-đình* sang chơi :

Râu hùm hàm én mây ngải,

2168 Vai năm tấc rộng, thân mười thước cao.

\**Đường-đường* một đứng \**anh-hào*,

2170 \**Côn-quyền* hơn sức, \**lược-thao* gồm tài ;

Đội trời đạp đất ở đời,

2172 Họ Từ, tên Hải vốn người \**Việt-đông* ;

\**Giang-hồ* quen thói vẫy-vùng,

2174 Gươm đàn nửa gánh, non sông một chèo. (2)

---

CLXI. — Từ câu 2165 đến câu 2174, đem qua ngày lại, có một ông khách qua chơi, người ở Việt-đông, họ Từ tên Hải, thật là một đấng anh-hào, tướng mạo khác thường, tài sức hơn chúng.



- (1) Đây nói nàng Kiều ở lâu đã trải nhiều ngày gió đêm trăng.  
(2) « Gươm đàn nửa gánh » là bởi chữ « bán kiên cung kiếm », « nòn sông một chèo » là bởi chữ « nhất trạo giang sơn », do lấy trong bài thơ ông Hoàng-sào mà trích dịch ra. Đây nói vai mang cung kiếm và tay cầm mái chèo mà vẫy vùng khắp trong trời đất.

CLXII

- Qua chơi nghe tiếng nàng Kiều,  
2176 Tấm lòng *\*nhi-nữ* cũng xiêu *\*anh-hùng*.  
Thiếp danh (1) đưa đến lầu hồng,  
2178 Hai bên cũng liếc, hai lòng cũng ưa.  
Tức rằng : « *\*Tâm-phúc* *\*tương-cờ*.  
2180 « Phải người trăng gió vật-vờ hay sao ?  
« Bấy lâu nghe tiếng má đào,  
2182 « Mắt xanh có để ai vào trông không ? (2)  
« Một đời đặng mấy *\*anh-hùng*,  
2184 « Bỏ chi cá chậu chim lồng mà chơi ! » (3)  
Nàng rằng : « Người dạy quá lời,  
2186 « Thân này còn dám xem ai làm thường. (4)  
« Chút riêng chọn đá thử vàng,  
2188 « Biết đâu mà gởi *\*can-tràng* vào đâu ? (5)  
« Còn như vào trước ra sau,  
2190 « Ai cho kén chọn vàng thau tại mình. » (6)  
Tức rằng : « Lời nói *\*hữu-tình* !  
2192 « Khiến người lại nhớ câu *\*Bình-nguyên*-  
« Lại đây xem lại cho gần, [quân. (7)  
2194 « Phỏng tin được một vài phần hay không ? »  
Thưa rằng : « Lượng cả *\*bao dung*, [(8)  
2196 « *\*Tấn-dương* được thấy mây rồng có phen!  
« Rộng thương cỏ nội hoa hèn,  
2198 « Chút thân béo bở dám phiền mai sau ! »



- Nghe lời vừa ý gật đầu, [(9)  
2200 Cười rằng : « *Tri-kỷ* trước sau mấy người ?  
« Khen cho con mắt tinh đời,  
2202 « *Anh-hùng* đoán giữa *trần-ai* mới già.  
« Một lời đã biết đến ta, [(10)  
2204 « Muôn chung nghìn tứ cũng là có nhau. » (11)

---

CLXII. — *Từ câu 2175 đến câu 2204, Từ-Hải  
qua chơi, thấy nàng Kiều mà sinh lòng yêu mến.  
Hai bên trò chuyện tâm phúc cùng nhau ;*

(1) « Thiếp danh » là tờ giấy viết tên họ vào, tức là danh thiếp.  
(2) Đời Tấn ông Nguyễn-Tịch tiếp khách, hễ gặp người đáng kính  
trọng thì lấy mắt xanh mà dãi, còn khi gặp người đáng khinh đáng  
dể thì lấy mắt trắng mà tiếp. Đây là ý Từ-Hải hỏi nàng Kiều  
bấy lâu nay đã gặp người nào tri-kỷ xứng ý chưa.

(3) « Bỏ chi » là bỏ ích chi, cần chi, sá chi, cả ở chậu, chim ở  
lồng thì lung-túng không bay-nhảy vầy-vùng gì được, ví với hạng  
người vô dụng. Câu này và câu trên ý Từ-Hải bảo nàng Kiều ở  
đời không mấy kẻ anh-hùng như Từ, còn bọn vô dụng kia như  
cả chậu chim lồng thì có ích chi mà chơi với.

(4) Vì Từ bảo nàng đừng chơi với bọn tầm thường, nên nàng nói  
Từ dạy như thế là quá lời, còn thân nàng đã chịu ở thanh-lâu, ai  
có tiền thời chơi, nào có dám khinh dể ai.

(5) « Can tràng » xem chữ « can trường », tức là « can phủ » lấy trong  
câu « Bất tri can phủ hương thủy thị » ở Đường thi mà cải lại cho hiệp  
vần. Câu này và câu trên ý nàng nói bấy lâu nàng vẫn cố chọn  
lựa thiệt mà biết ai là người gởi được gan ruột vào.

(6) Câu này và câu trên ý nói khách đến chơi thời người vào  
trước kể ra sau, ai cho nàng được kén chọn người này kể khác.

(7) Vì nàng có nói câu « Biết đâu mà gởi can-tràng vào đâu » đúng ý  
của câu thơ « Bất tri can phủ hương thủy thị » mà sau câu thơ ấy  
có câu « linh nhân khước ưc Bình-nguyên quân », nên Từ khen là  
lời nói hữu tình, khiến Từ lại nhớ đến hai câu thơ có ba chữ  
« Bình nguyên quân » ấy.

(8) Câu này và câu trên Từ-Hải bảo nàng Kiều lại gần xem Từ  
thử có đáng cái lòng nàng kén chọn được một vài phần hay không.

(9) « Cỏ nội hoa hèn » và « bèo bọt » đều là lời nàng Kiều nói  
vì mà có ý tự khiêm. Đây ý nàng xin Từ rộng thương lấy mình về  
ngày sau.



(10) Lúc bấy giờ Từ Hải còn đi chơi thanh-lâu, chưa làm việc gì, mà nàng lại nói ngày sau Từ làm vua (xem câu 2195), cho nên Từ khen nàng có con mắt tinh, đoán biết được kẻ anh-hùng đang lúc ở giữa chốn trần ai.

(11) « Muôn chung » là muôn chung lúa, « nghìn tữ » là nghìn xe ngựa tữ, do những chữ « thiên tữ vạn chung » trong sách Mạnh-tử mà dịch ra. Đây nói đến khi cực phú quý cũng chung hưởng với nhau.

### CLXIII

Hai bên *\*ý-hiệp-tâm-dầu*,

2206 Khi thân chẳng lựa là cầu mới thân !

Ngỏ lời nói với *\*băng-nhân*,

2208 Tiền trăm lại cử *\*nguyên-ngân \*phát-hoàn*.

Phòng riêng sửa chốn *\*thanh-nhân*,

2210 Đặt giường *\*thất-bảo* vây màn *\*bất-tiên*.

Trai *\*anh-hùng*, gái *\*thuyền-quyên*,

2212 Phỉ nguyên sánh phụng(1), đẹp duyên cỏi  
[rồng. (2)]

---

CLXIII. — Từ câu 2205 đến câu 2212, Từ Hải và nàng Kiều, hai người đã vừa ý nhau, mượn người đem số nguyên-ngân trả cho nhà thổ, phòng riêng dọn dẹp, rước nàng về loan-phụng vầy duyên.

(1) « Sánh phụng » là bởi tích ở sách Tả-truyện : Tề-trọng-tử cưới vợ xem bói được quẻ « phụng hoàng vu phi » nghĩa là chim phụng chim hoàng đều bay, nói vợ chồng thành đôi lứa.

(2) « Cỏi rồng » là bởi chữ « thừa long » trong Hán-thư : Ông Hoàn-yên có hai người rể là Tôn-loán và Lý-Ung đều là người giỏi, người ta gọi hai người ấy là « Thừa-long ».

### CLXIV

Nửa năm hương lửa đương nồng,

2214 *\*Trọng-phu* thoát đá động lòng bốn  
[phương. (1)]



- Trông vời trời bề mệnh-mang,  
2216 Thanh gươm yên ngựa lên đường thẳng rong.  
Nàng rằng : « Phận gái chữ tòng, (2)  
2218 « Chàng đi thiếp cũng một lòng xin đi. »  
Từ rằng : « *Tâm-phúc \*tương-tri,*  
2220 « Sao chưa thoát khỏi *\*nữ-nhi \*thường-*  
« Bao giờ mười vạn *\*tinh-binh,* [tinh ?  
2222 « Tiếng chiêng dậy đất bóng sinh rợp đường;  
« Làm cho rõ mặt *\*phi-thường,*  
2224 « Bấy giờ ta sẽ rước nàng *\*nghi-gia.*  
« Bằng nay bốn bề không nhà, (3)  
2226 « Theo càng thêm bận, biết là đi đâu ?  
« Đánh lòng chờ đó ít lâu,  
2228 « Chầy chăng là một năm sau, vội gì. »  
Quyết lời dứt áo ra đi,  
2230 Gió đưa *\*bằng-tiện* đã lìa dặm khơi.

---

CLXIV. — Từ câu 2213 đến câu 2230, Từ-Hải ở với nàng Kiều mới được nửa năm, đã muốn đi ra để lo lương công việc. Nàng Kiều cũng xin đi theo; Từ bảo đừng theo, chờ đến năm sau sẽ liệu.

(1) « Động lòng bốn phương » là có lòng đi ra nơi khác để lập công nghiệp gì, do những chữ « tứ phương chi chí » của ông Trùng-nhi đời Tấn mà trích dịch ra.

(2) « Chữ tòng » xem chủ thích chữ « tòng phu »

(3) « Bốn bề không nhà » là ở đâu cũng chưa định chỗ.

### CLXV

- Nàng thi chiếc bóng song mai,  
2232 Đêm thâu đặng-đặng, nhặt cái then mây (1)  
Sân rêu chẳng vẽ dấu giày, (2)  
2234 Cỏ cao hơn thước, liễu gầy vài phân.



- Đoài thương muôn dặm \**tử-phần*,  
2236 Hồn quê theo ngọn mây Tần xa xa. (3)  
Xót thay huyền cỗi xuân già, (4)  
2238 Tấm lòng thương nhớ biết là có người ?  
Chốc đà mười mấy năm trời, (5)  
2240 Còn ra khi đã da mồi tóc sương. (6)  
Tiếc thay chút nghĩa cũ-càng.  
2242 Dầu lia tơ ý, còn vương tơ lòng. (7)  
Duyên em dầu nổi chỉ hồng.  
2244 May ra khi đã tay bông tay mang. (8)  
Tắc lòng \**cố-quốc* \**thư-hương*,  
2246 Đường kia nổi nọ ngồn-ngang bởi-bởi.  
Cánh hồng bay bông tuyết vời, (9)  
2248 Đã mòn con mắt phương trời đăm-đăm. (10)

---

CLXV. — Từ câu 2231 đến câu 2248, lúc Từ-công đi vắng, nàng Kiều ở lại một mình, cảnh vật quanh-hiu, cửa nhà vắng-vẻ. Chạnh nhớ đến ông bà Viên-ngoại, lại nhớ đến chàng Kim nàng Vân. Bởi-bởi nhớ nơi có quốc, những rối tắc lòng; đăm đăm trông kẻ bốn phương, đã mòn con mắt.

(1) Câu này và câu trên ý nói Kiều ở nhà một mình đóng cửa gài then cẩn mật lắm mà không chịu lui tới với ai.

(2) Trước sân ít người đi tới, nên rêu mọc nhiều mà không thấy dấu giày.

(3) « Mây Tần » là mây ở núi Tần, xem chú thích câu 249. Đây nói nhớ nhà mà xa-xa trông vào đám mây che núi Tần, nhưng không thấy nhà ở đâu.

(4) « Xuân » và « huyền » xem chú thích chữ « xuân-huyền »; « cỗi » là đã cạn-còi, nghĩa cũng như « già ». Đây nói cha mẹ đã già-cả.

(5) Kể từ lúc nàng Kiều ra đi đến lúc gặp Từ-Hải, rõ là mới đó, mà đã hơn mười năm rồi.

(6) « Da mồi » là sắc da trở ra như vỏ đồi-mồi; « tóc sương » là tóc bạc trắng như sương. Đây nói như cha mẹ dương còn thì cũng đã già lắm rồi. Câu này và ba câu trên là nàng Kiều nghĩ đến cha mẹ ở nhà càng ngày mà càng thương nhớ mình luôn.



(7) Chữ « ý » 意 ở đây tức là cái tim đang trong hột sen, sách Nhi-nhĩ thích cây sen có câu « đích trung ý », (tim trong hạt sen) « Lia tơ ý » là tim sen đã đứt thành ra hai mảnh, « vương lơ lửng » là nhưa ở trong tim còn dính lấy. Đây nói đã lia cách nhau mà lòng vẫn vương vít lấy nhau.

(8) Câu này và câu trên nói nếu nàng Vân mà kết duyên với chàng Kim, thời bấy giờ ở trong cánh tay đã bông vải đưa con.

(9) « Cánh hồng » là cánh chim hồng; « tuyết vờ » là cao lắm. Đây nói Từ-Hải đi ra phương xa đã lia dặm khơi ví như chim hồng cất cánh bay cao.

(10) Câu này ý nói nàng Kiều trông Từ-Hải mỗi mắt mà chưa thấy Từ về.

### CLXVI

Đêm ngày luống những âm-thầm,  
2250 Lửa binh đâu đã âm-âm một phương !  
Ngất trời \*sát-khi mơ-màng,  
2252 Đầy sông \*kình-ngạc, chập đàng \*giáp-binh.  
Người quen thuộc, kẻ xung-quanh,  
2254 Nhủ nàng hãy tạm lánh mình một nơi.  
Nàng rằng : « Trước đã hẹn lời,  
2256 « Dầu trong \*nguy-hiểm dám dời ước xưa. »  
[(1)]

CLXVI. — Từ câu 2249 đến câu 2256, từ lúc Từ-Hải đi xa, nàng Kiều ở nhà trông đợi. Bỗng đâu thấy lửa binh dấy động, rối loạn đây nơi, ai cũng bảo nàng hãy đi chỗ khác mà lánh mình, mà nàng vẫn giữ ước ngày xưa ở lại đó để chờ Từ-Hải.

(1) Nguyên lúc Từ-Hải ra đi, nàng Kiều muốn đi theo, thời Từ bảo nàng ở lại đó mà chờ ngày nghi-gia, nên sau đâu có binh lửa dấy lên nàng cũng giữ ước mà không dám dời chỗ ấy.

### CLXVII

Còn đương dụng-dạng ngần-ngơ,  
2258 Mái ngoài đã thấy bóng cò, tiếng loa. (1)



- \**Giáp-binh* kéo đến quanh nhà,  
2260 \**Đồng-thanh* cùng hỏi : « Nào là \**phù-*  
Hai bên mười vị \**tướng-quân*, [*nhân?*»  
2262 Đặt gươm, cỡi giáp, trước sân \**khẩu-dầu*  
\**Cung-nga*, \**thê-nữ* theo sau, (3) [(2)  
2264 Rằng : « Vâng \**lệnh-chỉ* rước chầu (4) \**vu-*  
Sẵn-sàng \**phụng-liễn*, \**loan-nghi*, [*qui.*»  
2266 \**Hoa-quân* phấp-phới, \**hà-y* rõ-ràng (5)  
Dựng cờ, nổi trống lên đàng,  
2268 Trức tờ dậy trước, đao vàng kéo sau.

CLXVII. — Từ câu 2257 đến câu 2268, đương còn bản bạc, bỗng dầu quân lính kéo đến đầy nhà, nào những mười vị tướng-quân, kể đến cung-nga thê-nữ, đều vâng lệnh Từ-Hải đến rước nàng Kiều vu-qui.

- (1) « Loa » là tiếng vọi, trong quân thường dùng để làm hiệu lệnh.  
(2) Theo trong kinh Lễ có nói: « Người đội mũ rụ mà mặc áo giáp thời không lay ai bao giờ ». Cho nên mười vị tướng-quân phải đặt thanh gươm xuống và cỡi áo giáp ra, rồi mới khẩn đầu.  
(3) Đây nói thê-nữ theo sau mà hầu các cô cung-nga.  
(4) « Chầu » tức tục thường gọi là « Đức-chầu », nghĩa cũng như « Đức bà » hay là « Ngai ». Đây là tôn xưng nàng Kiều.  
(5) Câu này và câu trên kể những đồ xe liễn áo mũ của Từ-Hải cho đem đi rước nàng Kiều.

### CLXVIII

- \**Hỏa-bài* \**tiền-lộ* ruổi mau,  
2270 \**Nam-dinh* nghe động tiếng chầu \**đại-dinh*.  
Kéo cờ lữ, phát súng thành,  
2272 \**Từ-công* ra ngựa \**thân-nghinh* cửa ngoài.  
Rõ mình lạ vẻ cân đai,  
2274 Hấy còn hàm én mày ngài như xira.  
Cười rằng : « Cá nước duyên ư !  
2276 « Nhớ lời nói những bao giờ hay không ?



- « \**Anh-hùng* mới biết \**anh-hùng*,  
2278 « Rày xem phỏng đã cam lòng ấy chưa ? »  
Nàng rằng : « Chút phận ngây thơ,  
2280 « Cũng may dây cát (1) được nhờ bóng cây !  
« Đến bây giờ mới thấy đây,  
2282 « Mà lòng đã chắc những ngày một hai ! » (2)  
Cùng nhau trông mặt cả cười,  
2284 Đan tay về chốn trường mai \**tự-tình*.  
Tiệc bày \**thưởng-tướng* \**khao-binh*,  
2286 Um-sùm trống trận, rập-rình nhạc quân.  
\**Vinh-hoa* bổ lúc \**phong-trần*,  
2288 Chữ tình ngày lại thêm xuân một ngày.
- 

CLXVIII. — Từ câu 2269 đến câu 2288, quân  
linh báo tin, Từ-công ra đón ở cửa ngoài, hai  
người trông nhau mà cười, đem nhau về chốn  
trường mai, mở tiệc trong quán vui vẻ.

(1) « Dây cát » là thứ dây leo, xem chú thích chữ « cát đằng ».  
Đây nói tấm thân hèn mọn được nhờ lượng cả bao dung.

(2) « Ngày một hai » là ngày gặp nhau mới được một vài lần.

## CLXIX

- Trong quân cỏ lúc vui vầy,  
2290 \**Thung-dung* mới kể sự ngày \**hàn-vi* :  
« Khi \**Vô-tích*, khi \**Lâm-tri*,  
2292 « Nơi thì lừa đảo, nơi thì xót thương. (1)  
« Tấm thân rày đã nhẹ-nhàng,  
2294 « Chút còn \**ân-oán* đôi đường chưa xong. »  
\**Từ-công* nghe nói \**thủy-chung*,  
2296 \**Bất-bình* nổi giận ùng-ùng sấm vang.  
\**Nghiêm-quân* \**tuyển-tướng* sẵn-sàng,  
2298 Dưới cờ một lệnh vội-vàng ruổi sao. (2)



- Ba quân chỉ ngọn cờ đào, (3)  
2300 Đao ra \**Vô-tích*, đao vào \**Lâm-tri*.  
Mấy người \**phụ-bạc* xưa kia,  
2302 \**Chiếu-danh* \**tầm-nã* bắt về hỏi tra.  
Lại sai \**lệnh-tiền* truyền qua,  
2304 Giữ-giàng họ Thúc một nhà cho yên.  
Mụ \**Quản-gia*, vãi \**Giác-duyên*,  
2306 Cũng sai \**lệnh-tiền* đem tin rước mời,  
\**Thệ-sư* kể hết mọi lời,  
2308 Lòng lòng cũng giận, người người giúp uy.

CLXIX. — Từ câu 2289 đến câu 2308, nhân lúc vui-vầy, nàng Kiều mới kể việc lúc hàn-vi với Từ-Hải: ân oán chưa minh, còn loan báo phục. Từ nghe nói mà nổi giận, truyền cho ba quân, chiếu mấy tên phụ bạc mà bắt cho hết; nhưng khi tầm nã lại bảo giữ một nhà họ Thúc cho yên. Các người ân tình cũng sai quân rước mời luôn thể.

(1) Nơi thời bị người ta lừa phỉnh như bọn Sở-khanh, Bạc-Hạnh v.v.... Nơi thời người ta thương xót như Mã-Kiều, Quản-gia v.v..

(2) « Ruổi sao » là chạy mau như sao băng, do hai chữ « tinh trì » trong bài văn ông Phan-Nhạc mà trích dịch ra.

(3) « Cờ đào » là lá cờ đỏ.

## CLXX

- Đạo trời \**báo-phục* chửi ghê,  
2310 Khéo thay một mảy tóc về đầy nơi,  
\**Quân-trung* grom lớn dáo dòi,  
2312 Vệ trong \**thị-lập*, cơ ngoài \**song-phi*;  
Sẵn-sàng \**tề-chỉnh* \**uy-nghi*;  
2314 Vác đồng chát đất, \**sinh-kỳ* rọp sân.  
Trưởng hùm (1) mở giữa \**trung-quân*,  
2316 \**Từ-công* sánh với \**phụ-nhân* cùng ngồi.



- \*Tiên-nghiêm* trông chữa dứt hời,  
2318 *\*Điểm-danh* trước dẫn chực ngoài cửa viên.  
Tức rằng : « *\*Án-oán* hai bên, [(2)  
2320 « Mặc nàng *\*xử-quyết* báo đền cho mình. »  
Nàng rằng : « Nhờ cậy *\*uy-linh*,  
2322 « Hãy xin *\*báo-đáp* *\*ân-tình* cho phụ;  
« *\*Báo-ân* rồi lại trả thù, »  
2324 Tức rằng : « Việc ấy phó cho mặc nàng. »

---

CLXX. — Từ câu 2309 đến câu 2324, khéo thay quân đi chưa bao lâu mà dẫn về đã đủ mặt. Từ và nàng ngồi ngang, xem linh đem sổ mà điểm diện. Trong khi trò chuyện, về việc đền ân báo oán, Từ phó mặc nàng.

(1) « Trường hùm » là nói bàn việc quân cơ, do hai chữ « hồ-trường » trong sách Nam-đường, vua triều Lương treo da hùm làm màn để hội các tướng bàn việc quân.

(2) « Cửa viên » là chỗ đóng quân, sắp xe lại làm cửa, do hai chữ « Viên môn » mà dịch ra.

## CLXXI

- Cho gươm mời đến *\*Thúc-lang* ;  
2326 Mặt như chàm đồ, mình dường rể run. (1)  
Nàng rằng : « Nghĩa trọng nghìn non, (2)  
2328 « *\*Lâm-tri* người cũ, chàng còn nhớ không ?  
« *\*Sâm-thương* chẳng vẹn chữ tòng, (3)  
2330 « Tại ai há dám phụ lòng *\*cổ-nhân* ?  
« Gấm trăm cuốn, bạc nghìn cân,  
2332 « Tạ lòng dễ xứng, *\*báo-ân* gọi là !  
« Vợ chàng *\*quỉ-quái* *\*tinh-ma*,  
2334 « Phen này kẻ-cắp bà-già gặp nhau ! (4)  
« Kiến bỏ miệng chén chưa lâu, (5)  
2336 « Mưu sâu cũng trả nghĩa sâu cho vừa ! »



\**Thúc-sinh* trông mặt bấy giờ, (6)  
2338 Mồ hôi chàng đã như mưa ướt đầm.  
Lòng riêng mừng sợ khôn cầm,  
2340 Sợ thay, mà lại mừng thầm cho ai ! (7)

CLXXI. — Từ câu 2325 đến câu 2340, *Thúc-sinh* thấy có gươm tới mời, rất là kinh sợ. Nàng *Kiều* chào chàng mà nhắc lại tình nghĩa lúc ở *Lâm-tri*. Nàng đem gấm bạc để tạ ơn chàng, còn vợ chàng là người tình yêu, phen này gặp nhau nàng phải làm cho mà biết. Chàng nghe nói run sợ mà toát mồ hôi.

(1) Khi ấy *Thúc-sinh* thấy có gươm đến mời thời mặt tái xanh mà mình thì run lập-cập.

(2) « *Nghìn non* » là nghìn hòn núi. Đây nàng *Kiều* nói nghĩa *Thúc-sinh* trọng bằng nghìn hòn núi.

(3) Chữ « *Tùng* » xem chú thích chữ « *tùng phu* ».

(4) Bà già bắt được kẻ cắp là việc không từng có, mà phen này bà già kẻ cắp lại gặp nhau mới lạ ! Đây nói ai ngờ phen này nàng *Kiều* lại trị được *Hoạn-thư*, không khác gì bà già bắt được kẻ cắp.

(5) Con kiến bò trên miệng cái chén quanh đi quẩn lại, lại gặp chỗ cũ, vì với nàng *Kiều* chẳng được bao lâu lại gặp *Hoạn-thư* xem chung chú thích câu 1548.

(6) Khi ấy thử nghiệm sắc mặt *Thúc-sinh* ra thế nào, thời chắc là rất ngó khác lúc thường !

(7) Sợ là sợ cho *Hoạn-thư* sắp bị binh án ; mừng là mừng cho *Thúy-Kiều* rày được hiển-vinh.

## CLXXII

Mụ già, \**sư-trưởng* thứ hai, (1)  
2342 Thoắt đưa đến trước, vội mời lên trên ;  
Dắt tay mở mặt cho nhìn : (2)  
2344 « \**Hoa-nô* kia với \**Trạc-tuyền* cũng tôi !  
« Nhớ khi lỡ bước sầy với,  
2346 « Non vàng chưa để đền bồi tấm thương ! (3)



- « Nghìn vàng gọi chút lễ thường !  
2348 « Mà lòng *\*Xiếu-mẫu* mấy vàng cho cân ! »  
Hai người (4) trông mặt tần-ngần,  
2350 Nửa phần khiếp sợ, nửa phần mừng vui.  
Nàng rằng : « Xin hãy rồn ngồi,  
2352 « Xem cho rõ mặt biết tôi *\*bảo-thù* ! »

CLXXII. — Từ câu 2341 đến câu 2352, kể đến  
mụ quản-gia và vãi Giác-duyên đi vào, nàng mới  
đưa vàng nghìn lượng ra để đền ơn, hai người  
thấy thế có ý mừng vui mà lại sinh lòng khiếp sợ.  
Nàng mới ngồi lại, để xem cách nàng báo thù.

(1) « Mụ già » là mụ quản-gia, « Sư trưởng » là vãi Giác-duyên,  
« thứ hai » là Thúc-sinh vào lần trước hết mà hai người ấy vào  
lần thứ hai.

(2) Nàng Kiều dắt tay hai người ấy và mở mặt cho nhìn và  
nói mấy câu ở dưới.

(3) Câu này ý nói dầu có vàng chất bằng núi cũng chưa đủ  
mà đền trả tấm lòng thương yêu của hai người đương lúc nàng  
Kiều lỡ bước lưu-ly.

(4) « Hai người » là mụ quản gia và vãi Giác-duyên

### CLXXIII

- Kíp truyền *\*chư-tướng* *\*hiển-phù*,  
2354 Lại đem các tích *\*phạm-đồ* *\*hậu-trạ*.  
Dưới cở gươm tuốt níp (1) ra,  
2356 *\*Chánh-danh* *\*thủ-phạm* tên là *\*Hoạn-thư*.  
Thoắt trông nàng đã chào thưa :  
2358 « *\*Tiểu-thư* cũng có bấy giờ đến đây ! (2)  
« Đản-bà dễ có mấy tay,  
2360 « Đòi xưa mấy mặt, đòi này mấy gan ?  
« Dễ-dàng là thói *\*hồng nhan*, (3)  
2362 « Càng cay nghiệt lắm, càng *\*oan-trái*  
*\*Hoạn-thư* hồn lạc phách xiêu, [nhiều !]  
2364 *\*Khẩu-đầu* dưới trướng liệu điều kêu ca.



- Rằng; « Tôi chút phận đàn-bà,  
2366 « Ghen tuông thì cũng người ta *\*thường-*  
« Nghĩ cho khi các viết kinh, [*tình*  
2368 « Vội khi khỏi cửa dứt tình chẳng theo. (4)  
« Lòng riêng, riêng cũng kính yêu,  
2370 « Chồng chung chưa dễ ai chiều cho ai !  
« Trót đã gây việc chông-gai,  
2372 « Còn nhớ lượng bề thương bài nào chẳng !»  
Khen cho : « Thiệt đã nên rằng ;  
2374 « Khôn ngoan đến mực, nói năng phải lời !  
« Tha ra, thì cũng may đời,  
2376 « Làm ra, thì cũng ra người nhỏ-nhen !  
« Đã lòng *\*tri-quá* thời nên. »  
2378 Truyền *\*quân-lệnh* xuống *\*trường-tiền* tha  
[ngay.

---

CLXXIII. — Từ câu 2353 đến câu 2378, nàng Kiều bảo đem từng người mà tra hỏi tội án, điểm danh thời Hoạn-thư trước hết. Nàng bảo tiều-thư là người đàn-bà cay nghiệt; tiều-thư kinh sợ cúi đầu chịu tội và xin nàng nghĩ cho lúc ở Quan-âm-các và lúc trốn khỏi chùa mà rộng lòng tha thứ. Nàng nghe nói-phủ phải lẽ, mới tha cho tiều-thư.

(1) « Níp » là bao gồm. Đây nói đương lúc sắp hành hình, gồm tuốt lưỡi ra.

(2) Khi nàng Kiều trông thấy Hoạn-thư bước vào thời nàng dùng ngay cách nói chồm mà chào : « thưa tiều-thư cũng có bấy giờ đến đây » ; vậy thời chữ « thưa » ở đây tuy ở câu trên mà phải đọc với câu dưới mới đúng.

(3) « Thối hồng-nhan » là thói ăn ở của đàn bà con gái. Đây nói ăn ở dễ-dàng là thói thường của đàn bà

(4) Đây là Hoạn-thư kể lại những khi cho ra tù ở các Quan-âm và khi Kiều trộm chuông bỏ đi mà cũng không nỡ theo bắt, đề xin Kiều nghĩ tình đến cho.



CLXXIV

- Tạ lòng lạy trước sân mây,  
2380 Cửa Viên (1) lại dắt một dây dẫn vào.  
Nàng rằng : « Lộng-lộng trời cao,  
2382 « \**Hại-nhân-nhân-hại*, sự nào tại ta ?  
« Trước là \**Bạc-hạnh* \**Bạc-bà* ;  
2384 « Bên là \**Ung-khuyển*, bên là \**Sở-khanh*.  
« \**Tử-bà* với \**Mã-giam-sinh*,  
2386 « Các tên tội ấy \**đáng-tình* còn sao ? »  
Lệnh quân truyền xuống \**nội-đao*,  
2388 Thề (2) sao thì lại cứ sao \**gia-hình*.  
Máu rơi thịt nát tan-tành,  
2390 Ai-ai trông thấy hồn kinh phách rời.  
Cho hay muôn sự tại trời,  
2392 Phụ người chẳng bỏ khi người phụ ta ! (3)  
Mấy người \**bạc-ác* \**tinh ma*,  
2394 Minh làm mình chịu, kêu mà ai thương !  
Ba quân đông mặt \**pháp-trường*,  
2396 \**Thanh-thiên-bạch-nhật* rõ-ràng cho coi.

---

CLXXIV. — Từ câu 2379 đến câu 2396, Hoàn-thư đã lạy tạ lui ra, quân lính lại dắt một lũ khác vào. Nàng truyền quân cứ theo lời thệ-sư của Tì-công ngày trước thế nào thời lúc bấy giờ làm tội thế ấy. Giữa chốn pháp-trường, máu rơi thịt nát, ai trông thấy mà không run sợ !

(1) « Cửa viên » xem chú thích câu 2318.

(2) « Thề » là lời thệ-sư, xem câu 2307.

(3) « Chẳng bỏ » là không xứng, không bỏ ại được. Đây nói mình phụ người không bằng lúc người phụ mình lại gấp nhiều hơn.



CLXXV

- Việc nàng *báo-phục* vừa rồi,  
2398 *Giác-duyên* vội đã gọi lời *từ-qui*.  
Nàng rằng : « *Thiên-tải-nhứt-thì*,  
2400 « *Cổ-nhân* đã dễ mấy khi *bản-hoàn* !  
« Rồi đây bèo hiệp mây tan, (1)  
2402 « Biết đâu hạc nội mây ngàn (2) là đâu ? »  
Sư rằng : « Cũng chẳng bao lâu,  
2404 « Trong năm năm, lại gặp nhau đó mà.  
« Nhở ngày *hành-cước* phương xa,  
2406 « Gặp sư *Tam-hợp* vốn là *tiên-tri*.  
« Bảo cho *hội-hiệp-chi-kỳ*,  
2408 « Năm nay là một, nửa thì năm năm. (3)  
« Mới hay *tiền-định* chẳng lầm,  
2410 « Đã tin điều trước, ắt nhằm điều sau.  
« Còn nhiều *ân-ái* với nhau,  
2412 « *Cơ-duyên* nào đã hết đâu, vội gì ? »  
Nàng rằng : « *Tiền-định tiên-tri*,  
2414 « Lời sư đã dạy, ắt thì chẳng sai !  
« Họa bao giờ có gặp người, (4)  
2416 « Vì tôi cậy hỏi một lời *chung-thân*. »  
*Giác-duyên* vâng dặn *ân-cần*,  
2418 *Tạ-tử* thoát đã dời chân cỏi ngoài.

---

CLXXV. — Từ câu 2397 đến câu 2418, việc nàng Kiều báo phục vừa rồi, Giác-duyên muốn từ ra về; nàng muốn lưu sư ở lại, sư hẹn nàng đến năm năm nữa lại gặp nhau. Nàng dặn sư bao giờ gặp ngài Tam-hợp thì vì nàng hỏi giùm một lời thân-thế. Sư vâng lời dặn, cáo từ ra về.



(1) « Bèo » và « mây » là hai vật tụ đó rồi tan liền. Đây nói được gặp mặt hôm nay mà hôm sau đã lìa nhau, vì hợp lại như bèo mà tan đi như mây.

(2) « Hạc-nội » là chim hạc ở đông, « mây ngàn » là áng mây trong ngàn, do những chữ « đã hạc cô vân » trong bài thi ông Lưu-tràng-Khanh mà trích dịch ra. Đây nói Giác-duyên nay đây mai đó như hạc nội mây ngàn không định ở đâu.

(3) Sư Tam-hợp nói với vài Giác-duyên năm ấy được gặp Thúy-kiều một lần, rồi trong năm năm nữa lại gặp nhau một lần nữa, tức là gặp ở sông Tiền-đường.

(4) « Người » là chỉ bà sư Tam-hợp.

## CLXXVI

Nàng từ \*ân-oán rạch-rời,

2420 Bề oan đường đã voi-voi cạnh lòng. (1)

\*Tạ-ân lay trước \*Tì-công :

2422 « Chút thân \*bồ-liễu nào mong có rày !

« Trộm nhờ sấm sét ra tay,

2424 « Tác riêng như cắt gánh đầy đồ đi ! (2)

« Khắc xương ghi dạ (3) xiết chi !

2426 « Dễ đem gan óc đèn nghi trời mây ? » (4)

Từ rằng : « \*Quốc-sĩ xưa nay,

2428 « Chọn người \*tri-kỷ một ngày được chẳng?

« \*Anh-hùng tiếng đã gọi rằng,

2430 « Giữa đường dầu thấy \*bất-bằng mà tha !

« Huống chi việc cũng việc nhà,

2432 « Lựa là \*thâm-tạ mới là \*tri-ân !

« Xót nàng còn chút \*song-thần,

2434 « Bấy nay kẻ Việt người Tần cách xa. (5)

« Sao cho muôn dặm một nhà,

2436 « Cho người (6) thấy mặt thì ta cam lòng. »

Vội truyền sửa tiệc \*quân-trung,

2438 Muôn binh nghìn tướng \*hội-đồng \*tẩy oan.



CLXXVI. -- Từ câu 2419 đến câu 2438, nàng Kiều lay trước Từ-công, đề tạ ân việc báo ân báo oán. Từ báo việc ấy là làm điều phải; nàng không nên cảm tạ làm gì. Từ chỉ muốn làm cho nàng được gặp mặt song-thần, mới là cam lòng ao ước.

(1) « Bể-oan » là điều oan chứa lại như nước ngoài bể, mà nay đã vơi cạn đi á vì thù oán đã sạch rồi.

(2) « Tắc riêng » là tấm lòng riêng, những việc chứa-chất bấy lâu thành đống như một cái gánh đầy, mà nay đã cất được đồ đi, thoir trong lòng nhẹ-nhàng lắm.

(3) « Khắc xương ghi dạ » là ơn sâu không quên đi được vì như khắc chạm vào xương ghi nhớ vào lòng, do những chữ « khắc cốt minh tâm » mà hợp dịch ra.

(4) « Đem gan óc » là nói nát gan vỡ óc, đến chết, do những chữ « can não đồ địa » trong Hán-thư mà trích dịch ra; « nghi trời mây » là đức lớn như trời, cao như mây, do những chữ « vân th ên chí đức » trong sách Tam-quốc-chí mà trích dịch ra. Đây ý Kiều nói dầu đến chết cũng không quên nổi công đức cao lớn của Từ-công.

(5) Đây nói bấy lâu nay Kiều với cha mẹ mỗi người ở mỗi nơi, không được gặp nhau, vì naur kẻ ở nước Việt người ở nước Tàu cách xa nhau nhiều lắm.

(6) « Người » là chỉ ông bà Viên-ngoại.

## CLXXVII

\*Thừa-cơ trúc chẻ, ngói tan, (1)

2440 \**Binh-uy* từ đây sấm ran trong ngoài

\**Triều-đình* riêng một góc trời,

2442 Gồm hai \**văn-vũ*, rạch đôi \**sân-hà*.

Đôi cơn gió táp mưa sa, (2)

2444 \**Huyện-thành* đập đồ năm tòa cõi nam

\**Phong-trần* mai một lưởi gươm,

2446 Những loài giả ảo túi cơm (3) sả gì!

Nghênh-ngang một cõi \**biên-thùy*,

2448 Thiếu chi \**cô-quả*, thiếu gì \**bá-vương*.



Trước cớ ai dám \**tranh-cường*,  
2450 Năm năm \**hùng-cử* một phương \**hải-tần*.

CLXXVII. — Từ câu 2439 đến câu 2450, Từ công đánh dân được đó, tiếng dậy trong ngoài, văn vũ gồm hai, non sông sẻ nửa, biển thùy một cõi, ra tay chống với triều Minh. Năm năm xưng bá thị hùng, ai cũng ghê sợ.

(1) « Trúc chẻ » là chẻ tre từ một lóng đầu mà tự nhiên cả mấy lóng cây tre tước ra làm hai : « ngói tan » là ngói trên mái nhà có một lớp dưới sụt xuống, thì mấy lớp kia đến sụt cả, do những chữ : « trúc phá » và « ngổa giải » mà hợp dịch ra. Đây nói đánh dẫu được đó cách dễ-dàng lắm.

(2) « Gió lất mưa sa » là nói cách đánh trận dữ-dội như gió bão như mưa lụt, làm cho tan nát hết cả.

(3) « Giá áo » là giá treo áo bởi chữ « y giá », « túi com » là túi đựng com bởi chữ « phạn nang ». Đây nói hạng người vô dụng thời cái thân cũng như cái giá để treo áo và cái bụng để đựng com, chứ trong lòng không tư tưởng trí lự gì hết, những hạng người ấy thời Từ không kể ra gì.

### CLXXVIII

Có quan \**Tổng-đốc* \**trọng-thần*,  
2452 Là \**Hồ-tôn-Hiến* \**kinh-luân* gồm tài.  
Đầy xe (1) vâng chỉ \**đặc-sai*,  
2454 \**Tiện-nghi* \**phủ-tiệu* việc ngoài \**đồng*-  
Biết Từ là đứng \**anh-hùng*. [nhưng.  
2456 Biết nàng cũng dự \**quân-trung* luận-bản.  
Đóng quân làm chước \**chiêu-an*,  
2458 Phong thơ, mâm lễ sai quan \**thuế-hàng*.  
Lại riêng một lễ với nàng,  
2460 Hai tên \**thể-nữ* ngọc vàng nghìn cân.



CLXXVIII. — Từ câu 2451 đến câu 2460, vua triều Minh nghe tin có giặc Tì-Hải, mới sắc quan Tổng-dốc Hồ-tôn-Hiến ra việc đồng-nhung. Hồ đóng quân làm việc liên-nghi, để bàn chước chiêu hàng cho yên việc.

(1) « Đẩy xe » là khi vua sai quan tướng ra cõi ngoài đánh giặc thời đẩy cái bánh xe để tỏ lòng kính mà dặn-dò công việc, do những chữ « thời-cốc » trong Hán-thư mà dịch ra.

### CLXXIX

Tin vào gọi trước *\*trùng-quân*,  
2462 *\*Tì công* riêng hãy mười phân *\*hồ-đồ* :  
    « Một tay gầy dựng *\*cơ-đồ*,  
2464 « Bấy lâu bề Sở sông Ngô *\*tung-hoành* !  
    « Bỏ thân (1) về với *\*triều-đình*,  
2466 « *\*Hàng-thần* lơ-láo phận mình ra đâu ?  
    « Áo xiêm buộc trời lấy nhau,  
2468 « Vào lòn ra cúi, *\*còng-hầu* má chi ?  
    « Sao bằng riêng một *\*biên-thùy*,  
2470 « Sức này đã dễ làm gì được nhau ?  
    « Đục trời quấy nước mặc dầu, (2)  
2472 « Dọc ngang nào biết trên đầu có ai ? »

---

CLXXIX. — Từ câu 2461 đến câu 2472, Tì-công nghe tin sứ triều Minh đến, trong lòng chưa định ra thế nào. Vì Tì nghĩ: Bấy lâu trời bề vầy-vùng, nay lại áo xiêm ràng buộc, thời phận hàng thần lơ-láo, dầu đến còng hầu cúi lòn cũng mệt. Sao bằng một mình một cõi, ai dễ hơn ai, rồi loạn mặc dầu, dọc ngang phỉ chí.

(1) « Bỏ thân » là phải gìn giữ theo lễ phép, không được phóng túng tự do.



(2) Đây nói làm cho cõi đời rối loạn, ví như trời tối-tăm nước quấy-đục mà cũng không kể.

CLXXX

Nàng thi thật dạ tin người.

2474 Cửa nhiều nói ngọt, nghe lời dễ xiêu.

« Nghĩ mình mặt nước cánh bèo. (1)

2476 « Đã nhiều *lưu-lạc* lại nhiều *gian-truân*;

« Bãng nay chịu tiếng *vương-thần*,

2478 « Thênh-thênh đường cái *thanh-vân* hẹp gì.

« *Công-tư* vẹn cả hai bề,

2480 « Dàn-dà rồi sẽ liệu về *cổ-hương*

« Cũng ngồi *mạnh-phụ* *đường-đường*,

2482 « Nở-nang mày mặt, rõ ràng mẹ cha!

« Trên vì nước dưới vì nhà.

2484 « Một là *đắc-hiệu*, hai là *đắc-trung*.

« Chẳng hơn chiếc bách giữa giòng,

2486 « E-dè sóng gió, hải-hùng cỏ hoa. » (2)

---

CLXXX. — Từ câu 2473 đến câu 2486, nàng Kiều nghe lời *sứ-giả*, tin cho làm thật, mà nghĩ rằng: mình đã lỡ bước *lưu-ly*, trải nhiều *gian hiềm*. Nếu bây-giờ Từ chịu ra hàng *phục*, *thênh-thênh* muốn dăm *thanh-vân*, *đường-đường* một *ngôi mạnh phụ*. Còn hơn là việc Từ còn đang dở chưa *thả-h* mà thân nàng lại bơ vơ không *định*. Nàng đương nghĩ thế chưa tỏ cho Từ hay.

(1) Đây nói nàng Kiều tự nghĩ phận mình đã nhiều phen *khô-sở* *lênh-dênh*, ví như cánh bèo ở trên mặt nước, thường bị ngọn gió đẩy đi phiêu bạt khắp nơi. Từ câu này trở xuống cả thấy 12 câu là lời nàng Kiều tự nghĩ trong lòng.

(2) Câu này và câu trên ý nói thân người dòn bả *lênh-dênh* như chiếc thuyền gỗ bách trôi nổi giữa giòng thời *e-dè* sóng gió những lúc ra khơi và *hải-hùng* cỏ hoa những khi vào vịnh.



CLXXXI

- Nhân khi bàn bạc gần xa,  
2488 *Thừa-cơ* nằng mới bàn ra nói vào ;  
Rằng : « Trong *thánh-trạch* dồi-dào,  
2490 « Tươi ra đã khắp, thăm vào đã sâu  
« *Bình-thành* *công-đức* bấy lâu, »  
2492 « Ai ai cũng đội trên đầu xiết bao ! (1)  
« Găm từ khởi việc *bình-đao*,  
2494 « Đồng xương *vô-định* đã cao bằng đầu.  
« Làm chi đề tiếng về sau,  
2496 « Nghìn năm ai có khen đâu *Hoàng-Sào* ?  
« Sao bằng lộc trọng quyền cao, (2)  
2498 « *Công-danh* ai dứt lỗi nào cho qua ? »  
Nghe lời nằng nói mặn-mả,  
2500 *Thế công* (3) Từ mới dỡ ra *thế hàng* (4)  
« *Chỉnh-nghi* *tiếp-sứ* vội-vàng,  
2502 Hẹn kỳ *thúc-giáp*, quyết đường *giải-binh*.

---

CLXXXI. — Từ câu 2487 đến câu 2502, nàng Kiều nhân khi hầu chuyện Từ-công, mới bàn nói với Từ mọi lẽ : Vua triều Minh công cao đức lớn, ai ai cũng được nường nhờ, vậy nên chịu phục triều Minh, để hưởng quyền lộc cho nhiều mà lập công danh cho lớn, còn hơn làm giặc đề tiếng xấu về sau. Từ tin lời nằng làm phải, mới vội-vàng tiếp sứ, hẹn ngày mở cửa ra hàng.

(1) Trên đầu có vua, ai cũng đội nhờ ân đức, không phải như Từ công « dọc ngang nào biết trên đầu có ai », xem câu 2472.

(2) « Lộc trọng quyền cao » là nói chịu làm tôi triều Minh thời có lộc nhiều và cầm quyền lớn.

(3) « *Thế-công* » là lập trận thế để ra đánh.

(4) « *Thế-hàng* » là sắp-dặt quân-lính để ra đầu hàng.



CLXXXII

- Tin lời *\*thành-hạ \*yêu-minh,*  
2504 Ngọn cờ ngơ-ngác, trống canh trể-tràng.(1)  
Việc binh bỏ chẳng giữ-giàng,  
2506 *\*Vương-sư* dõm đã tỏ-tường *\*thiệt-hư,*  
*\*Hồ-công \*quyết-kế \*thừa-cơ,*  
2508 *\*Lễ-tiên \*binh-hậu \*khắc-cờ \*tập-công.*  
Kéo cờ *\*chiêu-phủ \*tiên-phong,*  
2510 *\*Lễ-nghi* giàn trước, vác đồng phục sau.  
*\*Tì-công* hồ-hững biết đâu,  
2512 *\*Đại-quan \*lễ-phục* ra đầu cửa Viên (2)

CLXXXII. — Từ câu 2503 đến câu 2512, *Tì-công* tin lời *sứ-giả*, tưởng đợi ngày làm lễ ăn thề, nên việc binh không giữ-giàng như trước nữa. Quân bên Minh dò được; *Hồ-công* mới quyết thừa cơ, trước giàn *lễ-nghi* sau phục đồng-vác. *Tì-công* mang áo mũ ra cửa, nào biết đâu mắc tay bọm giã.

(1) « Trể-tràng » là trể-nải không nghiêm nhặt như trước nữa.

(2) « Cửa Viên » xem chú thích câu 2318.

CLXXXIII

- \*Hồ-công \*âm-hiệu \*trận-tiền,*  
2514 Ba bề phát súng, bốn bên kéo cờ.  
Đang khi *\*bất-ý* chẳng ngờ  
2516 Hùm thiêng khi đã sa cơ cũng hèn. (1)  
*\*Tử-sinh* liền giữa *\*trận-tiền,*  
2518 Dạn-dày cho biết gan liền *\*tướng-quân !*



- Khi thiêng khi đã về thần, (2)  
2520 Nhon-nhon còn đứng chôn chân giữa vòng!  
Trơ như đá, vững như đồng,  
2522 Ai lay chẳng chuyển, ai rung chẳng rời!  
\*Quan-quân \*truy-sát đuổi dài,  
2524 Âm-âm \*sát-khi ngắt trời ai đang.  
Trong hào ngoài lũy tan-hoang,  
2526 \*Loạn-quân vừa dặc tay nàng đến nơi.  
Trong vòng tên đạn bồi bồi.  
2528 Thấy Từ còn đứng giữa trời trơ-trơ.  
Khóc rằng: « *Tri-dũng* có thừa, (3)  
2530 « Bối nghe lời thiếp nên *cơ-hội* này.  
« Mặt nào trông thấy nhau đây ?  
2532 « Cũng liều sống thác một ngày với nhau »  
Dòng thu (4) như đội con sầu,  
2534 Dứt lời nàng cũng gieo đầu một bên.  
Lạ thay *oan-khi* *tương-triễn*.  
2536 Nàng vừa phục xuống, Từ liền ngã ra.  
\*Quan-quân kể lại người qua,  
2538 Xót nàng sẽ lại vực ra dần-dần.

---

CLXXXIII. — Từ câu 2513 đến câu 2538, lúc Từ-công ra khỏi cửa, Hồ-công làm lệnh cho quân lính kéo cờ, hùm đã sa cơ, đánh liều một thác, gan tướng quân thử làm cho biết, hồn về rồi mà xác đứng trơ-trơ, trong đám loạn-quân, tìm được nàng Kiều dẫn ra trước trận. Nàng thấy Từ đương còn đứng giữa, mới loan liều chết cùng Từ, nàng gieo đầu phục xuống một bên. Từ liền ngã ra giữa trận. Ai thấy cũng động lòng thương xót, mới vực nàng ra ngoài dần-dần.



(1) Khi ấy Tì-công mắc phải mưu sâu nên đành thất thế, cũng ví như con hùm thiêng đã mắc bẫy, thời sức phải hèn.

(2) « Khí thiêng » là tinh-khi của non sông chứa lại mà sinh ra bậc anh-hùng, « khi đã về thần » là khi thu về trên núi cao làm vị thần thiêng. Đây nói khi Tì-công đã chết.

(3) Từ câu này trở xuống cả bảy bốn câu là lời của nàng Kiều than khóc ở bên Tì-công.

(4) « Dòng thu » là nước mắt, xem chú thích chữ « thu ba ». Đây nói khóc cách sâu thẳm lắm, đến nỗi nước mắt đầm-dề như nước mưa mùa thu đổ dội xuống.

### CLXXXIV

Dẫn vào đến trước *\*trung-quân*,  
2540 *\*Hồ-công* thấy mặt *\*ân-cần* hỏi han  
Rằng: « Nàng chút phận *\*hồng-nhan*,  
2542 « Gặp cơn *\*binh-cách* nghèo nàn cũng  
[thương !

« Đã hay *\*thành-toán* *\*miếu-đường*,  
2544 « Giúp công cũng có lời nàng mới nên !

« Bây giờ sự đã *\*vạn-tuyên*,  
2546 « Mặc lòng nghĩ lấy muốn xin bề nào ? »

Nàng càng giọt ngọc tuôn dào, (1)  
2548 Ngập-ngừng mới gởi thấp cao sự lòng.

Rằng: « Từ là đứng *\*anh-hùng*, (2)  
2550 « Dọc ngang trời rộng, vẫy-vùng bề khơi !

« Tin tôi nên quả nghe lời, [(3)  
2552 « Đem thân *\*bách-chiến* làm tôi *\*triều-đình*.

« Ngõ là *\*phu-qui-phụ-vinh*,  
2554 « Ai ngờ một phút tan-tánh thịt xương !

« Năm năm trời bề *\*ngang-tàng*,  
2556 « Đem mình đi bỏ *\*chiến-trường* như không.

« Khéo khuyên kẻ lấy làm công,  
2558 « Kề bao nhiêu, lại đau lòng bấy nhiêu !

« Xét mình công ít tội nhiều,  
2560 « Sống thừa tôi đã nên liều mình tôi !



- « Xin cho \**tiện-thở* một doi, (4)  
2562 « Gọi là đắp-diểm lấy người \**tử-sinh* ! »  
\**Hồ-công* nghe nói thương tình,  
2564 Truyền cho \**cảo-táng* \**di-hình* bên sông.

CLXXXIV. — Từ câu 2539 đến câu 2564, khi dẫn nàng Kiều vào, Hồ-công thấy mặt mà hỏi nàng có công giúp lời trong việc binh-cách, muốn xin bề nào thời tùy lòng ! Nàng nói vì Từ tin lời nàng nên nổi mắc nạn ; nàng là kẻ có tội, dám đầu kẻ lấy làm công. Nàng chỉ xin một đám đất để chôn cất Từ-công. Hồ-công thương tình mới truyền cho đem chôn bên sông.

(1) « Giọt ngọc » là nước mắt. Đây nói nàng Kiều cứ chảy nước mắt ra mãi.

(2) Từ câu này trở xuống cả thấy 14 câu là lời của nàng Kiều nói với Hồ-công.

(3) Tức là « Đục trời quấy nước », trong câu 2471.

(4) « Doi » là dải đất bồi sa ở dọc bờ bể, bờ sông. Đây ý nàng Kiều muốn xin một miếng đất rất hèn hạ để chôn Từ-Hải, cho nên Hồ công cũng thương tình, truyền cho cảo-táng bên sông.

### CLXXXV

- Trong quân mở tiệc \**hạ-công*,  
2566 Xôn-xao \**ty-trúc*, \**hội-đồng* \**quân-quan*.  
Bắt nàng \**thị-yến* dưới màn,  
2568 Giở say lại ép cung đàn nhất tâu. (1)  
Một cung gió thấm mưa sầu, (2)  
2570 Bốn dây đỏ máu năm đầu ngón tay.  
Ve kêu, vượn hót nào tày,  
2572 Lột tai Hồ cũng nhăn mày rơi châu !  
Hỏi rằng : « Này khúc ở đâu ? »  
2574 « Nghe ra muôn thảm nghìn sầu lắm thay ! »  
Thưa rằng : « \**Bạc-mạnh* khúc này,  
2576 « Phở vào (3) đàn ấy những ngày còn thơ.



- « Cung-cầm lựa những ngày xưa,  
2578 « Mà gương *\*bạc-mạnh* bây giờ là đây.»  
Nghe càng đắm, đắm càng say,  
2580 Lạ cho mặt sắt cũng ngây vì tình. (4)  
Dạy rằng : « Hương lửa ba sinh,  
2582 « Dây loan xin nối cầm lành cho ai. » (5)  
Thưa rằng : « Chút phận lạc-loài,  
2584 « Trong mình nghĩ đã có người thác oan.  
« Còn chỉ nửa cánh hoa tàn, (6)  
2586 « Tơ lòng đã đứt dây đàn *\*Tiểu-lân*.  
« Rộng thương còn mảnh *\*hồng-quần*,  
2588 « Hoi tàn được thấy gốc phần (7) là may ! »

CLXXXV. — Từ câu 2565 đến câu 2588, Hồ-công nhân lúc trong quân mở tiệc, bắt nàng Kiều rót rượu rồi ép vắn đàn, Hồ-công nghe cung đàn càng say càng đắm, mới nói đề kết duyên cùng nàng. Nàng nói lấy chồng mà đã giết chồng, thời lòng đâu còn muốn lấy chồng khác. Nếu Hồ-công rộng lòng thương xót thời tha cho được về làng cũ là may.

(1) « Giở say » là uống rượu mới say ngà-ngà : « nhặt tàu » là vắn đàn cho mau kíp.

(2) « Cung » là cung đàn. Câu này và câu dưới tả cái khúc đàn sầu thảm đau-đớn, so với lúc mưa lúc gió âm-sầm và tiếng vượn tiếng ve áo-não cũng không bằng.

(3) « Phỏ vào » là hiệp vào, ghép vào trong bản đàn tức là câu 33 và câu 34.

(4) « Mặt sắt » bởi chữ « thiết diện » do tích đời Tấn quân đánh nơi Hạ-khẩu thời mang mặt sắt đề ra trận. Đây nói nghe tiếng đàn mà người mang mặt sắt kia là Hồ-lôn-Hiến cũng phải say mê ; chứ không có ý nói chính trực nghiêm-minh như trong câu 1409.

(5) « Ai » là chỉ nàng Kiều. Câu này và câu trên là lời Hồ-công dạy nàng Kiều về điều ông muốn vì nàng kết duyên hương lửa mà chấp mối dây cầm cho nàng.

(6) « Cánh hoa tàn » là nói má hồng đã phôi pha đi rồi.



(7) « Gốc phần » là chỗ nhà cha mẹ ở, xem chú thích chữ « từ-phần ».

CLXXXVI

- \**Hạ-công* chén đã quá say,  
2590 \**Hồ-công* đến lúc rạng ngày nhờ ra :  
« Nghĩ mình \**phương-diện* \**quốc-gia*,  
2592 « Quan trên nhằm xuống, người ta trông  
« Phải tưởng trăng gió hay sao, [vào ;  
2594 « Sự này biết tính thế nào được đây ? »  
\**Công-nha* vừa buổi rạng ngày,  
2596 \**Quyết-tinh* công mới đoán ngay một bài.  
Lệnh quan ai dám cãi lời,  
2598 Ép tình mới gán cho người \**thỏ-quan*.  
Ông tơ (1) thực nhẽ \**đá-đoan*.  
2600 Xe tơ sao khéo vợ càn vợ xiên ?  
Kiệu hoa áp thẳng xuống thuyền,  
2602 Lá mản rủ thấp, ngọn đèn khêu cao.

---

CLXXXVI. — Từ câu 2589 đến câu 2602, *Hồ-công* nhân vì cuộc rượu cung đàn, say sưa quá độ, đến rạng ngày mới tỉnh nhờ việc mình ; nghĩ mình là một chức quan cao, không lẽ chơi bời như những phường trăng gió, mới đem nàng *Kiều* gán lại cho người *thỏ-quan*. *Thỏ-quan* đem nàng xuống thuyền, tỉnh vầy duyên mới.

(1) « Ông tơ » xem chú thích câu 549. Đây nói trách ông xe tơ không biết ken đôi chọn ừa.

CLXXXVII

- Nàng càng ủ liễu phai đào, (1)  
2604 Trăm phần, nào có phần nào phần tươi.  
Đánh thân cát giáp sóng vui,  
2606 Cướp công cha mẹ, thiết đời \**thông-minh*.

[(2)]





<https://www.facebook.com/thuchoisach>



- Chân trời mặt bể *linh-đình*,  
2608 Năm xương biết gỏi *tử-sinh* chốn nào ?  
Duyên đâu ai dứt tơ đào,  
2610 Nợ đâu ai đã dắc vào tận tay ? (3)  
Thân sao thân đến thể này ?  
2612 Còn ngày nào cũng dư ngày (4) ấy thời.  
Đã không biết sống là vui,  
2614 Tắm thân nào biết thiệt-thời là thương !  
Một mình cay đắng trăm đường,  
2616 Thôi thời nát ngọc tan vàng (5) thời thôi.  
Mảnh gương đã gác non đoài, (6)  
2818 Một mình luống những đứng ngồi chưa  
[xong. (7)]

---

CLXXXVII. — Từ câu 2603 đến câu 2618, khi nàng Kiều ngồi dưới thuyền, trách số hờn duyên, than thân tủi phận, cái sống đã dành vô ích, cái chết lại có chi mà buồn, tính hết trăm đường, chỉ còn cái thác là xong việc. Đêm khuya gần sáng, thỏn-thức một mình.

(1) « Liễu » và « đào » là hai thứ cây thường dùng để ví với thân thể nhan sắc đàn bà con gái. « Ử liễu phai đào » là nói nàng Kiều lúc ấy thân thể rục-rã và nhan sắc buồn rầu.

(2) Câu này và câu trên ý nói cái thân đã gán cho thổ-quan dành như cát giập sóng vùi thời cha mẹ sinh ra đã uổng công, mà tánh thông-minh trời cho lại thiệt mất.

(3) Câu này và câu trên ý nói cái duyên dắm thắm với chàng Kim đã bị đứt dây tơ đỏ mà cái nợ cớ-cớ với thổ-quan lại dắc vào trong tay.

(4) « Dư ngày » nghĩa cũng như chữ « sống thừa » câu 2560, bởi chữ « dư sinh » mà dịch ra. Đây nói sống thêm ngày nào thời cũng như dư ra mà thôi, không làm nên việc gì.

(5) « Ngọc » và « vàng » là hai thứ vật quý-báu thường dùng để ví thân-thể người đàn bà con gái. Đây nói « nát ngọc tan vàng » là liều thân chịu chết.

(6) « Mảnh gương » là mặt trăng, « non đoài » là núi ở về phía tây. Đây nói đêm khuya trăng lặn.



(7) Câu này ý nói nàng Kiều khi ấy trong lòng trăm mối ngổn-ngang, chỉ ngồi xuống rồi đứng lên như thế mãi mà nghĩ ngợi cũng không xong việc.

CLXXXVIII

- Triều (1) đầu nổi tiếng ðùng-ðùng.  
2620 Hỏi ra mới biết rằng sông \**Tiền-đường*.  
Nhớ lời \**thần-mộng* rõ-ràng, (2)  
2622 Này thời hết kiếp \**đoạn-trường* là đây.  
« \**Đạm-tiên* nàng hỏi có hay?  
2624 « Hẹn ta thì đợi dưới này rước ta! »  
Dưới đèn sấn bức tiên hoa, (3)  
2626 Một thiên \**tuyệt-bút* gọi là đề sau.  
Cửa bông (4) vội mở rèm châu,  
2628 Trời cao, sông rộng, một màu bao-la. (5)  
Rằng : « \**Từ-công* \**hậu-đãi* ta, (6)  
2630 « Chút vì việc nước mà ra phụ lòng.  
« Giết chồng mà lại lấy chồng,  
2632 « Mặt nào mà lại đứng trong cõi đời?  
« Thôi thời một thác cho rồi,  
2634 « Tắm lòng phỏ mặc trên trời dưới sông! »  
Trông với con nước mênh-mông, (7)  
2636 Đem mình gieo xuống giữa giòng \**trường*-  
\**Thổ-quan* theo vớt vội-vàng, [*giang*.  
2638 Thời đá đảm ngọc chìm hương (8) quả rồi.

---

CLXXXVIII. — Từ câu 2619 đến câu 2638, khi thuyền đi đến một dòng sông kia, nàng Kiều hỏi ra mới biết rằng sông *Tiền-đường*, nhớ lời thần mộng, nàng mới khẩn *Đạm-tiên* đợi để gặp nhau. Lấy bức tiên-hoa, đề thơ *tuyệt bút*, lại mở cửa bông mà trông ra ngoài khổng lồ, những ăn-năn về sự hãm hại *Từ-công*, định liều một thác cho rồi, may chỉ tắm lòng được thấu cùng tri-kỷ.



*Nghĩ thế rồi gieo mình xuống nước, thờ-quan theo  
vớt thì đã chìm mất tăm hơi.*

(1) « Triều » là nước thủy triều, xem chữ « thủy triều ». Đây nói khi nước lên có tiếng sóng dội lên.

(2) Tức là mấy lời Đạm-tiên bảo, từ câu 995 đến câu 1000.

(3) « Liên hoa » xem chú thích câu 1454.

(4) « Bồng » là mũi thuyền, « cửa bồng » cánh cửa nơi mũi thuyền, bững thuyền. « Rèm châu » là bức rèm quý báu như có hạt châu kết lại. Đây nói mở rèm ở cửa thuyền.

(5) « Bao la » là rộng mênh-mông. Đây nói trông ra chỉ thấy trời và sông mà không thấy ai, vì lúc ấy nàng Kiều thương xót Từ công mà trông ra thấy cảnh như thế.

(6) Từ câu này trở xuống cả thấy 6 câu là lời nàng Kiều tự nghĩ trong lòng.

(7) « Mênh mông » là rộng rãi, ngó thăm-thăm mù-mù.

(8) « Ngọc » và « hương » là hai thứ thường dùng để ví người con gái quý như ngọc, thơm như hương. Đây nói « đắm ngọc chìm hương », là khi nàng Kiều đã chìm xuống dưới đáy sông.

### CLXXXIX

Thương thay cũng một kiếp người,  
2640 Hại thay mang lấy \**sắc-tài* làm chi?

Những là \**oan-khờ* \**lưu-ly*,

2642 Chờ cho hết kiếp còn gì là thân?

Mười lăm năm, bấy nhiêu lần,

2644 Làm gương cho khách \**hồng-quần* thử soi.

Đời người đến thế thì thôi, [(1)

2646 Trong cơ \**ấm-cực-dương-hồi* khôn hay.

Mấy người \**hiếu-nghĩa* xưa nay,

2648 Trời làm chi đến lâu ngày càng thương.

---

CLXXXIX. — Từ câu 2639 đến câu 2648, thương hại thay cho nàng Kiều cũng một kiếp người trên dương-thế, chỉ vì tài sắc mà dầy đọa tâm thân, mười lăm năm lịch-duyet, để làm gương cho khách má đào! Than ôi! mấy người hiếu-nghĩa thường bị cái số long-dong như vậy!



(1) Câu này và câu trên ý nói trong mười lăm năm đã trải bấy nhiêu lần oan-khổ lưu-ly để cho bọn con gái đời sau xem đó làm gương.

CXC

- \**Giác-duyên* từ tiết giả nàng,  
2650 Đeo bầu quấy níp (1) rộng dàng \**vân-du* ;  
Gặp bà \**Tam-hợp* \**đạo-cô*,  
2652 \**Thung-dung* hỏi hết nhỏ to sự nàng :  
« Người sao \**hiếu-nghĩa* đủ đường,  
2654 « Kiếp sao chịu những \**đoạn-trường* thế  
Sư rằng : « \**Phước* họa đạo trời, [thời ?]  
2656 « Cội nguồn cũng ở lòng người mà ra.  
« Có trời mà cũng tại ta,  
2658 « Tu là cội phước, tình là dây oan,  
« \**Thủy-Kiều* sắc-sảo khôn-ngaoan,  
2660 « \**Vô-duyên* là phận \**hồng-nhan* đã đành !  
« Lại mang lấy một chữ tình,  
2662 « Khư-khư mình buộc lấy mình vào trong.  
« Vậy nên những chốn \**thung-dung*,  
2654 « Ở không \**yên-ôn*, ngồi không vững-vàng.  
« Ma đưa lối, quỷ đem đường, (2)  
2666 « Lại tìm những chốn \**đoạn-trường* mà đi,  
« Hết nạn nọ đến nạn kia,  
2668 « \**Thanh-lâu* hai lượt, \**thanh-y* hai lần. (3)  
« Trong vòng dảo dụng giuom trần,  
2670 « Kề răng hùm sói, gọi thân tôi-đòi. (4)  
« Giữa dòng nước chảy sông giòi,  
2672 « Trước hàm rồng cả gieo mồi vằng-tanh.  
« Oan kia theo mãi với tình, [(5)  
2674 « Một mình mình biết, một mình mình hay.  
« Làm cho sống đọa, thác đầy,  
2676 « \**Đoạn-trường* cho hết kiếp này mới thôi.»



- \*Giác-duyên nghe nói rưng ròi :  
2678 « Một đời nàng hỏi thương ôi còn gì ! »  
    Sur rằng : « Song chẳng hề chi,  
2680 « \**Nghiệp-duyên* cân lại nhắc đi còn nhiều ;  
    « Xét trong \**tội-nghiệp* \**Thủy-Kiều* :  
2682 « Mặc điều \**tình-ái*, khỏi điều \**tà-dâm*,  
    « Lấy \**tình-thâm* giả \**tình-thâm*,  
2684 « Bản mình đã động \**hiếu-tâm* đến trời !  
    « Hại một người cứu muôn người, (6)  
2686 « Biết đường \**khinh-tọng*, biết lời phải  
    « Thửa (7) \**công-đức* ấy ai bằng, [chăng.  
2688 « \**Túc-khiên* đã rửa lưng-lung sạch rồi.  
    « Khi nên trời cũng chiều người,  
2690 « Nhẹ-nhàng nợ trước, đền bồi duyên sau. (8)  
    « \**Giác-duyên* đầu nhớ nghĩa nhau.  
2692 « \**Tiền-đường* thả một bè lau rước người.  
    « Trước sau cho vẹn một lời,  
2694 « Duyên ta mà cũng phước trời chi không ! »

CXC. — Từ câu 2649 đến câu 2694, Giác-duyên từ lúc cáo biệt nàng Kiều, tìm bà Tam-hợp đạo cô, đề hỏi sự nàng sau trước. Tam-hợp mới kể hết sự nàng mắc nạn nợ nần kia. Khi nào hết kiếp đoạn trường mới thôi. Giác-duyên nghe nói thời động lòng thương nàng mà than thở. Tam-hợp lại nói nàng dầu mắc điều tình ái mà được chữ hiếu-tâm, lại có lòng giúp nước cứu người, công ấy đã bồi xong nợ trước ; nếu Giác-duyên còn ghi nghĩa cũ thời đưa thuyền đến sông Tiền-đường mà rước nàng.

(1) « Níp » là cái tráp để đựng đồ.

(2) « Ma » và « quỷ » ở đây tức là những người bạc-ác tình-ma, như Sở-Khanh, Khuyển, Ưng, Bạc-bánh, v.v.....

(3) Thanh lâu một lượt ở với Tú-bà, một lượt ở với Bạc-bà ; thanh y một lần ở nhà bà Hứa-phu-nhân (Hứa-bà), một lần ở nhà Hoan-thư.



(4) « Hùm, sói » là hai loài thú độc dữ trong rừng, ở đây nói ví Hồ-tôn-Hiến; lúc quân lính bắt nàng Kiều dẫn vào cho Hồ, Hồ ép nàng thì yển dưới màn.

(5) « Vắng tanh » bởi chữ « tịch mịch » lấy trong câu Đường thi « ngư long tịch mịch thu giang lãnh » mà trích dịch ra. Đây nói lúc gieo mình xuống nước nhờ được chỗ ít rồng cá nên gieo mới vắng vẻ không bị cá ăn.

(6) Hại Từ-công mà cứu cho dân buổi ấy khỏi phải giặc-giã.

(7) « Thừa » bởi chữ « Kỳ » dịch ra, đặt thay cho một người đã nói ở trên. Đây nói công đức ấy của nàng Kiều.

(8) Các điều oan trái ngày xưa đã nhẹ-nhàng, cái duyên với chàng Kim lại được sum-hợp.

### CXCI

\*Giác-duyên nghe nổi mừng lòng,  
2696 Lân-la tìm thú bên sông \*Tiền-đường.  
Đánh tranh lợp mái \*thảo-đường,  
2698 Một gian nước biếc mây vàng chia đôi. (1)  
Thuê năm (2) \*ngư-phủ hai người,  
2700 Đón thuyền chực bến, kết chài giăng sông;  
Một lòng chẳng quản mấy công,  
2702 Khéo thay gặp-gỡ cũng trong chuyền vãn.(3)

CXCI. -- Từ câu 2695 đến câu 2702, Giác-duyên nghe Tam-hợp nói, rất nổi mừng lòng, mới đi đến sông Tiền-đường, làm một cái nhà tranh ở tạm, thuê hai tên chài chực thuyền đón ngang sông; vẫn đã mất công người đợi chờ; nhưng cũng có trời xui khiến . . . . .

(1) Làm nhà ở bên sông, trên thềm mây dưới thềm nước, như một gian nhà ở giữa mà chia rời nước ra hai phần cách nhau.

(2) « Thuê năm » là thuê luôn cả năm ở đó để đón vớt nàng Kiều

(3) « Chuyền vãn » là cơ trời xây vãn. Đây nói Giác-duyên gặp nàng Kiều cũng có cơ trời; câu này đối chiếu với câu 2694.

### CXCII

Kiều từ gieo xuống giòng ngân. (1)  
2704 Nước xuôi bỗng đã trôi dần tận nơi,



- \**Ngư-ông* kéo lưới vớt người,  
2076 Gắm lời \**Tam-hợp* rõ mười chẳng ngoa.  
Trên mũi lướt-mướt áo là,  
2708 Tuy giầm hơi nước, chữa lửa bóng gương.  
\**Giác-duyên* nhìn thấy mặt nàng, [(2)  
2710 Nàng còn thêm-thiếp giấc vàng chưa phai  
Mơ-màng bóng quế hồn mai, (4) [(3)  
2712 \**Đạm-tiên* thoát đã thấy người ngày xưa;  
Rằng : « Tôi đã có lòng chờ,  
2714 « Mắt công đã mấy năm thừa ở đây!  
« Chị sao phận mỏng đức dày,  
2716 « Kiếp này đã vậy, lòng này để ai! (5)  
« Tắm thành đã thấu đến trời,  
2718 « Bán mình là hiếu, cứu người là nhân. (6)  
« Một mình vị nước vị dân,  
2720 « \**Âm-công* nhắc một đồng cân đã già.  
« \**Đoạn-trường* sờ rút tên ra,  
2722 « \**Đoạn-trường* thơ phải đưa mà giả nhau.  
« Còn nhiều \**hưởng-thụ* về sau, [(7)  
2724 « Duyên xưa dày-dặn, phúc sau dồi-dào. (8)»  
Nàng càng ngo-ngần biết sao,  
2726 « \**Trạc-tuyển* » ! nghe tiếng gọi vào bên tai.  
Giật mình thoát tỉnh giấc mai, (10) [(9)  
2728 Bâng-khuâng nào đã biết ai mà nhìn ?  
Trong thuyền nào thấy \**Đạm-tiên*,  
2730 Bên mình chỉ thấy \**Giác-duyên* ngồi kề,  
Thấy nhau mừng rỡ trăm bề,  
2732 Dọn thuyền mới rước nàng về \**thảo-lư*.

---

CXCII. — Từ câu 2703 đến câu 2732, nàng  
Kiều theo dòng nước trôi xuôi, làng chài kéo lưới  
vớt được. Lúc lên trên khô thì nàng còn thêm-thiếp,



nằm thấy chiêm bao, Đạm-tiên ở đó đã hơn mười năm, bây giờ mới gặp nhau trò chuyện : bảo nàng có nhân có hiếu, lòng thấu đến trời, số đoạn-trường đã rút lên ra, thơ đoạn-trường đem mà trả lại. VITA hết câu chuyện, bỗng nghe tiếng gọi bên tai, nàng tỉnh dậy thời chẳng thấy Đạm-tiên, chỉ thấy Giác-duyên ngồi đó. Hai người thấy nhau mừng rỡ, mới đem nhau về am.

(1) « Ngân » nghĩa là bạc, « giòng ngân » là giòng nước sông Tiên-dương trắng như bạc.

(2) Câu này và câu trên ý nói khi vớt nàng Kiều lên đặt trên mũi thuyền, thời tuy áo đã giẫm nước mà xem nhan sắc còn tươi tốt như xưa.

(3) « Giác vàng » là giấc mộng nổi kê vàng, xem chữ « hoàng-lương ». Đây nói lúc ấy nàng Kiều còn nằm thấy chiêm-bao.

(4) « Bóng quế hồn mai » là chỉ hương-hồn của người ta trong lúc mơ-màng.

(5) Câu này ý nói cái kiếp bạc mệnh đã đành chịu vậy mà cái lòng nhân biểu dễ mấy ai bằng.

(6) « Cứu người » là nói nàng Kiều khuyên Từ-công đầu hàng để khỏi sự chinh-chiến tàn-hại nhân-dân.

(7) Nguyên trước nàng Kiều có vịnh mười bài thơ đoạn-trường đưa cho Đạm-tiên (câu 206), nay Đạm-tiên đưa thơ ấy trả lại.

(8) « Duyên » là được gặp lại chàng Kim, « phúc » là được về với cha mẹ anh em.

(9) Đây là nói Giác-duyên lấy pháp-danh mà gọi bên tai nàng Kiều.

(10) « Giác mai » tức là « hồn mai » xem chú thích câu 1715.

### CXCIII

Một nhà chung-chạ sớm trưa, (1)

2734 Gió trắng mắt mặt, muối dưa chay lòng.

Bốn bề bát-ngát mênh-mông,

2736 Triều (2) dâng hóm sớm, mây lồng trước

Nạn xưa trút sạch lâu-lầu, [sau.

2738 Duyên xưa (3) chưa dễ biết đâu chốn này !

---

CXCIII. — Từ câu 2733 đến câu 2738, nàng Kiều từ lúc ở với Giác-duyên, cảnh trời đã vui, mùi



*thuyền lại bèn, bốn bề am phật, lân-la nước biển  
mây vàng, nạn đã sạch lâu, duyên may lại gặp.*

(1) Đây nói nàng Kiều với Giác-duyên ở chung một nhà.

(2) « Triều » là nước thủy triều xem chú thích câu 2619.

(3) « Duyên xưa » là nói gặp lại chàng Kim

#### CXCIV

- Nỗi nằng *\*tai-nạn* đã đầy,  
2740 Nỗi chàng *\*Kim-trọng* bấy-chầy mà thương.  
Từ ngày muòn dậm *\*phù-tang*,  
2742 Nửa năm ở đất *\*Liêu-dương* lại nhà (1)  
Vội sang vườn Thúy (2) dò-la,  
2744 Nhìn *\*phong-cảnh* cũ nay đã khác xưa :  
Đầy vườn cỏ mọc lau thưa,  
2746 Song, trắng quạnh-quẽ, vách, mưa rã-rời  
Trước sau nào thấy bóng người, (3)  
2748 Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông ! (4)  
Sập-sòe ền liệng rường không, (5)  
2750 Cỏ lan mặt đất, rêu phong dẫu giầy !  
Cuối tường gai gốc mọc đầy,  
2752 Đi về này những lối này năm xưa. (6)  
Chung-quanh lặng ngắt như tờ, (7)  
2754 Nỗi niềm *\*tâm-sự* bây giờ hỏi ai ?

CXCIV. — Từ câu 2739 đến câu 2754, việc  
nàng Kiều mắc nạn đã đành, nay nói về việc chàng  
Kim bấy lâu cũng nhiều nỗi khá thương ! Từ lúc  
chàng về Liêu-dương, được sáu tháng lại trở sang  
chốn cũ ; nhìn phong cảnh bên nhà Viên-ngoại, thấy  
đã khác xưa : nhà vườn đã thành chỗ bỏ hoang,  
bóng người lại trông càng vắng-vẻ ; nỗi niềm tâm  
sự biết hỏi cùng ai,

(1) « Nhà » là nhà thuê lúc trước, xem câu (274).

(2) « Vườn Thúy » là vườn của Thúy-Kiều, lúc trước chàng Kim  
được kim-thoa trên cây đào vườn ấy.



(3) « Song » là cửa sổ, « quanh-quẽ » là vắng-vẽ không có người. Đây nói cửa sổ lúc trước nàng Kiều thường ngồi trông trăng, thời lúc bấy giờ vắng-vẽ, còn vách nhà thời bị mưa xoi rã-rời. Từ đoạn này trở xuống cả thảy 10 câu, tả cảnh nhà vườn bỏ hoang.

(4) Câu này và câu trên dịch ý hai câu thơ của ông Thôi-Hộ: « Nhân diện bất tri hà xứ khứ, đào hoa y cựu tiếu đông phong », nghĩa là đi đâu chẳng thấy mặt người, hoa đào y cũ chào cười gió đông. Đây nói « năm ngoái » tức là năm chàng Kim và nàng Kiều trò chuyện cùng nhau ở dưới cây đào.

(5) Câu này dịch ý câu thơ ông Tiết-sanh: « Không lương lạc yến ô » nghĩa là rường nhà bỏ trống, chim yến làm tổ rơi đất xuống.

(6) Câu này và câu trên nói cái chỗ nằm trước chàng Kim « nhón thang mây » và nàng Kiều « lần theo tường gấm » thì lúc bấy giờ chẳng còn « nẻo thông » và không trông tỏ « lối vào thiên thai » nữa.

(7) « Tờ » nguyên chữ « từ » là đèn thờ. « Lặng ngắt như tờ » là nói vắng tanh như đèn thờ, nơi miếu thờ không có ai cả. Trong câu 71 cũng nghĩa như thế.

### CXCV

Láng-giềng có kẻ sang chơi,  
2756 Lân-la sẽ hỏi một hai *\*sự-tình*.  
Hỏi ông, ông mắc *\*tụng-đình*,  
2758 Hỏi nàng, nàng đã bán mình chuộc cha;  
Hỏi nhà, nhà đã dời xa,  
2760 Hỏi chàng Vương với cùng là *\*Thủy-Vân* :  
Đều là sa-sút khó-khăn,  
2762 May thuê, viết mướn, kiếm ăn lần-hồi. (1)  
Điều đầu sét đánh lưng trời, (2)  
2764 Thoắt nghe, chàng đã rụng-rời xiết bao!  
Hỏi thăm *\*di-trú* nơi nào ?  
2766 Chỉ đường, chàng mới tìm vào tận nơi.  
Nhà tranh, vách đất tả-tơi, (3)  
2768 Lau treo rèm nát, trúc cài phen thưa ;  
Một sân đất cỏ giẫm mưa,  
2770 Càng ngao-ngán nổi, càng ngo-ngần dường!



CXCV. -- Từ câu 2755 đến câu 2770, nhân có người bên xóm sang chơi, Kim-trọng mới hỏi việc nhà Viên-ngoại: ông thời mới xong việc kiện, nàng thời bán mình chuộc cha, nàng Vân thời may thuê, chàng Vương thời viết mướn; nhà cũng dời qua chỗ khác, Kim nghe mà đau-đớn rụng-rời. Kim mới tìm nhà đến thăm, thấy nhà vườn xơ-xác, cảnh vật tiêu điều mà thêm ngán nỗi.

(1) « Sa sút khố khăn » là gia tư kém sút lúc trước, nghèo khó nên Vương-Quan phải đi viết mướn, Thúy-Vân phải đi may thuê để kiếm ăn lần hồi cho qua ngày tháng.

(2) Nghe việc lạ-lùng sinh ra rụng gan rớt óc ví như nghe tiếng sét ở giữa trời.

(3) Từ câu này trở xuống cả thấy ba câu tả cảnh nghèo nhà Viên-ngoại.

### CXCVI

Đánh liều lên tiếng ngoài tường. (1)

2772 Chàng Vương nghe tiếng vội-vàng chạy ra.

Dắt tay vội rước vào nhà,

2774 Mãi sau \*Viên-ngoại ông bà ra ngay;

Khóc than kể hết niềm tây:

2776 « Chàng ôi! biết nỗi nước này cho chưa?

« \*Kiều-nhi phận mỏng như tờ, (2)

2778 « Một lời đã lỗi tóc tơ với chàng!

« Gặp con \*gia-biến lạ đường,

2780 « Bán mình nó phải tìm đường cứu cha.

« Dừng-dắng khi bước chân ra,

2782 « Cực trăm nghìn nỗi, dặn ba bốn lần;

« Trót lời hẹn với \*lang-quân,

2784 « Mượn con em nó \*Thúy-Vân thay lời.

« Gọi là trả chút nghĩa người,

2786 « Sầu này dằng-dặc muôn đời chưa quên.

« Kiếp này duyên đã phụ duyên,

2788 « \*Dạ-dải còn biết, sẽ đền \*lai-sinh.



- « Mấy lời \**kỳ-chủ* \**đinh-ninh*,  
2790 « Ghi lòng đề dạ, cắt mình ra đi. (3)  
« Phận sao bạc mấy \**Kiều-nhi* !  
2792 « Chàng Kim về đó, con thi đi đâu !! » (4)

CXCVI. — Từ câu 2771 đến câu 2792, Kim-trọng trước thêm lên tiếng, Vương-quan ra rước vào nhà, ông bà Viên-ngoại cùng ở mái sau ra mà chào khách. Ông bà than khóc, kể lại các việc cho Kim nghe : kể từ gặp con gia biến, Kiều phải bán mình chuộc cha ; trót vì chút nghĩa đèo bông, Vân phải thay lời cho chị. Nói rồi lại khóc, khóc rồi lại than, đã gán-bó cho Kim-trọng duyên xưa, lại than thở cho Kiều-nhi phận bạc.

(1) Chàng Kim ở ngoài đánh tiếng cho người nhà Viên-ngoại biết.

(2) « Như tờ » là nói mỏng như tờ giấy.

(3) Câu này ý nói mấy lời nàng Kiều dặn-dò trên đó, khi nàng nói cho ông bà Viên-ngoại phải ghi vào lòng, đề vào dạ rồi mới cắt mình chịu ra đi. Câu này trở lên cả thấy 15 câu là lời ông bà Viên-ngoại đối với chàng Kim mà nói.

(4) Câu này và câu trên là ông bà Viên-ngoại thấy chàng Kim đến đó mà không thấy mặt nàng nên cất tiếng than khóc.

### CXCVII

- Ông bà càng nói càng đau,  
2794 Chàng càng nghe nói, càng đau như dứa. (1)  
Vật mình vấy gió tuôn mưa. (2)  
2796 Dầm-dĩa giọt ngọc, thần-thở hồn mai !  
Đau đòi đoạn, ngắt đòi hồi,  
2798 Tỉnh ra lại khóc, khóc rồi lại mê.  
Thấy chàng đau nỗi \**biệt-ly*,  
2800 Ngập-ngừng ông mới vỗ-về giải-khuyên :  
« Bây giờ vãn đã đóng thuyền, (3)  
2802 « Đã đành phận bạc, khôn đền \**tình-chung*.  
« Quá thương chút nghĩa đèo-bông,  
2804 « Nghìn vàng thân ấy dễ hồng bỏ sao ? » (4)



- Dỗ-dảnh khuyên giải trăm chiều,  
2806 Lửa phiền càng giập, càng khêu mỗi phiền.  
Thề xưa giờ đến \**Kim-hoàn*, [(5)  
2808 Cửa xưa lại giờ đến đàn với hương.  
Sinh càng trông thấy càng thương,  
2810 Gan càng tức-tối, ruột càng xót-xa ;  
Rằng : « Tôi trót quả chân ra, (6)  
2812 « Đề cho đến nỗi trôi hoa giạt bèo ! (7)  
« Cũng nhau thề thốt đã nhiều,  
2814 « Những điều vàng đá, phải điều nói không ?  
« Chưa chẵn gối, cũng vợ chồng,  
2816 « Lòng nào lại nỡ dứt lòng cho đang ?  
« Bao nhiêu cửa, mấy ngày đang,  
2818 « Còn tôi, tôi một gặp nàng mới thôi ! »  
Nỗi thương nói chẳng hết lời,  
2820 \**Tạ-từ* sinh mới sụt-sùi bước ra.

---

CXCVII. — Từ câu 2793 đến câu 2820, chàng Kim nghe lời ông bà Viên-ngoại nói, vật mình than khóc, khi tỉnh khi mê, Vương-ông phải lựa lời mà khuyên giải. Lại khi giờ đến đàn hương, và kim-hoàn ngày trước, chàng càng thương xót xiết bao ! Chàng tự trách mình lỡ bước làm cho nàng đến nỗi phân-ly, bao nhiêu cửa mấy ngày đường, chàng cũng quyết tìm nàng cho được.

(1) « Dưa » là lá rau đã ướp muối làm cho mềm rục đi. « Dầu như dưa » là buồn rầu rã-rời vì như dưa.

(2) « Vẩy gió » là vùng tay vật chân lăm như vẩy gió ; « tuôn mưa » là khóc nước mắt xuống như mưa.

(3) « Ván đã đóng thuyền » là tấm ván đã đem mà đóng thuyền rồi, thời không đem mà làm gì được nữa. Đây nói nàng Kiều đã bán mình chuộc tội cho cha, thời không thể kết duyên cùng chàng Kim.

(4) Câu này và câu trên Vương Viên-ngoại thấy chàng Kim khóc-lóc đau-đớn quá thế mới khuyên giải rằng : không lẽ thương Kiều nhi quá đổi, để làm hại cái thân quý báu như nghìn vàng.



(5) Câu này và câu trên ý nói lòng chàng Kim phiền não như lửa đốt, càng nghe lời khuyên dỗ lại càng phiền não thêm, như ngọn lửa càng muốn giập lại càng đỏ lên.

(6) Từ câu này trở xuống cả thảy 8 câu là lời của Kim-trọng nói với ông bà Viên-ngoại.

(7) « Trôi hoa giạt bèo » nghĩa cũng như « hoa trôi bèo giạt » xem chú thích câu 219. Đây nói vì chàng Kim mắc việc phải về Liêu-đương nên đề cho nàng Kiều phải đi lưu-lạc quê người.

### CXCVIII

Vội về sửa chôn vườn hoa,

2822 Rước mời \*Viên-ngoại ông bà cùng sang ;

\*Thần-hồn chăm chút lễ thường,

2824 \*Dưỡng-thân thay tấm lòng nàng ngày xưa.

\*Định-ninh mài lễ chép thơ, (1)

2826 Cắt người tim-tối, đưa tờ nhả-nhe.

Biết bao công mướn của thuê,

2828 \*Lâm-thanh mấy độ đi về dạm khơi ! (2)

Người một nơi, hỏi một nơi,

2830 Mệnh-mông nào biết bề trời nơi nao ? (3)

Sinh càng thảm thiết khát-khao,

2832 Như nung gan sắt, như bảo lòng son.

Ruột tấm ngày một héo don,

2934 \*Tuyết-sương ngày một hao mòn mình ve.

Thần-thờ lúc tỉnh lúc mê, [(4)

2836 Máu theo nước mắt, hồn lìa chiêm bao ! (5)

---

CXCVIII. — Từ câu 2821 đến câu 2836, chàng Kim về bên nhà trọ, dọn-đẹp xong, thời mời ông bà Viên-ngoại sang đó mà ở cùng, để thay lòng nàng Kiều, mà chăm chút thần-hồn định-lĩnh. Lại viết thơ mướn người đi sang Lâm-thanh để thăm dò tin tức của nàng ; đã mấy phen tìm chẳng thấy người, chàng càng lấy làm tức tối, càng ngày càng thêm thương nhớ, cho đến nỗi mình ve gãy, ruột tấm héo, giọt giao dài vắn, hồn bướm tỉnh mê.



(1) « Mãi lệ chép thơ » là lấy nước mắt mãi mực mà viết thơ. Đây là trích dịch ý câu thơ đời Tống; « Lão phu hòa lệ tả tân thi. »

(2) Lúc Mã-giám-Sinh mua Thúy-Kiều thì xưng dối rằng quê là huyện Lâm-thanh (câu 626) mà kỳ thiệt đem Kiều về huyện Lâm-tri (câu 920).

(3) « Người một nơi » là Kiều ở Lâm-tri « hỏi một nơi » là đi tìm hỏi ở Lâm-thanh cho nên không tin tức biết đâu mà dò hỏi.

(4) Câu này và câu trên là tả lúc chàng Kim thương nhớ nàng Kiều, đến nỗi căng ngày ruột béo dòn như ruột con tằm và mình chàng hao mòn như mình con ve.

(5) Câu này và câu trên tả lúc chàng Kim tỉnh thân thành ra ngơ-ngẩn, lúc tỉnh lúc mê, khóc đến nỗi nước mắt chảy ra huyết và cứ mơ-máng chiêm bao như hồn đã lìa xác mà đi vơ-vẩn nơi nào!

### CXCIX

*\*Xuân-huýên* lo sợ xiết bao,

2838 Quá ra khi đến thế nào mà hay? (1)

Vội-vàng sắm-sửa chọn ngày,

2840 Duyên Vân sớm đã xe dây cho chàng;

Người *\*yếu-diệu*, kẻ *\*văn-chương*,

2842 Trai tài, gái sắc, xuân (2) đương kịp thi.

Tuy rằng vui chữ *\*vu-qui*,

2844 Vui này đã cắt sầu kia (3) được nào?

Khi ăn ở, lúc ra vào,

2846 Càng âu duyên mới, càng dào tình xưa. (4)

Nỗi nàng nhớ đến « bao giờ, »

2848 Tuôn châu đòi trận, vò tơ trăm vòng. (5)

Có khi vắng-vẽ *\*thơ-phòng*,

2850 Đốt lò hương, giở phiếm đồng ngày xưa. (6)

Bể-bai rũ-rĩ tiếng tơ,

2852 Trăm bay lạt khói, gió đưa lay rèm. (7)

Dường như bên ốc (8) trước thềm,

2854 Tiếng Kiều đồng-vọng (9) bóng xiêm mơ

Bối lòng tạc đá ghi vàng, [mảng

2856 Tưởng nàng nên lại thấy nàng về đây.



CXCIX. — Từ câu 2837 đến câu 2856, ông bà Viên-ngoại thấy thế, sợ chàng Kim thành bệnh tương-tư, mới lo việc gả nàng Vân cho chàng được sớm thành hôn. Nhưng mà duyên mới tuy vui, tình xưa dễ đứt, càng thấy Vân lại càng nhớ đến Kiều, nhớ đến lời dặn của Kiều ngày xưa, mới đốt hương và gảy đàn, thoir thấy mơ-màng như có bóng Kiều đâu đây, mà nghe vang-vẳng như có tiếng Kiều nói đó.

(1) Câu này ý nói chàng Kim thương nhớ nàng Kiều quá thể có khi mang bệnh mà chết cũng chưa biết được.

(2) « Xuân » là xuân xanh, tuổi trẻ

(3) « Sầu kia » là cái lòng nhớ nàng kiều mà sinh ra buồn-rầu.

(4) « Âu » là âu-yếm, « duyên » là duyên xe dây với Vân, « đào » là « đôi đào », « tình xưa » là tình thương nhớ nàng Kiều. Đây nói càng âu-yếm cái duyên với Thúy-Vân chừng nào lại càng đôi-dào cái tình với Thúy-Kiều chừng ấy.

(5) « Nàng » là chỉ nàng Kiều, « bao giờ » là nhắc lại hai chữ « bao giờ » lời nàng Kiều nói trong câu 740; « châu » là nói nước mắt, « tơ » là nói khúc ruột. Hai câu này ý nói về việc nàng Kiều mà nhớ đến hai chữ « bao giờ » lời nàng nói trước, thoir nước mắt nhỏ xuống nhiều trận như chuỗi hạt châu và khúc ruột rối-vò trăm vòng như sợi tơ lằm.

(6) Vì lúc nàng Kiều sắp đi bán mình chuộc cha, có lời dặn nàng Vân rằng: « Mai sau đâu có bao giờ, đốt lò hương ấy so tơ phỉm này ». Đây nói nhớ lời nàng Kiều dặn ngày xưa thoir đem hương mà đốt và vắn đàn mà gảy.

(7) Chữ « gió » ở đây chiếu ứng với « thấy hiu-hiu gió... » câu 744. Câu này và hai câu dưới tả cảnh Kim và Vân nhớ Kiều mà trông như thấy hồn Kiều có về.

(8) « Ốc » là nóc nhà.

(9) « Đồng vọng » là nghe vang-vẳng, xem chú thích câu 1074.

## CC

Những là \**phiền-muộn* đêm ngày,  
2858 \**Xuân-thu* biết đã đổi thay mấy lần!  
\**Chế-khoa* gặp hội trường văn, (1)  
2860 Vương, Kim cũng chiếm bảng xuân một  
Cửa trời rộng mở đường mây, [ngày].(2)  
2862 Hoa chào ngộ hạnh, hương bay dặm phần.(3)



CC. — Từ câu 2857 đến câu 2862, cả nhà Viên-ngoại thương nhớ nàng Kiều, nhưng là đắp nhờ đôi sầu, biết bao ngày tháng. Vừa năm có khoa ứng-chế, Vương-quan và Kim-trọng cùng nhau đi thi; hai người thi đỗ một lần, muốn thừa lao-phùng, một nhà vinh-huân.

(1) « Trường văn » bởi chữ « văn-trường » là trường thi chữ nghĩa văn-chương.

(2) « Bể xuân » là bể thi ở Kinh-dô thuộc về mùa xuân; « chiêm bể xuân » là thi đỗ ở Kinh.

(3) « Cửa trời » bởi chữ « thiên-môn » dịch ra; « đường mây » là đường công danh, xem chữ « thanh vân »; « ngô hạnh » bởi chữ « hạnh viên » là chỗ đời Đường có hiền-sĩ mới đậu được vào dự yến xem hoa ở đó; « dặm phần » là quê hương, xem chữ « tử-phần ». Đây nói khi thấy bể ở cửa trời thời công danh đã được nhẹ bước đường mây, dự yến thời các hoa chào ở ngô hạnh và vinh-qui thời tiếng thơm bay khắp dặm phần.

### CCI

Chàng Vương nhớ đến xa gần, (1)

2864 Sang nhà \*Chung-lão tạ ân \*châu-tuyền.

Tình xưa ơn giả nghĩa đền,

2866 \*Gia-thân lại mới kết duyên \*Châu-Trần.

[(2)]

CCI. — Từ câu 2863 đến câu 2866, khi Vương-Quan vinh qui bái yết các việc đã xong, nhớ đến cái ơn Chung-công giúp đỡ ngày xưa, mới sang nhà đem lời cảm-tạ. Sau chàng lại cưới con gái ông về làm vợ, thân lại thêm thân.

(1) Chàng Vương nhớ đến việc xa việc gần, đề lo đền ơn trả nghĩa.

(2) Chàng Vương kết duyên với con gái ông Chung-công. Xem hung chữ « châu-trần » và chữ « gia-thân ».

### CCII

Kim từ nhẹ bước \*thanh-vân,

2868 Nỗi nàng (1) càng nghĩ xa gần càng thương:



« Ay ai (2) dặn ngọc thề vàng,  
2870 « Bây giờ \*kim-mã \*ngọc-đường với ai ! (3)  
« Ngọn bèo chân sóng lạc loài,  
2872 « Nghĩ mình \*vinh-hiến, thương người (4)  
[\*lưu-ly. »

Vâng ra \*ngoại-nhiệm \*Lâm-tri,  
2874 \*Quan-san nghìn dặm, \*thê-nhi một đoàn.  
\*Cầm-đường ngày tháng \*thanh-nhân,  
2876 Sớm khuya tiếng hạc tiếng đàn \*tiêu-dao. (4)

CCII. — Từ câu 2867 đến câu 2876, từ khi Kim-trọng đã thi đậu, sắp bỏ đi làm quan, nhớ lời nguyên ước càng nghĩ đến thân-thể nàng Kiều, nghĩ mình Kim-mã ngọc-đường, thương kẻ ngọn bèo chân sóng; nhớ ai ai nhớ, càng nghĩ càng thương. Được ít lâu Kim được bỏ đi làm tri-huyện Lâm-tri, vợ con cùng đi theo, tiếng hạc tiếng đàn tiêu dao ngày tháng.

- (1) « Nàng » là chỉ nàng Kiều.  
(2) Chữ « ai » đây là chỉ nàng Kiều. Câu này và ba câu dưới là lời Kim-trọng tự than mà nhớ đến nàng Kiều.  
(3) Chữ « ai » đây là chỉ trống và có ý thương tiếc nàng Kiều.  
(4) « Người » là chỉ nàng Kiều.  
(5) « Tiếng hạc tiếng đàn » là tiếng con chim hạc và tiếng đàn cầm. do những chữ trong truyện ông Triệu-thanh-Hiến đời Tống làm quan trấn đất Thục chỉ đem theo một con hạc và một cây đàn. Đây nói ở huyện chỉ vui thú thanh cao lúc sớm lúc khuya với một con hạc và một cây đàn như Triệu-công ngày xưa.

### CCIII

Phòng xuân trưởng rủ hoa đào, (1)  
2878 Nàng Vân năm, bỗng chiêm-bao thấy nàng.  
Tỉnh ra mới rỉ (3) cùng chàng, [(2)  
2880 Nghe lời chàng cũng hai đường tin nghi.  
Nọ \*Lâm-thanh với \*Lâm-tri,  
2882 Khác nhau một chữ (4) hoặc khi có lầm.



Trong cơ *\*thanh-khi* *\*tương-tầm* ;  
2884 Ở đây hoặc có *\*giai-âm* chẳng là ?

CCIII. — Từ câu 2877 đến câu 2884, đêm xuân  
dầm-ấm, Vân nằm chiêm bao thấy nàng Kiều ;  
tỉnh dậy nói lại với chàng Kim. Chàng nghe đầu  
vẫn chưa tin, sau nghĩ ở đó hoặc có tin-tức chẳng nỡ.

(1) « Trường rủ hoa đào » là bức màn có thêu hoa đào, rủ  
xuống để nằm ngủ.

(2) Chữ « nàng » ở dưới là chỉ Kiều.

(3) « Rủ » xem chú thích câu 765.

(4) Kim tưởng Kiều còn ở Lâm-thanh là quê của Mã-giám-Sinh  
cho nên sai người đi tìm (câu 2828) mà lúc bấy giờ Kim lại ở huyện  
Lâm-tri (câu 2873) thì chỉ khác nhau chữ « thanh » và chữ « tri »  
thôi, e lúc nàng Vân nằm mộng có lầm đi chẳng.

#### CCIV

*\*Thăng-đường* chàng mới hỏi tra,  
2886 Họ Đô có kẻ lại già (1) thừa lên :  
« Sự này đã ngoài mười niên,  
2888 « Tôi đã biết mặt biết tên rành-rành.  
« *\*Tủ-Bà* cùng *\*Mã-giám-Sinh*,  
2890 « Đi mua người ở *\*Bắc-kinh* đưa về ;  
« *\*Thủy-Kiều* *\*tài sắc* ai bì ?  
2892 « Có nghề đàn lại đủ nghề *\*văn-thơ*.  
« *\*Kiến-trinh* chẳng phải gan vừa,  
2894 « Liều mình thế ấy, (2) phải lừa thế kia. (3)  
« *\*Phong-trần* chịu đã ê-chề, (4)  
2896 « Dây duyên sau lại xe về *\*Thúc-lang* ;  
« Phải tay vợ cả phụ-phàng,  
2898 « Bắt về *\*Vô-tích* toan đường bẻ hoa ;  
« Bực mình nàng phải trốn ra, (5)  
2900 Chẳng may lại gặp một nhà Bạc kia !



- « Thoát buồn về, thoát bán đi,  
2902 « Mây trôi bèo nổi (6) thiếu gì là nơi.  
« Bồng đầu lại gặp một người;  
2904 « Hơn người \**tri-dũng* nghiêng trời \**uy-linh*.  
« Trong tay mười vạn \**tinh-binh*,  
2906 « Kéo về đóng chặt một thành \**Làm-tri*.  
« Tóc tơ các tích mọi khi,  
2908 « Oán thì trả oán, ân thì trả ân.  
« Đã nên có nghĩa có nhân,  
2910 « Trước sau trọn vẹn xa gần ngợi khen.  
« Chưa từng được họ được tên,  
2912 « Sự này hỏi \**Thúc-sinh* viên mới tường. »

CCIV. — Từ câu 2885 đến câu 2912, một ngày kia Kim-trọng ra công-đường, hỏi thăm các nha thuộc có ai hiểu việc nàng Kiều hay không, lúc bấy giờ mới có kể lại già họ Đồ biết mà thừa lại: Kể từ lúc nàng phải bán mình cho Tú-bà, mắc lừa với Sở-khanh, xe duyên với Thúc-sinh, chịu khổ với Hoạn-thư, sau gặp họ Bạc bán ở châu Thai, mới kết duyên với một vị anh-hùng, nhờ đó mà trả oán trả ân, thực là có nhân có nghĩa. Nhưng chỉ vì Đồ chưa biết rõ họ lên vị ấy, xin với Kim hỏi lại Thúc-sinh mới biết được tường.

- (1) « Lại già » là kẻ làm việc lại-diễn đã nhiều tuổi.  
(2) « Liều mình » xem câu 984.  
(3) « Phải lừa » xem câu 1126.  
(4) « Phong trần » xem từ câu 1271 đến câu 1274.  
(5) « Bực mình ..... » xem từ câu 2017 đến câu 2020.  
(6) « Mây trôi bèo nổi » nghĩa cũng như « bèo nổi mây chìm », chủ thích câu 770. Đây nói thân người lưu lạc không định chỗ ví như mây đi theo gió và bèo giạt theo sóng.

#### CCV

- Nghe lời Đồ nói rõ-ràng,  
2914 Tức thì viết thiệp (1) mời chàng \**Thúc-sinh*.



Nội nàng hỏi hết *\*phân-minh* :

2916 Chồng con đâu tã, (2) *\*tánh-danh* là gì?

Thúc rằng : « Gặp lúc *\*lưu-ly*,

2918 « Trong quân tôi hỏi thiếu gì tóc tơ!

« *\*Đại-vương* tên Hải họ Từ,

2920 « Đánh quen trăm trận, sức dư muôn người.

« Gặp nàng ngày ở châu Thai,

2922 « Là gì *\*quốc-sắc* *\*thiên-tài* phải duyên.

« Vầy-vùng trong bấy nhiều niên,

2924 « Làm nên *\*động-địa* *\*kinh-thiên* đùng-đùng.

« Đại quân đồn đóng cõi đông,

2926 « Về sau chẳng biết vân-mông (3) làm sao?»

CCV. — Từ câu 2913 đến câu 2926, Kim-trọng nghe lời Đò nói, mời sứ người đi mời Thúc-sinh, để hỏi tên họ người kết duyên với nàng Kiều lúc ấy. Thúc-sinh thuật hết tài sức công nghiệp của Từ-Hải, nhưng về hỏi sau Thúc không hiểu được tin tức thế nào.

(1) « Thiếp » là thiếp-danh, xem chú thích câu 2177.

(2) « Đâu tã » nghĩa như đâu thế, dùng làm lời hỏi.

(3) « Vân-mông » là tin tức hoặc làm lời mù-mịt.

## CCVI

Nghe tường ngành ngọn *\*tiêu-hao*,

2928 Lòng riêng chàng luống lao-đao thần-thờ.

Xót thay chiếc lá bơ-vơ, (1)

2930 Kiếp trần biết rủ bao giờ cho xong?

Hoa trôi nước chảy xuôi dòng, (2)

2932 Xót thân chìm nổi, đau lòng hiệp tan.

Lời xưa đã lỗi muôn vản, (3)

2934 Mảnh hương còn đó, phẩm đàn còn đây.

Đàn cầm khéo ngần-ngơ đây,

2936 Lửa hương biết có kiếp này nữa thôi?



- \**Bình-bồng* còn chút xa-xôi, (4)  
2938 \**Đỉnh-chung* sao nữ ăn ngồi cho an?  
Rắp mong treo ắn \**từ-quan*,  
2940 Mấy sông cũng lội, mấy ngàn cũng phả;  
Giấn mình trong đám \**can-qua*,  
2942 Vào sinh ra tử (5) họa là thấy nhau.  
Nghĩ điều trời thăm vực sâu,  
2944 Bóng chim tăm cá biết đâu mà nhìn. (6)  
Nhưng là nấn-ná đợi tin, (7)  
2946 Nắng mưa đã biết mấy phen đòi-dòi. (8)
- 

CCVI. — Từ câu 2927 đến câu 2946, Kim-trọng nghe lời Thúc nói, trong lòng sinh ra buồn bã. Những thương xót thay cho Kiều hoa trôi nước chảy, kiếp trần chưa xong, lại tự ăn-năn cho chàng hương đó đàn đây, lời xưa đã lỗi. Nghĩ đến Kiều lưu-ly nghìn dặm, nữ đâu chàng vinh-hiến một mình, cũng muốn đi khắp mọi nơi, tìm cho thấy mặt, nhưng nghĩ mệnh-mông trời bề, biết ở nơi nào! Vậy đành chờ đợi giai-âm, lần qua ngày tháng.

1) « Chiếc lá bơ vơ » nói thân nàng Kiều nhẹ như chiếc lá trên cây rơi xuống không định chỗ nào. Câu này và ba câu dưới là thương Kiều thân phận lưu-ly.

(2) Thân nàng Kiều lênh-dênh trôi nổi ví như hoa rụng xuống nước theo dòng chảy mà trôi đi.

(3) Lời nguyện của Kim và Kiều ngày xưa muốn phần đã lỗi đi hết cả. Câu này và ba câu dưới là than thở cơ duyên ly hiệp.

(4) Câu này và năm câu dưới là nói muốn tìm Kiều cho thấy mặt.

(5) « Sinh » là sống, « tử » là chết, « vào sinh ra tử » là liêu thân sống thác để ra vào mà tìm cho được.

(6) Giữa trời thăm tìm đâu cho thấy bóng một con chim, dưới vực sâu tìm đâu cho thấy tăm một con cá. Đây nói không biết đích ở chỗ nào mà đi tìm.

(7) « Nấn-ná » xem chú thích câu 1335.

(8) « Nắng mưa đổi dời » là nói đã thay đổi bao nhiêu lần nắng bao nhiêu lần mưa, trải nhiều ngày tháng.



CCVII

- Năm mây bông thấy chiếu Trời, (1)  
2948 \**Khâm-ban* \**sắc-chỉ* đến nơi rành-rành.  
Kim thi \**cải-nhậm* \**Nam-bình*,  
2950 Chàng Vương cũng \**cải-nhậm* thành \**Duy-*  
Sầm-sanh xe ngựa vội-vàng, [*dương*.  
2952 Hai nhà cũng thuận một đường (2) \**phó-*  
Xây nghe thể giấc đã tan, [*quan*.  
2954 Sông êm \**Phước-Kiến*, lửa tàn \**Chiết-giang*.  
Được tin, Kim mới nhủ Vương, [(3)  
2956 Tiễn đường cũng lại tìm nàng sau xưa. (4)

CCVII. — Từ câu 2947 đến câu 2956, bông có chỉ vua ban xuống, Kim đòi qua Nam-bình và Vương đòi qua Duy-dương, hai nhà cũng theo một lối đường đến nơi ly-sở. Lúc lên đường nghe được tin ở Chiết-giang, Phước-kiến thể giấc đã tan, Kim mới bảo Vương : tiễn đường qua đó để tìm Kiều luôn thể.

(1) « Năm mây » là mây năm sắc ; « chiếu Trời » là chiếu chỉ của vua. Đây nói bông thấy tờ chiếu vẽ mây năm sắc của vua ban.

(2) Đây nói Kim đi tới Nam-bình và Vương đi tới Duy-dương cũng theo một con đường mà đi.

(3) « Sông êm » và « lửa tàn » là nói bấy lâu « dây sông kinh ngạc » mà bây giờ sông đã êm và bấy lâu « lửa binh ... một phương » mà bây giờ lửa cũng tàn. Đây nói giấc tan dần được yên ổn.

(4) « Sau xưa » cũng như nói trước sau. Đây nói Tiễn-đường qua đó tìm hỏi công việc trước sau của Kiều.

CCVIII

- \**Hàng-châu* đến đó bấy giờ,  
2958 Thật tin hỏi được tóc tơ rành-rành.  
Rằng : « Ngày hôm nọ \**giao-binh*, (1)  
2960 « \**Thất-cơ* Từ đã \**thu-linh* \**trận-tiền*.  
« Nàng Kiều công cả, chẳng đền, (2)  
2962 « Lệnh quan lại bắt ép duyên \**thỗ-tù*.



« Nàng đã gieo ngọc trầm châu, (3)

2964 « Sông \*Tiền-đường đỏ ảy mờ \*hồng-nhan. »

Thương ôi không hợp mà tan,

2966 Một nhà \*vinh-hiển, riêng oan một nàng!(4)

---

CCVIII. — Từ câu 2957 đến câu 2966, Kim Vương đi đến Hàng-châu mới hỏi được tin đích xác; nghe lời người thuật lại việc Từ-công chết tại giữa trận, Hồ-công ép uổng nhân-duyên mà nàng Kiều gieo mình xuống sông, hai người rất là thương xót.

(1) Từ câu này trở xuống cả thảy 6 câu là lời của một người ở Hàng-châu thuật lại với Kim và Vương.

(2) Đây nói khuyên Từ-công ra hàng, giúp công cũng có lời nàng mới nên mà lúc bấy giờ triều Minh chưa nghị thưởng công cho nàng.

(3) « Ngọc » và « châu » là hai thứ vật quý dùng để vi thân người quý báu. Đây nói nàng đã gieo mình xuống sông.

(4) Câu này và câu trên là lời than thở của tác-giả: thương xót cho Kim và Vương tình cảnh lúc bấy giờ quan-san nghìn dặm, thế nhĩ một đoàn, mà nàng Kiều riêng chịu thác oan, thế là chưa vui sum hợp đã sầu chia phối, cũng tẻ lắm nhĩ.

## CCIX

\*Chiêu-hồn \*thiết-vị lễ thường,

2968 \*Giải-oan lập một \*đàn-trường bên sông.

Ngon triều non bạc \*trùng-trùng,

2970 Vơi trông còn tưởng cánh hồng lúc gieo. (1)

\*Tinh-thâm biển thăm lạ điều,

2972 Nào hồn \*tinh-vệ biết theo chốn nào? (2)

---

CCIX. — Từ câu 2967 đến câu 2972 Kim và Vương đến sông Tiền-đường, chiêu hồn thiết vị lập đàn giải oan, trông giữa sông thời lộp-lộp sóng gỏi, tưởng đến lúc nàng gieo mình xuống nước, một màu nước thăm, hồn gỏi nơi nao.

(1) « Non bạc » là hòn núi sắc trắng, thường dùng nói vật gì từng lộp trắng xóa, « cánh hồng » là lông cánh chim hồng, thường dùng



để ví vật gì lạnh nhén nhẹ-nhàng. Đây nói sóng gồi từng ớp trắng xóa khi đứng bên sông mà trông ra giữa vời thời còn tưởng đến lúc nàng Kiều gieo mình như cách chim hồng ở trên không gieo xuống mà lặn thấu mấy từng nước bạc.

(2) « *Biền thâm* » là chỗ mênh-mông sâu thẳm. Hai câu này ý nói lúc bấy giờ Kim và Vương đối với Kiều là cảm tình vô hạn mà chỗ đứng trông đó lại là mênh-mông sâu thẳm như biển đông chẳng thấy hờn nàng ở đâu mà chiều lại.

### CCX

\**Cơ-duyên* đâu bỗng lạ sao,

2974 \**Giác-duyên* đâu bỗng tìm vào đến nơi.

Trông lên \**linh-vị* chữ bài,

2976 \**Thất-kinh* mới hỏi: « Những người đâu ta?

« Với nàng \**thân-thích* gần xa, [(1)

2978 « Người còn, sao bỗng làm ma khóc người?»

Nghe tin nhớ-nhắc rụng-rời, [(2)

2980 Xúm quanh kẻ lẽ, dộn lời hỏi tra:

« Này chồng này mẹ này cha,

2982 « Này là em ruột, này là em dâu.

« Thật tin nghe đã bấy lâu,

2984 « \**Pháp-sư* dạy thế sự đâu lạ đường.» (3)

Sư rằng: « \**Nhân-quả* với nàng,

2986 « \**Lâm-tri* buổi trước, \**Tiền-đường* buổi

« Khi nàng gieo ngọc trầm châu, [sau.

2988 « Đón nhau tôi đã gặp nhau rước về.

« Cùng nhau nương cửa \**Bồ-đề*,

2990 « \**Thảo-am* đó cũng gần kẻ chẳng xa;

« \**Phật-tiền* ngày bạc lân-la, (4)

2992 « Đăm-đăm nàng cũng nhớ nhà khôn khuây.»

---

CCX. — Từ câu 2973 đến câu 2992, bỗng đâu *Giác-duyên* đi đến bên sông, trông bài vị thấy tên nàng Kiều, lấy làm lạ, mới hỏi tại sao nàng còn sống mà lại khóc nàng làm gì. Khi



ấy ông bà Viên-ngoại, vợ chồng Kim-trọng và Vương-quan, xúm lại kể lên cho sư biết, sau hỏi sư dạy thế là có bởi đâu. Giác-duyên mới kể hết những lúc vớt nàng dưới sông, cùng nàng ở chùa và thấy nàng nhớ nhà.

(1) « Ta » là lời trợ-ngữ cũng dùng trong lúc người này gọi người kia bằng « ta » nghĩa cũng như chữ « các ngài » « các bác » v.v.... nhưng có ý tỏ ra thân-thiết hơn, như nói: bên tôi như thế bên ta sao? Đi đâu ta? Ở đâu ta?

(2) Nàng Kiều chưa chết sao lại thiết vị nàng lên mà khóc.

(3) Câu này và câu trên ý nói việc nàng chết đuối nghe đã đích xác, sao Giác-duyên lại dạy còn sống.

(4) « Ngày bạc » bởi chữ « bạch nhật » là nói ban ngày sáng-rạng trắng bạc. Đây nói ở đó thường ngày niệm Phật đã lâu thành quen.

## CCXI

Nghe tin nở mặt nở mày,

2994 Mừng nào lại quá mừng này nữa chẳng?

Từ phen chiếc lá lìa rừng, (1)

2996 Thăm tìm luồng những liệu chừng nước  
[mây. (2)]

Rõ-ràng hoa rụng hương bay, (3)

2998 Kiếp sau họa thấy, kiếp này hẳn thôi.

\*Minh-dương đôi ngả chắc rồi,

3000 Cõi trần mà lại thấy người \*cửu-nguyên!

CCXI. — Từ câu 2993 đến câu 3000, cả nhà nghe tin, mừng rỡ vô hạn. Nghĩ từ nàng Kiều lạc bước, thăm tìm những tưởng chết rồi; có gặp chăng nữa cũng đành đợi kiếp khác. Ai ngờ dương-thế thấy người âm ty.

(1) « Chiếc lá lìa rừng » là nói một người con đã bỏ cửa nhà cha mẹ mà đi.

(2) « Nước mây » là nói chỗ dưới nước trên mây hồn người chết ở. Câu này và câu trên nói từ khi Kiều lưu-lạc thì ở nhà tìm dò khắp nơi không thấy, tưởng là chết rồi.



(3) « Hoa » và « hương » thường ví thân người con gái như hoa đẹp hương thơm. Đây nói « hoa rụng hương bay » là nói Kiều đã chết rồi.

## CCXII

Cùng nhau lạy tạ \**Giác-duyên*,  
3002 \**Bộ-hành* một lũ theo liền một khi;  
Bề lau vạch cỏ tìm đi,  
3004 \**Tinh-thâm* luống những \**hồ-nghi* nửa phần;  
Quanh-co theo dải \**giang-tàn*,  
3006 Khỏi rừng lau, đã tới sân \**phật-đường*.  
\**Giác-duyên* lên tiếng gọi nàng, (1)  
3008 Buồng trong vội rào sen vàng (2) bước ra.  
Trông xem đủ mặt một nhà,  
3010 Xuân già còn khỏe, huyên già còn tươi.  
Hai em \**phương-trưởng* hòa hai,  
3012 Nọ chàng Kim đỏ là người ngày xưa.  
Tưởng bây giờ là bao giờ,  
3014 Rõ-ràng mở mắt, còn ngờ chiêm bao.  
Giọt châu thanh-thót quẩn bào, (3)  
3016 Mừng-mừng túi-túi biết bao là tình !

---

CCXII. — Từ câu 3001 đến câu 3016, cả nhà tạ ơn Giác-duyên, mới cùng nhau theo sư về am. Khi đến sân chùa Giác-duyên gọi nàng Kiều ra. Nàng trông thấy cha mẹ và các em, lại có chàng Kim đến đó, nửa mừng nửa tủi, nước mắt luống rơi.

(1) « nàng » chỉ nàng Kiều.

(2) « Sen vàng » xem chú thích câu 190.

(3) « Quẩn » tức là quén, thấm vào, dính vào : « quẩn bào » là nước mắt nhỏ xuống thấm vào bầu áo.

## CCXIII

Huyên già dưới gối gieo mình, (1)  
3018 Khóc than mình kể sự tình đầu đuôi :



- « Từ con *lưu-lạc* quê người, (2)  
3020 « Bèo trôi sóng vỗ chốc mười lăm năm. (3)  
« Tỉnh rằng sóng nước cát lằm,  
3022 « Kiếp này ai lại còn cầm gập đây ? » (4)  
Ông bà trông mặt cầm tay,  
3024 *Dung-quang* chẳng khác chi ngày bước ra.  
Bấy chầy dải nguyệt đầu hoa,  
3026 Mười phần xuân, cỏ gầy ba bốn phần. (5)  
Nỗi mừng biết lấy chi cân,  
3028 Lời tan hiệp, chuyện xa gần thiếu đâu ?  
Hai em hỏi trước han sau,  
3030 Đứng trông chàng đã trở sầu làm tươi. (6)

---

CCXIII. — Từ câu 3017 đến câu 3030, nàng Kiều thấy bà Viên-ngoại, gieo mình bên mẹ mà khóc than, kể lại cả việc đầu đuôi : mười lăm năm lưu lạc quê người, ai ngờ được một nhà đủ mặt. Ông bà cầm tay hỏi chuyện, hai em trông mặt hỏi han, chàng Kim tuy đứng làm thinh, mà nét mặt buồn rầu cũng đổi ra vui vẻ.

(1) « Huyền già » là mẹ già, xem chữ « xuân huyền », « dưới gối » bởi chữ « tất-hạ » là nói người con đối với cha mẹ. Đây nói nàng Kiều gieo mình dưới gối bà Viên-ngoại.

(2) Câu này và ba câu dưới là lời nàng Kiều nói.

(3) « Bèo trôi sóng vỗ » là nói thân trôi nổi lênh-dềnh như bèo bị sóng vỗ.

(4) « Sóng nước cát lằm » là nói chìm đắm dưới sóng và vùi lấp trong cát. « Cầm » là tính, chắc, tưởng.

(5) Câu này và câu trên ý nói nàng Kiều đã chịu nửa đời cay đắng dùi mài một thân mà mười phần nhan sắc chỉ có kém ba bốn phần mà thôi.

(6) Chữ « chàng » ở đây nhiều bản viết là « nàng » nhưng thiết tưởng chữ « chàng » phải hơn. Vì khi ấy cả nhà hỏi han thời nàng Kiều phải trả lời luôn không đứng-không được. Đây nói chàng Kim đứng trông, đầu nghe việc lưu-lạc thì sầu, sau đến việc bà Giác duyên cứu vớt thì trở sầu làm tươi.



CCXIV

- Rủ nhau lay trước *\*phật-đài*,  
3032 *\*Tái-sinh* *\*trần-tạ* lòng ngái *\*tìr-bi*.  
Kiệu hoa giục-giã *\*tìr-thì*,  
3034 *\*Vương-ông* dạy rước cùng về một nơi.  
Nàng rằng: « Chút phận hoa rơi. (1)  
3036 « Nửa đời (2) nếm trải mọi mùi đắng cay.  
« Tỉnh rằng mặt nước chân mây. (3)  
3038 « Lòng nào còn tưởng có rày nữa không?  
« Được rày *\*tái-thể* *\*tương-phùng*,  
3040 « Khát-khao đã thỏa tắm lòng lâu nay.  
« Đã đem mình bỏ am mây. (4)  
3042 « Tuổi này gởi với cỏ cây cũng vừa. (5)  
« Mùi thuyền đã bén muối dưa,  
3044 « Mầu thuyền ăn mặc đã ư nâu sồng;  
« Sự đời đã tắt lửa lòng,  
3046 « Còn chen vào chốn bụi hồng (6) làm chi?  
« Dở-dang (7) nào có hay gì?  
3048 « Đã tu tu trót, qua thi (8) thi thôi.  
« *\*Trùng-sinh* ơn nặng bề trời,  
3050 « Lòng nào nỡ dứt lòng người (9) ra đi? »  
Ông rằng: « *\*Bỉ-thử-nhứt-thì*,  
3052 « *\*Tu-hành* thi cũng phải khi *\*tùng-quyền*.  
« Phải điều *\*cầu-phật* *\*cầu-tiên*,  
3054 « Tỉnh kia hiểu nợ ai đền cho đây? (10)  
« *\*Độ-sinh* nhờ đức Cao Dày,  
3056 « Lập am rồi sẽ rước thầy (11) ở chung. »  
Nghe lời nàng phải chiều lòng,  
3058 Giã sư giã cảnh đều cùng bước ra.

---

CCXIV. — Từ câu 3031 đến câu 3058, cả nhà  
bảo nhau lay tạ ân phật. Vương ông bảo nàng



Kiều theo chân về luôn, nàng xin ở lại để tu hành cho tròn quả phúc. Ông bảo lúc bấy giờ phải về đã, rồi sau ông sẽ lập am cho tu. Nàng nghe ông nói đành phải giả sư giả cảnh cùng nhau ra khỏi cửa chùa.

(1) « Hoa rơi » là nói người đi lưu lạc lìa cửa lìa nhà cũng như nói « hoa rã cánh » câu 578 và « hoa lìa cành » câu 1325. Từ câu này trở xuống cả thảy 16 câu là lời nàng Kiều nói với ông Viên-ngoại.

(2) « Nửa đời » là nói tuổi đã gần 30 rồi, từ khi « xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê » cho đến khi « bèo trôi sóng vỗ chốc mười lăm năm » là đã gần 30 tuổi.

(3) « Mặt nước chân mây » cũng như nói « nước mây » xem chú thích câu 2996.

(4) « Am mây » xem chú thích câu 2082.

(5) Đây nói đã gần 30 tuổi, thôi ở đó trọn đời gởi thân với cỏ cây cũng được.

(6) « Bụi hồng » xem chú thích câu 250.

(7) « Dở-dang » làm cho lờ-làng công việc, đổi cách này ra cách khác.

(8) « Qua thì » là qua buổi, qua ngày xuân xanh.

(9) « Người » là chỉ Giác-duyên.

(10) « Tình » là ở với Kim-Trọng, « hiểu » là ở với ông bà Viên-ngoại.

(11) « Thầy » là chỉ Giác-duyên.

## CCXV

Một đoàn về đến *\*quan-nhà*,

3060 *\*Đoàn-viên* vội mở tiệc hoa vui vầy. (1)

Tàng-tàng chén cúc giờ say,

3062 Đứng lên Vân mới giải bày một hai.

Rằng : « Trong *\*tác-hiệp* cơ trời, (2)

3064 « Hai bên (3) gặp-gỡ một lời kết giao.

« Gặp con *\*bình-địa-ba-đào*,

3066 « Vây đem duyên chị buộc vào cho em ;

« Cũng là phận cải duyên kim. (4)

3068 « Cũng là máu chảy ruột mềm chớ sao ? (5)

« Những là rày ước mai ao,

3070 « Mười lăm năm ấy biết bao nhiêu tình. (6)



- « Bầy giờ gương vỡ lại lành,  
3072 « Khuôn thiềng lửa lọc đã dành có nơi; (7)  
« Còn duyên may lại còn người,  
3074 « Còn vàng trắng bạc, còn lời nguyên xưa.  
« Quả mai ba bầy đương vừa, (9) [(8)  
3076 « Đào non (10) sớm liệu xe tơ kịp thì. »

CCXV. — Từ câu 3059 đến câu 3076, cả nhà đem nhau về sở huyện lỵ, mở tiệc vui vầy. Chén đã gởi say, nàng Vân mới đứng lên nói chuyện: Vì con gia biến nên nàng phải thay lời non nước cho nàng Kiều mà lúc bấy giờ sum-hợp thời nàng Kiều nên giữ ước cũ mà liệu xe duyên cùng Kim-trọng.

- (1) « Tiệc hoa » xem chú thích câu 439.  
(2) Từ câu này trở xuống cả thấy 14 câu là lời nàng Vân nói với nàng Kiều.  
(3) « Hai bên » là bên Kim và bên Kiều.  
(4) « Cải » và « Kim » xem chú thích câu 769. Đây nói duyên phận nàng Vân được thay nàng Kiều mà gặp chàng Kim, cũng như hột cải dính với hồ-phách và mũi kim bám vào đá lâm-châm.  
(5) « Máu » với « ruột » liên lạc với nhau, « máu chảy » thời « ruột mềm » đi, dầu đi, cũng như chị với em đồng con một nhà mà chị đi lưu lạc thì em cũng thương xót.  
(6) Câu này và câu trên ý nói những trông mong nàng Kiều trở về đã trải 15 năm biết bao là tình !  
(7) « Gương vỡ lại lành » do những chữ « phá cảnh phục hợp » trong Tình-sử về truyện ông Từ-dức-Ngôn lúc từ biệt Lạc-xương công-chúa thì đánh vỡ cái gương mỗi người giữ lấy một nửa, sau gặp nhau so hai mảnh gương lại rồi hợp với nhau. Đây nói lúc bấy giờ nàng Kiều đã về đó là ý trời dành dập lại.  
(8) « Trắng bạc » là « trắng thề » lúc chàng Kim với nàng Kiều « đính-ninh hai miệng một lời song-song » thời có « vùng trắng vàng-vặc giữa trời » làm chứng.  
(9) « Quả mai ba bầy » do trích dịch những câu : « Phiếu hữu mai, kỳ thiệt thất, phiếu hữu mai, kỳ thiệt tam », ý nói trên cây mai trước có bảy quả, sau còn có ba, là mùa xuân gần hết, thời việc hôn thú phải lo cho gấp. Đây nói xuân-xanh của Kiều cũng chưa muộn lắm, nhưng phải liệu thành hôn kéo chậm đi.  
(10) « Đào non » xem chú thích câu 1010.



CCXVI

- (7) Dứt lời, nàng vội gặt đi: (1)  
3078 « Sự muôn năm cũ kể chi bây giờ. (2)  
« Một lời tuy có ước xưa,  
3080 « Xét mình dải gió dầu mưa đã nhiều. (3)  
« Nói càng hồ thẹn trăm chiều,  
3082 « Thà cho ngọn nước *thủy-triều* chảy xuôi.»  
[(4)]

CCXVI. — Từ câu 3077 đến câu 3082, nàng Vân nói đoạn, nàng Kiều trả lời ngay, việc đã cũ rích không nên kể lại làm gì, xưa kia có ước cùng nhau, nhưng bây giờ thân đã bị dải dầu, càng nói lại càng hồ thẹn, thà để im đi thời hơn.

(1) « Nàng » là chỉ nàng Kiều, « gặt » là nói hết đi, nói chặn ngang đi.

(2) Đây nói việc đã cũ rích như là muôn năm, còn kể lại làm gì.

(3) « Dải gió dầu mưa » là thân đã chịu dùi mài cực khổ nhiều phen.

(4) Đây nói để im đi đừng kêu gọi ra làm gì nữa cũng như để cho nước *thủy-triều* thuận dòng chảy xuôi bể đông.

CCXVII

- Chàng rằng : « Nói cũng lạ đời,  
3084 « Dẫu lòng kia vậy, còn lời ấy sao ? (1)  
« Một lời đã trót *thâm-giao*,  
3086 « Dưới dày có đất, trên cao có trời!  
« Dẫu rằng vật đổi sao dời, (2)  
3088 « *Tử-sinh* cũng giữ lấy lời *tử-sinh*!  
« Duyên kia có phụ chi mình, (3)  
3090 « Mà toan sẽ gánh *chung-tình* làm hai ? »

CCXVII. — Từ câu 3083 đến câu 3090, Kim-trọng nghe nói cho nàng Kiều nói làm lạ, dẫu nàng có lòng hồ thẹn, nhưng trước có lời thề



tróc, chứng minh có trời có đất, thời thế nào cũng giữ cho trọn; còn duyên còn người, không có lẽ chia nhau ra đôi ngã.

(1) Đây nói dẫu rằng có lòng hồ thẹn nhưng đối với lời thề trước thời sao ?

(2) « Vật đôi sao đôi » bởi chữ « Vật hoán tính di » trong câu thơ ông Vương-Bột mà dịch ra. Đây nói đã trải nhiều lần thay đổi.

(3) Chữ « Minh » ở đây nhiều nhà cho là chữ « tình », nhưng thiết tưởng chữ « minh » đã hiệp vần mà cũng có nghĩa. Đây nói duyên trời đã cho chúng mình lại gặp nhau.

### CCXVIII

Nàng rằng : « *\*Gia-thất \*duyên-hài,*  
3092 « Chút lòng *\*ân-ái* ai ai cũng lòng.

« Nghĩ rằng trong đạo vợ chồng,  
3094 « Hoa thơm phong nhụy, trắng vòng tròn  
[gương. (1)

« Chữ trinh đáng giá nghìn vàng,  
3096 « Đuốc hoa chẳng thẹn với chàng mai-xưa.

« Thiếp từ *\*ngộ-biến* đến giờ, [(2)  
3098 « Ong qua bướm lại đã thừa xấu-xa. (3)

« Bầy chầy gió táp mưa sa, (4)  
3100 « Mấy trăng cũng khuyết, mấy hoa cũng tàn;

« Còn chi là cái *\*hồng-nhan,* [(5)  
3102 « Đã xong *\*thân-thế,* còn toan nổi nào ?

« Nghĩ mình chẳng hồ mình sao ?  
3104 « Dám đem *\*trần-cấu* dự vào *\*bổ-kinh* ! (6)

« Đã hay chàng nặng vì tình,  
3106 « Trông hoa đèn, chẳng thẹn mình lắm ru ? (7)

« Từ rày khép cửa phòng thu, (8)  
3108 « Chẳng tu thi cũng như tu mới là !

« Chàng dẫu nghĩ đến tình xa,  
3110 « Đem tình *\*cầm-sắt* đòi ra *\*cầm-cờ.*



« Nói chi kết tóc xe tơ, (9)  
3112 « Đã buồn cả ruột mà dơ cả đời ! »

CCXVIII. — Từ câu 3091 đến câu 3112, chàng Kim nói xong nàng Kiều lựa lời đáp lại. Sinh ra con gái ai cũng muốn cho thành thất gia, nhưng nghĩ lại vợ chồng kết duyên là quí buổi xuân thời và giữ gìn trinh bạch, mới không hồ thẹn cùng nhau ; từ lúc nàng lưu lạc đến bấy giờ, lòng trinh đã mất mà tuổi xuân đã già, tự mình nghĩ hổ lấy mình, không dám theo đời chăn gối. Và nay “ lửa lòng đã tắt”, bấy giờ chàng cố thương tình, xin đổi nghĩa vợ chồng mà làm tình bạn hữu.

(1) « Hoa » và « trắng » dùng để ví với nhan sắc con gái, con gái tuổi đương ít nhan sắc còn đẹp ví như hoa thơm còn phong cái nhụy mà chưa tàn và như vầng trăng còn vòng gương tròn mà chưa khuyết. Câu này và câu 3100, 3123 3124 nên xem chung với nhau.

(2) « Đuốc hoa » xem chú thích câu 850. « Mai » tức là may, « xưa » tức là trước, « mai xưa » là điều may-mắn trước hết. Câu này và câu trên ý nói nếu nàng giữ được lòng trinh quý hóa như nghìn vàng ; thời dưới ngọn đuốc hoa đêm mới hợp cần với nhau mới không thẹn về điều may-mắn đầu hết.

(3) « Ong » và « bướm » xem chú thích câu 38. Đây nói đã nhiều phen xấu hổ vì bọm ong bướm.

(4) « Gió táp mưa sa » ở đây là nói dùi-mài đầy-đọa như cái gì bị gió đánh vào, mưa xát xuống, khác với câu 403 và câu 2443.

(5) Đây nói nhan sắc kém buổi xuân thời như trăng khuyết hoa tàn không được như lúc trăng tròn gương, hoa phong nhụy.

(6) Đây nói không dám đem thân dơ-bẩn mà đỡ gối nâng khăn.

(7) « Minh » là nàng Kiều tự xưng lấy. Câu này và câu trên ý nói đã đành chàng Kim thương nàng, nhưng nàng ngồi đối mặt với đèn mà thấy cái hoa đèn trong sạch thời chẳng thẹn mình dơ bụi lấm sao ?

(8) « Phòng thu » là cái phòng lặng-lẽ như cảnh mùa thu. Đây nói đóng cửa không tiếp đón tình nghĩa với ai nữa.

(9) « Kết tóc xe tơ » xem chú thích câu 1532.

CCXIX

Chàng rằng : « Khéo nói nên lời,  
3114 « Mà trong lẽ phải có người có ta. (1) »



- « Xưa nay trong đạo đàn bà,  
3116 « Chữ trinh kia cũng có ba bảy đường : (2)  
« Có khi biến, có khi thường,  
3118 « Có quyền, nào phải một đường\**chấp-kinh*.  
« Như nàng lấy hiếu làm trinh, [(3)  
3120 « Bụi nào cho đục được mình ấy vay? (4)  
« Trời còn để có hôm nay,  
3122 « Tan sương đầu ngõ, vén mây giữa trời ; (5)  
« Hoa tàn mà lại thêm tươi,  
3124 « Trăng già mà lại hơn mười rằm xưa. (6)  
« Có điều chi nữa mà ngò,  
3126 « Khách qua đường, đề hăng-hờ chàng Tiêu.»  
Nghe chàng nói đã hết điều, [(7)  
3128 Hai thân (8) thì cũng quyết theo một bài.  
Hết lời khốn lẽ chối lời,  
3130 Gót đầu nàng những vẫn dài thở than. (9)

---

CCXIX. — Từ câu 3113 đến câu 3130, chàng Kim nghe nàng Kiều nói, mời giải lẽ cho nàng hay : đàn bà ở đời có khi thường khi biến, nên chữ trinh cũng có nhiều đường. Nàng Kiều lấy hiếu làm trinh, cũng là trinh vậy. Và lúc bấy giờ kiếp đoan-trường đã hết ; duyên tái-ngộ càng nồng, trăng gặp lúc mây vén, thời trăng lại thêm trong, hoa gặp lúc sương tan, thời hoa càng thêm đẹp ; còn ngò chi hoa tàn trăng khuyết, nỡ để cho sể gánh chung-tinh. Chàng nói hết lời, ông bà Viên-ngoại cũng quyết lòng như vậy. Nàng Kiều nghe cũng hết lẽ, chỉ than thở chẳng biết thế nào.

(1) Đây nói nàng khéo nói nên lời, mà xét lấy lẽ phải thời người ta cũng một ý như tôi, chớ không phải ý riêng tôi có ép gì nàng.

(2) Đây nói đàn bà lòng ở, việc làm được cả hai điều trinh bạch là tốt rồi. Còn có người lòng ở trinh mà việc làm phải chịu điều không trinh, lại có người việc làm trinh mà lòng ở không giữ được trinh, chữ trinh có ba bảy đường như thế.



(3) « Quyền » là ăn ở biết liệu lường theo thời, không có chấp theo một cách như khi bình thường. Đây nói khi biến phải từng quyền, chứ không chấp kinh như khi bình thường được.

(4) Đây nói lòng Kiều ở trinh mà vì việc nhà phải bán mình chuộc cha, ấy là lấy hiếu làm trinh, thời lòng trinh như thế, có bụi nào làm cho đục cái thân như thế đâu.

(5) Câu này và câu trên ý nói trời còn cho người lưu-lạc bấy lâu, may được hôm nay sum họp một nhà, cũng ví như dầu ngổ sương tan cho hoa tươi nhụy lại, lại như giữa trời mây vén, cho trăng hé gương ra. Ấy là chiếu ứng với « trăng » và « hoa » ở câu dưới mà nói.

(6) « Hoa tàn », « trăng già » mà lại tươi thêm tốt hơn, là cũng nhờ « sương tan » và « mây vén » vì người con gái hết kiếp lưu-ly thì nhan sắc lại đẹp hơn xưa. Vì trong câu 3094 và câu 3100, Kiều có nói đến « trăng » và « hoa » nên Kim-trọng cũng lấy « trăng » và « hoa » mà đáp lại.

(7) Câu này dịch theo câu thơ ông Thôi-giao : « Tùng thử Tiêu-lang thị lộ nhân ». Trong Tình-sử có chép : Nàng Lục-châu là vợ Tiêu-lang bị người ta bắt đem dâng cho ông Quách-tử-Nghi, từ đó nàng xem Tiêu-lang đứng-dưng như người đi đường.

(8) « Hai thân » xem chú thích câu 430. Đây cũng chỉ ông bà Viên-ngoại.

(9) Hai chữ « gót đầu » ở đây nhiều bản viết là « cúi đầu ». Nhưng thiết tưởng « gót đầu » cũng có một nghĩa; « gót đầu » cũng như nói trước sau, xem chú thích câu 537. Đây nói nàng Kiều nghe chàng Kim nói, trước sau khi nào nàng cũng thẹn mình tội phạm mà cứ một mực thở than không biết nói thế nào được.

## CCXX

\**Đoàn-viên* mở tiệc nhà lan,

3132 Hoa soi ngọn đuốc, hồng gian bức lả. (1)

Cùng nhau \**giao-bái* một nhà,

3134 Lễ đã đủ lễ, đôi đã xứng đôi.

\**Động-phòng* diu-dặt chén mời,

3136 Bâng-khuâng duyên mới, ngậm-ngùi tình

Những từ sen ngổ đảo to, [xưa !

3138 Mười lăm năm, mới bây giờ là đây. (2)

\**Tình-duyên* ấy, hiệp-tan này,

3140 \**Bi-hoan* mấy nỗi, đêm chầy trăng cao.



CCXX. — Từ câu 3131 đến câu 3140, trong nhà mở liệc, Kim với Kiều làm lễ thành hôn, rớt chén hợp cần, kể chuyện từ khi gặp-gỡ và khi lưu-lạc, những việc 15 năm cũ, hợp rồi ly, ly rồi hợp, tình duyên bặt-bịu, nửa vui nửa buồn, câu chuyện còn dài, vừng trăng đã xế.

(1) « Nhà lan » xem chú thích câu 375. « Hồng gian bức lả » là gian bức màn đỏ.

(2) « Sen ngó đào tơ » là nói người con gái dương xuân ví như sen mới nở ngó và đào còn non tơ ; « mười lăm năm » là lúc lưu lạc. Đây nói từ khi tuổi trẻ và khi lưu-lạc, mới một phen này ở đây là có duyên có phúc.

### CCXXI

Canh khuya bức gấm rủ thao, (1)

3142 Dưới đèn tỏ rạng má đào thêm xuân.

*\*Tinh-nhân* lại gặp *\*tinh-nhân*,

3144 Hoa xưa ong cũ (2) mười phần *\*chung-tinh*.

Nàng rằng : « Phận thiếp đã đành,

3146 « Có làm chi nữa cái mình bỏ đi!

« Nghĩ chàng nghĩa cũ tình ghi,

3148 « Chiều lòng gọi chút *\*xương-tùy* mây-may.

« Riêng lòng đã thẹn lắm thay,

3150 « Cũng đã mặt dạn mày dày khó coi!

« Những như âu-yếm vòng ngoài, (3)

3152 « Còn toan mở mặt với người cho qua.

« Lại như những thói người ta,

3154 « Vớt hương dưới đất, bẻ hoa cuối mùa. (4)

« Những là dơ-nhuốc bày trò,

3156 « Còn tình đâu nữa, là thù đó thôi! (5)

« Người yêu, ta xấu với người,

3158 « Yêu nhau thì lại bằng mười phụ nhau (6)

« Cửa nhà dầu tỉnh về sau,

3160 « Thi đà em đó, lộ cầu chi đây!



« Chữ trình (7) còn một chút này,  
3162 « Chẳng cầm cho vững lại dầy cho tan.  
« Còn nhiều ân-ái chan-chan,  
3164 « Hay gì vầy cảnh hoa tàn mà chơi ? »

CCXXI. — Từ câu 3141 đến câu 3164, đêm khuya đèn rang, hoa cũ ong xưa, chàng Kim những tưởng chung-tình sẽ được mười phần vẹn-vẻ. Nhưng nàng Kiều nhân khi đêm vắng, lại tỏ bày tâm sự cho chàng hay, nàng vì nghĩa cũ nên phải chịu lòng chịu phận xuong tùy, nhưng nghĩ cái thân đã đành bỏ đi, dơ-nhuốc bày trò, thời mặt nào mà thấy nhau được nữa. Dầu chàng muốn tình việc nhà việc cửa, thời đã có nàng Vân đó rồi. Vậy nàng còn giữ lấy một chút ối nữa để làm trình, chờ chàng lại cần gì cái hoa tàn mà phải đem lòng nghĩ đến.

(1) « Thao » là cái tua « Bức gấm rủ thao » là bức màn bỏ cái tua xuống.

(2) « Hoa » là chỉ nàng Kiều, « ong » là chỉ chàng Kim, « hoa xưa ong cũ » là nói người tình nhân cũ gặp nhau.

(3) « Âu yếm vòng ngoài » là yêu nhau chỉ ở bên ngoài mà trong lòng thì giữ điều chay sạch cùng nhau.

(4) « Hương dưới đất » là thứ hương đã bỏ đi, « hoa cuối mùa » là hoa đã tàn rồi, mà vớt hương bỏ, bẻ hoa tàn, là cũng như con gái hết duyên mà còn đem vào vòng ân-ái.

(5) Đây nói nàng Kiều đã phụ lời thề ước mà đi lưu-lạc ở quê người thời nàng là người thù của chàng còn chỉ là tình nghĩa với nhau.

(6) « Phụ nhau » là không chịu đem cái thân dơ-nhuốc hiến cho người cũ; « yêu nhau » là chung chăn gối với nhau. Đây nói đã đành cái thân bất triu mà gặp nhau không chịu chung tình là phụ nhau, thời chỉ có một điều xấu, còn như đã vậy mà lại chung tình với nhau là yêu nhau lại có điều xấu gấp mười thêm nữa.

(7) Chữ « trình » ở đây là nói trước đã thề ước với nhau, « đạo tòng phu lấy chữ trình làm đầu » thời giữ thân trong sạch, mới là « chữ trình đáng giá nghìn vàng ». Mà nay đã « lỗi thề thời đã phụ phàng . . . » thời cũng không đem cái thân dơ-bụi mà chung chăn gối với tình nhân, thế là cũng giữ lấy chữ trình « một chút ».



CCXXII

- Chàng rằng : « Gắn vỏ một lời,  
3166 « Bồng không cả nước chim trời lổ nhau!(1)  
« Xót người \*lưu-lạc bấy lâu,  
3168 « Tưởng thề-thốt nặng, cũng đau-đớn nhiều!  
« Thương nhau \*sinh-tử đã liều,  
3170 « Gặp nhau còn thiếu bấy nhiêu là tình. (2)  
« Chứng xuân tơ liễu còn xanh,  
3172 « Nghĩ sao cho thoát khỏi vảnh \*đi-ân. (3)  
« Gương trong chẳng chút bụi trần, (4)  
3174 « Một lời quyết hẳn, muôn phần kính thêm!  
« Bấy lâu đáy bể mò kim,  
3176 « Là nhiều vàng đá, phải tìm trăng hoa ; (5)  
« Ai ngờ lại hợp một nhà,  
3178 « Lọ là chẵn gối mới ra \*sắt-cầm ! »

---

CCXXII. — Từ câu 3165 đến câu 3178, chàng Kim nghe nàng Kiều nói mới trả lời lại, trót đã cùng nhau thề ước, bồng nhưng đau nỗi phân ly, đã nhiều lần muốn liều sanh-tử với nhau, bây giờ gặp nhau chỉ thiếu bấy nhiêu là điều tình ái. Nhưng nghĩ tuổi nàng còn trẻ, sao cho thoát khỏi thương tình. Nay nếu giữ lấy “ gương trong chẳng chút bụi trần ” hẳn được như vậy thôi lòng chàng kính trọng biết chừng nào ! Bấy lâu nặn lời vàng đá, nên phải tìm khắp nước non, bây giờ đã được sum vầy, không cần phải gối chẵn mới ra tình cầm sắt.

(1) Cá lội trong nước thì muốn lặn cho sâu, chim bay trên trời thì muốn bay cho cao, như thế thì chim cá cách biệt nhau mà không bao giờ gặp nhau được. Câu này và câu trên ý nói trót đã gắn bó thề thốt với nhau làm vợ chồng, mà rồi bị cách biệt nhau như một bên dưới nước, còn một bên trên trời lổ lảng ra vậy.

(2) Câu này ý nói bây giờ gặp nhau chỉ thiếu chung nhau chẵn gối một chút nữa gọi là tình dó thôi.



(3) Câu này và câu trên ý nói xem trạc tuổi của nàng thời vì như lơ liễu gặp buổi xuân còn xanh non, nghĩ thế nào cũng chưa khỏi điều tình ái được.

(4) Câu này ý nói giữ lòng chay sạch như tấm gương trong chẳng có chút bụi nào.

(5) « Đáy bể mò kim » là nói ví đi tìm nàng Kiều đã mất công cực khổ lâu ngày ; « phải » nghĩa là không phải. Câu này và câu trên ý nói bấy lâu đã mất công và phí thời giờ đi tìm nàng là vì nặng lời ghi vàng lạc đá, chớ không phải vì tình mà đi tìm chốn trăng hoa.

### CCXXIII

Nghe lời (1) sửa áo cài trâm,

3180 \**Khấu-đầu* lay tạ \**cao-thâm* nghìn trùng :

« Thân tàn gạn đục khơi trong, (2)

3182 « Là nhờ \**quân-tử* khác lòng người ta.

« Mấy lời \**tâm-phúc* ruột rà,

3184 « \**Tương-tri* đường ấy mới là \**tương-tri* !

« Chớ che đùm bọc thiếu gì,

3186 « Trăm năm \**danh-tiết* cũng vì đêm nay ! »

---

CCXXIII. — Từ câu 3179 đến câu 3186, nàng Kiều nghe lời chàng nói mừng rỡ vô hạn ! Mới cài trâm sửa áo để lay tạ-ân chàng : Nhờ lòng chàng khác lòng người ta, nghe mấy lời tâm phúc ruột rà, biết bao nỗi chớ che đùm bọc ; thân nàng được khơi trong gạn đục, cũng nhờ đêm ấy mà giữ được danh tiết trăm năm,

(1) « Nghe lời » là nàng Kiều nghe chàng Kim nói.

(2) « Gạn đục khơi trong » bởi chữ « Kích trọc dương thanh ». Đây nói cái thân lưu-lạc bấy lâu, bây giờ được làm cho tiêu mất cái đục cái xấu mà kêu gọi cái trong cái tốt ra.

### CCXXIV

Thoắt thôi (1) tay lại cầm tay,

3188 Càng yêu vì nết, càng say vì tình.

Thêm nền giá, nôi hương bình,

3190 Cùng nhau lại chúc (2) chén quỳnh \**giao-*  
*hoan*.



CCXXIV. — Từ câu 3187 đến câu 3190, hai người nói qua nói lại, vừa êm câu chuyện, mới cầm tay nhau để tỏ ra ý yêu vì nết thương vì tình; giá thấp thêm sấp, bình nổi thêm hương, lại rót rượu mà đưa cho nhau uống.

(1) « Thoắt thôi » là ngay lúc ấy im lặng không nói chuyện trên ấy nữa.

(2) « Chúc » là rót rượu vào chén mà đưa cho nhau, chén tạc chén thù, lại nhân đưa chén rượu mà chúc lẫn nhau.

### CCXXV

Tình xưa lai-láng khôn hàn, (1)

3192 \*Thung-dung lại hỏi ngọn đàn ngày xưa.

Nàng rằng : « Vì mấy đường tơ,

3194 « Lầm người cho đến bây giờ mới thôi ! (2)

« Ăn-năn thì sự đã rồi,

3196 « Nề lòng người cũ vâng lời một phen. »

---

CCXXV. — Từ câu 3191 đến câu 3196, nhân lúc uống rượu, chàng Kim lại nhớ chuyện xưa mà bảo nàng Kiều vặn đàn. Nàng nói chính vì khúc đàn « bạc-mạnh », làm cho nàng cực khổ lưu-lự, nay nề lòng chàng; cũng vâng lời một phen nữa mà thôi.

(1) « Lai láng khôn hàn » là nói chưa chán không ngăn lại được.

(2) Câu này và câu trên ý nói vì mấy đường tơ đồn về khúc « bạc-mạnh », làm cho nàng lưu-lự trước 15 năm cho đến lúc ấy « mới thôi ».

### CCXXVI

Phiếm đàn diu-dặt tay tiên,

3198 Khỏi trầm cao thấp, tiếng huyền gần xa. (1)

Khúc đâu đượm-ấm \**duong-hòa*,

3200 Ay là \**Hồ-diệp*, hay là \**Trang-sinh* ? (2)

Khúc đâu êm-ái \**xuân-tình*,

3202 Ấy hồn \**Thục-đế*, hay mình \**đồ-quyên* ? (3)



Trong sao, châu rõ ghềnh quyền! (4)  
3204 Âm sao, hạt ngọc \**Lam-diễn* mới đông! (5)  
Lọt tai nghe suốt năm cung, (6)  
3206 Tiếng nào là chẳng náo-nùng xôn-xao.

---

CCXXVI. — Từ câu 3197 đến câu 3206, nàng Kiều lấy đàn ra gảy, đốt lò hương, dạo cung đàn, nghe ra khúc thì đầm-ấm, khúc thì êm-ái, tiếng thì ấm, tiếng thì trong, nghe suốt năm cung, náo-nùng vui-vẻ.

(1) « Khối trầm » bởi đốt lò hương nên bay lên cao thấp, « tiếng huyền » bởi tơ phiếm nên nghe khắp gần xa.

(2) Khúc đầu nghe ra đầm-ấm có khi dương hòa hoãn, dường như lúc buổi sáng ông Trang-chu nằm thấy chiêm bao mình hóa ra con bướm-bướm, hoặc tưởng bướm-bướm hóa ra mình. Xem chung những chữ « dương-hóa » « hồ-diệp » và « Trang-sinh ».

(3) Khúc đầu nghe ra êm-ái có tình tứ mùa xuân, dường như cái lòng xuân của vua Thục gợi tại con chim quốc. Xem chung những chữ « Thục-đế » và « đồ-quyên ».

(4) « Ghềnh quyền » là ghềnh nước ở bể có mặt trắng soi vào.

(5) Câu này và câu trên ý nói tiếng đàn nghe ra trong thoi rất trong dường như ghềnh nước được bóng trăng soi mà thấy ở dưới đáy có hạt châu trong suốt và tiếng nghe ra ấm thoi rất ấm dường như núi Lam-diễn mặt trời chiếu, mà thấy ở trên mặt hạt ngọc có hơi bay lên như khối. Xem chung chữ « Lam-diễn ».

(6) « Năm cung » xem chữ « ngũ âm ».

## CCXXVII

Chàng rằng : « Phở ầy tay nào,  
3208 « Xưa sao \**sầu-thắm* nay sao vui vầy?  
« Tẻ vui (1) bởi tại lòng này,  
3210 « Hay là \**khỗ-tận* đến ngày \**cam-lai*! »  
Nàng rằng : « Vi chút nghề chơi,  
3212 « \**Đoạn-trường* tiếng ầy hại người bấy lâu.  
« Một phen \**tri-kỷ* cùng nhau,  
3214 « Cuốn dây từ đây, về sau cũng chừa. » (2)



Chuyện trò chưa cạn tóc tơ,  
3216 Gà đã gáy sáng, trời vừa rạng đông.

CCXXVII. — Từ câu 3207 đến câu 3216, chàng Kim nghe mấy cung đàn mới hỏi nàng Kiều tại sao khúc đàn ngày xưa sầu mà ngày nay lại vui, hay là đã hết hồi cực mà đến hồi sướng; nàng nói khúc ấy là khúc đoạn-trường, vì chơi nghề chơi mà bấy lâu nay mang lấy thiệt hại, thôi một phen nẩy đàn cùng tri-kỷ, rày về sau thì cũng cuốn dây. Câu chuyện chưa xong, trời đã mờ sáng

(1) « Tề » xem chú thích câu 491

(2) « Cuốn dây » là từ ấy về sau không đánh đàn nữa, đối chiếu với câu 471 « So dần dây vũ dây văn » là lúc khởi sự đánh đàn.

### CCXXVIII

Tình riêng chàng lại nói sòng,  
3218 Một nhà ai cũng lạ-lùng khen lao. (1)  
Cho hay \*thục-nữ chỉ cao,  
3220 Phải người sớm muộn tối đào như ai. (2)

CCXXVIII. — Từ câu 3217 đến câu 3220, sáng hôm sau, chàng Kim đem việc hôm đã qua nói rõ cho cả nhà nghe, ai cũng khen ngợi, ấy mới biết nàng Kiều có chí cao-thượng, không phải như thường tình người ta.

(1) « Nói sòng » xem chú thích câu 1510. « Khen lao » là nhiều người khen ngợi. Đây nói chàng Kim thuật chuyện nàng Kiều không chịu chàng chặn gối để giữ lòng trinh tiết ai cũng lấy làm lạ mà khen ngợi.

(2) « Sớm muộn tối đào » cũng như « sớm đào tối muộn » xem chú thích câu 1289.

### CCXXIX

Hai tình (1) vẹn cả hòa hai,  
3222 Chẳng trong chăn gối, cũng ngoài \*cầm-thơ.  
Khi chén rượu, khi cuộc cờ,  
3224 Khi xem hoa nở, khi chờ trăng lên.



Ba sinh (2) đã phỉ mười nguyên, (3)  
3226 Duyên đôi lứa cũng là duyên bạn bấy.

CCXXIX. — *Từ câu 3221 đến câu 3226, hai người  
đã tâm đầu ý hợp, tuy trong không lĩnh chẵn gối mà  
ngoài cũng bạn cầm thơ, chén rượu cuộc cờ xem hoa  
chờ trăng, duyên đôi lứa mà lại bạn bấy, nguyên  
ước bấy lâu nay chừng đã phỉ !*

(1) « Hai tình » là tình vợ chồng và tình bạn-bấy, khác nghĩa  
với chữ — — trong câu 860.

(2) « Ba sinh » xem chú thích câu 257.

(3) « Mười nguyên » bởi chữ « thập nguyên » lấy trong Kinh Hoa-  
nghiêm sách phật. Đức Phổ-hiền có mười nguyên : 1. Kính lễ chư  
phật là kính lễ các đức phật, 2. Xưng tâng Như-lai, là khen tụng  
đức Như-lai. 3. Quảng tu cúng dường, là mở rộng việc cúng phật  
nuôi sư. 4. Sám hối nghiệp chướng, là lo sám hối ăn-năn tội-nghiệp  
oan-chướng. 5. Tùy hỷ công năng, là thấy người có công lớn việc  
hay thời sẵn lòng hoan-hỷ; 6. Thỉnh chuyển pháp luân, là xin phật  
chuyển then máy nhiệm mầu để tế độ mọi người; 7. Thỉnh phật  
trú thế, là xin phật thường trú ở đời; 8. Thường tùy phật học, là  
thường theo học lấy đạo phật; 9. Hằng thuận chúng sinh, là lòng  
thường thuận thỏa với chúng sinh; 10. Phổ giải hồi hướng, là ai  
cũng trở theo đạo phật. Còn mười nguyên ở đây là nói mười điều  
nguyên ước, bởi chữ « thập ước » nay đã thỏa thuận tất cả. Nhưng  
xem lúc ấy Kim và Kiều tuy gọi là vợ chồng mà không chung chẵn  
gối, thời « chẳng tu thì cũng như tu » và xem tiếp hai câu dưới : « duyên  
đôi lứa cũng là duyên bạn bấy » ; « nhớ lời lập một am mây » ...  
thời cho là mười nguyên của đạo phật cũng phải nghĩa.

### CCXXX

Nhờ lời lập một am mây,

3228 Khiến người *\*thân-tin* rước thầy *\*Giác-*  
Đến nơi (2) đóng cửa cái then, [*duyên*. (1)]

3230 Rêu trùn kẻ ngạch, cỏ lên mái nhà.

Sư đà hải thuốc phương xa, (3)

3232 Mây bay hạc lánh, biết là (4) tìm đâu.

Nặng vì chút nghĩa bấy lâu,

3234 Trên am cứ giữ hương dầu hòm mai.



CCXXX. — Từ câu 3227 đến câu 3234, nhớ lời Vương-ông hẹn trước, lập một am mây và sai người đi rước Giác-duyên; đến nơi thì cửa chùa đóng chặt, sư đã đi xa, biết đâu mà tìm được. Nhưng nàng Kiều nhớ tình của sư ngày trước cũng vẫn ở đó mà chờ chờ hôm mai.

(1) Câu này và câu trên ý nói nhớ lời Vương-ông nói « lập am rồi sẽ rước thầy ở chung » nên lúc bấy giờ mới theo mà làm.

(2) « Đến nơi » là đến nơi thảo-am của Giác-duyên.

(3) Câu này dịch theo ý câu thơ Đường-thi « ngồn sư thể được khứ ». Đây nói Giác-duyên đã đi đâu xa.

(4) Theo nguyên truyện: Khi Kim-trọng sai người đến, thì thấy cửa am mở, bà Giác-duyên đi đâu không thấy nữa, chỉ thấy dưới lò hương có một mảnh giấy, có đề bốn câu thơ, hai câu sau ý nói: « Muốn hỏi ta đi đâu? Ta cỡi chim hạc đi trên từng mây ». Nhưng đây xem ra thời lời văn câu 3232 này là đối chiếu với câu 2402 lời nàng Kiều nói: « Biết đâu hạc nội mây ngàn là đâu ».

### CCXXXI

Một nhà \*phúc-lộc gồm hai,  
3236 \*Thiên-niên dằng-dặc, \*quan-giai lần-lần.  
\*Thừa-gia chẳng hết nàng Vân, (1)  
3238 Một cây \*cù-mộc, một sân \*quế-hòe.  
\*Phong-lưu \*phủ-qui ai bì,  
3240 Vườn xuân một cửa đề bia muôn đời. (2)

CCXXXI. — Từ câu 3235 đến câu 3240, một nhà Kim-trọng phúc lộc đời đời; một mình nàng Vân thừa gia, sinh ra biết bao con cháu, phong-lưu phủ-qui, tiếng thơm để lại đời sau.

(1) « Chẳng hết » là thừa sức lo liệu. Đây nói lo việc nhà đề trên thờ phụng tổ-tiên, dưới nuôi dạy con cháu, thời một mình nàng Vân cũng đã chán rồi, nàng Kiều thời lo trọn kiếp tu-hành mà thôi.

(2) Đây nói trong một khoảnh vườn rộng, đã mở cửa cho họ Kim vào ra thời vừa hiếu vừa nghĩa, vừa phúc vừa lộc, rõ là xuân sắc muôn phần, đề bia cho đời-sau mãi-mãi.



CCXXXII

- Gấm hay muôn sự tại trời,  
3242 Trời kia đã bắt làm người có thân;  
Bắt \*phong-trần phải \*phong-trần,  
3244 Cho \*thanh-cao mới được phần \*thanh-cao.  
Có đâu \*thiên-vị người nào?  
3246 Chữ tài chữ mệnh dồi-dào cả hai. (1)  
Có tài mà cậy chi tài,  
3248 Chữ tài liền với chữ tai một vần. (2)  
Đã mang lấy nghiệp vào thân.  
3350 Cũng đừng trách lẫn trời gần trời xa.  
\*Thiện-căn ở tại lòng ta,  
3252 Chữ tâm kia mới bằng ba chữ tài. (3)  
Lời quê góp nhặt dông-dài,  
3254 Mua vui cũng được một vài trống canh.

CCXXXII. — Từ câu 3241 đến câu 3254, xem thể thời biết, trời đã sinh ra người ta, phải phong-trần hay được thanh-cao, cũng tự trời cho mới được. Được bền mạnh thời mất bền tài, được bền tài thời mất bền mạnh, không mấy ai gồm được cả hai. Chữ tài liền với chữ tai, có tài cũng không nên cậy. Cái thân với cái nghiệp cứ đeo-dăng nhau mãi, cũng không nên trách oán chi trời, tự mình phải ở sao cho có tâm mới được. Vậy nên gồm góp một đôi lời, tập lại thành truyện, để hiển cho độc-giả mua vui.

(1) Câu này và câu trên ý nói ở đời không có người nào mà trời có lòng thiên vị cho cả tài và cả mệnh. Hai câu này đối chiếu với câu 2 « Chữ tài chữ mệnh khéo là ghét nhau ».

(2) Chữ « tài » một vần với chữ « tai », nên chỉ chữ « tài » hay đi với chữ « tai », nghĩa là người có « tài hoa » thì hay bị « tai nạn ».

(3) Có tâm tốt thời trời hay giúp hơn là có « tài », ba cái « tài » mới dịch lại một cái « tâm ». Vậy người ta ở đời nên tu « tâm » hơn là ý « tài ».

CHUNG



- 丫髻** *A-hoàn*, 1719-1737 — A là vật gì chẻ đôi mà mọc ngược lên, hoàn là đầu tóc búi lại. Con gái thường hay rẽ tóc làm hai mái, hình chữ (丫), cho nên đây là con gái hay là con đòi tục Tàu thường gọi là — —.
- 惡人** *Ác-nhân*, 1641 — Người ác nghiệt, làm những điều không lương thiện.
- 愛恩** *Ái-ân*, 750-1972 2411-3172 — Ái là yêu, ân là ơn; — — là ái tình và ân nghĩa cố kết với nhau.
- 暗號** *Ám-hiệu*, 2513 — Ám là thầm tối, hiệu là ra một dấu điểm gì. — — là giữa trận giặc làm một cái hiệu riêng cho quân mình biết mà bên quân giặc không hay được.
- 安身** *An-thân*, 2085 — Thân được yên ổn.
- 英華** *Anh-hoa*, 115 — Anh là cái tốt đẹp của hoa, hoa là cái trắng hoa, — — nghĩa bóng chỉ dung mạo người nào tươi tốt như hoa, phát lộ ra ngoài.
- 英豪** *Anh-hào*, 2169 — Anh (xem chú thích câu ở trên) hào là kẻ tài trí giỏi hơn trăm người; người có tài giỏi xuất chúng. Hai chữ này kiêm cả bốn chữ: anh 英 hùng 雄 hào 豪 kiệt 傑 có ý nói riêng hạng người lập công đương lúc loạn thế.
- 英雄** *Anh-hùng*, 1071-2176-2183 2202 2211 2277 2429 2455-2549 — Anh (Xem chú thích ở trên), hùng là con thú được mạnh, cho nên người có tài giỏi thì gọi là — —.
- 陰功** *Ám-công*, 2720 — Âm là chỗ kín đáo bí mật như nói giữa trời đất hay là trong âm-ty, âm-phủ, công là công nghiệp hay là công đức; đây nói công đức có trời đất quỷ thần chứng minh.
- 陰極** *陽[回] Âm-cực-dương-hồi*, 2646 — Âm là khí âm, cực là tới mực, đến cùng tới, dương là khí dương, hồi là trở về, trở lại — — — — — nghĩa là hết suy rồi đến thịnh, hết cực rồi đến sướng cũng như khí âm qua thì khí dương lại.
- 陰氣** *Ám-khí*, 113 — Khí âm ỉu, trời chiều lại thì khí âm nặng nề, hoặc chỗ chốn mờ cũng hay có khí âm ấy.
- 恩愛** *Ân-ái*, 2111-3092 3163 — Xem chữ ái-ân.
- 慇懃** *Ân-cần*, 423 714 1096 2417 2540 — Gắn bó, cần vận, cách nói năng ăn ở thân thiết.
- 恩怨** *Ân-oán*, 2294 2319-2419 — Ân là ơn, oán là điều thù oán, có ơn thì đền ơn, có thù thì trả thù.
- 恩情** *Ân-tình*, 2322 — Ân là ơn, tình là tình. — — là tình thương yêu rất thiết.
- 伯王** *Bá-vương*, 2448 — Bá là vua các nước chư-hầu, vương là vua các nước lớn.



- 薄惡** *Bạc-ác*, 2393 — Dữ tợn, ăn ở không nhơn từ, không trung hậu; hiểm độc.
- 薄妃** *Bạc-bà*, 2088-2383 — Bà họ Bạc, tên một mỹ trâm chứa gái.
- 泊顛** *Bạc-diên*, 1402 — Bạc là nhảy xuống nước trâm mình; diện là thất cổ tự-vân; đó là Thúc-sinh nói như không đoán tự được với nàng Kiều thời có thể liêu chết như vậy, không « tiếc mình làm chi » nữa.
- 薄倖** *Bạc-hạnh*, 2103 2383 — Tên một người cháu Bạc-bà, một bợm diêm.
- 薄命** *Bạc-mạnh*, 34 84 108 416-1906-2575-2578 — Bạc là mỏng, mạnh là số mạnh. — — là số mạnh mỏng-mảnh không được hưởng hậu phước. Trông câu 34 là tên khúc đờn của Thúy-kiều đặt ra tự thương người hồng nhan thường hay bị số phận long đong cực khổ.
- 薄生** *Bạc-sinh*, 2131 2938 — Gã họ Bạc cũng là chỉ tên Bạc-hạnh.
- 百戰** *Bách-chiến*, 2552 — Bách là trăm, chiến là đánh giặc. Thân — — là người đã ra tay đánh giặc trăm trận, người giỏi về nghề chinh chiến.
- 盤桓** *Bản-hoàn*, 711 1717-1760 2400 — Xần-vần, bản-thần, ý nói khó lời khó lui, trong lòng không biết làm thế nào. Lại có nghĩa (câu 2400) là lưu luyến chơi bời với nhau.
- 本師** *Bản-sư*, 2045 — Là thầy của mình. Đây là Kiều xưng ni Hằng-thủy.
- 包容** *Bao-dung*, 2195 — Bao là bao bọc, dung là dung thứ, — — là chỉ về người có lòng rộng rãi hay có lòng dung thứ kẻ dưới.
- 報恩** *Báo-ân*, 2323 2332 — Trả ơn lại, đền ơn lại.
- 報答** *Báo-đáp*, 1082 2322 — Đền ơn lại, đền công đức lại « Nồi nhà » (câu 1082) nghĩa là phải đền ơn cho cha mẹ.
- 報復** *Báo-phục*, 2309 2397 — Trả lại, nghĩa là ơn thì trả ơn, oán thì trả oán, thiện thời được phước, ác thời mang họa.
- 報讎** *Báo-thù*, 2352 — Trả thù lại, ai ở xấu với mình thì báo lại.
- 保領** *Bảo-lĩnh*, 1150 — Người làm chứng, người này nhận cho người kia, như người kia có lỗi thời bắt người ấy chịu. Mụ Tú-bà bắt Mã-kiều bảo lãnh nàng Thúy-kiều.
- 八仙** *Bát-tiên*, 2210 — Tám ông tiên: 1' Lữ-dộng-tân 呂洞賓, 2' Tào-quốc-câu 曹國舅, 3' Hà-tiên-cô 何仙姑, 4' Hàn-tướng-tử 韓湘子, 5' Lý thiết-quày 李鐵拐, 6' Chung-ly-muội 鍾離昧, 7' Lam-thái-hòa 藍采和, 8' Trương-quả-Lão 張果老. Người ta thường dùng tám vị tiên ấy thêu vào trường liễn, mừng mản v.v. Trong tám vị ấy chỉ Hà-tiên-cô là đàn bà.



**北京** *Bắc-kinh*, 2043 2890 — Kinh-dô của nước Tàu, tức là Yên-kinh 燕京.

**冰人** *Băng-nhân*, 621-2207 — Băng là già, nhân là người, — — là người làm mai hay là mối dung, muốn cưới vợ thì phải có mai-dung, theo sách Tấn-thơ 晉書 người Lệnh-hồ-Sách 令狐索 năm chiêm bao thấy mình đứng trên già (băng) nói chuyện với người đứng dưới già. Ông Sách-Trạm 策紈 bàn rằng: « trên già là dương, dưới già là âm, người đứng trên già, ấy là bên dương nói với bên âm, công việc của người làm mối dung. Cho nên người làm mối dung thường gọi là — —.

**冰雪** *Băng-tuyết*, 332 — Già và tuyết nói chất gì trong sạch như hai thứ ấy. « Thôi nhà — — là nói nhà thanh bạch, trong sạch không tiếng tăm gì.

**鵬便** *Băng-tiến*, 2230 — Băng là chim đại bàng, tiến là dễ, — — là nói vì người đi đường xa được nhịp thuận tiện như chim bàng mạnh và bay xa, một lượt bay đi đến 90.000 dặm.

**不平** *Bất-bình*, (bằng)-1464-1635-2296-2430 — không bằng lòng.

**不動** *Bất-động*, 844 1576 — Chẳng động đến. Câu 844 là không đụng đến việc trai gái; 1576 là không nói đến, khước mũi đến sự tình gì.

**不期** *Bất-kỳ*, 615-729 1757-2077 — Không có kỳ hẹn không biết trước, thỉnh linh bồng chốc.

**不義** *Bất-nghĩa*, 1186 — Không làm việc phải; bội-bạc.

**不仁** *Bất-nhân*, 967 — Không có nhân đức; ăn ở độc ác.

**不情** *Bất-tình*, 1511-1727 — Việc không ngờ đến, không nghĩ đến.

**不意** *Bất-ý*, 2515 — Nghĩa cũng như chữ bất tình.

**悲歡** *Bi-hoan*, 3140 — Bi là buồn, hoan là vui. Khi thì nói chuyện buồn, khi thì nói chuyện vui, có ý nói kể những việc vui, việc buồn lúc trước.

**皮鞭** *Bì-tiên*, 978 — Bì là da, tiên là roi; — — là cây roi da.

**彼嗇** *Bỉ-sắc*, 5 — Bỉ là kia, ~~thử là ấy~~, sắc là kém sút, phong là trời hơn. — — — là cái này thua sút người thì có cái khác trời hơn chúng, hay là được bề này thì mất bề kia.

**彼此** *Bỉ-thử-nhứt-thời*, 3051 — Bỉ là kia, thử là ấy, nhứt thời là một thuả. — — — là nói kia một buổi, ấy một buổi, gặp lúc nào thì tính theo lúc ấy.

**邊陲** *Biên-thùy*, 2447-2469 — Biên là bên, thùy là cõi; — — là một cõi đất ở một bên nước.

**邊庭** *Biên-đình*, 2166 — Nghĩa cũng như chữ biên-thùy.



- 辦白** *Biện-bạch*, 1391 — Biện là biện thuyết, bạch là trắng ; — — là nói sô sãng, rõ ràng, ra nói xả ra.
- 別離** *Biệt-ly*, 2799 — Cách biệt và phân ly nhau.
- 兵革** *Binh-cách*, 2542 — Binh là đồ binh khí như súng ống gươm giáo v. v. cách là đồ bằng da, như yên ngựa ; Con — — là chỉ khi có giặc giã.
- 兵刀** *Binh-đao*, 2493 — Binh là binh lính, đao là gươm đao, nói khi có giặc giã.
- 兵後** *Binh-hậu*, 2508 — Kéo binh theo sau.
- 兵威** *Binh-uy*, 2440 — Cái sức mạnh của quân, cái uy lực của việc binh.
- 萍蓬** *Bình-bồng*, 2937 — Bình là cây bèo, hay trôi theo nước, bông là cỏ bông hay xoay theo gió. Cây bèo và cỏ bông không có định ở chỗ nào, cho nên lấy mà ví với người xiên lạc nay đây mai đó.
- 平地** *Bình-địa* **波濤** *Ba-đào*, 3065 — Bình địa là đất bằng, ba đào là sóng mòi. — — — — là nói khi không có cơ gì mà gây ra việc dữ dội, ví như trên mặt đất bằng vẫn không có nước mà có sóng dấy lên.
- 平康** *Bình-khuong*, 1333 — Ở Trường an bên Tàu có xóm — — là phường gái thanh lâu ở. Cho nên nay dùng hai chữ — — để chỉ chỗ những nhà chứa gái.
- 平明** *Bình-minh*, 1917 — Khi trời mới mờ mờ sáng, khi tảng sáng.
- 平原** **君** *Bình-nguyên-quân*, 2192 — là ông Triệu-Thắng 趙勝 con vua nước Triệu đời Chiến quốc 戰國 ; tánh ông hiếu khách, trong nhà có khi khách đến vài ngàn người.
- 平成** *Bình-thành*, 2491 — Bình là làm cho bằng, thành là làm cho nên. — — là nói công đức vua sữa sang sắp đặt trong nước.
- 菩提** *Bồ-đề*, 2989 — Trong kinh Phật cắt nghĩa — — là giác ngộ (tỉnh biết). Cửa — — nghĩa là nhà chùa, của Phật.
- 蒲柳** *Bồ-liễu*, 746 2422 — Cỏ bồ và cây liễu, hai thứ cỏ cây yếu ớt thường nói mà ví đàn bà con gái chất yếu điệu.
- 蒲葵** *Bồ-quì*, 357 — Cây bồ-quì, dùng lá — — làm quạt, gọi là — — phiến cũng gọi là quì phiến, hoặc gọi là ba tiêu phiến. Đời Tấn có người tới thăm ông Ta Yên, ông Yên hỏi : « Đem theo đồ-vật những gì ? » Người ấy đáp : « Có quạt — — năm vạn bản, ông Yên mới dùng một bản hàng vừa, người ở kinh đua nhau đến mua rất nhiều (Tấn-thư).



**布荆** *Bổ-kinh*, 505-3104 — Bô là vải, kinh là gai. Nguyên chữ bổ quần kinh thoa 布裙荆釵 quần vải thoa cỏ là đồ của nàng Mạnh-quang vợ ông Lương hồng xưa thường dùng. Vì vậy nên dùng chữ — — để chỉ là vợ chính.

**步行** *Bộ-hành*, 46-3002 — Bộ là bước, hành là đi. — — là đi chân.

**徘徊** *Bồi-hồi*, 131-1862-2074 — Bôn chôn, hồi hóp, trong lòng không định ra thế nào.

**孛宮** *Bột-cung*, 1695 — Bột là tên một vị sao, cũng gọi là sao chổi, cung là mạnh cung. Theo số Tử vi 紫微 nói mạnh cung có sao Bột chiếu vào thì người ấy năm ấy phải mắc tai nạn.

**筆架** *Bút-giả*, 397 — Giã để viết.

**筆法** *Bút-pháp* 1987 — Phép viết, lối viết chữ. Trong chữ nho có 92 lối viết. — — đã tính là rành thạo trong các lối viết phép viết.

**歌吟** *Ca-ngâm*, 30 — Ca là hát, ngâm là ngâm ngợi, ca xướng,

**歌兒** *Ca-nhi*, 62 — Con bát, ả đào, cô đào.

**袈裟** *Ca-sa*, 1921 — Áo của thầy tu đạo phật, cũng có tên là thủy, diên. Xưa ông A-nan lên núi linh-trực thấy bờ ruộng Phước diên — mới chế ra áo ấy, bảy khổ chắp nối từng miếng với nhau.

**改任** *Cải-nhiệm*, 2949 — 2950 — Cải là đổi, nhiệm là chức nhiệm làm quan. Câu 2949 nói kim-trọng nguyên làm huyện Lâm tri đổi qua huyện Nam bình, còn câu 2950 nói chàng Vương — — Duy-dương thời chưa rõ nguyên Vương-quân làm huyện nào mà đổi sang huyện ấy?

**甘來** *Cam-lai*, 3210 — Cam là ngọt, lai là lại, — — là cái ngọt đã đến, nghĩa là đến lúc sướng, đến hồi đỡ.

**甘心** *Cam-tâm*, 1866 — Bằng lòng, đành lòng, thỏa dạ, làm việc gì được theo lòng muốn.

**干戈** *Can-qua*, 2941 — Đồng vác hay là mũi giáo gươm để đánh giặc. Đám — — là chỗ chiến trường đánh nhau.

**肝腸** *Can-trường*, 2188 — Can là gan, trường là ruột; — — là những điều chứa đựng trong lòng.

**庚帖** *Canh-thiếp*, 650 — Canh là niên-canh, thiếp là cái thiếp. — — là cái thiếp biên niên canh để so tuổi hai bên con trai con gái xem có hợp hay không, trước khi định hôn.

**皋亭** *Cao-đình*, 1500 — Núi cao đình ở tại tỉnh Chiết-giang phía đông bắc huyện Hàng, chính là một chỗ người ta thường qua lại nghỉ chân và làm chỗ tiễn-biệt nhau.

**高深** *Cao-thâm*, 3180 — Cao và sâu; nói công-đức cao như trời sâu như bể.



- 藁葬** *Cảo-tạng*, 2564 — Cảo là lão-thảo, tạng là chôn; — — là chôn sơ-sài, sau mới chôn kỹ lại.
- 葛藤** *Cát-đăng*, 902 — Cát là giấy, sắn, đăng là loài giấy bím-bím, cũng có một thứ giấy leo gọi riêng là ——. Thứ ấy chỉ nhờ cây lớn mới lên được, vì với người vợ bé, năng hầu, phải nhờ vợ cả, vợ chính mới yên thân.
- 葛藟** *Cát-lũy*, 1480 — cũng là một thứ giấy leo, dùng nói vì cũng như nghĩa chữ cát-đăng thích ở trên.
- 琴臺** *Cầm-dài*, 463 — Cầm là đàn cầm, dài là dài. — — là cái nhà của Tư mã-tương-như đời Hán làm ra để gảy đàn với Trác-văn-quân. Bây giờ dùng chữ — — để chỉ chỗ đánh đàn. Nổi tiếng — —, là có tiếng đàn giỏi.
- 琴堂** *Cầm-đường*, 2875 — Cầm là đàn cầm, đường là nhà, — — là chỗ phủ nha, huyện nha. Vì đời Xuân-thu ông Bát-tử-tiên gảy đàn mà trị ấp Thiệu-phủ, từ đó các nha huyện hay gọi là — —.
- 琴棋** *Cầm cờ*, (kỳ), 3110 — Cầm là đàn cầm, kỳ là cờ. Nguyên chữ là cầm-kỳ mà đây hiệp vần là cầm-cờ. Gảy đàn đánh cờ là nói về bầu bạn.
- 琴瑟** *Cầm-sắt*, 3110 — Cầm là đàn nguyệt, sắt là đàn tranh. Hai cái đàn ấy thường hay hòa với nhau vì như tình nghĩa vợ chồng điều hòa với nhau. — — là nói vợ chồng, cầm kỳ là bầu bạn.
- 琴書** *Cầm-thơ*, 3222 — Cầm là đàn, thơ là sách, nghĩa là bạn bè gảy đàn đọc sách cùng nhau.
- 及笄** *Cập-kê*, 36 — Cập là đến, kịp, tới nơi; kê là cái trâm; lễ đời xưa con gái đến mười lăm tuổi thì cài trâm, là gần đến lúc gả chồng.
- 求和** *Cầu-hòa*, 1376 — Cầu là xin, hòa là hòa; — — trong câu 1376 là cầu cho được hòa vốn, khỏi thua lỗ là được, không còn cái lỗ gì.
- 求佛** *Cầu-phật*, 3053 — Cầu khẩn phật, tìm cho thấy phật, đi tu.
- 求仙** *Cầu-tiên*, 3053 — Tìm tiên, theo tiên.
- 求親** *Cầu-thân*, 1440 — Tìm cách làm quen biết, làm thân thiết, kết làm vợ chồng.
- 孤寡** *Cô-quả*, 2148 — Cô là mồ côi, quả là góa chồng; ở câu 2118 nghĩa chữ cô là cô-lậu, quả là ít đức, Vua các nước hầu tự xưng là cô hoặc xưng là quả nhân (người ít đức) là cách nói khiêm. «Thiếu chi — —» nghĩa là Từ-Hải trong mấy năm trời nghiền-ngang một côi, khi thì tự xưng là cô (xưng bá) khi thì tự xưng là quả-nhân xưng vương, nỏ thiếu chi lần.
- 故鄉** *Cổ-hương*, 2255 — 480 — Làng cũ, làng của mình.
- 故人** *Cổ-nhân*, 1797 — 2330 — 2400 — Người bạn cũ, quen biết đã lâu.



- 故國** *Cổ-quốc*, 1788-2245 — Nước cũ, nước tổ-quốc, quê hương, xứ sở.
- 古錄** *Cổ-lục*, 8 — Sách xưa chép để lại.
- 古詩** *Cổ-thi*, 132 — Bài thơ làm theo lối xưa, hoặc thơ của người đời xưa để lại.
- 古樹** *Cổ-thụ*, 1915 — Cây xưa, cây đã lâu đời.
- 鼓吹** *Cổ-xùy*, 1467 — Cổ là đánh trống, gảy đờn, xùy là thổi ống quyển, sáo, v. v. — — nói chung lại là bát âm, tiếng nhạc.
- 棍挑** *Côn-quang*, 1624 — Đũa hung-dữ, đồ du-côn.
- 棍拳** *Côn-quyền*, 2170 — Côn là cái dùi, đờn bằng sắt, hay là bằng gỗ, để đánh người địch lại mình, quyền là đánh võ bằng tay.
- 功名** *Công-danh*, 2498-2687 — Công nghiệp và danh-tiếng của mình làm ra.
- 功德** *Công-đức*, 2491 — Công nghiệp và ơn đức giúp người ta.
- 公侯** *Công-hầu*, 2468 — Tước công và tước hầu. Có năm tước : — — bá tử nam 公侯伯子男.
- 公衙** *Công-nha*, 2595 — công là chung, nha là nha, thự ; — — là chỗ làm việc quan.
- 工夫** *Công-phu*, 1201 — Công làm khó nhọc.
- 工程** *Công-trình*, 699 — Cũng như chữ công-phu.
- 公私** *Công-tư*, 1379 — 2479 — Chung và riêng, nói cả việc quan và việc nhà.
- 骨格** *Cốt-cách*, 17 — Cốt là xương, cách là dáng-diệu. Mai — — là nói chị em nàng Kiều xương vóc thanh-mảnh như cây mai.
- 骨肉** *Cốt-nhục*, 599 — 1099 — Cốt là xương, nhục là thịt. Trong câu 599 nghĩa là tình cha con, anh em một máu một mủ. Câu 1099 thì nói là xương khô mà làm cho có thịt, nghĩa là chết mà cứu cho sống lại, ý Kiều nói muốn nhờ Sở-Khanh cứu cho.
- 機緣** *Cơ-duyên*, 2442 — 2973 — Cơ là then máy, duyên là cớ duyên ; — — là cơ hội tình duyên xui nên gặp gỡ.
- 基圖** *Cơ-dồ*, 2463 — Cơ là nền, đồ là công việc lo toan ; — — là cơ sở gầy dựng ra công việc gì.
- 機會** *Cơ-hội*, 2530 — Cái dịp, lúc có việc xảy ra.
- 劬勞** *Cù-lao*, 601 — Cù là siêng, lao là nhọc ; Đức — — là công đức cha mẹ chịu cực khổ sinh dưỡng mình.
- 樛木** *Cù-mộc*, 3238 — Cù là cong, mộc là cây ; — — là cây cong sả xuống, oằn xuống, cho nên dây bìm dây sắn mới leo được ; vì như vợ lớn ăn ở tử tế có lòng chở-che đùm-bọc cho tất cả mọi người trong một nhà.



- 供招** *Cung-chiêu*, 1150 — Cung là cung khai, chiêu là chiêu nhận hay là nhận lãnh; — — là tự ra chịu đoán chịu nhận lấy điều gì.
- 宮娥** *Cung-nga*, 2263 — Cung là cung, nga là gái đẹp; — — là các cô các chị hầu hạ trong cung phủ.
- 宮商** *Cung-thương*, 31-472 — Tiếng cung và tiếng thương là hai tiếng trong điệu nhạc. Nhạc có năm thứ tiếng: —, — gốc, chủ, vũ 宮商角徵羽.
- 九原** *Cửu-nguyên*, 3000 — Chín suối, người chết dưới đất gọi là người ở — —.
- 九泉** *Cửu-tuyền*, 1685 — Chín suối, cũng như nghĩa cửu-nguyên.
- 正名** *Chánh-danh*, 2356 — Thiết tên, dịch danh ra.
- 執經** *Chấp-kinh*, 3118 — Chấp là cầm, giữ, kinh là đạo thường; — — là giữ theo lối thường, theo bình thời.
- 珠玉** *Châu-ngọc*, 1316 — hạt châu và hạt ngọc là của quý báu tốt đẹp, thường dùng để ví văn thơ hay.
- 周全** *Châu-tuyền*, 2864 — Châu là châu chí, trọn vẹn, tuyền là hoàn toàn. — — là lo lường sắp đặt ở đầu vào đấy được châu chí và hoàn tuyền.
- 朱陳** *Châu-Trần*, 1458-2094-2866 — Họ Châu và họ Trần là tên hai họ ở một làng bên Tàu, làm suí gia với nhau đời này sang đời khác, cho nên khi nói việc vợ chồng thời dùng hai chữ ấy.
- 制科** *Chế-khoa*, 2859 — Khoa ứng chế, là khoa thi tự triều đình định ra để chọn nhơn tài, là một khoa đặc biệt, không theo mấy khoa lệ thường.
- 戰和** *Chiến-hòa*, 1373 — Một là đánh, một là hòa. — — sắp sẵn hai bài, nghĩa là dọa đi kiện Tú bà đi mua con nhà lương-thiện bắt làm đi ấy là chiến, còn hòa là như Tú bà thuận cho Kiều lấy Thúc-sinh thì trả liền lại cho.
- 戰場** *Chiến-trường*, 2556 — Chiến là đánh, trường là cái trường — — là chỗ đánh giặc, chỗ hai bên đánh nhau.
- 浙江** *Chiết-giang*, 2954 — Tên tỉnh bên Tàu.
- 招安** *Chiêu-an*, 2457 — Đồ cho yên. Lập kế đồ giặc hàng phục mình để cho khỏi đánh và yên dân.
- 招隱** *Chiêu-ẩn-am*, 2036 — Am Chiêu-ẩn, tên cái am trước cửa chùa của bà Giác-duyên ở tỉnh Giang-tô huyện Đơn-đồ.
- 招魂** *Chiêu-hồn*, 2967 — Chiêu là vờ, hồn là linh hồn. — — là kêu gọi hồn của người chết về.
- 招撫** *Chiêu-phủ*, (vũ) 2509 — Chiêu là vờ, phủ là vỗ; — — là vỗ dân cho yên ổn, vờ về ủy đồ, khiến phải qui phục với nhà nước.



- 招集** *Chiêu-tập*, 838 — Chiêu là vời về, tập là nhóm góp. — — là thâu góp lại, nhóm lại. Trong câu 838 thì nghĩa là lợp lại; sửa lại.
- 昭君** *Chiêu-quân*, 479 — Nàng Chiêu-quân, tên chữ là Vương-Tường 王嫱 đời nhà Hán 漢 có sắc đẹp đưa vào cung vua Hán Nguyên-Đế 元帝, sau vua lại gả cho mọi, khi đưa ra đến cửa ải, nàng có đờn khúc Quá-quan.
- 炤案** *Chiếu-án*, 1417 — Chiếu là chiếu theo, án là tội án; — — là cứ chiếu theo án tù mà xử tội.
- 炤名** *Chiếu-danh*, 2302 — Cứ trong sổ mà kêu tên mà bắt tù người.
- 征鞍** *Chinh-an*, 1521 — Chinh là đánh giặc, đánh thuế, lại có nghĩa là đi xa; an là yên ngựa. Đây chỉ cái yên ngựa của người đi đường xa, của Thúc-sinh.
- 整儀** *Chỉnh-nghĩ*, 2501 — Sửa soạn chỉnh đốn nghĩ về.
- 主張** *Chủ-trương*, 134 -1528 — Chủ là làm chủ, trương là khoách trương mở mang; — — là làm chủ coi ngó trong một việc gì hay là một sở nào.
- 終公** *Chung-công*, 653-1872 — Ông họ Chung, tên là Chung-sự, 終事 làm lại-mục huyện.
- 終老** *Chung-lão*, 2664 — Ông già họ Chung tức là Chung-công.
- 鐘期** *Chung-kỳ*, 464 — Người đời Chiến-quốc nghe đờn giỏi. Bá-nha 伯牙 đờn khúc Cao-sơn 高山, — — đứng ngoài nghe chuông rồi khen rằng: Ngọn-ngút như non cao; đờn khúc Lưu-thủy 流水 thì khen rằng: Cuồn cuồn như nước chảy.
- 鐘情** *Chung-tình*, 3090 3144 — Chung là nhóm, tình là ái-tình. — — là nhóm tình lại mà thương yêu một người nào.
- 終身** *Chung-thân*, 2416 — Chung là trọn, thân là mình người; — — là trọn cả đời, trôi một đời.
- 終天** *Chung-thiên*, 1832 — Chung là trọn, thiên là ngay trời; — — là thương tưởng cha mẹ trọn cả đời.
- 諸將** *Chư-tướng*, 2353 — Các quan tướng ở dưới quyền một ông đại-tướng hay là nguyên-soái.
- 證明** *Chứng-minh*, 2125 — Làm chứng tỏ rằng, biết cho; chứng giám cho.
- 章臺** *Chương-dài*, 1261 — Tên một con đường ở trong kinh-đô đời Hán, xưa Hán-Hoành 韓絳 có định hỏi người con gái họ Liễu 柳 làm vợ, sau Hoành đi làm việc quan xa, không cưới được nàng, có gởi một bài thư rằng; Chương-dài-liễu, Chương-dài-liễu, lịch nhật thanh thanh kim tại phủ, từng sử trường điều tợ cự thù, đã ứng phan chiết tha nhân thủ. 章臺柳章臺柳昔日青青今



在否縱使長條似舊垂也應攀折他人手. Cây liễu-Chương-dài, cây liễu-Chương-dài, hỏi thăm cành lá còn dài như xưa? vì bằng cành ấy còn lưa, ắt là đã bẻ chuyễn đưa tay người. Ý nói nàng ấy đầu còn sống thì cũng đã về tay người khác rồi.

**夜臺** *Dạ-đài*, 747-2788 — Dạ là ban đêm, đài là chỗ ở; — — là ở dưới huyết mã tối tăm, cũng như chữ âm-phủ.

**名家** *Danh-gia*, 1529 — Nhà có danh tiếng; nhà dòng.

**名價** *Danh-giá*, 1358 — Danh vọng và giá trị của người.

**名分** *Danh-phận*, 956 — Danh xưng và phận vị của người.

**名節** *Danh-tiết*, 3186 — Danh dự và tiết hạnh của người.

**遺骸** *Di-hải*, 1667 — Di là sót lại, hải là xương xác. — — là của xác người chết còn sót lại.

**遺形** *Di-hình*, 2564 — Hình là hình thể. — — là cái thân để lại, người chết xác để lại.

**移住** *Di-trú*, 1765 — Di là dời, trú là chỗ ở, ở đậu, ở trọ, ở ngụ. — — là dời chỗ ở.

**面獻** *Diện-hiến*, 2047 — Diện là mặt, hiến là dâng. — — là bày đồ vật dâng ra trước mặt.

**面前** *Diện-tiền*, 1897 — Trước mặt.

**遊學** *Du-học*, 277 — Du là chơi, học là học; — — là đi học xư xa, du-lịch để học hành.

**容光** *Dung-quang*, 409-3024 — Dung là cái dáng mặt, quang là bóng sáng, nói diện mạo con người.

**睢陽** *Duy-dương*, 2950 — Tên huyện bên Tàu thuộc tỉnh Chiết-giang. Vương-quan làm quan huyện ở đây.

**緣諧** *Duyên-hải*, 3091 — Duyên là căn duyên, hải là hòa; — — là duyên vợ chồng hòa thuận với nhau.

**陽和** *Dương-hòa*, 3199 — Dương là khí dương hay là mặt trời, hòa là ấm áp; nói khúc đờn vui giòn như khí trời buổi mai hòa hoãn.

**陽關** *Dương-quan*, 1502 — Là một cửa quan nước Tàu, ra ải phải đi qua cửa ấy, thường dùng nói chỗ xa xôi. Vương duy tổng biệt thi: Khuyển quân tu tận nhứt bôi tửu, tây xuất — — vô cô nhân 王維送別詩勸君須盡一杯酒西出陽關無故人 Thơ ông Vương-Duy đưa bạn: Khuyển người cạn chén rượu mời — — ra khỏi vắng người bạn xưa. Sau nhân đó mới đặt khúc — — tam điệp 陽關三疊 để tiễn biệt nhau.

**養生** *Dưỡng-sinh*, 228 — Dưỡng là nuôi, sinh là sinh; cha mẹ sinh dưỡng; — — là nói công đức cha mẹ.



- 多端** *Đa-đoan*, 715-2599 — Đa là nhiều, đoan là mối; — — là nhiều điều nhiều việc; việc quấy rối; việc xảy ra nhiều sự khó lường; việc không thể tính trước được, biết trước được.
- 多忙** *Đa-mang*, 351 — Mang là rối, ham muốn việc kia việc nọ; trong tổng cứ ham hồ.
- 拖刀** *Đà-dao*, 1161 — Miếng võ đánh hiểm: giả thua chạy để người ta đuổi theo rồi quảy đao lại chém. Trong sách Anh-hùng-phổ có chép Tào-Hồng dùng chước — — khảm hời: lừa quân giặc. Trong câu 1161 nghĩa là làm mẹo để lừa phỉnh.
- 臺營** *Đài-dinh*, 1885 — Đền đài dinh-thự của các bậc sang quý ở.
- 大營** *Đại-dinh*, 2270 — Chỗ đạo quán lớn. Tiếng chầu — — là tiếng trống nơi Nam-dinh chỗ Từ-Hải đóng quân.
- 大冠** *禮服* *Đại-quan-lễ-phục*, 2512 — Đội mũ lớn, mặc áo lễ, không mặc đồ chiến phục.
- 大軍** *Đại-quân*, 2925 — Đạo quân lớn, binh tướng đông.
- 大王** *Đại-vương*, 2919 — Vua lớn; tiếng lớn xưng các vị vương,
- 淡仙** *Đạm-tiên*, 62-229-2622-712-2729 — Nàng Đạm-Tiên, tên một người gái giang-hồ, có tiếng sắc đẹp ca hay đời xưa.
- 淡青** *Đạm-thanh*, 398 — Đạm là lợt, thanh là xanh, bức tranh vẽ chỗ lợt chỗ đậm, xanh.
- 壇場** *Đàn-trường*, 2968 — Đàn là cái nền đất đắp cao, trường là chỗ đất rộng trống. Lập — — là đắp đàn để làm lễ cúng.
- 檀越** *Đàn-việt*, 2064 — Đàn là bố thí cho kẻ nghèo, Việt là cứu vớt cho âm-hồn. Người — — là kẻ đi vắng cảnh chùa, kẻ hay bố thí cứu vớt.
- 當情** *Đàng-tình*, 2386 — Đàng là đúng, nhâm lẽ phải, tình là tội tình. — — là đáng tội phải chịu không cãi gì được.
- 桃李** *Đào-lý*, 1741 — Cây đào và cây lý, là hai thứ cây thường lấy mà ví với người.
- 桃源** *Đào-nguyên*, 192 — Nguồn trồng nhiều đào. Đời nhà Tấn, người xứ Vũ-lăng làm nghề đánh cá, đi theo khe, lạc đường, thoát thấy rừng đào cổ thơm tươi tốt, hoa rụng rải-rác, người đánh cá lấy làm lạ, cố đi mãi, thời thấy một hòn núi có hang, người ấy đi vào, thấy trong ấy có ruộng vườn nhà cửa, là chỗ người Tiên ở. Trong câu 192 ý Kiều hỏi nàng là người tiên, sao lại lạc lối đến đây.
- 道姑** *Đạo-cô*, 2651 — Đạo là đạo pháp, cô là cô; — — tức là bà đi tu, bà-vãi.
- 道人** *Đạo-nhân*, 1689 — Kẻ đi tu hành, thầy chùa, thầy pháp. Có khi cũng gọi là đạo-sĩ.



- 踏青** *Đạp-thanh*, 44 — Đạp là dậm-đạp, thanh là sắc xanh; — — là đạp cỏ xanh, tiết thanh-minh đi tảo mộ, bên Tàu gọi là hội — —.
- 得孝** *Đắc-hiếu*, 2484 — Đắc hiếu thảo với cha mẹ.
- 得忠** *Đắc-trung*, 2484 — Đắc lòng trung thành với vua.
- 特差** *Đặc-sai*, 453 — Đặc là riêng biệt, sai là sai-khiến. — — là được vua sai một mình có cách trọng thể riêng.
- 藤羅** *Đằng-la*, 1350 — Cây sắn, cây bìm, thứ dây leo ở các cây lớn, người — — là nàng hầu vợ lẽ.
- 提攜** *Đề-huê*, 137-278-532 — Đề là cầm, huê là dắt. — — là cầm xách dắt dìu đồ vật gì ở chỗ này qua chỗ kia.
- 地獄** *Địa-ngục*, 1706-1774 — Địa là đất, ngục là hình ngục; — — là ngục dưới âm-phủ, đối với thiên-đường, sách đạo Hưông nói ai có tội thời thác phải vào — —.
- 點名** *Điểm-danh*, 2318 — Điểm là đếm, danh là tên; — — là đếm từng tên.
- 點粧** *Điểm-trang*, 1336 — Điểm là tô điểm, trang là trang sức; — — là trau giồi sửa soạn cho đẹp thêm.
- 叮嚀** *Đinh-ninh*, 450-537-2789-2825 — Nói cặn kẽ gần vó.
- 定價** *Định-giá*, 2141 — Định là nhất định, giá là giá mua bán.
- 鼎鐘** *Đỉnh-chung*, 2938 — Đỉnh là cái vạc có ba chân, để nấu đồ ăn; chung là cái chuông để đánh ra hiệu trong bữa ăn. Nhà có — — là nhà sanh trọng, có bổng lộc lớn.
- 端正** *Đoan-chính*, 523 — Ngay thẳng chính đính.
- 端莊** *Đoan-trang*, 21 — Ngay thẳng nghiêm trang.
- 團圓** *Đoàn-viên*, 3060-3131 — Tròn trặn hay là sum họp hội hiệp với nhau.
- 斷腸** *Đoạn-trường*, 200, 209, 231, 818, 869, 996, 1270, 1324, 1860, 1943, 2622, 2654, 2666, 2676, 2721, 2722, 3212, — Đoạn là đứt, trường là ruột. — — là những điều làm cho đau đớn như làm cho phải đứt ruột (869); sổ — — (câu 200) là sổ biên tên những người hồng nhan bạc mệnh. Tập — — (câu 209) là tập thơ của nàng Châu thực chân 朱淑真 đời Tống 宋 làm ra.
- 荼蘼** *Đồ-mi*, 845-1092 — Tên một thứ hoa, cây nó cao bốn năm thước, rễ sinh nhiều chùm, cành và lá có gai, lá như lông chim và trên mặt có hơi nhẵn lại, đầu mùa hè nở hoa sắc trắng; theo sách Cách vật tổng-luận thời cây ấy gọi là — — 荼蘼 mà vì hoa nó sắc giống sắc rượu đồ mi 醪 醪 nên cây ấy cũng gọi là cây đồ mi 醪 醪. Cuối mùa xuân sang đầu mùa hạ, các hoa nở hết thời cây



ấy mới nở, nên trong Đàng-thì có câu « Khai đáo — — hoa sự liễu 開到酴醾花事了 » Nghĩa là nở đến hoa đồ-mi thời việc hoa đã xong. Các bản bằng chữ nôm in chữ « đồ 荼 » thiếu một nét ngang thời chữ ấy thành ra chữ « trà 茶 », nên ai cũng đọc quen là « trà », các bản bằng quốc ngữ đều dịch là « trà » cả. Tức như có bản chú thích viết chữ Hán thời chữ đồ-mi 酴醾 mà dịch quốc ngữ lại chữ « trà mi », ấy là một lỗi quen miệng quen tay chưa bỏ hẳn đi được. Lại xem tục nước mình hay tin nhảm, thường đến ngày tết viết tên hai vị thần dán nơi cửa để làm bùa trừ khử ma quỷ, nguyên tên hai vị ấy là Thần-đồ 神荼 và Uất-lũy 鬱壘 mà cũng vì chữ « đồ 荼 » thiếu nét ngang trên, thành ra chữ « trà 茶 », nên lại đọc là « Thần-trà, Uất lũy » thôi rõ biết nhiều tiếng mình thường dùng là bởi thói quen vậy.

**度生** *Độ-sinh*, 3055 — Cứu sống. Câu 3055 là được ở đó ăn nhờ mà sống qua ngày tháng.

**杜鵑** *Đỗ-quyên*, 3202 — Tên chim, cũng gọi là tử-quì 子規, thường kêu suốt đêm, tiếng thảm thiết. Xem chung chữ « Thục đế ».

**東鄰** *Đông-lân*, 175 — Đông là phía đông, lân là láng giềng. — — là láng giềng ở phía đông.

**同門** *Đồng-môn*, 2088 — Đồng là đồng, môn là cửa. — — là bạn học một thầy, làm một nghề.

**同心** *Đồng-tâm*, 555 — Đồng là đồng, tâm là lòng. — — là đồng một lòng với nhau.

**同聲** *Đồng-thanh*, 2260 — Đồng là đồng, thanh là tiếng. Trong câu 2260 nghĩa là đồng gọi lên một lần.

**銅雀** *Đồng-tước*, 156 — Tên một cái đài, trong ba cái đài của Vua Ngụy Văn-đế là Tào-Tháo làm ra để cho vợ hầu và các ca kỹ ở. Trong câu 156 là dịch ý câu thơ ông Đỗ mục: « — — xuân thậm tỏa nhị Kiều » nghĩa là « đài — — xuân sâu khóa hai nàng họ Kiều » Song đây nói « một nền — — » là vì nhà ông Viên ngoại, và « khóa xuân hai Kiều » là chỉ hai nàng Thúy-Kiều, Thúy Vân còn khóa buồng xuân để đợi ngày gả chồng.

**動容** *Động-dung*, 1830 — Động là động, dung là nét mặt; — — là đổi sắc mặt, đương vui trở ra buồn.

**動地** *Động-địa*, 2924 — Làm rầm đất; nói việc gì dữ dội làm cho kinh khủng.

**洞房** *Động-phòng*, 3135 — Động là sâu xa kín đáo, phòng là cái phòng; — — là cái phòng khi mới đưa dâu về, hai vợ chồng mới cưới vào phòng ấy cúng tơ hồng, giao bôi hiệp cấn.

**洞鎖** *Động-tỏa*, 285 — Động là cửa động, tỏa là khóa, nói khóa cửa lại nghĩa cũng như chữ « khóa động đào » trong câu 391.

**董戎** *Đồng-nhung*, 2454 — Đồng là coi sóc, nhung là việc quân; — — là coi việc quân cơ ở ngoài, đem binh đi đánh giặc.



- 堂堂** *Đường-đường*, 2169-2481 — Nghiêm trang có oai vọng.
- 家變** *Gia-biến*, 2779 — Trong nhà bị mắc việc tai nạn quái gở.
- 家庭** *Gia-đình*, 1463 — Gia là nhà, đình là sân trong; — — là chỉ những người trong một nhà.
- 家童** *Gia-đồng*, 530 — Đầy tớ trai trong nhà.
- 家堂** *Gia-đường*, 049-2147 — Bàn thờ ông bà trong nhà.
- 家鄉** *Gia-hương*, 1799 — Hương là làng, — — là quê nhà, làng xóm của mình.
- 家人** *Gia-nhân*, 1615 — Người nhà; cũng như đầy tớ.
- 家法** *Gia-pháp*, 1735 — Phép tắc riêng trong một nhà trong một họ.
- 家資** *Gia-tư*, 12 — Tư là cửa, tiền vốn; — — cũng như nghĩa gia-lai.
- 加刑** *Gia-hình*, 1119-1125-2388 — Làm tội, theo tội án mà làm phép hình phạt.
- 枷杠** *Gia-giang*, 579 — Gia là cái gông; — — là đóng gông vào cổ.
- 嘉靖** *Gia-tịnh*, 9 — Niên hiệu vua Thế tôn 世尊 đời Minh 明 bên Tàu (1522-1566).
- 加親** *Gia-thân*, 2866 — Gia là thêm, thân là thân; — — là làm cho thân thiết thêm ra.
- 家室** *Gia-thất*, 3091 — Gia là nhà, con gái ra khỏi nhà cha mẹ mà lấy chồng, thất là nhà, con trai lấy vợ mà làm nhà ở riêng. — — là vợ chồng.
- 覺緣** *Giác-duyên*, 2040-2067-2073-2305-2398-2417 2649-2651-2677-2691 2695-2709-2730-2974-3001-3007-3228 — Tên bà vãi tu ở am Chiêu an.
- 佳音** *Giai-âm*, 2884 — Giai là tốt, âm là tiếng tăm; — — là tin tốt, tin tức mừng.
- 佳人** *Giai-nhân*, 47 1457 — Người con gái đẹp.
- 解兵** *Giải-binh*, 2502 — Giải là cỗi, binh là việc binh; — — là thôi đánh.
- 邂逅** *Giải-cẫu*, 159, 419 — Tình cờ không hẹn mà gặp.
- 解結** *Giải-kiết*, 421 — Giải là cỗi, kiết là cổ kiết, nghĩa là hai người kết ước với nhau mà lại cỗi đi. Cổ thi 古詩 có câu: « Thương thiên nhược giải đồng tâm kiết; kim thạch vi minh ngã dữ quân 蒼天若解同心結金石爲盟我與君 Trời xanh dầu tháo giải đồng, đá vàng là vẫn một lòng với ai.
- 解冤** *Giải oan*, 5968 — Làm cho khỏi mắc điều oan uổng.
- 解煩** *Giải phiến*, 1834 — Làm khuấy điều phiền muộn, hết điều buồn bực.
- 解圍** *Giải-vi*, 1446 — Mở vây ra, hay là hòa giải việc gì; đây nói quan phủ hòa giải cho nàng Kiều.
- 艱屯** *Gian-truân*, 2476 — Khó khăn, cực khổ.





<https://www.facebook.com/thuchoisach>



- 江湖** *Giang-hồ*, 1595-1989-2173 — Sông và hồ. Thường dùng chỉ chỗ rộng rãi xa xôi.
- 江津** *Giang-tân*, 3005 — Giang là sông, tân là bến; dài — — là đường dọc theo lối bờ sông.
- 交拜** *Giao-bái*, 3133 — Giao là giao, bái là lạy; — — là hai bên lạy nhau. Khi hai vợ chồng làm lễ hiệp cấn, thì có — —.
- 交兵** *Giao-binh*, 2959 — Quân hai bên giao lại đánh nhau.
- 交歡** *Giao-hoan*, 3190 — Cùng vui với nhau.
- 甲兵** *Giáp-binh*, 225'-2259 — Áo giáp và đồ binh khí, nói chung lại là quân lính có khí giới.
- 霞衣** *Hà-y*, 2266 — Hà là cái rắng; — — là áo sắc đẹp rực rỡ như sắc rắng hồng trên trời.
- 下顧** *Hạ-cổ*, 197 — Hạ là kẻ dưới, cổ là đoái lại, xem lại. — — là ngó đến kẻ dưới. Cách nói khiêm, nói người bề trên có lòng cổ đoái đến mình.
- 賀功** *Hạ-công*, 2565-2589 — Hạ là mừng, công là công việc. «Tiệc» — — là tiệc mừng công đã thành.
- 下情** *Hạ-tình*, 605 — Tình kẻ dưới. Trong câu 605 nghĩa là chịu nhún nhường thấp xuống mà bày tỏ sự tình ra.
- 下辭** *Hạ-từ*, 691 — Hạ là thấp xuống, từ là lời nói. — — là kêu rêu lấy lời bày tỏ ra.
- 下賜** *Hạ-tử*, 198 — Cho kẻ dưới, lời nói khiêm, nói người vai trên có nghĩ đến mình mà cho cái gì đó. «Mấy lời — —» là nói Kiều làm bài thơ tặng cho Đạm-tiên lúc ở trên mã.
- 害人** **人害** *Hại-nhân-nhân-hại*, 2382 — Mình hại người ta, thì bị người ta hại mình lại.
- 海道** *Hải-đạo*, 1614 — Đường đi ngoài biển.
- 海棠** *Hải-đường*, 175-1283 — Tên thứ hoa có sắc đẹp thường vi với người đàn bà đẹp, có khi gọi là đoạn-trường hoa 斷腸花.
- 海濱** *Hải-tân*, 2450 — Bờ biển.
- 寒家** *Hàn-gia*, 195 — Nhà nghèo, nhà cực khổ. Trong câu 195 Đạm-Tiên chỉ má của nàng mà nói — —, cũng là lời nói khiêm.
- 寒暄** *Hàn-huyền*, 394-575-1569-1802 — Hàn là lạnh, huyền là ấm. Khi gặp nhau hỏi nhau có mạnh giỏi được thường không v.v. nói rộng ra thì những câu chuyện tâm-phúc của hai người nói với nhau lúc cách biệt nhau đã lâu mà mới gặp nhau lại, cũng gọi là — —.
- 寒食** *Hàn-thực*, 942 — là tiết — —, tiết ấy cách tiết Đông-chí một trăm sáu ngày. Nguyên ông Tấn-văn-Công 晉文公 đốt núi mà tìm người Giải-tử-Thôi, người ấy ôm gốc cây mà chết, ông Văn-Công lấy làm thương cảm, thường năm đến ngày kỵ Tử-thôi thời cấm lửa, gọi là tiết — — để kỷ-niệm cho Giải-tử-Thôi. «Đêm đêm — —» là đêm nào cũng ăn chơi như tiết Kỷ-niệm ấy.



- 寒微** *Hán-vi*, 2290 — Nghèo hèn, cực khổ.
- 漢楚戰場** *Hán-Sở-chiến-trường*, 473 — Hán là nhà Hán, Sở là nước Sở, Hán có vua Cao-tổ 高祖 tên là Lưu-Bang 劉邦, Sở có Hạng-Vũ 項羽 chống cự với nhau trong năm năm trời. Chiến-trường là chỗ đánh nhau.
- 杭州** *Hàng-châu*, 2957 — Thuộc về Chiết-giang bên Tàu, chỗ Từ-Hải đóng quân làm giặc.
- 降臣** *Hàng-thần*, 2466 — Hàng là xuống đầu, thần là người tôi; — — là giặc về đầu làm tôi vua.
- 行院** *Hàng-viện*, 2139 — Hàng là cửa hàng, viện là nhà; — — là nhà chứa gái, cũng như thanh-lâu.
- 行脚** *Hành-cước*, 2405 — Hành là đi, cước là gót. — — là đi bộ, Thầy tu đi học đạo gọi là — — lữ.
- 行雲** *Hành-vân*, 478 — Tên khúc đờn.
- 豪華** *Hào-hoa*, 152 — Hào (xem chung chữ thích chữ anh hào) hoa là tốt tươi. — — là người có tài giỏi.
- 恆水** *Hằng-thủy*, 2050 — Hiệu một bà vải tu ở Bắc-kinh.
- 厚待** *Hậu-đãi*, 2629 — Tiếp đãi tử tế.
- 厚情** *Hậu-tình*, 2050 — Tình nghĩa ăn ở hậu đãi.
- 候查** *Hậu-tra*, 2354 — Chờ chực hầu đợi để quan trên tra cứu.
- 獻俘** *Hiển-phù*, 2353 — Hiến là dâng lên, phù là người bị bắt. — — là dâng tù, dẫn tù ra, khi bắt sống được quân giặc đem về Triều dâng cũng gọi là — —.
- 顯見** *Hiển-hiện*, 129 — Hiện ra trước mắt, nói về quỷ thần hiện ra cho thấy.
- 顯靈** *Hiển-linh*, 118 — Hiện là rõ, linh là thiêng; — — là quỷ thần hiện ra linh thiêng cho người biết rõ.
- 合浦** *Hiệp-phố*, 300 — Tên một quận, quận ấy có hạt châu nhiều, dân lấy bán mà sanh nhai; một ông Thái-thú quận ấy lãnh tham bắt dân lấy hạt châu làm của mình, dân phải chết đói, hạt châu biến đi hết. Sau ông Mạnh-thường-Quân 孟嘗君 làm Thái-thú có nhân đức, trong một năm hạt châu lại trở về Hiệp-phố như lúc xưa. Kim-trọng nói thoa này đã bắt nhưng không biết — — ở đâu nghĩa là không biết của ai mà trả lại.
- 孝義** *Hiếu-nghĩa*, 2647, 2653 — Con thảo với cha mẹ, vợ chồng có nghĩa với nhau.
- 孝服** *Hiếu-phục*, 1831 — Đồ y phục để tang cho bố hoặc mẹ. Nước ta có năm bậc để chế, ngũ phục 五服: 1. Tam niên 三年 là chế ba năm. 2. Cơ niên 期 là chế một năm. 3. Đại công 大功 là chế chín tháng. 4. Tiểu công 小功 là chế năm tháng. 5. Tư-ma 緦麻 là chế ba tháng.



- 孝心** *Hiếu-tâm*, 2684 — Lòng hiếu thảo.
- 孝情** *Hiếu-tình*, 730 — Hiếu là lòng thảo với cha mẹ, tình (trong câu 730) là tình trai gái thương nhau.
- 孝子** *Hiếu-tử*, 1833 — Con có hiếu với cha mẹ.
- 孝重** *Hiếu-trọng*, 609 — Lòng hiếu thảo lắm.
- 好生** *Hiếu-sinh*, 1750 — Hiếu là muốn, sinh là sống; — — là lòng nhân đức muốn cho người ta sống.
- 形容** *Hình-dung*, 1060 — Thân hình và bộ dạng.
- 花魁** *Hoa-khôi*, 1279 — Hoa là bông, khôi là đầu, người con gái có tài sắc hơn cả trong chúng bạn, cũng như cái hoa tốt đẹp hơn các thứ kia. Xưa nàng Đỗ-thập-Nương có sắc đẹp như trong đời, người lúc bấy giờ gọi là — —. Đây là chỉ nàng Kiều đẹp.
- 花奴** *Hoa-nô*, 1743, 1849, 2344 — Tên thường gọi đầy tớ gái. Hoạn-thư đổi tên Thủy-kiều làm — —.
- 花月** *Hoa-nguyệt*, 1285 — Hoa là bông, nguyệt là trăng. Chuyện — — là chuyện phong-linh trai gái.
- 花冠** *Hoa-quan*, 2266 — Cái mũ có bông vàng chạm kết ở trên, mũ của các bà.
- 花婢** *Hoa-tỳ*, 1980-1994, — Tên gọi các đầy tớ gái.
- 化工** *Hóa-công*, 85 — Hóa là tạo-hóa, công là thợ; — — là thợ-trời. Tạo-hóa, 造化, Hóa-nhi, 化兒, khuôn-thiên, khuôn-xanh, con Tạo v. v. đều chỉ là ông Trời.
- 化兒** *Hóa-nhi*, 1129 — Nhi là con trẻ; — — là con tạo, cũng như chữ hóa-công.
- 火牌** *Hỏa-bài*, 2 69 — Hỏa là lửa, bài là cái bài; — — là cái thẻ ở trên có cột lửa vào, để đi đòi việc quan cho mau. Lúc xưa có việc gì gấp thì lấy lửa và lòng gà cột trên cái bài để đem đi mà bắt đòi cho mau.
- 還良** *Hoàn-lương*, 1378 — Hoàn là về, lương là lương thiện; — — là nói khi gái ở nhà thổ có người nào chịu mua cưới làm vợ hoặc làm hầu thì được phép xin trở về nhà như con gái nhà lương thiện.
- 宦娘** *Hoạn-nương*, 2 60 — Nàng họ Hoạn, tức là Hoạn-thư.
- 宦姐** *Hoạn-thư*, 1530-2 56-2363 — Cô họ Hoạn, vợ cả của Thúc-sinh.
- 黃昏** *Hoàng-hôn*, 1 68 — Hoàng là vàng, hôn là tối; — — là nói khi sắc trời đã vàng-vàng, sắp tối, lúc chạng-vạng, khi gần tối đất Châu-thục Chân thi: khắp bốn sông màu đục đoạn-trường, pha — — đảo lượn hôn hoàng. 朱淑真詩, 泣損雙眸欲斷腸, 怕黃昏到又昏黃. Câu thơ của Châu-thục-Chân: khóc mòn khóc mắt ruột đau, hôm nay chiều tối hôm sau tối chiều.



**黃梁** *Hoàng-lương*, 1715 — Hoàng là vàng, lương là hạt kê; — — là kê vàng. Thường dùng — — để chỉ giấc ngủ hay là giấc mộng. Ngày xưa người Lô-sinh thi hỏng mà chỉ ao ước làm quan cho sướng, không muốn làm việc gì cả. Một hôm đến chùa ông Lữ-tiên, ông đang ngồi nấu nồi kê, ông cho gà ấy mượn cái gối nằm nghỉ. Lô-sinh nằm thiêu-thiu ngủ, rồi chiêm bao thấy mình thi đỗ, bỏ đi làm quan huyện, phủ, rồi đến quan tỉnh; trong ba mươi năm làm đến chức tể-tướng, nhưng ông ta người ác, ăn của dân và làm nhiều điều tàn khốc sau dân kiện, vua trị tội, ruồng đất nhà cửa bị tịch hết, mà mình thì bị giam ngục cực khổ, khi ấy mới ăn năn thả chó thi đỗ và đứng làm quan thì còn sướng hơn; khi ấy thức giấc dậy, mới biết là nằm mộng, ông thấy chùa đang ngồi đó, nồi kê hầy chưa chín. Thầy chùa ngó anh ta mà cười và nói rằng: Anh đã thỏa chí chưa? Anh ta mới tỉnh ngộ lại, từ đó không dám mong việc làm quan nữa. Đức Tục-Đức có câu thơ rằng: «Giàu sang vừa chín một nồi kê» cũng là điển ấy.

**黃巢** *Hoàng-sào*, 2496 — Tên một người đời nhà Đường 唐, thi tiến sĩ không đỗ, theo Vương chi tiên 王之先 làm giặc, cướp phá quận huyện.

**恍惚** *Hoảng-hốt*, 589 — Sững-sốt, ngờ-ngẩn.

**胡公** *Hồ-công*, 2507-2513-2540-2563-2590 — Ông họ Hồ, tức là Hồ-tôn Hiến.

**胡琴** *Hồ-cầm*, 32 — Cây đàn tỳ-bà, « — — một trương » là một cây đàn tỳ bà.

**蝴蝶** *Hồ-điệp*, 3200 — Con bướm, xem chung chữ «Trang sinh».

**糊塗** *Hồ-đồ*, 2462 — Chưa được rõ ràng, còn lơ mơ.

**狐疑** *Hồ-nghi*, 3004 — Hồ là con cáo, nghi là ngờ, tánh con cáo hay nghi ngờ, người hay ngờ gọi là — —.

**胡尊** *憲 Hồ-tôn-Hiến*, 2452 — Họ Hồ, ông tôn-Hiến, làm quan Tổng đốc đời Minh.

**護喪** *Hộ-tang*, 534 — Giúp việc tang, việc đám ma.

**護身** *Hộ-thân*, 2025 — Giúp mình, đỡ mình.

**回裝** *Hồi-trang*, 1496 — Hồi là về, trang là đồ đạc; — — là sắm sửa đồ đạc đi trở về nhà.

**會主** *Hội-chủ*, 199 — Kẻ làm chủ trong một hội.

**會同** *Hội-đồng*, 2438 2566 — Nhóm họp chúng lại, nhiều người nhóm lại gọi là — —.

**會合** *之期 Hội-hiệp-chi-kỳ*, 2407 — Lúc gặp nhau được.

**會遇** *Hội-ngộ*, 376 601 — Hội là nhóm lại, ngộ là gặp-gỡ; — — là gặp, hội hiệp với nhau. «Duyên — —» là hai người trai gái gặp nhau



- 昏黃** *Hôn-hoàng*, 1268 — (xem chữ hoàng hôn).
- 紅葉** *Hồng-diệp*, 459 — Ngọn lá đỏ. Đời Đường 唐 ông Vu-hựu 于祐 lượm được một ngọn lá đỏ ở giữa dòng Ngự-câu 御溝, ông Hựu đề một bài thơ thả lại trên dòng Ngự-câu, người cung nữ là Hàn thị 韓氏 lượm được. Sau ông Hựu qua ở nhà ông Hàn vịnh 韓詠, nhân vua cho cung-nữ ra. Hàn-vịnh đem Hàn-thị gả cho ông Vu-hựu, hai người đều lấy lá đỏ ra xem, mới biết lá đỏ (hồng điệp) là mai dung; thơ người Vu-hựu có câu: Kim nhật kết thành loan phụng lữ; phương tri hồng điệp thị lương môi 今曰結成鸞鳳侶方知紅葉是良媒. Bây giờ loan phụng nên đôi, mới hay lá thắm là người mối dung.
- 紅梅** *Hồng-mai*, 1991 — Tên một thứ trà. Sách Loại-lâm chép rằng: Nước Tân-la 新羅 thuộc về châu An-độ 印度 có nhiều cây Hải-hồng 海紅 tước là trà trên núi, sắc đỏ lọt mà lá nhỏ thua lá trà tàu, nở hoa từ tháng chạp đến tháng hai, đồng một thời với hoa mai, nên gọi là trà mai; hay là — — .
- 紅顏** *Hồng-nhan*, 65 - 107 - 669 - 1194 - 1271 - 1764 - 1906 - 2361 - 2541 - 2660 - 2964 3101 Hồng là đỏ, nhan là mặt; — — là nhan sắc đẹp, chỉ người đàn bà con gái nhan sắc đẹp mà phần nhiều thì bị số phận rủi-ro.
- 洪鈞** *Hồng-quân*, 2157 — Hồng là lớn, quân là cái khuôn; — — là ông trời, cũng như chữ tạo-hóa.
- 紅裙** *Hồng-quần*, 35-2157-2587-2644 — Hồng là đỏ, quần là cái quần; — — là quần sắc-đỏ của con gái bên Tàu ngày xưa thường mặc. Hai chữ này thường dùng chỉ đàn bà con gái.
- 紅塵** *Hồng-trần*, 903 — Hồng là đỏ, trần là bụi. «Cõi — —» chỉ trong lúc đi đường.
- 蕙蘭** *Huệ-lan*, 1471 — Hoa huệ và hoa lan tên hai thứ hoa, thường sánh hai người nên đôi lứa, đây nói Kiều với Thúc-sinh sum họp.
- 凶險** *Hung-hiểm*, 2094 — Hung-dữ, hiểm-độc.
- 雄據** *Hùng-cử*, 2450 — Hùng là mạnh, cử là giữ; — — là chiếm giữ một nơi hiểm yếu.
- 縣城** *Huyện-thành*, 2444 — Các địa hạt của huyện và các chỗ thành trì.
- 虛空** *Hư-không*, 305-2091 — Không có có gì, tự-nhiên mà gây ra việc; trong câu 305 Kim-trọng nói tự-nhiên mà được Kim-thoa; trong câu 2091 Bạc-bà tự-nhiên đặt chuyện mà ép Kiều.
- 香案** *Hương-án*, 929 — Ghế đặt trước bàn thờ, thường để lư-hương, bộ ngũ-sự, bình bông, quả phả, kính dựng v. v.



- 香花** *Hương-hoa*, 1918 — Hương và bông hoa. Trong sáu giống cúng phật, hương hoa là hai giống.
- 香火** *Hương-hỏa*, 949 — Chỗ thờ tự, cũng có khi dùng về việc thờ ước. Tam sinh hương hỏa 三生香火 nghĩa là duyên nợ thế bồi đã ba kiếp với nhau, xem chung chú thích chữ lửa hương câu 382.
- 香閨** *Hương-khuê*, 1280 — Hương là thơm, khuê là buồng; — — là phòng buồng của đàn bà con gái ở.
- 鄉鄰** *Hương-lân*, 155 — Hương là làng, lân là hàng xóm.
- 鄉關** *Hương-quan*, 1266 — Quan là cửa ải, — — là chỗ quê hương. «Giắc — —» là lúc nằm ngủ mơ-màng nhớ làng, nhớ nhà.
- 香茶** *Hương-trà*, 1924 — Nhang-khói và nước trà.
- 享受** *Hưởng-thụ*, 2723 — Hưởng là hưởng, thụ là chịu, — —, là hưởng nhờ phúc lộc.
- 有才** *Hữu-tài*, 1904 — Người có tài giỏi.
- 有情** *Hữu-tình*, 127 243 2191 — Người có lòng, có cảm tình, hoặc lời nói có nghĩa lý vui hay.
- 稽康** *Kê-khương*, 477 — Tên người đời Tấn 晉 làm khúc đờn Quảng-lãng.
- 偈經** *Kệ-kinh*, 2055 — Kệ là câu kệ, cũng như câu chú, kinh là kinh.
- 堅貞** *Kiên-trinh*, 2893 — Kiên là bền, trinh là ngay; — — là giữ gìn tiết hạnh không sai chày.
- 健兒** *Kiến-nhi*, 1108 — Kiến là mạnh, nhi là trẻ trai.
- 翹兒** *Kiểu-nhi*, 1279-2777-2791 — Tức là Thúy-Kiều.
- 金環** *Kim-hoàn*, 2807 — Kim là vàng, hoàn là vòng tròn; — — là vòng vàng xuyên vàng.
- 金郎** *Kim-lang*, 755 — Chàng Kim, tức là Kim-trọng.
- 金馬** *Kim-mã*, 2870 — Tên cái cửa trước cung Vi-ương 未央 đời Hán danh giả của các quan Hàn-lâm 翰林 thường gọi là — —, vì các quan hàn lâm hay phải đợi chực nơi cửa — — môn 金馬門 để khi nào vua đòi vào chầu cho mau «— — ngọc đường» 金馬玉堂 nghĩa là làm quan có thanh giá sang trọng.
- 金門** *Kim-môn*, 410 — Cửa vàng, «phường — —» là những người sang trọng, có quyền thế.
- 金銀** *Kim-ngân*, — 2024 Kim là vàng, ngân là bạc, đồ bằng vàng bằng bạc.
- 金釵** *Kim-thoa*; 294-354 — vòng vàng.
- 金重** *Kim-trọng*, 2740 — Tên một người đất Liêu-dương 遼陽 tên



chữ là thiên lý 千里, vì hai chữ 千里 hiệp lại thành chữ 重 nguyên tinh nhân, sau làm bạn với Thúc-Kiều, cưới Thúc-vân làm vợ. Làm tri huyện Lâm tri, rồi cải nhiệm huyện Nam-bình.

驚駭

*Kinh-hải*, 2003 - Run - sợ mất hồn mất vía.

驚惶

*Kinh-hoàng*, 535 - Thất kinh, run sợ.

驚神

*Kinh-thần*, 1643 - Làm kinh sợ đến quỷ-thần.

驚天

*Kinh-thiên*, 2924 - Làm vang trời, rầm trời, dữ dội.

經綸

*Kinh-luân*, 2452 - Nói về việc làm tờ, kinh là chia mỗi tờ ra, luân là xe tờ lại; « — — gồm tài » là người có tài sửa sang sắp đặt việc trong nước.

鯨鱉

*Kinh-ngạc*, 2252 - Kinh là cá xà, cá mập, ngạc là cá sấu, — — là hai thứ cá rất dữ tợn, quân giặc dữ cũng như hai thứ cá ấy.

奇遇

*Kỳ-ngộ*, 260.-511 - Kỳ là lạ, ngộ là gặp; — — là gặp gỡ nhau một cách lạ lùng, thường chỉ về trai gái gặp nhau.

其心

*Kỳ-tâm*, 1276 - Tên chữ của Thúc-sinh.

記註

*Ký-chú*, 2789 - Ghi chép nhớ lấy.

客遊

*Khách-du*, 1275 - Khách là khách, du là chơi; — — là đi du-lich ở xứ khác, ở đất khách.

犒兵

*Khao-binh*, 2285 - Làm tiệc đãi quân lính.

刻期

*Khắc-kỳ*, 2508 - (Có khi đọc khắc cờ cho hiệp vần) định kỳ hẹn.

欽頒

*Khâm-ban*, 2948 - Khâm là kính, ban là ban phát; — — là kính trọng lệnh vua ban cho.

衾斂

*Khâm-liệm*, 1668 - Khâm là đồ mền để gói bọc người chết, liệm là để xác người chết vào hòm và đặt các đồ đại liệm tiêu liệm vào.

懇求

*Khẩn-cầu*, 1139 - Khẩn là khẩn thiết, cầu là cầu xin; — — là cầu xin kêu nài thiết lăm.

乞詞

*Khất-từ*, 654 - Khất là xin, từ là từ; — — là đơn nài xin việc gì

叩頭

*Khấu-đầu*, 2262-2364-3180 - Gục đầu xuống khi chào hay là khi lạy.

輕重

*Khinh-trọng*, 1878-2686 - Khinh là nhẹ, trọng là nặng; « điều — — » hay là « đường — — », cũng như nói điều phải trái hay là đường phải trái.

苦盡

*Khổ-tận*, 3210 - Khổ là đắng, tận là hết; — — là hết điều cay đắng, hết hồi cực khổ, hết buổi đen.

酷害

*Khốc-hại*, 598 - Khốc là độc, hại là hại; — — là làm hung dữ, độc ác.

哭鬼

*Khốc-quỷ*, 1642 - Khốc là khóc, quỷ là quỷ; — — là làm cách hung dữ cho đến quỷ cũng phải khóc.

閨闕

*Khuê-các*, 296 - Khuê là buồng, các là gác; — — là chỗ



buồng the, chỗ đàn bà con gái ở.

**犬鷹** *Khuyển-Ưng*, 1624-1707-1712 - Khuyển là loài chó, ưng là loài chim dữ; dùng để chỉ những loài hung-dữ.

**傾城** *Khuynh-thành*, 258-1301 - Khuynh là nghiêng, thành là thành, nói đàn bà có nhan sắc đẹp làm cho người ta mê theo phải nghiêng thành mất nước.

**來生** *Lai-sinh*, 2788 - Lai là lại, sinh là sống; --- là kiếp sinh đời sau, kiếp khác sống lại.

**吏部** *Lại-bộ*, 1530 - Bộ Lại, làm việc bổ quan thăng chức cho các quan bên văn giai.

**藍田** *Lam-diễn*, 3204 - Tên một hòn núi thuộc huyện ---, tỉnh Thiểm tây Tàu, núi sinh ngọc tốt. Câu 3204 dịch ý của câu thơ đời Đường: "--- nhật noãn ngọc sinh yên;" nghĩa là núi --- mặt trời ấm ngọc sinh hơi.

**藍橋** *Lam-kiều*, 266-643, Cầu Lam, tên một cái cầu bắc ngang sông Lam, ở huyện Lam diễn (xem chữ Lam-diễn). Cầu 266, là vì chỗ Kim và Thúc-Kiều gặp nhau với ---, bởi tích: Ngày xưa nàng Vân-Anh 雲英 gặp chàng Búi-Hàng 裴航 mua cho một bài thơ ý bảo đến --- thời có động tiên, sau quả nhiên hai người gặp nhau lại ở ---, mới cùng nhau kết làm vợ chồng và đều lên cõi tiên. Câu 643 nói: « Mua ngọc đến --- », là vì ở gần núi Lam-diễn có nhiều ngọc quý.

**攬翠** *Lãm-thúy*, 280 - Lãm là thu góp, thúy là sắc xanh, ở bên hiên mà xem thời như thu góp sắc hoa cỏ lại.

**蘭亭** *Lan-đình*, 1988 - Tên đất thuộc về tỉnh Chiết-giang bây giờ. Trên sông Lan chữ, có một cái đình, xưa ông Vương-hỷ-chi 王羲之 và mấy người bạn ngâm thơ ở đó, khi ông làm bài tự ---, ông viết chữ rất tốt truyền đến đời sau gọi là thiếp ---.

**郎君** *Lang-quân*, -2783 - Khi nói với người nào tử tế thì dùng hai chữ ấy nghĩa cũng như "ngài" hay là "ông", vợ gọi chồng cũng kêu là ---.

**領意** *Lãnh-ý*, 105 - Vâng theo lời dạy.

**臨清** *Lâm-thanh*, 6.6-2828-2881, - Tên huyện thuộc về tỉnh Sơn-dông. Chỗ Mã-giám-sinh và Tú-bà khai gian là quê quán mình.

**臨緇** *Lâm-tri*, 929-1278-1600-1613-1785-1791-2291-2300-2328-28.8-2873-2881-2906-2986 - Tên huyện thuộc về tỉnh Sơn-dông, chỗ Tú-bà và Mã-giám-sinh mở thành lâu. Mã-giám-sinh mua Kiều đem về đó; Kim-trọng sơ bỏ làm tri-huyện huyện ấy.

**鄰里** *Lân-lý*, 311 - Lân là xóm, lý là làng; --- là trong làng xóm ở gần nhau.

**憐恤** *Lân-tuất*, 592 - Lân là thương, tuất cũng là thương, --- là thấy người khổ-sở mà sinh lòng thương xót. Đây nói "điếc tai



— — " là nói nghe những lời kêu van mà giả ngo làm điếc, không thêm nghe, không có chút lòng gì thương xót. (Cầu chú thích 11 trương 47 sửa lại như đây thì đúng nghĩa hơn).

**樓臺** *Lâu-đài*, 1716 — Lâu là nhà có tầng, đài là nhà làm trên nền cao; — — là chỉ những chỗ sang trọng.

**禮儀** *Lễ-nghì*, 2510 — Lễ là lễ, nghi là phép; — — là lễ vật dâng ra có nghi vệ.

**禮心** *Lễ-tâm*, 692 — Lễ dàng có thành tâm.

**禮先** *Lễ-tiên*, 2508 — Tiên là trước, — — là lễ vật đem đi trước.

**禮物** *Lễ-vật*, 1687 — Vật là đồ vật; — — là đồ vật dâng cúng hay là đồ đem kính biểu cho người nào.

**令旨** *Lệnh-chỉ*, 2264 — Lệnh mạng hay là chiếu chỉ của vua.

**令箭** *Lệnh-tiến*, 2303-2306 — Tên cây cò, giữa lá cò có viết chữ « lệnh, » 令, và trên đầu cán có hình cái tên để làm hiệu lệnh sai phái về việc quân. Cò này có nghĩa chỉ là mệnh lệnh bề trên đi mau như tên.

**遼陽** *Liêu-dương*, 533-2742 — Tên đất, chỗ Kim-trọng ở.

**柳蒲** *Liễu-bồ*, 999-1752 — Cây liễu và cây bồ (xem chữ bồ-liễu)

**零丁** *Linh-đinh*, 2020-2607 — Trời-nổi, xiêu-lưu, bơ-vơ đất khách quê người, không có nơi nương tựa.

**靈床** *Linh-sàng*, 1674 — Linh là linh, sàng là giường. Giường thờ bàn thờ linh hồn.

**靈位** *Linh-vị*, 2975 — Vị là bài vị; — — là bài vị viết tên họ người chết để mà thờ cúng.

**鸞儀** *Loan-nghì*, 2265 — Loan là chim loan, nghi là đồ dùng; — — là màn thêu hình chim loan.

**鸞房** *Loan-phòng*, 1871 — Màn trướng thêu hình chim loan, buồng loan là chỗ vợ chồng nằm.

**亂軍** *Loạn-quân*, 2526 — Loạn là điên-đảo thứ tự khi quân đội chạy bầy lộn-xộn không có hàng ngũ gì nữa.

**雷霆** *Lôi-đỉnh*, 1421 — Lôi là tiếng sấm, đỉnh là cái sét; « Sấm — — » là chỗ hình phạt nghiêm dữ.

**陸程** *Lục-trình*, 1670 — Lục là đất khô, trình là đường. — — là đường đi bộ.

**旅殯** *Lữ-tấn*, 532 — Lữ là chỗ đất khách, chỗ lữ-thứ, tấn là khi người chết đương quan để hòm trên đất chưa chôn; — — là quan ở đất khách.

**略韜** *Lược-thao*, 2170 — Lược là mưu lược, thao là phép kín; — — là cơ trí dùng trong việc binh. Lược có 3: « Thượng



lược 上略, trung lược 中略, hạ lược 下略; Thao có 6: Văn thao 文韜, vũ thao 武韜, long-thao 龍韜, hổ-thao 虎韜, báo thao 豹韜, khuyển thao 犬韜.

**流落** *Lưu-lạc*, 1056-1989-2476-3019-3167 - Lưu là nước chảy trôi, lạc là rụng; -- là nói bị xiêu lạc như nước chảy hoa rụng, không biết về nơi nào.

**流離** *Lưu-ly*, 953-2641-2872-2917 - Ly là lia; -- là xiêu lia cũng như chữ lưu-lạc.

**流水** *Lưu-thủy*, 478 - Tên khúc đờn.

**戀主** *Luyến-chúa*, 480 - Luyến là mến, chúa là vua; -- là lòng quyến luyến thương nhớ vua.

**馬監** *Mã-giám-sinh*, 625-805-2385-2889 - Tên là Bất-Tấn (進 tên tục là Mã-quĩ, 馬歸 chung vốn với Tú-bà mở một tiệm Thanh-lâu ở Lâm-trí.

**馬嬌** *Mã-kiêu*, 1151-1156 - Nàng họ Mã, tên một người gái nhà mù Tú-bà; trong nguyên truyện Tú-bà cũng cải tên Thủy-Kiều làm -- vì mù ấy nguyên là họ Mã, nên những gái ở nhà mù đều cải làm họ ấy.

**馬生** *Mã-sinh*, 868 - Gã họ Mã, tức là Mã-giám-sinh.

**梅竹** *Mai-trúc*, 1679 - Xem chữ Trúc-mai.

**命婦** *Mạnh-phụ*, 2481 - Vợ các quan văn võ từ cửu-phẩm lên đến nhất-phẩm đều gọi là mạnh-phụ; vì có chữ sắc mạnh vua cho, như nhất-phẩm phu nhân, nhị-phẩm đoan nhân, tam-phẩm lĩnh nhân, tứ-phẩm cung nhân, ngũ-phẩm nghi nhân, lục-phẩm yên nhân, thất-phẩm nhu-nhân, bát-phẩm cần nhân, cửu-phẩm nhụ-nhân.

**牡丹** *Mẫu-đơn*, 1426 - Tên thứ hoa đẹp, cũng gọi là phú quý hoa thường dùng ví với con gái đẹp.

**廟堂** *Miếu-đường*, 2543 - Miếu là tôn miếu, đường là nhà minh-đường; nhà nước bề có việc đánh giết thì cáo nhà tôn-miếu mà trừ nghị tại minh-đường; nói rộng ra cũng như chữ triều đình.

**明白** *Minh-bạch*, 1691 - Rõ ràng.

**冥陽** *Minh-dương*, 2999 - Minh là mờ昧, âm phủ, dương là khí sáng, là dương gian.

**木枷** *Mộc-gia*, 1452 - Mộc là gỗ, già là gông, -- là cái gông bằng gỗ.

**門房** *Môn-phòng*, 1713 - Môn là cửa, phòng là buồng; -- là chỗ ở gần cửa và trước cái buồng.

**夢幻** *Mộng-huyễn*, 235 - Mộng là chiêm bao, huyền là huyền-hoặc -- là điều mộng mỵ huyền-hoặc không tin được.



- 夢兆** *Mộng-triệu*, 233 — Triệu là cái dấu tin cho biết trước, — — là lấy điều thấy trong khi nằm mộng mà đoán trước.
- 南平** *Nam-bình*, 2949 — Tên huyện thuộc tỉnh Phước-kiến 福建, Kim-trọng ở Lâm-tri đời qua huyện ấy.
- 南庭** *Nam-đình*, 2270 — Nam là phương nam, đình là triều-đình: — — là đình của Từ-Hải 徐海 đóng quân.
- 南樓** *Nam-lâu*, 778 — Lâu là lầu; — — là chỗ cửa thành về phía nam.
- 惱人** *Não-nhân*, 34 — Làm phiền não cho người.
- 納采** *Nạp-thái*, 651-857 — (Xem chữ sinh nghi).
- 寧家** *Ninh-gia*, 1498-1768 — Ninh là về thăm, gia là nhà; — — là con đã có vợ có chồng trở về nhà thăm cha mẹ.
- 內刀** *Nội-đao*, 2387 — Cái gươm để chém tù. Quân — — là quân lĩnh trận vũ chuyên về việc chém người có tội.
- 女兒** *Nữ-nhi*, 2220 — Nữ là con gái, nhi là trẻ con; — — là bọn trẻ, gái hay làm cách quyến-luyến người nhà không nỡ lìa nhau.
- 昂藏** *Ngang-tàng*, 2555 — Làm ngang làm dọc, không sợ hãi ai.
- 偶爾** *Ngẫu-nhĩ*, 323 — Tình cờ.
- 宜家** *Nghi-gia*, 224 — Nghi là nên, gia là nhà; — — là nói con gái về nhà chồng, nguyên lấy chữ trong thơ đạo-yên kinh Thi.
- 嚴堂** *Nghiêm-đường*, 1278 — Nghiêm là nghiêm, đường là nhà; — — là cha, cũng như chữ nghiêm-quân.
- 嚴訓** *Nghiêm-huấn*, 1393 — Huấn là lời dạy; — — là lời dạy của cha.
- 嚴軍** *Nghiêm-quân*, 2297 — Bày quân nghiêm-trang tề-chỉnh.
- 業緣** *Nghiệp-duyên*, 2680 — Nghiệp là việc làm, duyên là căn duyên; — — là căn duyên của việc làm thiện hay là ác.
- 迎婚** *Nghinh-hôn*, 822 — Nghinh là rước, hôn là người dâu; — — tức là lễ thân nghinh, (xem chữ sinh nghi).
- 外家** *Ngoại-gia*, 371 — Ngoại là ngoài, gia là nhà; — — là nhà họ về bên mẹ, như ông ngoại bà ngoại, hay là bà con với mẹ.
- 外鄉** *Ngoại-hương*, 574 — Hương là làng, là làng của mẹ.
- 外任** *Ngoại-nhiệm*, 2873 — Nhiệm là chức việc, — — là làm quan ở ngoài, ở các tỉnh.
- 玉佩** *Ngọc-bội*, 410 — Cái bài bằng ngọc; «sân — —» là nói người nhà quyền quý sang trọng.
- 玉堂** *Ngọc-đường*, 2870 — Tên cái thự của viện Hàn-lâm đời nhà Tống 宋 (xem chung chữ kim-mã).
- 吳牢** *Ngô-Lào*, 1363 — Ngô là nước Tàu, Lào là xứ Ai-lào.
- 吳越** *Ngô-Việt*, 275 — Tên hai nước bên Tàu, người hai nước ấy hay làm nghề thương mại.
- 遇變** *Ngộ-biến*, 600-3097 — Gặp điều tai biến, rủi ro, bị hoạn nạn.



- 寓情** *Ngụ-tình*, 1314 — Ngụ là gửi, tình là tình; — — là mượn cảnh vật bề ngoài để miêu-lả tâm tình của mình vào trong một bài văn, thi, v. v.
- 五音** *Ngũ-âm*, 31 — Năm tiếng trong điệu nhạc (xem chung chữ cung-thương)
- 五供** *Ngũ-cúng*, 1918 — Năm đồ lễ cúng phật; 1. Đồ hương 塗香 là hương nước; 2. Hoa man 花鬘 là bông tràng; 3. Thiêu hương 燒香 là hương xông; 4. Phan thực 飯食 là cơm; 5. Đăng-minh 燈明 là đèn.
- 五戒** *Ngũ-giới*, 1920 — Năm điều phải kiêng cử. Đạo phật có năm điều cử: 1. Giới-sát 戒殺 là không được giết loài sinh vật; 2. Giới-đạo 戒盜 là không được ăn trộm; 3. Giới-dâm 戒淫 là không được gian-dâm; 4. giới vọng ngôn 戒妄言 là không được nói bậy; 5. Giới ẩm tửu 戒飲酒 là không được uống rượu.
- 危險** *Nguy-hiểm*, 2259 — Hiểm nghèo khổ khăn.
- 原單** *Nguyên-đơn*, 1415 — Nguyên là nguyên, đơn là đơn. — — là cái đơn kiện của người tiên cáo.
- 原銀** *Nguyên-ngân*, 2208 — Ngân là bạc; — — là số bạc vốn nguyên trước.
- 源封** *Nguyên-phong*, 285 — Nguyên là nguồn, phong là niềm phong lại; — — trong câu 285 là ý nói cũng như trong câu (263) «cạn dòng là thắm» không thông tin tức gì được.
- 元宵** *Nguyên-tiêu*, 942 — Nguyên là đầu, tiêu là đêm; — — là đêm rằm tháng giêng. Đời Đường 唐 đến đêm ấy cửa Đại-nội mở suốt đêm, thiên hạ cầm đèn đuốc dạo chơi như ban ngày. «Ngày ngày — —» là nói ngày nào cũng vui như — —.
- 願約** *Nguyện-ước*, 1259 — Lời thề nguyện, hẹn hò với nhau.
- 月花** *Nguyệt-hoa*, 808-1285 — Trăng hoa, chỉ chuyện trai gái, chỗ phong-tình.
- 漁翁** *Ngư-ông*, 2705 — Ngư là chài cá, ông là ông; — — là kẻ đánh cá, người thuyền chài.
- 漁父** *Ngư-phủ*, 2699 — Phủ là ông; — — cũng như chữ ngư-ông.
- 凝碧** *Ngưng-bích*, 1033 — Ngưng là nhóm lại, bích là biếc. «Lầu — —» là lầu của Kiều ở.
- 衙役** *Nha-dịch*, 608 — Nha là nha môn, dịch là công việc; — — là người nha lại làm việc các chỗ công thự như ở huyện ở phủ v.v.
- 巖險** *Nham-hiểm*, 1816-1968 — Nham là nhiều đá lởm chởm, hiểm là sâu hiểm, nói về hòn núi hiểm hóc. — — là nói lòng người hay tráo trở, độc ác hiểm sâu độc địa.



**燕鴈** *Nhạn-yến*, 1478 — Tên hai thứ chim. Trong một năm, mùa thu thì nhạn đến, mùa xuân thì yến lại. «Đổi thay — —» nghĩa là đổi thay xuân thu, vừa giáp một năm.

**眼前** *Nhãn-tiền*, 1551 — Nhãn là con mắt, tiền là trước; — — là việc thấy liền trước con mắt. Hai chữ này thường chỉ thấy việc xấu, còn như việc tốt điều hay thì nói cập-kiến 及見 là thấy tợ con mắt.

**因緣** *Nhân-duyên*, 1927 — Nhân là nhân duyên, là cơ duyên, — — là nhân cái cơ hội mà có duyên gặp nhau, khác nghĩa chữ «quá kiếp — —» trong câu 201.

**人定** *Nhân-định-thắng-thiên*, 420 — Người định hơn trời, việc mình tự định lấy có khi cũng cãi được mệnh của trời.

**人間** *Nhân-gian*, 1706 — Gian là khoảng giữa; — — là khoảng người ta ở trong cõi đời, ở cõi trần.

**因果** *Nhân-quả*, 995-2985 — Nhân là hạt giống, quả là trái; hạt tốt thì sinh trái tốt, hạt xấu thì sinh trái xấu, cũng vì như phước hay họa cũng vì con người ở thiện hay là ác mà sinh ra. — — cũng như nói kiếp người, kiếp này với kiếp khác vẫn liên hệ với nhau.

**入家** *Nhập-gia*, 972 — Vào trong nhà.

**兒女** *Nhi-nữ*, 2176 — Con gái đương trẻ tuổi, cũng như nói con gái tơ.

**儒家** *Nho-gia*, 14 — Nho là học trò, — — là nhà có học hành, con nhà học trò.

**日月** *Nhật-nguyệt*, 906 — Mặt trời và mặt trăng. «Gương — —» là khi thề chỉ mặt trăng và mặt trời để làm chứng.

**冤家** *Oan-gia*, 1013-1693-2097 — Nhà bị oan trái lâu đời.

**冤氣** *Oan-khí*, 2535 — Khí oan ức.

**冤苦** *Oan-khổ*, 2641 — Oan ức cực khổ.

**冤酷** *Oan-khốc*, 661-1433 — Oan dữ, độc-địa, chịu điều oan ức.

**冤業** *Oan-nghiệp*, 1753 — Oan ức và nghiệp-chướng đời trước để lại.

**冤孽** *Oan-nghiệt*, 986 — Oan trái và ác nghiệt.

**冤債** *Oan-trái*, 2362 — Trái là nợ; — — là nợ oan-gia, vì trước có làm những điều oan uổng nên phải mắc điều oan nghiệt.

**鶯燕** *Oanh-yến*, 944 — Tên hai thứ chim, là những thứ chim con trống con mái bay cặp đậu cặp với nhau, thường dùng ví với vợ chồng, trai gái.

**汚名** *Ô-danh*, 854 — Ô là nhớp, — — là làm cho mang tiếng xấu hổ.



- 破家** *Phá-gia*, 2097 — Phá là làm cho hư hại làm hư gia bại sản. « Cửa — — » cũng như nói « con phá nhà ».
- 撲画** *Phác-họa*, 401 — Phác là mới vẽ ra, họa là vẽ; — — là nói bức tranh mới vẽ sơ qua, chưa sửa lại, trau lại.
- 犯徒** *Phạm-đồ*, 2354 — Kẻ phạm tội.
- 法寶** *Pháp-bảo*, 2046 — Pháp là nhà phật, bảo là đồ quý; — — là các đồ thờ của nhà chùa.
- 法名** *Pháp-danh*, 1922 — Pháp là đạo pháp, — — là tên đặt theo nhà phật. Khi vào tu đạo thì ông thầy đặt tên cho gọi là — —.
- 法師** *Pháp-sư*, 2984 — Tiếng gọi các thầy có tu một đạo nào đó, hoặc có tích nghề phù pháp.
- 法場** *Pháp-trường*, 2395 — Pháp là hình pháp; — — là chỗ chém tử.
- 發還** *Phát-hoàn*, 2408 — Phát là phát, hoàn là trả; — — là trả lại, trả của mắc lúc trước cho người chủ.
- 發洩** *Phát-tiết*, 415 — Phát là bày ra, tiết là lộ ra ngoài; — — là xuất hiện, bày ra ngoài.
- 品題** *Phẩm-đề*, 402 — Cần-nhắc, so-đo cái hay dở, cao thấp, tốt xấu v. v. Trong câu 402 Kim-trọng muốn Kiều đề một bài thơ đề phẩm bình cây tùng ra thế nào, cho bức tranh có giá trị thêm.
- 分岐** *Phân-kỷ*, 869 — Phân là chia, kỷ là chỗ con đường có nhiều ngã; « lúc — — » là khi biệt nhau mỗi người đi một ngã.
- 分明** *Phân-minh*, 2913 — Rõ-ràng.
- 佛臺** *Phật-đài*, 1639-3031 — Đài là cái nhà làm trên nền cao. — — là đền thờ phật.
- 佛堂** *Phật-đường*, 1919-3006 — Đường là nhà chính; — — là nhà yên vị các đức phật.
- 佛前** *Phật-tiền*, 1929-2024-2991 — Trước chỗ thờ phật.
- 飛符** *Phi-phù*, 1684 — Phi là bay, phù là giấy bùa; — — là vẽ bùa đốt bay đi.
- 非常** *Phi-thường*, 1485-2223 — Phi là chẳng phải, — — là không phải như thói thường. « Đa — — » là lòng gian-hiềm không dò biết được. « Mặt — — » là người xuất chúng, các người thường không bì được.
- 菲葑** *Phỉ-phong*, 332 — Tên hai thứ rau nhỏ-mọn tầm-thường. Đàn bà tự nói mình là chất — —, nghĩa là nói khiêm mình là hèn hạ, nguyên lấy chữ trong kinh Thi.
- 煩悶** *Phiền-muộn*, 2857 — Phiền là phiền, muộn là buồn bức rầu rĩ.



- 赴官** *Phò-quan*, 2952 — Phò là đi lời, — — là đi đến chỗ làm việc quan.
- 風波** *Phong-ba*, 1366-1470 — Gió sóng, nói về việc nguy hiểm như trong câu 1366; hung-dữ như trong câu 1470.
- 風景** *Phong-cảnh*, 54-565-2744 — Cảnh vật, cái hiện tượng bày ra trước mắt mình.
- 風雷** *Phong-lôi*, 1389 — Gió và sấm, thường dùng vì nói oát-nạt như gió dậy sấm vang.
- 風流** *Phong-lưu*, 35-3239 — Cách ăn-chơi, thông-thả sung-sướng.
- 風月** *Phong-nguyệt*, 396 — Phong là gió, nguyệt là trăng. — — là chuyện gió trăng, chuyện vui lúc gió mát trăng thanh.
- 風雅** *Phong-nhã*, 152 — Phong là quốc phong 國風, nhã là Đại nhã, tiểu-nhã 大雅 小雅 trong kinh Thi. Người — — là người văn-chương tài giỏi.
- 風霜** *Phong-sương*, 399 — Gió và sương, nói trong bức tranh cây tùng của Kim-trọng vẽ nét bút mạnh-mẽ, xem như thể cây tùng đứng giữa gió sương.
- 風情** *Phong-tình*, 8-806 — Sử — — (câu 8) chuyện trai gái, hoa nguyệt. « Đứa — — » (câu 806) người phóng đảng chơi bời.
- 風塵** *Phong-trần*, 986-1078-1192-1273-1761-2287-2445-2895-3243 — Gió và bụi, nói trong thế gian thiên hạ chịu những điều cực khổ như bị gió thổi bụi bay. « Dứt dây — — » nghĩa là chết. « Kiếp — — » là nói kiếp người cực khổ. Câu 2445 nói cơn gió bụi là chỉ đời rối loạn. « — — mãi một lưỡi gươm » nghĩa là Từ Hải mãi một lưỡi gươm mà làm cho thiên hạ rối loạn.
- 風韻** *Phong-vận*, 188 — Nói người thanh-tao, phong-nhã.
- 丰姿** *Phong-tư*, 151 — Phong là đẹp, tư là bộ dạng; — — là nói người có bộ dạng đẹp.
- 繁花** *Phồn-hoa*, 180 — Phồn là nhiều, rồi, hoa là phù hoa; — — là chỗ rộn ràng đông người và hay trang sức bề ngoài. « Đời — — » là đời người ăn chơi trau chuốt bề ngoài.
- 夫人** *Phu-nhân*, 1621-1770-2260-2316 — Bà vợ quan lớn từ nhì phẩm trở lên.
- 夫貴** *Phu-quí* *Phụ-vinh*, 2553 — Chồng sang vợ được vinh-hiến.
- 芙蓉** *Phù-dung*, 1160 — Tên thứ hoa đẹp; « Trường-hận ca » : — — như diện liễu như mi 芙蓉如面柳如眉. Trong bài ca Trường-hận có câu : « Mặt tươi như đoá — —, mày như lá liễu cong cong uốn chiều ». « Ngành — — » vì với đàn bà đẹp.
- 扶喪** *Phù-tang*, 2741 — Phù là giúp; — — là giúp việc đám ma.
- 富厚** *Phù-hậu*, 119 — Giàu có, phúc hậu.
- 富貴** *Phù-quí*, 3239 — Giàu sang.
- 負薄** *Phụ-bạc*, 2301 — Phụ là phụ-pháng, bạc là bạc ác; — — là ăn ở phụ ơn bạc nghĩa.



- 負情** *Phụ-tình*, 1159-1187 — Ăn ở bạc tình, bội bạc.
- 斧斤** *Phủ-cân*, 661 — Phủ là cái búa, cân là cái rìu, là những đồ xẻ gỗ, chặt cây, đây dùng nói về đồ hình phạt.
- 府堂** *Phủ-đường*, 1406-1437 — Quan Phủ hay là nha lý của phủ.
- 撫勸** *Phủ-tiêu*, 2454 — Phủ là dỗ, tiêu là trừ; — — là trừ giặc cho yên dân.
- 復書** *Phục-thơ*, 1086 — Phục là trả lại, thơ là thơ; — — là thơ trả lời lại.
- 鳳輦** *Phụng-liễn*, 2265 — Phụng là chim phụng, liễn là cái xe; — — là xe của đàn bà có vẽ hình chim phụng.
- 福禍** *Phước-họa*, 2655 — Phước là điều tốt, họa là tai vạ; Làm lành thì được phước, làm dữ thì phải mang họa.
- 福建** *Phước-kiến*, 2954 — Tên một tỉnh ở nước Tàu.
- 福祿** *Phước-lộc*, 3235 — Phước là nhiều điều tốt điều may như đồng con cháu, lộc là nhiều bổng lộc, làm quan.
- 方面** *Phương-diện*, 2591 — Phương là phương, diện là mặt. — — là kẻ thay mặt cho chính-phủ mà cai trị một phương, người có thể thống.
- 方便** *Phương-tiện*, 1750 — Phương là vừa phải, tiện là tiện dễ. — — là tùy việc tiện dễ. « Lối — — » là bàn điều phải trái.
- 方長** *Phương-trưởng*, 3011 — Phương là vừa, trưởng là lớn; — — là vừa lớn lên.
- 過年** *Quá-niên*, 627 — Đã qua năm, đây nói đã đúng tuổi. Hoa-tiên 花箋 có câu: Yêm trẻ thanh xuân niên quá niên 淹滯青春年過年 Lăn lăn tháng lun ngày qua, xuân xanh thấm thoát năm đã quá năm.
- 過關** *Quá-quan*, 479 — Quá là đi qua, quan là cửa ải. (Xem chú thích ở chữ Chiêu-quản.)
- 果規** *Quả-khiếp-nhân-duyên*, 201 — Quả là trái, nhân là hạt; — — — — là nói quả báo tốt hay xấu bởi cái cái nguyên nhân thiện hay ác. (Xem chữ nhân quả). Chữ « nhân duyên » trong câu 201 khác nghĩa với trong câu 1927.
- 果然** *Quả-nhiên*, 963 — Hẳn làm vậy, chắc chắn như thế, không sai.
- 觀音** *Quan-âm-các*, 1913 — Giác Quan-âm, tên cái chùa thờ đức phật Quan-âm.
- 官階** *Quan-giai*, 3236 — Giai là bậc, — — là các bậc trong quan chức văn và võ, văn-giai và võ-giai đều có chín phẩm từ nhứt đến cửu, mỗi phẩm có hai trật: chính và tưng.
- 官衙** *Quan-nha*, 3059 — Chỗ việc quan; công thự.
- 官軍** *Quan-quân*, 2523-2537 — Quân của triều-đình, quân của chính phủ, đối với « Tặc-quân, 賊軍 quân của giặc.



- 關河** *Quan-hà*, 1499 — Quan là cửa ải, hà là sông. « Chén — — » là chén rượu tiễn biệt người nào sắp lên đường đi xa, nghĩa là nói đi đường thì phải qua nhiều cửa ải và nhiều bến sông vậy.
- 關防** *Quan-phòng*, 1935 — Quan là gài đóng cái cửa, phòng là phòng giữ. — — là ngăn đón gìn giữ.
- 關山** *Quan-san*, 1520-1938-2874 — Đèo-ải núi-non, nói đi những chỗ xa xôi phải qua nhiều đèo ải và nhiều núi non, cũng đồng ý với chữ « quan hà »
- 關塞** *Quan-tái*, 1596 — Quan là cửa ải, tái là chỗ núi khe hiểm trở xa xôi, cũng đồng ý với những chữ « quan-san », « quan-hà »
- 管家** *Quản-gia*, 1747-2305 — Quản là coi giữ, hay là cai quản; — — là người cai quản lũ đầy tớ trong một nhà sang trọng.
- 管絃** *Quản-huyền*, 780 — Quản là ống quyền, sáo, tiêu, địch, huyền là các thứ dòn có dây, — — là chỉ chung âm nhạc.
- 廣陵** *Quảng-lăng*, 477 — Tên khúc đàn của ông Kê-khương 嵇康 (xem chữ kê-khương) làm ra.
- 軍令** *Quan-lệnh*, 2378 — Hiệu lệnh trong quân đội.
- 軍官** *Quân-quan*, 2566 — Quân lính và quan.
- 軍中** *Quảng-trung*, 2311-2437-2456 — Trong chỗ quân đóng.
- 君子** *Quân-tử*, 308-351-3182 — Người học hành đã thành đức, người hay, người chính đính.
- 桂槐** *Quế-hòa*, 3238 — Tên hai thứ cây. Đời Hán 漢 ông Đậu-vũ 鄧禹 ở Yên-sơn 燕山 có năm người con đều thi đỗ làm nên, đời bấy giờ gọi là « Yên-sơn ngũ quế » 燕山五桂 nghĩa là năm cây quế yên-sơn. Đời Tống 宋 ông Vương-Hựu 王祐 trồng ba cây hòa ở sân, con là Vương-Đán 王旦 làm đến chức Tam-công 三公, gọi là Vương thị tam hòa 王氏三槐. Vì vậy thường dùng chữ — — chỉ con cháu.
- 規料** *Qui-liệu*, 614 — Qui là sắp sửa, liệu là lo liệu; — — là sắp đặt thu xếp.
- 歸寧** *Qui-ninh*, 1606 — Qui là về, con gái ở nhà chồng trở về thăm cha mẹ mình.
- 歸佛** *Qui-phật*, 2044 — Qui là qui; — — là nương theo đạo Phật.
- 歸師** *Qui-sư*, 2044 — Sư là thầy tu, — — là nương theo đạo thầy tu tức là qui lảng. 歸僧
- 貴客** *Quý-khách*, 828 — Khách sang trọng tử tế.
- 鬼怪** *Quỷ-quái*, 2333 — Bọn ma quỷ, sự kỳ dị, việc quái gở phi thường.
- 鬼神** *Quỷ-thần*, 906 — Quỷ là nhân-quỷ, thần là thiên-thần, nói chung lại là ông bà thiêng liêng.
- 國家** *Quốc-gia*, 2591 — Nhà nước.



- 國色** *Quốc-sắc*, 163-825-2922 — Quốc là trong nước, sắc là sắc đẹp; — — là sắc tốt đẹp hơn cả trong một nước.
- 國士** *Quốc-sĩ*, 2427 — Sĩ là kẻ sĩ, — — là người tài giỏi trong nước.
- 捐生** *Quyên-sinh*, 858 — Quyên là bỏ, — — là liều chết, tự-vẫn.
- 決斷** *Quyết-đoán*, 1031 — Quyết là quả quyết, đoán là đoán định; — — là nhất định không cãi đi cãi lại gì nữa.
- 決計** *Quyết-kế*, 2507 — Kế là mưu kế, — — là định hẳn kế làm, không du dự gì nữa.
- 決情** *Quyết-tình*, 605-2596 — Quyết đoán nhất định trong lòng mình.
- 瓊漿** *Quỳnh-trương*, 453 — Quỳnh là một thứ ngọc, sương là vật có chất nước; — — là thứ rượu quý như nước ngọc, như rượu tiên.
- 差衙** *Sai-nha*, 576-597-1407 — Sai là sai khiến, nha là nha môn; — — là thông lại và lĩnh lệ của các phủ huyện sai đi làm việc gì.
- 山河** *San-hà*, 2412 — Núi và sông, hai chữ này hay dùng để chỉ đất nước.
- 山湖** *San-hồ*, 1915 — Núi và hồ, cảnh chơi non bộ.
- 山溪** *San-khe*, 533 — Núi và khe.
- 廳堂** *Sảnh-đường*, hay là « Sảnh-đàng », 1711-1718 — Sảnh là chỗ làm việc quan, đường là nhà chính; — — là chỗ nhà quan, chỗ công thự.
- 殺氣** *Sát-khí*, 2351-2524 — Sát là chém giết, — — là khí chém giết.
- 勅旨** *Sắc-chỉ*, 2948 — Sắc là tờ sắc, chỉ là lời chỉ; — — là tờ sắc chỉ lệnh vua ban xuống.
- 色才** *Sắc-tài*, 2640 — Nhan sắc và tài giỏi.
- 瑟琴** *Sắc-cầm*, 3178 — Tên hai cái đàn (xem chữ cầm-sắc).
- 參商** *Sâm-thương*, 2329 — Sâm là sao Khải-minh 啓明 sao mai, Thương là sao trường-can 長庚 sao hôm. Hai sao ấy cái này mọc thì cái kia lặn không bao giờ gặp nhau. Người xa cách không gặp nhau cũng thế.
- 愁慘** *Sầu-thảm*, 3208 — Buồn rầu, thảm thiết.
- 恥辱** *Sĩ-nhục*, 1274 — Hồ thẹn xấu hổ.
- 旌旗** *Sinh-kỳ*, 2314 — Sinh là cờ có ngũ lông ở trên đầu, kỳ là tên chung các thứ cờ.
- 生離** *Sinh-ly*, 780 — Sinh là sống, ly là lìa; — — là đương khi sống mà phải xa cách nhau.
- 生日** *Sinh-nhật*, 371 — Ngày đẻ, ngày sinh. Khi người đã chết rồi, thì ngày sinh gọi là ngày « đản » (nghĩa là ngày đẻ của người chết).
- 生疑** *Sinh-nghi*, 844-1113 — Sinh điều nghi ngờ.
- 生事** *Sinh-sự*, 861 — Gây việc, sinh ra nhiều việc.
- 生死** *Sinh-tử*, 3169 — Nguyên sống chết với nhau (xem chữ tử-sinh).



- 生成** *Sinh-thành*, 604-670 — Sinh là sinh đẻ, thành là nuôi cho thành thân. Ân — — là ơn cha mẹ.
- 聘倂** *Sinh-nghi*, 641-822 — Nói chung các lễ cưới. Đám cưới có sáu lễ: 1. Nạp thái 納采 là nạp lễ vật đã chọn được. 2. Vấn danh 問名 là hỏi tên tuổi người con gái. 3. Nạp cát 納吉 là bói được tốt rồi phục thờ lại. 4. Nạp trưng 納徵 là nạp của làm lễ cưới. 5. thỉnh-kỳ 請期 là xin dâu. 6. Thân-nghinh 親迎 là rước dâu.
- 雙披** *Song-phi*, 8312 — Song là hai, phi là mở; — — là mở ra hai hàng, trong câu này là lính đứng hai hàng ngang nhau.
- 雙雙** *Song-song*, 450-1118-1408-1468 — Hình dung hai người nói cùng nhau, hoặc đi đứng ngang nhau.
- 雙親** *Song-thân*, 852-2433 — Thân là nói chung cả cha mẹ; — — là hai cha mẹ, đây chỉ ông bà Viên-ngoại.
- 窓親** *Song-thân*, 454 — Song là cửa sổ, đồng ngôi nơi một cửa sổ, thân là thân thiết; — — là bạn đồng học một trường thân thiết với nhau.
- 楚卿** *Sở-khanh*, 1062-1094-1126-1158-1171-1177-2384 — Tên một người bọm điểm hay đi lừa gái.
- 所求** *Sở-cầu*, 2123 — Cái điều ước muốn, cái lòng muốn, cái người ta ưng muốn.
- 師兄** *Sư-huynh*, 2046-2052 — Sư là thầy, huynh là anh, đàn bà thời người đàn em cũng gọi người đàn chị là huynh; — — nghĩa là thầy bậc đàn anh, hàng chị, những người đồng đạo gọi nhau, đàn bà thường cũng gọi nhau là nữ-huynh 女兄.
- 師長** *Sư-trưởng*, 2040-2341 — Thầy cả, chỉ Giác-duyên.
- 獅子** *Sư-tử*, 1350 — Tên con thú dữ, tiếng gầm hét dữ tợn. Sách Nam-sử, vợ ông Trần-qui-thường 陳季常 là Liễu-thị 柳氏 tánh hay ghen, nhiều khi khách đến nhà nghe tiếng quát mắng chồng vang rầm dữ dội. Ông Đông-phá 東坡 làm một câu thơ bốn rằng: « Hốt kiến Hà-dông — — hống trụ trượng lạc thủ lâm mang nhiên, 忽見河東獅子吼拄杖落手必茫然 Thoát nghe — — tiếng gầm, lòng bèn kinh hãi tay cầm gậy rơi. Vì vậy người ta thường ví đàn bà hay ghen với con — —.
- 事緣** *Sự-duyên*, 1675 — Sự là công việc, duyên là căn duyên; — — là chuyện kể đầu đuôi gốc ngọn.
- 事情** *Sự-tình*, 73-1576-1746-2756 — Tình thiết của một việc, nghĩa cũng như chữ tâm sự.
- 邪淫** *Tà-dâm*, 2682 — Tà là xiên-xẹo, dâm là dâm-ô; — — là làm điều xiên-xẹo dâm-ô.
- 謝恩** *Tạ-ân*, 2421-2864 — Giả ơn.
- 謝辭** *Tạ-từ*, 2418-2820 — Tạ là tạ ơn, từ là từ giả; — — là tạ ơn từ giả ra đi.



- 作合** *Tác-hiệp*; 3063 — Tác là làm, hiệp là hiệp; — — là trời định đời lứa cho.
- 災難** *Tai-nạn*, 2739 — Tai hại hoạn-nạn.
- 才名** *Tài-danh*, 149 — Tài là tài giỏi, danh là tiếng khen; — — là tài là có tài giỏi và tiếng tốt.
- 才花** *Tài-hoa*, 115-416 — Tài tốt ngổ rục rờ ra ngoài.
- 才貌** *Tài-mạo*, 151 — Tài hoa và diện mạo.
- 才色** *Tài-sắc*, 24-63-985-2891 — (Xem chữ sắc tài)
- 才情** *Tài-tình*, 2154 — Đã có tài giỏi lại có cảm tình.
- 才子** *Tài-tử*, 47-1457 — Người con trai có tài hoa.
- 再生** *Tài-sinh*, 707-3032 Tài là lần thứ hai; — — là sinh lại kiếp khác.
- 再世** *Tái-thế*, 3039 — Đời người thứ hai, cũng như chữ tái sinh.
- 三彭** *Tam-bành*, 962 — Ba vị thần họ Bành. Theo sách Tuyên thất chí 宣室志 ba vị thần ấy là Bành-Cư 彭倨 Bành-Kiều 彭矯 và Bành-chất 彭質. Những thần ấy ở trong mình người hay xui người ta làm điều bậy, đến ngày Canh-thân 庚申 lên trời tâu tội người đó cho người mau chết, cho khỏi phần canh giữ. Khi người nào nổi cơn nóng-giận thì nói là nổi — —, vì ba thần ấy xui dục làm điều hung dữ.
- 三島** *Tam-đảo*, 1685 — Ba hòn cù-lao, chỗ tiên ở, tức là Bồng-lai 蓬萊, Phương-trượng 方丈 và Dĩnh-châu 瀛洲.
- 三合** *Tam-hợp*, (hiệp) 2406-1651-2706 — Tên một bà vãi tu đặc đạo.
- 三皈** *Tam-quí*, 1920 — Ba chỗ qui y: qui y Phật, qui y pháp, qui y tăng.
- 暫領** *Tạm-lãnh*, 654 — Tạm là tạm thời, lãnh là nhận lãnh; — — là lãnh đỡ về.
- 喪齋** *Tang-trai*, 1668 — Tang là làm đám ma, trai là làm đám chay.
- 姓名** *Tánh-danh*, 2916 — Họ và tên.
- 性情** *Tánh-tình*, 184 — Tánh là cái tánh của trời phú cho, tình là cái tình của người ta có sẵn. « Ngu trong — — » nghĩa là nhân cầu vãn mà gởi ngổ cái — — của mình.
- 糟糠** *Tào-khương*, 1480 — Tăm cám. Vợ — — là vợ lấy lúc hàn vi, nghèo cực; « lạt tình — — » là ăn ở lạt-lẽo với vợ chính.
- 掃墓** *Tảo-mộ*, 44 — Giấy mả, chạp mả, con cháu đến thăm mồ mả ông bà cha mẹ mà giấy cổ đi gọi là — —.
- 心香** *Tâm-hương*, 1930 — Tâm là lòng, hương là nhang, « đem nôi — — » là tối lại đốt lò hương mà lòng chú-niệm vào đó.
- 心事** *Tâm sự*, 2754 — Cái việc trong lòng mình.
- 心神** *Tâm thần*, 101 — Trong lòng, trí não.
- 心腹** *Tâm phúc*, 2179-2219-3183 — Lòng da, ruột rà, Thân nhau tin nhau, cũng nói là — —.



- 心盟** *Tâm-minh*, 2124 — Minh là thề nguyên; — — là lấy tâm-phúc mà thề nguyên với nhau.
- 尋拿** *Tầm-nã*, 2302 — Tìm mà bắt.
- 進功** *Tấn-công*, 1556 — Dâng công, kiếm việc để lập công.
- 晉陽** *Tấn-dương*, 2196 — Tên đất, Vua Cao-tổ 高祖 nhà Đường 唐 từ đất — — lên ngôi làm vua. Người Tôn-phục-già 孫復伽 tâu với Đường chúa rằng: Bệ hạ lên ngôi vua như rồng bay ở — —, xa gần ai nấy đều theo cả. Câu 2196 Kiều nói Từ-công có thể làm được như ông Cao-tổ đời Đường.
- 襲攻** *Tập-công*, 2508 — Tập là rình lên, công là đánh; — — là lên đánh rình, phục binh mà đánh quân giặc.
- 漆膠** *Tất-giao*, 359 — Sơn và keo, thề-thốt chắc-chắn như keo sơn gắn chặt.
- 西阡** *Tây-thiên*, 195 — Tây là phía tây, thiên là con đường trong cồn mỏ, — — là đường đi trong cồn mỏ ở phía tây. « Mé — — » là nói má Đạm-tiên ở một bên mé đường trong cồn-mỏ, câu ấy chiếu với câu 57 « nắm đất bên đường ».
- 洗冤** *Tây-oan*, 2438 — Tây là rửa; — — là làm lễ rửa oan, giải điều oan ức.
- 洗塵** *Tây-trần*, 1571-1834 — Rửa bụi, tục Tàu khách ở xa mới về uống rượu mừng gọi là chén rượu — —, nghĩa là rửa sạch bụi trong lúc đi đường.
- 齊整** *Tề-chỉnh*, 2313 — Tề là bày, chỉnh là chỉnh; — — là tiêm tất hẳn hoi.
- 濟渡** *Tế-độ*, 1080 — Tế là đưa qua sông, độ là đưa lên bờ; « Tay — — » là ra sức cứu vớt cho.
- 細軟** *Tế-nhuyễn*, 583 — Tế là nhỏ, nhuyễn là mềm; « đồ — — » là đồ nhỏ mịn, đồ vật trong nhà.
- 昔越** *Tích-việt*, 1088-1183 — Trong giấy Sở-khanh đưa cho nàng Kiều chỉ có hai chữ; — —, chiết ra từng nét thời chữ Tích 昔 là 𠂔 — 𠂔 chữ việt 越 là 走 戌 nghĩa là nhị thập nhứt nhứt tuất thời tàu 二十一日戌辰走 đến ngày hai mươi một giờ tuất thì ra đi.
- 先嚴** *Tiên-nghiêm*, 2317 — Tiên là trước, nghiêm là nghiêm; — — hay là sơ nghiêm 初嚴 là hồi trống đánh đầu hết, khi quan sắp ra khách, hoặc khi quan tấn trường, hoặc khi mới xuất quân. Hồi trống thứ nhì gọi là « thứ nghiêm » 次嚴, thứ ba gọi là « tam nghiêm » 三嚴.
- 先鋒** *Tiên-phong*, 2509 — Phong là mũi nhọn; — — là đạo quân đi trước.
- 先師** *Tiên-sư*, 932 — Ông tổ bày đầu tiên ra một nghề nghiệp gì, cho nên nghề nào cũng có thờ ông — — nghề ấy.
- 先知** *Tiên-tri*, 2406-2413 — Biết trước.
- 前定** *Tiền-định*, 2409-2413 — Định trước.



- 錢塘** *Tiền-đường*, 1000-2620-2692-2696-2964-2986 — Tên con sông về địa phận phủ Thiệu-hưng 紹興 chỗ nàng Kiều trăm mình.
- 前路** *Tiền-lộ*, 2269 — Trước đường, đi phía trước.
- 前冤** *Tiền-oan*, 1765 — Oan nghiệt đời trước để lại.
- 便宜** *Tiền-nghì*, 2454 — Tiền dễ vừa phải; việc tiện lợi, tùy tiện mà làm không phải theo pháp luật nhất định.
- 賤技** *Tiền-ky*, 465 — Tiền là hèn, ky là nghề; — — là nghề hèn mọn.
- 賤土** *Tiền-thổ*, 2561 — Tiền là hèn, thổ là đất; — — là chỗ đất hèn hạ, xấu xa.
- 餞行** *Tiến-hành*, 872 — Tiến là đưa chân, hành là đi. Khi sắp đi đường xa thì cùng thân Tổ-đạo 祖道 rồi làm tiệc rượu đưa nhau gọi là tống tiễn hay tã — —.
- 接使** *Tiếp-sứ*, 2501 — Nghinh tiếp kẻ sứ giả.
- 逍遙** *Tiểu-đạo*, 2876 — Thông-thả, phóng túng.
- 消耗** *Tiểu-hao*, 1489-2927 — Tin-tức, tâm-hiền.
- 蕭騷** *Tiểu-tao*, 491 — Buồn bã, tiếng nghe buồn bực thảm thiết.
- 小嬌** *Tiểu-kiều*, 187 — Tiểu là nhỏ, Kiều là gái non đẹp; — — là người con gái còn non nhỏ độ 15, 17 tuổi.
- 小溪** *Tiểu-khe*, 53-Cái khe nhỏ.
- 小憐** *Tiểu-lân*, 2586 — Tên bà vợ vua Bắc-tề Hậu-chúa 北齊後主 gả đồn tỳ bà giỏi. Hậu chúa bị hại, Châu-võ-đế bắt — — đem gả cho ông Đại-vương Đai. 代王達 Nhân khi đồn đứt dây, bà — — làm một bài thơ để tỏ ý mình không muốn nhân tình gì với Đại-vương nữa. Thơ rằng: Thiết thừa kim nhật sủng, do ức cựu thời duyên, dục tri tâm đoạn tuyệt, ưng khán tất thương huyền 竊承今日寵, 猶憶舊辰緣 欲知心斷絕 應看膝上絃 Hôm nay tuy được yêu đương, nhân duyên còn tưởng mọi đường ngày xưa, muốn hay lòng thiết thờ-ơ, hãy xem trên gối đường tơ đứt này. Trong câu 2586 ý Kiều nói không muốn nhân-tình với ai nữa.
- 小星** *Tiểu-tinh*, 951 — Vợ lẽ, nàng hầu, nói vợ mọn như cái sao nhỏ.
- 小禪** *Tiểu-thuyền*, 2043 — Thuyền là thầy chùa; — — là thầy tu nhỏ, các đạo chúng, lời thầy tu bà yải nói khiêm.
- 小姐** *Tiểu-thư*, 1557-1582-1598-1768-1771-1781-1801-1829-1843-1847-1859-1866-1886-1889-1897-1909-1940-1982-2358 — Thư là nàng hay là cô; — — là tiếng để xưng các cô con gái hoặc đàn bà đương trẻ tuổi.
- 精英** *Tinh-anh*, 116 — Tinh là rỗng, anh là đẹp; — — là cái tốt nhất, quý nhất trong vật gì. Đây nói phần hồn, tánh linh thiêng-liêng của con người; đối với thể-phách là phần xác.
- 精兵** *Tinh-binh*, 2221-2905 — Binh-lính rỗng là những người mạnh giỏi.



- 精魔** *Tinh-ma*; 1812-2333-2393 — Tinh yêu ma quỷ, vi với người độc ác sâu hiểm.
- 精誠** *Tinh-thành*, 126 — Cái lòng thành của người đối với tinh-anh của quỷ thần mà cảm cách.
- 精神** *Tinh-thần*, 17 — Thần sắc của con người «Tuyệt — —» là nói chị em nàng Kiều thần sắc trong suốt như tuyết.
- 星期** *Tinh-kỳ*, 695 — Tinh là sao, kỳ là kỳ; — — là lúc đi rước dâu, Hôn giả kiến tinh nhi hành 昏者見星而行. Đám cưới đợi trời tối có sao mới đi. Tục nước ta thường đám cưới có cặp lồng đèn đi trước cũng từ điển ấy.
- 精衛** *Tinh-vệ*, 2972 — Tên con chim. Xưa con gái vua Viêm-đế 炎帝 chết ở bể Đông-hải 東海 hóa làm chim — — ngâm đá lấp lấp bể.
- 情愛** *Tinh-ái*, 2682 — Tình thương yêu.
- 情鍾** *Tinh-chung*, 792-2802 — Chung là nhóm lại. Nói chỉ thương yêu một người nào đó thôi, không xao lãng thương qua người khác.
- 情緣** *Tinh-duyên*, 3139 — Ân-tình, duyên-nợ.
- 情人** *Tinh-nhân*, 3143 — Người có tình với mình.
- 情君** *Tinh-quân*, 751 — Quân là người; — — là lời người đàn bà xưng hô người đàn ông có tình với mình.
- 情癡** *Tinh-si*, 339 — Si là khờ ngầy; là say mê vì tình mà hóa ra dại.
- 情深** *Tinh-thâm*, 609-2683-2971-3014 — Có tình thương yêu mặn mà thâm thía, nhất là chỉ về tình cha con.
- 情狀** *Tinh-trạng*, 1415 — Trạng là sự trạng; — — là tình lý và sự thiệt trong một việc gì, trong lời đơn kiện; chữ trạng cũng có nghĩa là cái đơn kiện.
- 淨壇** *Tịnh-đàn*, 1689 — Tịnh là sạch. — — là cái đàn đắp lên cao ráo sạch sẽ; cho bàn thờ.
- 素娥** *Tổ-nga*, 15 — Tổ là trắng, nga là gái đẹp; — — nghĩa là người con gái đẹp.
- 摧殘** *Tồi-tàn*, 592 — Tồi là bể gãy, tàn là phá nát; — — là làm cách tàn ác hung dữ «Phủ tay — —» là thàng tay độc ác, làm độc ác mà không gớm tay.
- 罪業** *Tội-nghiệp*, 2681 — Tội-lệ nghiệp-chướng.
- 宗堂** *Tông-đường*, 1952 — Tông là tổ tông, — — là nhà thờ ông bà tổ tiên.
- 宋玉** *Tống-ngọc*, 1232 — Tên một người nước Sở — — lịch sự trai, hay có tình trăng hoa.
- 總督** *Tổng-đốc*, 2451 — Tên chức quan thủ hiến trong một tỉnh lớn.
- 絲紅** *Tơ-hồng*, 2134 — (Ty-hồng) Đám cưới, khi hai vợ chồng làm lễ hiệp cấn 合巹 thì có cúng thần — — nguyệt lão thiên tiên. 絲



紅月老天仙 là thần chủ việc kết đôi lứa vợ chồng (Xem chung chữ Xích thàng.)

**修行** *Tu-hành*, 2044-3052 — Tu là sửa, hành là làm; — — là sửa tính nết và làm phước đức, đi tu luyện theo một đạo gì đó.

**秀婆** *Tú-bà*, 809-950-1003-1133-1200-1375-2088-2385-2889 — Tên là Phùng-nhi tên tục là Tú-mã 秀馬 mở nhà thanh-lâu tại Lâm-tri.

**繡口** *錦心 Tú-khẩu-cầm-tâm*, 203-Tú là đồ thêu, cầm là hàng găm; — — — là miệng thêu lòng găm, nói văn chương trau-dồi tốt đẹp như găm như vóc.

**戌辰** *Tuất-thì*, 1090-Giờ tuất, từ 7 giờ đến 9 giờ chiều tối.

**夙愆** *Túc-khiên*, 2688-Túc là trước, khiến là tội lỗi; — — là tội nghiệt đời trước để lại.

**夙因** *Túc-nhân*, 1018-Túc là sớm hay là trước, nhân là nhân duyên, — — là số đã định trước.

**夙債** *Túc-trái*; 1765-Túc (xem chung chữ Túc-nhân), trái là nợ; — — là nợ đời trước để lại.

**縱橫** *Tung-hoành*, 2464 Tung là bề dọc, hoành là bề ngang; — — là làm ngang làm dọc không sợ hãi ai.

**從夫** *Tùng-phu*, 506-Theo chồng, đàn bà có tam tùng 三從. Tại gia tùng phụ 在家從父, ở nhà thì theo cha; xuất giá 出嫁 從夫 lấy chồng theo chồng; phu tử tùng tử 夫死從子 chồng chết theo con.

**從權** *Tùng-quyền*, 600-3052-Quyền là quyền hành, — — là theo quyền, khi gặp việc biến, thế không giữ theo việc lối thường được, phải theo lúc mà xử trí.

**松筠** *Tùng-quân*, 901 — Tùng là cây thông, quân là cây tre, hai cây ấy cao lớn hay che trùm các cây nhỏ được, vì với người độ lượng lớn bao bọc những người nhỏ. Trong câu 901 chỉ Mả-giám-Sinh.

**訟庭** *Tụng-đình*, 2757 — Chỗ xử kiện.

**誦經** *Tụng-kinh*, 1916 — Đọc kinh.

**訟期** *Tụng-kỳ*, 692 — Kỳ xử kiện, việc kiện cáo.

**隨機** *Tùy-cơ*, 642-1149 — Cơ là then-máy; — — là theo lối theo cách.

**泉臺** *Tuyền-đài*, 710 — Đền — —, tức là hăm mả.

**選將** *Tuyền-trương*, 2297 — Tuyền là chọn, trương là quan trương võ; — — là lựa chọn trương tài giỏi.

**雪霜** *Tuyết-sương*, 384-902-2834 — Tuyết và sương, thường nói cái gì đã trải nhiều ngày tháng, hoặc sắc trắng như sương như tuyết. Trong câu 384 ý nói trông-trưởng cho đến nổi đầu bạc như hoa râm, trong câu 902 và câu 2834 — thì nói tuyết sương giữa trời.



- 絕筆** *Tuyệt-bút*, 2626 — Tuyệt là dứt, bút là viết, « thiên — — » là khi gần chết viết một bài gì như văn, thơ, từ, điệu để lại cho người còn sống.
- 絕妙** *Tuyệt-diệu*, 184 — Tuyệt là hơn hết, diệu là hay giỏi; — — là lời thơ văn rất hay, rất đẹp.
- 思家** *Tư-gia*, 480 — Nhớ nhà, nhớ quê hương.
- 司馬鳳求** *Tư-mã-phượng-cầu*, 475 — Tư-mã là ông Tư-mã-tương-như 司馬相如 đời Hán 漢. Phượng-cầu là chim phụng đi tìm chim hoàng; ông lấy đờn tỳ-bà đờn ghẹo nàng Trác-văn-quân 卓文君, có khúc cầu hoàng 求凰 (phượng 鳳 là chim trống, hoàng 凰 là chim mái, nguyên khúc của Trương-như là khúc « cầu hoàng » mà nói rằng: « phượng cầu » nghĩa là nói trống đi tìm mái).
- 慈悲** *Tì-bi*, 1908-3032 — Tì là lành, bi là thương; — — là hay thương chúng sinh, như chư-phật chúng-lăng có lòng. — —
- 慈心** *Tì-tâm*, 608 — Lòng lành.
- 徐公** *Từ-công*, 2272-2295-2316-2421-2463-2511-2629 — Tức là Từ-Hải.
- 辭堂** *Từ-đường*, 531 — Từ là từ giá; — — là bỏ mà đi, nghĩa là chết.
- 辭官** *Từ-quan*, 2939 — Từ chức quan, không làm nữa.
- 辭歸** *Từ-qui*, 398 — Từ tạ ra về.
- 四旬** *Từ-tuần*, 6.7 — Tuần là tuần, một tuần đây là mười năm; — — là 40 tuổi.
- 四圍** *Từ-vi*, 938 — Vi là vây bọc hay là vòng tứ phía; — — là bốn phía.
- 自然** *Tự-nhiên*, 688 — Ở đây nghĩa là thình-linh khi không, không biết trước được.
- 敘情** *Tự-tình*, 142-212-536-2284 — Tự là bày tỏ; — — là bày tỏ tình ý của mình cho người ta hay.
- 死別** *Tử-biệt-sinh-ly*, 617 — Biệt là cách biệt, ly là lìa nhau; — — — — là lúc chết thời cách biệt nhau và lúc sống mà phân ly nhau, trong đời không cảnh ngộ nào mà đau đớn thảm thiết hơn hai lúc ấy.
- 死生** *Tử-sinh*, 1099-2517-2562-2608 3080 — Trong câu 1099 thì nghĩa là đã chết mà làm cho sống lại (xem thích ở chữ cốt nhục và câu 1099) còn ở chỗ khác thì chữ — — hay là sinh-tử đều chỉ là người mình nguyên một sống một chết với nhau. « Lời — — » là lời thề nguyện.
- 梓枌** *Tử-phần*, 2235 — Tên hai thứ cây lớn, hay trồng ở nhà quê, đây nói làng cha mẹ.
- 卽辰** *Tức-thì*, 358-984-1165-1647-2128-2914-3033 — Tức là liền, thì là buổi, — — là liền khi đó, lập tức.
- 相期** *Tương-cờ*, (kỷ) 2179 — Tương là cùng nhau, kỷ là hẹn; — — là hẹn hò với nhau.



**相逢** *Tương-phùng*, 159-1786-3039 — Phùng là gặp; — — là cùng nhau gặp gỡ.

**相尋** *Tương-tầm*, 2883 — Tầm là tìm; — — là hai bên tìm nhau.  
**相思** *Tương-tư*, 568-725 — Tư là nhớ, — — là hai bên nhớ nhau. thương yêu nhau mà không được gặp nhau. Tình-sử 情史 có câu: Nhân đạo tương giang thâm, vị đề tương tư bản, giang thâm chung hữu đề, tương tư vô giai ngạn, 人道 湘江深 未抵相思 半 江深 終有底 相思無涯岸 Sông Tương người gọi sâu-khơi, nhưng sâu chưa đến nửa với tình sâu; sông sâu còn có nguyên đầu, tình sâu chưa dễ biết đầu mà dò.

**相知** *Tương-tri*, 460-1329-2219-3381 — Quen biết nhau.

**相纏** *Tương-triền*, 2535 — Triền là quấn quít; — — là vấn vít với nhau.

**相士** *Tương-sĩ*, 414 — Tướng là tướng mạo; — — là thầy xem tướng

**將軍** *Tướng-quân*, 2261-2518 — Ông tướng cầm quân.

**絲竹** *Tý-trúc*, 2566 — Tý là tơ, như tiếng đàn, trúc là tre, như tiếng quỳên, sáo v. v. cũng như chữ quân huyền (Xem chữ quân huyền)

**他鄉** *Tha-hương*, 532-2245 — Tha là khác, hương là làng; — — là làng khác.

**慘愁** *Thảm-sầu*, 777 — Buồn bực, buồn bã, rầu rĩ.

**清高** *Thanh-cao*, 3244 — Thanh là trong-sạch, cao là cao thượng; — — là nói cách phong-lưu, sung-sướng, khỏi phải cực khổ.

**清明** *Thanh-minh*, 43-59 — Một tiết trong hai mươi bốn tiết, sau tiết Đông chí một trăm sáu ngày. Tiết — — thường ở về lúc tháng ba, đến ngày ấy làm lễ tảo mộ.

**清閒** *Thanh-nhàn*, 2209 — 2875 — Thanh là trong sạch, nhàn là thong thả.

**清新** *Thanh-tân*, 188 — Trong sạch, mới mang, chỉ về con người non nêo.

**聲氣** *Thanh-khi*, 193-1287-2883 — Thanh là tiếng, khi là hơi. Đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu 同聲相應 同氣相求 Phàm vật gì đồng thanh thì ứng với nhau, đồng khí thì tìm nhau, cũng như người mà đồng tâm đồng chí thời thường yêu nhau, hợp bè với nhau.

**青樓** *Thanh-lâu*, 2668 — Thanh là xanh, lâu là lầu; — — là lầu xanh chỗ chứa gái, nhà trâm; — — có từ nhà Đường 唐.

**青天** 白日 *Thanh-thiên-bạch-nhật*, 2396 — Trời xanh ngày bạc, ý nói cái gì giữa trời đang lúc ban ngày rõ ràng, ai ai cũng trông thấy.

**青雲** *Thanh-vân*, 2478-2867 — Vân là mây; — — là chỗ cao, trên mây xanh; thi đậu, làm nên gọi là bước — —.



- 青春** *Thanh-xuân*, 1059 - Là xuân-xanh, nói người mới đương non, như mùa xuân ở đầu một năm.
- 青衣** *Thanh-y*, 1745-2668 - Áo xanh, chỉ đầy-tớ gái, vì chúng nó thường mặc áo xanh.
- 城下** *要盟 Thành-hạ yêu-minh*, 2503 - Yêu là cầu, minh là thề; — — — là ước hẹn đến dưới thành minh thề mà giảng hòa.
- 城隍** *Thành-hoàng*, 2132 - Thiên thần, hoặc là nhân thần các làng thờ.
- 成親** *Thành-thân*, 2108-2135 - Thành là nên, thân là thân-ái; — — là nên vợ nên chồng.
- 成算** *Thành-toán*, 2543 - Toán là trừ tính; — — là trừ tính đã thành trước rồi.
- 聖澤** *Thánh-trạch*, 2489 - Thánh đây chỉ là vua, trạch là ơn, ơn vua.
- 草庵** *Thảo-am*, 2990 - Thảo là cỏ, am là am, — — là lều lợp cỏ ở ngoài cửa chùa.
- 草堂** *Thảo-đường*, 2697 - Nhà lợp cỏ, ở bên chùa lớn thường làm thêm một cái nhà lợp bằng cỏ, để mà dịch kinh, bói quẻ. Đây chỉ chỗ chùa của vãi Giác-duyên.
- 草廬** *Thảo-lư*, 2732 - Cũng như thảo-am, thảo-đường.
- 升堂** *Thăng-đường*, 2885 - Thăng là lên, đường là công đường; — — là lên chỗ công đường khi quan ra khách, làm việc quan.
- 深交** *Thâm-giao*, 3085 - Thâm là sâu, đã lâu ngày; — — là quen biết đã lâu với nhau rất thân thiết.
- 深嚴** *Thâm-nghiêm*, 267 - Thâm là sâu thẳm, nghiêm là oai-nghiêm — — là cách kín đáo, oai nghiêm.
- 深謝** *Thâm-tạ*, 3432 - Hậu tạ, cảm ơn lắm.
- 深情** *Thâm-tình*, 580 - Tình cha con, anh em ăn ở với nhau. Hai — — nghĩa là hai cha con Vương-viên-ngoại.
- 申供** *Thân-cung*, 1896 - Thân là tỏ lên, cung là khai ra; — — là bày tỏ, khai trình về việc gì.
- 親迎** *Thân-nghinh*, 2272 - Thân là tự mình, nghinh là rước; — — là chính mình ra nghinh rước người nào.
- 親信** *Thân-tín*, 3228 - Thân là thân, tín là tin; — — là thân thiết và tin cậy.
- 親戚** *Thân-thích*, 2104-2977 - Thân là bà con bên nội, thích là bà con bên ngoại. Hai chữ này nói chung lại là chỉ bà-con, dòng-họ.
- 身分** *Thân-phận*, 775-1225-1256-1358 - Thân là mình, phận là số mệnh. Thường dùng hai chữ — — để than trách số mệnh mình cực khổ, không bằng người ta.



- 晨昏** *Thần-hôn*, 918-1600-2823 — Thần là buổi mai, hôn là buổi hôm; Lễ ký : 禮記 hôn định thần tỉnh, 昏定晨省. Sách Lễ-ký: Buổi hôm hầu cha mẹ cho định giấc ngủ, buổi sáng đến hầu thăm cha mẹ được yên không.
- 神夢** *Thần-mộng*, 1017-2621 — Thần là thần thiêng, mộng là chiêm bao; — — là điềm chiêm bao linh thiêng của thần mách bảo.
- 七寶** *Thất-bảo*, 1724-2210 — Bảy đồ quý-báu; 1. San-hô 珊瑚. 2. Hổ phách 琥珀. 3. Xa-cừ 瑔珠. 4. Mã-nảo 瑪瑙. 5. Kim-khi 金器. 6. Trân-châu 珍珠. 7. Pha-lê 玻璃. Lấy bảy thứ ấy khảm vào giường gọi là giường — —.
- 失機** *Thất-cơ*, 2960 — Thất là mất, cơ là then máy; — — là thất thế, sa cơ.
- 失驚** *Thất-kinh*, 1644-1655-2976 — Thất là mất, kinh là sợ; — — là mất vía mất hồn mà sợ khiếp.
- 妻兒** *Thê-nhi*, 2874 — Vợ và con.
- 世常** *Thế-thường*, 2013 — Thường tình của người đời.
- 誓海盟山** *Thệ-hải-minh-sơn*, 603 — Thệ và minh nghĩa là thề, hải là bể, sơn là núi; — — — — là chỉ bể chỉ núi mà thề thốt cùng nhau. « Đền lời — — — — » là nói gác cất lời nguyện với Kim-trọng để lo việc nhà đền ơn cha mẹ trước đã.
- 誓師** *Thệ-sư*, 2307 — Thệ là thề, sư là quân; — — là thề với quân lính.
- 彩女** *Thê-nữ*, 2263-2460 — Thê là vẻ, nữ là gái; — — là đầy tớ gái, con đòi trong cung.
- 體魄** *Thê-phách*, 116 — Thê là vóc, phách là vía; — — là cái xác thịt xương của con người.
- 詩筒** *Thi-đồng*, 397 — Ống tre đựng thơ. Ông Bạch-cư-Đị 白居易 làm một cái ống tre đựng thơ của những người xướng họa qua lại cùng ông.
- 詩畝** *Thi-họa*, 30 — Thi là thơ, họa là vẽ.
- 恃雄** *Thị-hùng*, 1178 — Thị là cây, hùng là mạnh; — — là ý mạnh làm cách hung hăng.
- 侍立** *Thị-lập*, 2312 — Thị là châu, lập là đứng; — — là đứng châu, đứng hầu hạ.  
trong một sở đất nào đó.
- 是非** *Thị-phi*, 1016-1448-1560-1878 — Thị là điều phải, phi là điều trái. « Người — — » (1560) là người hay dèm-siểm, nói bên này phải, bên kia trái; « hết điều — — » (1878) là không nói lời phải trái gì được nữa.
- 侍婢** *Thị-tỳ*, 1744 — Con đòi, đầy tớ gái.
- 侍宴** *Thị-yến*, 2567 — Yến là tiệc yến; — — là hầu tiệc, châu hầu khi ăn tiệc.



- 天堂** *Thiên-đường*, 1774 — Cung điện trên trời, đối với địa ngục.
- 天下** *Thiên-hạ*, 1962 — Thiên là trời, hạ là dưới; — — là ở dưới trời, người trong thế gian, cả mọi người.
- 天香** *Thiên-hương*, 66-825 — Hương là mùi thơm; — — là hương của trời, con gái có sắc đẹp phi thường gọi là — —.
- 天年** *Thiên-niên*, 3236 — Niên là năm, hoặc là tuổi; — — là năm của trời, tuổi trời.
- 天然** *Thiên-nhiên*, 399-1312 — Nhiên là thế; — — là nguyên cách trời sinh, sinh tự nhiên như thế.
- 天官** 冢宰 *Thiên-quan-trúng-tể*, 1722 — Thiên quan là bộ Lại, trúng-tể là quan đầu trong triều; — — — là quan thủ tướng coi về Bộ-Lại.
- 天才** *Thiên-tài*, 163-2922 — Tài là tài giỏi; — — là tài của trời sinh người có tài hơn chúng.
- 天台** *Thiên-thai*, 392 — Tên núi chỗ tiên ở. Đời Tần 秦 Lưu-Thần và Nguyên-Triệu 劉晨阮肇 vào núi — — hái thuốc, gặp hai người tiên nữ kết làm vợ chồng.
- 千載** 一辰 *Thiên-tải nhứt-thì*, 2399 — Thiên là nghìn, tải là năm; — — — — là nghìn năm mới có một lần, nghĩa là ít khi có.
- 偏爲** *Thiên-vị*, 3245 — Thiên là mếch riêng, vị là vị riêng; — — là có lòng tư vị, không công bình.
- 善根** *Thiện-căn*, 3251 — Thiện là điều lành, căn là gốc rễ; — — là cái gốc làm lành.
- 善人** *Thiện-nhân*, 1729 — Người làm điều hay điều lành. Đối với ác-nhân.
- 設位** *Thiệt-vị*, 2967 — Thiệt là đặt, vị là bài vị; — — là đặt bài vị đề cúng.
- 寔虛** *Thiệt-hư*, 2506 — Thiệt là thiệt có, hư là hư không; — — là điều thiệt và điều giả.
- 韶光** *Thiệu-quang*, 40 — Thiệu là tốt đẹp, quang là ánh sáng mặt trời. Nghĩa là ngày mùa xuân tốt đẹp vui vẻ.
- 盛唐** *Thịnh-đường*, 1455 — Thịnh là thịnh, Đường là đời Đường, — — là các nhà văn sĩ chia thi đời Đường ra làm ba thời-kỳ: 1. Thời kỳ Sơ Đường 初唐, là lúc thi mới nổi lên có tiếng hay từ đời Đường Cao-lỗ 高祖, 2. thời kỳ — — là lúc thi thiệt đến mực tuyệt diệu, từ đời Huyền-tôn 玄宗 trở về sau. 3. là thời kỳ Vãn Đường 晚唐 là lúc văn đã suy đồi kém sút đi nhiều.
- 土公** *Thổ-công*, 2132 — Thổ là đất, công là ông; — — là ông thần
- 土官** *Thổ-quan*, 2598-1637 — Quan thổ-trước ở các châu mường, mọi.



- 土酋** *Thổ-tù*, 2962 — Tù là người lớn; — — là người bốn xứ ở các châu mừng mọi.
- 催查** *Thôi-tra*, 1406 — Thôi là đòi, tra là tra; — — là quan đòi hỏi để tra xét.
- 崔張** *Thôi-Trương*, 512 — Thôi là nàng Thôi-Oanh Oanh 崔鶯鶯 Trương là Trương quán-Thủy 張君瑞, người đời Đường Chàng Trương gặp nàng Thôi ở chùa Phổ-Cứu 普救 Trai gái với nhau rất thân thiết, sau lại chàng Trương phụ-linh lấy người khác làm vợ mà bỏ Thôi Oanh-Oanh.
- 通玄** *Thông-huyền*, 1684 — Thông là thông, huyền là kín nhiệm, — — là có phép lạ biết đến những chỗ huyền diệu thâm-thủy
- 聰明** *Thông-minh*, 29.150-260; — Thông là tài nghệ thông suốt, minh là mắt trông rõ ràng. Nói người có thiên-tư tốt.
- 聰慧** *Thông-tuệ*, 2059 — Tuệ là khôn; — — là sáng khôn, lanh-lẻo
- 書軒** *Thơ-hiên*, 395 — Thơ là sách, hiên là cái hiên, — — là chỗ phòng học.
- 書香** *Thơ-hương*, 1061-1276 — Thú vị trong sách vở. « Mạch — — là con nhà học trò.
- 書房** *Thơ-phòng*, 2849 — Phòng là cái phòng; — — là phòng để sách vở, phòng học.
- 書窗** *Thơ-song*, 245 — Song là cửa sổ; — — là cửa sổ phòng học chỗ đọc sách thường có cửa sổ.
- 書齋** *Thơ-trai*, 1992 — Trai là nhà thanh-lặng; — — là nhà học
- 書院** *Thơ-viện*, 362 — Viện là nhà nhỏ; — — là nhà để sách, nhà học
- 辰珍** *Thời-trân*, 377 — Thời là mùa, trân là cửa quý; — — là vật sản quý báu như loài trái ở trong mùa nào đó.
- 秋波** *Thu-ba*, 1323 — Sông mùa thu, ví với làn con mắt.
- 秋水** *Thu-thủy*, 25 — Nước mùa thu. « Làn — — » là thần sắc trong suốt như nước mùa thu.
- 秋菊** *Thu-cúc*, 162 — Bông cúc mùa thu. Đời Tùy 隋 nàng Tiêu-phí 蕭妃 và nàng Trương-lệ hoa 張麗花 có sắc rất đẹp, người ta ví với làn mùa xuân và cúc mùa thu.
- 收空** *Thu-không*, 272 — Thu là thu lại, không là hết; — — là hồi chuông hay là hồi trống đánh khi gần tối, để báo công việc trong ngày ấy đã thu xếp rồi.
- 收靈** *Thu-linh*, 2960 — Thu là nhóm, linh là hồn thiêng; — — là nói khi chết linh hồn thu về trời để xác lại, cũng như nói “khí thiêng về thân”



- 首服** *Thủ-phục*, 1139 — Thủ là thú, phục là chịu; — — là chịu thú chịu rằng mình có lỗi.
- 首犯** *Thủ-phạm*, 235 — Thủ là đầu, phạm là phạm tội — — tên tù đứng đầu; phạm tội nặng hơn trong bọn đồng lõa; mấy người tù đồng lõa kia gọi là từng phạm.
- 手字** *Thủ-tự*, 1930 — Thủ là tay, tự là chữ; — — là bản sách viết bằng tay. Ngày pho — — nghĩa là ban ngày thi Kiều lo việc chép pho kinh bằng tay.
- 順風** *Thuận-phong*, 1626 — Thuận là thuận, phong là gió; — — là xuôi gió.
- 順情** *Thuận-tình*, 2111 — Thuận theo, chịu theo.
- 束甲** *Thúc-giáp*, 2502 — Thúc là bó, giáp là áo giáp; — — là bó áo giáp lại nghĩa là không đánh nữa.
- 束郎** *Thúc-lang*, 325-289 — Chàng Thúc, cũng gọi là Thúc-sinh.
- 束翁** *Thúc-ông*, 1470-1498-1653-1665 — Ông họ Thúc, tức là Thúc-Chánh — — cha Thúc-sinh.
- 束生** *Thúc-sinh*, 1303-1808-1889-1899-2337-2914 — Gã họ Thúc là Thúc ký Tâm 束其心 cũng gọi là Thúc-sinh viên.
- 叔父** *Thúc-phụ*, 531 — Em trai cha, chú ruột.
- 蜀帝** *Thục-đế*, 3202 — Vua nước Thục, xưa vua nước Thục là Vọng-đế 望帝 tên là Đỗ-vũ 杜宇 dầm vợ tên Biêt-linh rồi truyền ngôi cho Biêt-linh, sau bỏ đi mất hóa làm chim Đỗ-quyên 杜鵑, cho nên người nước Thục khi nào nghe đỗ-quyên kêu, thì nói rằng hồn — — (Xem chung chữ Trang-sinh).
- 淑女** *Thục-nữ*, 3219 — Thục là lành, — — là gái lành, gái có đức hạnh.
- 說降** *Thuế-hàng*, 2458 — Thuế là bản đồ, hàng là xuống đầu; — — đồ giặc đầu hàng với mình.
- 從容** *Thung-dung*, 693-1027-1200-1309-1495-1571-1992-2054-2290-2652-2663-3192 — Thông-thả, rảnh-rang, khoan-hoan.
- 翠翹** *Thủy-Kiều*, 16-2659-2681-2891 — Con gái đầu của ông Vương-Viên-ngoại lúc ở nhà Tú-Bà cải tên là Mã-Kiều 馬翹 trùng tên với một người gái kia cũng gọi là Mã-Kiều, 馬嬌 sau Hoạn-thư lại cải là Hoa-nô 花奴 Lúc ở các Quan-âm cải pháp-danh là Trạc-tuyền, 濯泉.
- 翠雲** *Thủy-vân*, 16-713-2760-2784 — Em gái Thủy-Kiều vợ Kim-Trọng.
- 始終** *Thủy-chung*, 352-2295 Trước sau, đầu đuôi; trong câu 352 — nghĩa là trước sau vậy, trong lòng không thay đổi; trong câu 2295 — nghĩa là từ đầu đến cuối.



- 水潮 *Thủy-triều*, 2082 — Con nước lên buổi sớm.
- 禪茶 *Thuyền-trà*, 1991 — Chè của nhà chùa.
- 嬋娟 *Thuyền-quyên*, 819-1071-1881-1903-2211 — Con gái sắc đẹp, có cách điệu dịu dàng.
- 乘機 *Thừa-cơ*, 1109-1941-2439-2488-2507 — Thừa là nhân, cơ là dịp — — là nhân cơ hội mà làm việc gì đó.
- 乘涼 *Thừa-lương*, 1371 — Lương là mát; — — hồng mát, dạo mát.
- 承家 *Thừa-gia*, 3237 — Thừa là vâng chịu; — — là đảm-đang coi ngó việc nhà.
- 寔情 *Thực-tang*, 2009 — Tang thiệt, là có tang trạng đích xác.
- 實情 *Thực-tình*, 1890 — tình thiệt, việc thiệt.
- 商家 *Thương-gia*, 275 — Thương là buôn; — — là nhà buôn bán.
- 傷心 *Thương-tâm*, 81 — Thương là thương xót; — — là lòng thương xót.
- 常情 *Thường-tình*, 2210-2366 — Tình, thường của mọi người đều có, ai cũng làm cũng ăn ở như vậy.
- 賞將 *Thưởng-tướng*, 2285 — Thưởng là thưởng, tướng là tướng võ; — — là thưởng công các quan tướng.
- 濯泉 *Trạc-tuyền*, 1922-2344-2726 — Tên pháp danh của Thủy-Kiều (xem chữ Thủy Kiều).
- 齋房 *Trai-phòng*, 2056 Trai là nhà ở giữ việc chay riêng, phòng là buồng, — — là chỗ lảng chùng từ-hành ở trong chùa.
- 莊生 *Trang-sinh*, 3200 — Gã họ Trang đời Chu 周. Ông nằm chiêm-bao thấy mình hóa làm con bướm. Đường thi 唐詩 có câu: Trang sinh hiểu mộng mé hồ-diệp, Thục-đế xuân tâm thác đồ quyền, 莊生曉夢迷蝴蝶蜀帝春心托杜鵑, Giác mộng Trang-sinh hồn bướm lẩn, lòng xuân Thục-đế tiếng quyền kêu.
- 莊重 *Trang-trọng*, 49 — Nghiêm-trang <sup>phắc</sup> trọng-hậu.
- 爭強 *Tranh-cường*, 2449 — Tranh là dành, cường là mạnh — — là đua sức mạnh, đối địch lại.
- 陟岵 *Trắc-tị*, 1832 — Trèo lên núi Tị. Thi kinh 陟彼岵兮 瞻望母兮 Kinh thi: Lên trên núi tị kia vậy, trông nom mẹ vậy. « Suy lòng — — » nghĩa nói nhớ đến mẹ mới mãi.
- 簪纓 *Trâm-anh*, — 148 Trâm là cái trâm cài đầu, anh là dải mũ. Thi đạu tiên-sĩ trèo lên mới được đội mũ có dải trâm. « Nhà — — » là con nhà có khoa-cử văn-học, con giòng.
- 沈淪 *Trầm-luân*, 1080-1404 — Chìm đắm; — — khổ hải 沉淪苦海 chìm đắm trong bể khổ.
- 珍甘 *Trân-cam*, 1258 — Trân là vật quý báu, cam là đồ ngon ngọt — — là miếng ngon vật quý.



**珍重** *Trân-trọng*, 562 — Quý báu « Một lời — — là lấy chữ — — thiên vạn — — 千萬, đó là Kiều dặn Kim-trọng đi đường xa xoi phải giữ-gìn quý trọng mình cho được mạnh khỏe.

**塵埃** *Trần-ai*, 1380-2202 — Bụi-bặm trong cõi trần tục, trong thế gian.

**塵垢** *Trần-cấu*, 3104 Bụi-bặm nhớp nhúa, ý nói khiêm mình là bậc hèn-hạ tồi-làn đã chịu nhờ được nhiều lần.

**塵緣** *Trần-duyên*, 993-1932 — Trần là cõi trần; — — là duyên nợ ở cõi đời.

**陳謝** *Trần-tạ*, 3032 — Trần là bày tỏ; — — là tỏ lòng tạ ơn.

**陣前** *Trận-tiền*, 2513-2517-2960 — Trước trận giặc.

**知音** *Tri-âm*, 386-1248 — Tri là biết, âm là tiếng — — là biết tiếng. Nguyên dùng nói về người đánh đàn hay mà có người nào nghe biết rằng hay, người ấy gọi là — —. Dùng nghĩa rộng ra thì chỉ người nào biết bụng nhau, chơi với nhau thân thiết cũng gọi là — —.

**知恩** *Tri-ân*, 2432 — Biết ơn của người ta làm cho mình.

**知己** *Tri-kỹ*, 2200-2428-3213 — Kỹ là mình; — — là kẻ biết lòng mình, tài sức của mình.

**知過** *Tri-quá*, 2377 — Quá là lỗi; — — là biết lỗi của mình.

**持壺** *Tri-hồ*, 1836 — Tri là cầm, hồ là ve rượu; — — là cầm hồ rượu chực hầu mà rót.

**智勇** *Tri-dũng*, 2529-2904 — Tri là khôn-ngoan, dũng là mạnh bạo.

**致鬼** *Tri-quỷ*, 1684 — Tri là đến; — — bắt quỷ đến.

**朝廷** *Triều-đình*, 2441-2465-2552 — Triều là chỗ ngự chầu, đình là sân, là chỗ vào chầu; — — là chỗ thiết oai-nghi pháp luật, trên có vua, dưới có các quan sắp đặt việc trị dân, việc kinh tế v. v.

**貞白** *Trinh-bạch*, 1148 — Trinh là chánh, bạch là trắng; — — là chuyên chánh và trong sạch, không lòng tà-dâm.

**重義** *Trọng-nghĩa khinh-tài*, 310 — Nghĩa là việc phải, tài là của; — — — là trọng điều phải mà không coi tiền của ra gì.

**重臣** *Trọng-thần*, 2451 — Ông quan có danh vọng triều-đình ỷ trọng nường tựa được.

**住坊** *Trú-phường*, 785 — Trú là ở trọ, phường là phố-phường; — — là chỗ trọ trong phường-phố.

**住持** *Trú-trì*, 2038 — Trú là lưu ở, trì là coi giữ; — — là chức lưu ở trong chùa mà coi giữ hết cả việc, để làm chủ cho tăng chúng, nhỏ thừa chức tăng-cang 僧剛



- 竹棍** *Trúc-côn*, 1739 — Trúc là tre, còn là đũa; — — là cái roi hay là cái đũa bằng tre.
- 竹梅** *Trúc-mai*, 708-746-944-1381 — Tên hai thứ cây; Thường nói — — hay là mai-trúc vì với người quân-tử, cũng có khi ví với vợ chồng hay là bè bạn v.v.
- 竹院** *Trúc-viện*, 1371 — Nhà tre, nhà chung quanh trồng nhiều tre, nhà mát.
- 中堂** *Trung-đường*, 1673 — Trung là giữa; — — là chỗ chính giữa nhà.
- 衷曲** *Trung-khúc*, 423 — Trung là tấm lòng, khúc là còng; — — là đều khuất khúc trong lòng, nghĩa cũng như chữ « tâm khúc » 心曲, tình từ ở trong lòng.
- 中軍** *Trung-quân*, 2315-2463-2539 Chỗ đạo quân đóng.
- 重生** *Trùng-sinh*, 3049 — Trùng là lần thứ hai, — — là sinh lại lần khác, cũng như nói để lại một lần nữa.
- 重逢** *Trùng-phùng*, 795 — Lại gặp, gặp lại lần nữa.
- 重重** *Trùng-trùng*, 2969 — Chồng chập lớp này đến lớp khác.
- 追歡** *Truy-hoan*, 1299 — Truy là theo, hoan là vui chơi, — — là đua đuổi theo sự chơi bời, cuộc vui chơi.
- 追原** *Truy-nguyên*, 862 — Nguyên là căn nguyên, — — là tìm chỗ cội gốc, tìm căn do tại thế nào.
- 追風** *Truy-phong*, 1107 — Đuổi theo gió, nói ngựa chạy mau như gió. Vua Thủy-Hoàng 始皇 nhà Tần 秦 có một con ngựa hay, tên là — — (theo sách Cổ-kim-chú 古今註).
- 追殺** *Truy-sát*, 2523 — Đuổi theo mà giết.
- 長亭** *Trường-đình*, 871 — Trường là dài, đình là cái đình, — — là cái nhà trạm đời Tần 秦 cứ mười dặm đường thì đặt một nhà trạm để cho hành khách nghỉ.
- 長江** *Trường-giang*, 2636 — Giang là sông, trường là dài, — — là sông cái, đây chỉ sông Tiền-đường.
- 長卿** *Trường-khanh*, 1232 — Tên ông Tư-mã-tương-như 司馬相如 đời Hán 漢 lấy nàng Trác-văn-quân 卓文君, người hay chơi Bời phong lưu.
- 帳前** *Trường-tiền*, 2378 — Trường là cái màn, — — là trước màn.
- 丈夫** *Trường-phu*, 2214 — Đàn ông, người có chí khí.
- 幽顯** *U-Hiến*, 128 — U là chỗ tối tăm, hiến là nơi sáng, — — cũng như nói Dương-gian 陽間 và Âm-phủ 陰府.
- 威靈** *Uy-linh*, 2321-2904 — Uy là nghiêm, linh là linh-thiên, — — là quyền thế làm cho chúng phải sợ.
- 威儀** *Uy-nghi*, 2313 — Uy vọng, nghi vệ.



- 鷹犬** *Ưng-Khuyển*, 2484 — (Xem chữ *Khuyển-Ưng*).
- 萬全** *Vạn-tuyền*, 2545 — Vạn là muôn, tuyền là vẹn; — — là muôn phần trọn vẹn, không thiếu điều gì.
- 萬福** *Vạn-phúc*, 394 — Muôn phước. Tục nước Tàu, khi gặp nhau thì chúc nhau hai chữ — —, là được muôn sự lành.
- 文章** *Văn-chương*, 150-2841 — Chữ nghĩa, nói chung cả thi, ca, từ, phú, bất kỳ bài gì dùng chữ mà đặt ra có lời lẽ thanh-tao thì gọi là — —.
- 文人** *Văn-nhân*, 135 — Người học trò, biết chữ nghĩa.
- 文書** *Văn-thư*, 2892 — Văn-chương, thư bài.
- 文武** *Văn-vũ*, 2443 — Văn là chữ nghĩa có lời lẽ; vũ là oai sức; « Gồm hai — — » là có văn-chương và có vũ-nghệ.
- 雲遊** *Vân-du*, 2650 — Vân là mây, du là chơi; — — là các nhà tu hành đạo sĩ đi dạo chơi, như đám mây muốn bay đi đâu cũng được.
- 問安** *Vấn-an*, 1940 — Vấn là hỏi, an là yên-ổn; — — là đến hàn thắm cha mẹ hay là các bậc lớn hơn mình mà hỏi có bình yên không.
- 問名** *Vấn-danh*, 624 — Danh là tên; — — là lễ đến hỏi tên tuổi người con gái người ta sắp đi cưới (xem chữ *sinh-nghĩ*).
- 運命** *Vận-mạnh*, 1793 — Vận là vận hạn, mạnh là số mạnh người; — — là thời vận và số mạnh. « Lấy câu — — » là đồ cho số mạnh trời đã định như thế để cho người lòng thương nhớ Thúy Kiều.
- 葦蘆** *Vĩ-lô*, 913 — Cây lau.
- 員外** *Viên-ngoại*, 11-2774-2822 — — trong truyện Kiều là chỉ một người có tuổi và nhà khá. Ông này họ Vương 王 tên là Lương-lung 兩松 người ở Bắc kinh, vợ là Hà-thị 何氏 cầu tự ở chùa Hoành-sơn 橫山, nằm thấy một ông già cho ba cành hoa đào. 1 cành có trái 1 cành mới nở, 1 cành nở đã tàn một nửa. Hà-thị dậy nói cùng Viên-ngoại, ông đoán chắc sinh một trai hai gái. Sau sinh Thúy-Kiều, Thúy-Vân và Vương-Quan (Truyện Thanh-tâm-tải-nhân 青心才人).
- 遠客** *Viễn-khách*, 624 — Viễn là xa; — — là khách ở xa đến.
- 遠方** *Viễn-phương*, 67 — Xứ ở xa.
- 遠東** *Việt-đông*, 2172 — Tức là tỉnh Quảng-đông 廣東 quê quán của Từ-Hải.
- 榮顯** *Vinh-hiến*, 2872-2966 — Vinh là sừng, hiến là rõ; — — là sung sừng và có danh tiếng.
- 榮花** *Vinh-hoa*, 2287 — Sung-sừng và vẻ-vang.
- 永訣** *Vĩnh-quyết*, 1680 — Vĩnh là lâu dài, quyết là từ biệt; — — là từ-biệt hẳn, người sống và kẻ chết từ-biệt không gặp nhau lại nữa.



- 無主** *Vô-chủ*, 80-1649 — Vô là không; — — là không ai làm chủ.
- 無緣** *Vô-duyên*, 74-818-1904-2660 — Không duyên, không may, rủi-ro.
- 無定** *Vô-định*, 2191 — Không định vào chỗ nào. « Xương — — » là xương người bị giặc giết chết không biết chôn chỗ nào.
- 無類** *Vô-loại*, 580 — Loại là loài; — — là không có môn-loại, không biết phải trái, không có gia giáo.
- 無良** *Vô-lương*, 1186 — Lương là lành; — — là không có lòng lành, không lương tâm.
- 無義** *Vô-nghĩa*, 967 — Không biết điều nghĩa lý, không biết điều phải trái.
- 無錫** *Vô-tích*, 2294-2300-2898 — Tên huyện thuộc tỉnh Giang-tô chỗ Thúc-sinh ở.
- 于歸** *Vu-quy*, 651-957-2264-2843 — Vu là nơi, chừng lúc ấy, quy là về nhà chồng; — — là con gái đi về nhà chồng.
- 誣託** *Vu-thác*, 660 — Vu là nói dối, thác là đặt điều ra; — — là nói người ta không tội mà bày việc vu hại cho người.
- 王娡** *Vương-bà*, 891 — Bà họ Vương, là Hà-thị, vợ Vương lưỡn-lùng.
- 王觀** *Vương-quan*, 14-61-154 — Tên người con trai Vương-viên-ngoại.
- 王翁** *Vương-ông*, 654-872-3034 — Ông họ Vương, tức là Vương-viên-ngoại.
- 王師** *Vương-sư*, 2506 — Vương là vua, sư là quân; — — là quân nhà vua.
- 王孫** *Vương-tôn*, 828 — Tôn là cháu; — — là con cháu nhà vua chữ dùng để chỉ kẻ trai đẹp ăn chơi phong-lưu.
- 王臣** *Vương-thần*, 2477 — Thần là người tội; — — là người làm tội nhà vua.
- 赤繩** *Xích-thằng*, 459-904 — Sợi dây đỏ. Sách U-minh-lục Người Vi-Cổ 韋罔 đến Tống-thành 宋城 gặp một bà lão đeo cái dây ngời dưới trăng xem sách. Vĩ hỏi bà: dây ấy đựng vật gì, Bà nói đựng dây tơ đỏ để cột chân con trai con gái làm vợ chồng. Chữ to-hồng cũng tự chữ — — mà ra.
- 漂母** *Xiêu-mẫu*, 2348 — Xiêu là giặt vải sợi, mẫu là bà già; — — là bà giặt vải sợi. Đời Hán 漢 Hàn-tín 韓信 lúc đương hàn vi, nghèo đói, gặp bà — — cho ăn một bát cơm. Sau lại Tín làm tể-tướng, đem nghìn lượng vàng để giả ơn bà ấy.
- 春亭** *Xuân-đình*, 1500 — Xuân là mùa xuân; — — là đình làm trên hồ để hóng gió mùa xuân, đây chỉ chỗ Kiền tiền đưa Thúc-sinh.
- 椿堂** *Xuân-đường*, 534-1292-1388-1497 — Xuân là thứ cây đại thọ sống lâu hơn hết, ai cũng muốn cha sống lâu, cho nên thường dùng ví với cha.



- 椿萱** *Xuân-huyền*, 759-2837 — Xuân nghĩa như xuân đường, là cha, huyền là một thứ cỏ như loài lan, ăn nó thì giải hết điều phiền muộn, vì với mẹ; — — nghĩa là cha mẹ.
- 春蘭** *Xuân-lan*, 162 — Bông lan mùa xuân (xem chữ thu-cúc).
- 春山** *Xuân-son*, 25 — Núi mùa xuân. « Nét — — » nghĩa là nét cười vui vẻ như núi mùa xuân.
- 春情** *Xuân-tình*, 3201 — Cái tình êm-ái vui vẻ như lúc gặp tiết xuân.
- 春鎖** *Xuân-tỏa*, 786 — Tỏa là khóa; — — là ở kín một mình trong buồng xuân. Chữ này cũng như chữ « khóa xuân » trong câu 156 — và chữ « khóa buồng xuân » trong câu 1010.
- 春秋** *Xuân-thu*, 1924-2958 — Trong câu 1924 là tên hai đứa trẻ gái. Xuân-hoa 春花 và Thu-nguyệt 秋月 của Hoạn-thư cho hầu Thúc-Kiều; trong câu 2858 là chỉ một năm, vì trong một năm có một mùa xuân và một mùa thu.
- 出家** *Xuất-gia*, 1920 — Ra ở chùa. Sách Thích-thị-yếu lãm 釋氏要覽 có câu: nhà ấy là cái nhân-duyên làm cho người phải phiền não, ra khỏi nhà là dứt được trần lụy của cõi đời; đây là Hoạn-thư cho Kiều ra ở các Quan âm.
- 出神** *Xuất-thần*, 1690 — Xuất là ra; — — là khi sai đồng thiếp thì thần-hồn của người ngồi đồng xuất đi xuống âm-phủ để dò xét việc, rồi lên mách báo lại.
- 處決** *Xử-quyết*, 2320 — Xử là phân xử, quyết là quyết đoán.
- 稱出** *Xưng-xuất*, 588 — Xưng là xưng; — — là khai ra, cũng như nói Tiên-xưng.
- 稱當** *Xưng-đương*, 1012 — Cân vừa, ngang nhau.
- 唱隨** *Xướng-tùy*, 3148 — Xướng là nói lên trước, tùy là thuận theo sau. Phu — phụ — chồng nói vợ theo.
- 意合** *Ý-hiệp-tâm-đầu*, 2205 — Đầu là gieo; — — — là tình ý hòa hiệp một lòng với nhau.
- 意思** *Ý-tư*, 1089-1573-1861 — Tình ý, trong cách ăn ở, trong khi nói năng.
- 安穩** *Yên-ổn*, 2664 — Êm-ấm, bình-lĩnh.
- 燕鶯** *Yến-oanh*, 45-64-514-1098 — (xem chung chữ oanh-yến) « Nợ nần — — », là mắc chân vào nhà thổ.
- 夭桃** *Yêu-đào*, 503 — Yêu là non, đào là cây đào; — — là cây đào non, vì với con gái còn trẻ.
- 窈窕** *Yêu-điệu*, 2841 — Dịu dàng, đẹp và có duyên.



# ĐÔI TRA <sup>(1)</sup>

*Ai* 914 say; ngày. *An* 1416 yên. *Ăn* 799 yên. *Ăn* 670 ơn. *Áp* 1044 đắp.

*Bã quạt bồ-qui* 357 bã quạt hoa qui; bề quạt hoa qui; khăn gấm quạt qui. *Bạc* 1538 trắng. *Bạc điền* 1402 bạc-den. *Bách* 1937 bá. *Bầy* 1476 bày; giải; tỏ. *Bầy hàng cổ-xuy xôn xao* 1467 kiện hoa cổ nhạc vang lừng. *Bắt* 1576 chẳng. *Bầu* 1519 bào. *Bầy* 74 mảy; mới. *bảy* 1489; Bầy. *Bề* 871 vừa. *Bến* 1625 bề. *Biện* 374 bèn; cần. *Biện bạch* 1391 tinh hẳn. *Bố* 50 vớ; hồ. *Bỏ* 13 6 phó; 1619 bỏ. *Bột* 1395; mạnh. *Bời* 945 bài. *Bời-bời* 1389 phong-lôi. *Bụi hồng* 250 bông hồng. *Buộc* 2467 giàng buộc. *Buổi* 2061 cử; tiết. *Bướm ong bay lại* 938 bướm đi ong lại.

*Can* 224 ơn. *Cạn* 1435 nông; 1639; rút; dứt. *Canh* 1264 cỏi; cây. *Canh* 2420 cạn. *Cảo* 7 kiệu. *Cản* 1954 nghiêng. *Cắt* 1466 chen. *Cắt bút tay đề* 1453 bút cắt tay đề; lĩnh ý tay đề. *Có* 653 sẵn; 934 cho; 2280 nhân. *Cổ khi* 1581 mặt ngoài. *Cổ hoa* 2486 nước sa. *Còn* 795 ra 1664 có; 1854 nào; lại. *Cổ lục* 8 có lúc có lục. *Cổ xuy xôn xao* 1467 cổ sủy sôn sao; cổ xuy xôn-xao; cổ nhạc xôn-xao. *Cởi mai* 582 gói may; gói mai. *Cởi* 673 chời. *Cởi yên* 1 88 gói yên; xe bò; ngựa xe. *Cởi yên đã thấy* 1388 ngựa xe cấp lập. *Cờ* 1473 trà. *Cởi* 2212 cưỡi. *Cung-quảng ả Hằng* 1635 cung quảng xieh-thăng; ả Tổ cung Trăng. *Cùng* 3214 mừng; mừng. *Cũng* 20 cùng. 1032 mới, 1898 có; 2336 dành. *Cuội* 327 gười. *Cừ* 1726 lựa. *Cừu muôn* 2685 cừu một. *Chác sầu* 236 rước sầu; chuốc sầu. *Chàng* 3030 nàng. *Chàng Thúc* 1431 Thúc sẵn. *Chăng mà* 75 chẳng là; thể mà. *Chăng dưng* 1751 chẳng nhưng; chẳng dưng. *Chăng* 2522 cho. *Châu* 2864 chu. *Cien* 917; 1386 xen. *Chi* 924; 154; 2448; gì; 1427 chịu. *Chỉ* 59; còn; 2 66 trở. *Chĩa* 1627 xe. *Chiêng* 2:22 loa; bề. *Chiết* 2954 Tịch. *Chiều* 1048 gần. *Chim* 1646 chiêm. *Chong* 1872 dong. *Chon* 1623 lựa. *Chời* 1387 giò; rò. *Chồng* 1550 Lang-quân. *Chở* 1434 chẳng. *Chu* 2963 châu. *Chung* 1592 chong. *Chuốc* 1995 rót. *Chút* 2937 kẻ. *Chuyện* 12 2 chuyện. *Chuyện* 3028 truyện. *Chữ* 602 bên. *Chương* 33 xoang.

*Dài-văn thờ than* 1503 dài thờ ngắn than. *Dải* 1341; 1501 giải. *Dám* 1534 ràng, giàng. *Dám* 1376 giám. *Dạo* 1500 đổi; trốn. *Dày dạn* 2724 tròn trặn. *Dạy* 1425; 1622; giấy. *Dạy cho* 1446 dạy mở; liệu mở. *Dăm* 1521; 1524 dăm 1588 đặt. *Dăm* 784; dăm. *Dầu* 58; 616, 784; 1002; 1051 rầu; 1349; 1511; 3:09 dù. *Dấu* 2430 khi. *Dậy*

(1) Những chữ in xiên là trong bản này. Những chữ số là số câu. Những chữ tán kiến ra nhiều quá thời không chưa số câu. Những chữ ở sau chữ số là chữ trong các bản khác. Đối tra thời theo tự-mẫu Quốc-ngữ.



2268 nổi; chạy. *Để* 1482; kẻ. *Để* lòa *giếm* *thảm* *tròn* *kim* 1507 để mà bắt xằm xâu kim. *Để* ai *rắp* *thảm* *quạt* *sầu* *cho* *hay* 1682 đoạn-trường ai có qua cầu mới hay: *Đĩ* 1597 rĩ; hờ. *Dinh* 1885; 2270 doanh. *Diu-dàng* 1061 gợn gàng. *Dỗ* 1374 giò; 14<sup>96</sup> rò. *Dỗ* 257 nhỏ; rõ. *Đoi* 2561 đôi. *Đôi* 2533 chầy; gọi. *Dộn* 178 rợn. *Đông* 1585 rông. *Dỡ* 2500 giở; trở. *Dời* 2256 rời. *Dũ* 325 gầy; rủ; thau. *Dung* 1540; 3048; 1830; dong. *Dùng* *dằng* 884 đôi-dóa. *Dụng* *dạng* 2257 dùng dăng. *Duy* 2950 Thụ; Hoài; Phú. *Dưng* 2100 nhưng. *Dưới* 835 trong. *Dứt* 244 gỡ; 1400 giứt.

*Đã* 666 rắp; 1528 nổi; 1606 cũng. *Đảm* 2941 áng. *Đan* 1415 đơn. *Đan* *rắp* *giặt* *giảm* 586 đan rậm giặt giảm; đan rậm giặt giảm. *Dàng* 2817 đường. *Dang* 1455 hợp. *Đánh* 442 lên. *Đánh* *liều* 1894 lấy lòng. *Đao* 906; dao; 2268 kiện; dào. *Đất* 1707 sấp; toại. *Đầy* 274 đầy. *Đầy* 2452 giẻ; giấy. *Đen* 1538 đơn. *Đèo* *bồng* 1509 đèo bông; bênh bông. *Đẽ* 1361; 1886 dè. *Đếm* 849 tiệc. *Đêm* *ngày* 1493 vi bằng. *Đêm* *này* 1518 ngày này; đêm này; tháng này; bữa này. *Đến* 69; 920 tới. *Đến* 856 thôi 1514 về. *Đi* *đầu* 1516 bao lâu. *Điểm* 1466 ruồi. *Đinh* *ninh* *mãi* *lệ* 2825 mực mãi nước mắt. *Định* *tình* 1496 đành lòng; đành tình; định lòng. *Đỉnh* 76 đích, ước. *Đó* 1362 đấy. *Độ* 408 đôi; nhắc. *Đóa* 669 mảnh. *Đoán* *ngay* *một* *lời* 414 nhiều thầy chê bai. *Đoán* 2202 biết; đứng. *Đỗ* *mì* 845; 1092 trà mì. *Đổ* *lá* 160 đua lá; đổ lá. *Đồng* *tỏa* 285 đồng tỏa; đồng khóa. *Đỡ* *chân* 2084 chứa chun; trừ chân. *Đòn* 1460 đàn. *Đưa* 1131 đồ; đua. *Đưa* *lời* *trưởng* *đào* *sánh* *đôi* 1468 về đến trưởng hồng sánh vai. *Đưng* *chức* *trì* *hồ* 1836 rót rượu chức hầu. *Đượm* 1383 đậm. *Dứt* 725 dứt.

*Gả* 111 ả. *Gán* 2598 gạn. *Gán* 3181 khóa; 1438 đoán. *Gạn* *gùng* 1154 đón rào. *Gấp* 645 rốp; ngặt. *Gấm* 376 ngấm; 888 ngấm. *Góp* 396 muren. *Gót* 3180 cùi. *Gột* *rửa* 1042 gột đến. *Gởi* 1350; 1497 gửi. *Ghép* 1744 ép. *Ghét* 2 cột. *Ghét* *bỏ* 549 gạn quai. *Gì* 1572 chi. *Gia* 1419; 1425 ra. *Giả* 174 dở; đã. *Giả* *tình* 2633 giả nghĩa. *Giày* 2233 giầy. *Giải* 1574; 2133 tỏ. *Giải* *giẻ* 575 tả đề. *Giảm* 783 ăm. *Giận* 1567 giận. *Giập* 1526 trập; chap; 1537 rắp. *Giàu* 1387 giàu; cháo. *Giàu* *liều* 582 khung giệt; giọt liều. *Giàu* *thu* *vừa* *nảy* *chồi* *sương* 1387 diên-linh mừng đã trùng-duyên. *Gieo* 1368 reo. *Giỏ* *đưa* *bằng* *tiện* *đũa* *lia* *dặm* *khơi* 2230 cánh bằng tiện giỏ cất lia dặm khơi. *Giống* 243 thói. *Giờ* *ra* *thay* *mặt* 959 bày giờ thay bạc. *Giở* 1582 thở; nghĩ. *Giợn* 635 din. *Giục* 1498 dục. *Giường* 1484 đường; giềng.

*Hai* 27; 1318 đôi. *Hai* *lần* 2668 một lần. *Hai* *lẽ* 1379 hai nhẽ; đôi lẽ. *Hành-vân* 478 Qui-vân. *Hạnh* 1469 nết. *Hết* 999 trọn. *Hiệp*: hợp. *Hình* 1494 tình. *Hoa* *huơng* 497 màu lan; n-ron lau; hoa đèn. *Hòa* 28 họa. *Hơi* 2260 gửi. *Hỏi* 797 đôi. *Hồn* *ngắt*



*màu say* 759 phách lạc hồn bay. *Hồng* 478 hồng; cùng; 1714 nồng. *Hót hơ hốt hời* 1660 hót hơ hốt hải, hát hơ hát hải. *Huyền côi xuân già* 2237 xuân côi huyền già. *Huyền già dưới gỏi gieo mình* 3017 gieo mình dưới gỏi huyền-dinh; gỏi huyền kê lại gieo mình. *Hức* 1593 quắc. *Hưng* 1443 hăng.

*Kêu* 2571 'ngâm. *Kíp* 2842 vừa, *Kiệu hoa cất gió, được hồng điểm sao* 1466 phê cho vinh-viên Cbáu Trần trăm năm. *Khắc xương ghi dạ* 2425 chạm xương chép dạ. *Khấp khởi* 1867 tấp-tỉnh. *Khen* 1585 góm. *Khéo* 88; 2097 hại; giống; đồ. *Khéo khuyên* 2557 hại chông. *Khéo thay một mảy* 2310 khéo thay một mẻ; sai đi các nẻo; chia ra mọi ngã. *Khoảng* 441 quảng. *Khởi lay* 1912 nghỉ nghỉ. *Khuôn* 1634 nhân. *Khuơng* 1335 khang.

*Là* 830 đà; 1492 người. *Là nhà* 275 hỏi ra. *Lạ* 2273 là. *Lạc* 294 nhạc. *Lạc* 134 nhạc. *Lạch* 1332 ngạch. *Lai* 1110 là. *Lại* 1548 có; dễ; 1927 nữa. *Làm* 1012 là; 1763 phận. *Lạt* 1337 lỗ; nhạt; 2852 nhạt. *Lạt tỉnh* 1480 nhạt tỉnh; lạt-nguyên. *Lặng* 102 sững. *Lần-dân* 458 lần khán. *Lấy* 277 mượn. *Lẽ* 1462 nhỏ; lý; pháp. *Lẻo đẻo* 250 liệu nẻo. *Lẻo* 1623 chèo. *Lệ* 712; 782 giọt; 696 túi. *Lệnh* 2597 lĩnh. *Liêng* 1326 lượn. *Liệu nắn nỉ* 1166 bót lời liệu. *Lòa* 1507 mà; 1643 lờ. *Lòa mây* 590 dầy mây; dưng mây. *Loi thoi* 1502 loi-thôi. *Lòn* 2463 luồn. *Lông* 1354 lượn. *Lông to* 675 lượn trên. *Lọt đờ luồn dầy* 611 lọt đờ lòn dầy; luận đờ luận dầy. *Lớ díp* 1460 nhỏ nhịp. *Lời lả han cháo* 925 bả lả thăm cháo. *Lời* nhờ; 112 điều; 1445 tài; 1470 nhờ; bài; 1936 cười. *Lờn lọt* 923 nhọt nhọt. *Lớn* 1483 nhón; cả. *Lớn ra phận lớn* 1512 lớn ra uy lớn; nhón ra phận nhón; lớn dành phận lớn; cả ra uy cả. *Lựa* 594; 2200 lộ; 1004 dịu. *Lững thững* 1085 bằng-rằng. *Lưu-thủy* 478 hoa-nhạc. *Lương* 1378 nguyên. *Lượng* 1540 bậc; người.

*Mai* 1497 ra; ngay. *Mãi* 1338 thế. *Mạnh mẽnh; mịnh; mạng.* *Màu* 1121 hơi; mũi; 1336 màu; 1596 niêm. *Mặn phần tươi son* 2089 lạt phần sòn son. *Mảng* 1718 mǎng. *Mắt xanh có để ai vào trông không* 2182 mắt xanh chẳng để ai vào phải không; mắt xanh chẳng để ai vào có không. *Mặt* 1375 mặt; cửa; *Mặt cửa* 812 mặt cửa. *Mây vàng* 1319 mây Hàng. *Mấy* 1068 bấy. *Mé* 195 mai. *Men* 9 2 thang. *Minh* 638 điệu; 3089 tỉnh. *Mọc* 1642 nhảy. *Mọi* 1625 nẻo. *Món* 81 mỗi 2090 mỗi; buổi; *Mồ* 2336 bờ. *Mông* 837 mào. *Mộng huyền* 235 mộng-ảo mộng-triệu. *Một* 18 mỗi. *Một mình* 860 một tỉnh. *Mở* 1601 cỗi. *Mới* 1398 còn. *Mua* 1581 nôi. *Mùi* 808 mỗi; *Mưa* 1511 sóng. *Mực* 985 bậc;

*Nàng* 695 nương 785 dân; 1 06 thư. *Nàng chàng* 1601 chàng nàng. *Nầy* 1474 này. *Năm* 327 tháng. *Nặng lòng e ấp*



1390 nghĩ đường c-lẽ. *Này* 963; 1444 này. *Nen* 48 nếm *Nẻo* xa  
1432 đứng bên. *Nếp* 145 núp. *Nét* 62 vết. *Nè* 2950 nơi. *Nền*  
2530 đến. *Nền đường còn quê* 2080 nền đường còn khuya; bằng  
đường còn quê. *Niềm* 1595 lòng *Nỗi* 1930 nhồi. *Nỗi mình*  
863 đánh liều *Nỗi*. 1527 sự; 1569 truyện. *Nỗi riêng* 265 chạnh  
riêng; nghề riêng; tính riêng; tấm riêng. *Nửa in gỏi chiếc* 1526  
nửa in đáy nước. *Ngại-ngần nuốt tủi lảng ra* 1981 ngại-  
ngùng bắt tủi lảng ra; ngáp-ngừng nuốt tủi lảng ra; nhận-ngùng  
nuốt tủi đứng ra. *Ngang* 1631 quanh. *Ngày* 1284 chiều *Ngày ngày*  
910 đêm ngày. *Ngăn ngắt* 990 cầm cặp. *Ngắt* 900 rộp. *Ngập*  
2890 nhện. *Nghe* 891 nghĩ. *Nghé* 168 ghé *Nghen* 1504 gạn. *Nghĩ*  
12 nghĩ *Nghĩ* 1324 giỏ. *Nghìn* 1456 ngàn. *Ngoài thì* 1462 bề  
ngoài. *Ngo-ngần* 1784 than thở. *Ngùi* 1939 nuốt *Ngừa* 1607 giàn  
*Người cũ* 1751 quen thuộc. *Nhân* 1551 nhón. *Nhập gia* 972  
vào nhà. *Nhện* 1422 dện. *Nhiệm* 904 nhuộm. *Nhìn* 1721 ngược  
*Nhón nhác* 2092 lớn sợ. *Những* 1397 nhuộm. *nhuộm màu*  
*quan san* 1520 nhuộm màu quan san. *Nhụy* 3094 nhị  
*Như* 948 những. *Những* 287 nhân; nhận. *Những là* 3155  
khéo là; cũng rờ.

*Ong* 1758 sâu. *Ở* 1653 cũng

*Pha Phôi* 1524 xa xôi. *Phải đêm* 1777 có khi. *Phao* 912 phau;  
thau. *Phận* 1512 uy. *Pho* 1930 phò. *Phong-lôi* 1389 giàn con.  
*Phong thơ mâm lễ* 2458 ngọc, vàng, gấm, vóc. *Phụng* 2295  
phượng. *Phước* 2655 phúc.

*Quan phòng* 1935 cửa phòng; cửa thuyền. *Quên quẹt má*  
1428 nhăn-nhó mặt. *Quên* 1294 đi. *Quết* 993 lách.

*Ra* 1412 là. *Rạng* 3214 dựng. *Rày* 1442; 1491 rầy. *Rạng*  
1393 là. *Rạng* 379 dặng. *Rấp ranh* 1612 đắp danh. *Rẻ* 1982  
lén; gót. *Rẻ run* 2326 giẽ giun; giầy giun. *Rổ* 3208 đồ; nhỏ.  
*Roi* 1605 vó. *Rong* 2216 dong. *Ròng* 1487 dòng. *Rõ* 2273 rõ.  
*Rộp* 2062 đầy. *Rước* 151 giặt; 992 chạy; 1637 sắp. *Rười* 1615  
dầy; rầy; tưới.

*Sá* 1355 xá. *Sái* 529 ngoài. *Sang* 383 ra. *Sánh phụng*  
2212 bói phượng. *Sao* 1636 nào; nao. *Sao cho* 3172 rằng chưa.  
*Say* 1230 vui. *Sấm sửa lễ công* 1465 xá tội tha gông. *Sắt*  
1403 vàng. *Sấn* 1170 dẫn. *Sập sòe én liệng rường không*  
2749 lè-sè én lạnh lần không; xập-xè én liệng lâu không. *Sẻ* 1525  
xẻ. *Sen ngó* 3137 trên ngọn *Sen vàng lừng thừng* 190 Nhac  
vàng lừng sáng. *Sì* 1409 xi. *Sinh* 1496 chàng; 2222 2314 tỉnh. *Sơ*  
742 lựa. *Song thân* 154 đồng thân. *Song trong* 1462 bề  
trong. *Sóng gió* 2486 sóng vô. *Sổ sàng* 935 chân chường. *Sum*  
1381 xum; 1569 lại *Sut sùi* 1439 xut xùi; giọt rơi. *Suốt* 431  
lọt 1489 xuất. *Suyền* 1709 xuyền; thuyền. *Sương* 1439 xương.



*Tại* tôi hững lấy 1443 bảo an tôi nhận. *Tanh* 1324 tênh. *Tánh* tỉnh. *Tào khương* 1490 tao-khang. *Tay* 1374 người. *Tày trời* 1514 tày giới. *Tập* 2443 quét. *Tấn công* 1556 tấn công. *Tận* 41 rợn; tận. *Tên* 1686 tin. *Tin* 2096 tìm. *Tiền* 2551 Thiên. *Tiết vừa* 39 này xuân. *Tít* 286 Tít; tuyết. *Tổ* 1873 rõ. *Tới* 1134 lại về. *Tùng* 1334; 1477 tông. *Tụng* 1916 chép. *Tuồng chi những giống* 1728 mắng rằng giống khéo. *Từ sau xin chữa* 1148 từ lâu đến giờ. *Tự* 1440 sự. *Tường* 773 trình; chiều. *Thang* 319 bậc. *Thảo* 1842 lảng. *Thăm* 1552 tham. *Thâu* 1119 thu; 803; thu; sâu. *Thầy* 1374 thầy. *Thế* 1412 ấy. *Thêm* 1020 lại. *Thêu* 157 điều; đào. *Thi đồng* 397 thư đồng. *Thì* 106; 2436 là; 1018 âu; 1538 lại; còn. *Thiên niên* 3236 nghìn năm. *Thiệt* 1484 thật; thực. *Thiếu* 64 hiếm. *Thoán thoát* 378 thoát thoát. *Thoát* 1500 thoát. *Thối* 6 với. *Thốt* 21 thuyết nói. *Thơm* 1471 sức. *Thú què thuần hức bển mùi* 1593 thuần đồ què những nhờ mùi. *Thủa* 1329 thuở. *Thuận nẻo* 1531 sớm thuận. *Thung* 1353 thông. *Thung-dung* thông-dong. *Thương lòng* 655 thương tình. *Trả giả*. *Trai* 2812 giai. *Trách* 1538 giận. *Trăng giăng*. *Trâm gãy gương tan* 719 gương vỡ người tan; trâm gãy bình tan. *Trận* 1389 dận. *Trèo cây* 2018 rào cây; trèo hoa. *Trên* 950; 1724 lên. *Tri* 1613 chỉ; truy; 2873 chuy chỉ. *Tri tri* 1403 chỉ chỉ. *Trì trì* 895 chề chề. *Trú* 176 đeo; gieo; treo. *Tro* 50 gio; 1662 than. *Trong* 1017 suy; 1081 vào. *Trót* 975 tót 1397 xót. *Trộm* 155 vắn. *Trông* 984 nhìn. *Trở* 1933 giờ; bển. *Trời giới* 832 đời. *Trùm* 3230 phong. *Trung khúc* 423 khúc lý. *Truy sát* 2523 thừa thế. *Trước* 2133 ngoài. *Trường* 996; 1270 tràng.

*Um-sùm* 2286 um thum; om thom; thì thùng.

*Vác đồng* 2314; 2510 bác đồng. *Vai gát* 96 và gát; đặt cỏ; vật cỏ. *Vàng* 735; 766 vánh; thoa. *Vấn ngắn*. *Vãng tanh* 2672 thủy tinh. *Vấn* 945 vượt. *Vãng* 199 dăng. *Vàng trắng* 1525 vùng giăng. *Vết* 1034 vẽ. *Vĩ* 913 vi. *Việc* 768 nổi. *Viết* 2914 đưa; đệ. *Vòng* 3151 vánh. *Vô nghĩa* 967 vô sĩ. *Vỗn* 1276 cũng. *Vơ càn* 1652 xông pha; pha càn. *Vùi nông* 78 bụi hồng. *Vực* 1647 đặt. *Vững* 521 cứng. *Vườn* 3240 vầy. *Ương ông* 872 chung-ông.

*Xa* 1035 với. *Xanh xanh* 1501 trong xanh. *Xao xác* 1091 thoi thót. *Xe* 696 chia. *Xế* 1630 sẽ. *Xích* 1616 tới; thăm. *Xông* 1648 giông. *Xuân* 1388; 1497 thung. *Xuê* 1384 xói; soi; sỏi. *Xung quanh* 2252 chung quanh. *Xuống lệnh* 1561 làm dữ. *Xương mai* 325 sương mai.

*x* 1556 rắp. *Yêm niêm* 37 êm-dêm. *Yến* 1478 cả.



# 改正 Cài chính

TRƯỜNG	DÒNG HOẶC CÂU	NHỮNG CHỖ SAI LẦM, SỬA LẠI
I	Dòng 12	« 238 » đổi là « 232 ».
III	» 31	« hà » đổi là « hồ ».
»	» 34	« van » đổi là « vãn ».
IV	» 24	« dẫu » là « đậu ».
»	» 35	* thêm » đổi là « thêm ».
4	» 8	Chữ (4) dư, bớt đi.
6	» 27	Chú-thích số (6) thêm: chôn cạn chôn sơ sịa, v. v.
7	Câu 100	Dẫn thêm bài thơ « tám câu bốn vãn »: « Hương hồn hà xứ khứ, bằng diều thống tâm tại! Mình nguyệt lãnh yên bị, âm trần phong cánh dài. Ngọc tuy hoàng thổ ế, danh vị bạch vân mai. Thượng hữu như đăng tửu, vô nhân diện nhất bôi. 香魂何處去憑吊痛心哉明月冷鴛被暗塵封鏡臺玉雖 黃土痊名未白雲埋尚有如澆酒無人奠一杯
8	Câu 116	« (a) » trước chữ thể-phách bớt đi mà thế dấu « — » vào.
11	» 170	« có » đổi làm « bóng ».
13	» 190	dấu « : » sau chữ xa đổi làm dấu « . »
21	» 288	« thêm » đổi làm « thêm ».
»	Dòng 25	chú-thích số (1) thêm: thêm là muốn; « thêm hai » là muốn được, gần được hai tuần.
25	Câu 331	« Ngần-ngor » đổi làm « ngàn-ngừ ».
32	Dòng 19	« không » đổi làm « chông ».
33	» 29	Số « 384 » đổi làm số « 438 ».
35	Câu 450	« Song-song » viết xiên và đánh dấu « * »
37	» 472	« Cung, thương » bỏ dấu « , » và thế, dấu. « — » làm « Cung-thương ».
38	Câu 487	« lúc cúi đầu » đổi làm « khi cúi đầu ».
46	» 584	« đây » đổi làm « đây ».
54	» 700	« kháng-khít » đổi làm « kháng-khít ».
55	Dòng 18	« khăn-khít » chú-thích số (2) đổi làm « kháng-khít ».
65	Câu 843	« xa-xuôi » đổi làm « x-xôi ».
70	Dòng 15	« thân-phận » chú-thích số (5) đổi làm « danh-phận ».
»	Câu 896	« đã » đổi làm « mới ».
74	» 945	sau chữ tin nhận thêm số (2).
90	» 1185	« Tích-việt » viết xiên và đánh dấu « . »
98	» 1279	« mỗ » đổi làm « mộ ».
103	» 1352	« lửa » đổi làm « lửa »
113	» 1468	« Song-song » viết xiên đánh dấu « * ».
122	» 1586	« dậm » đổi làm « dặt ».
126	» 1636	« Sao » đổi làm « nao ».
127	» 1659	« hơ-hốt » đổi làm « hốt hởi ».
128	» 1670	« đèn » đổi làm « đến ».
130	» 1677	« chiêm » đổi làm « chiến ».
136	Dòng 9	« bỏ » đổi làm « bớt »
138	Câu 1816	« Ra » đổi làm « trong ».
159	» 2142	« hang » đổi làm « hàng ».
160	» 2162	« đến » đổi làm « đèn ».
193	Dòng 22	« chơi » chú-thích số (4) đổi làm « chơi »
168	Câu 2271	« lủy » đổi làm « lũy ».
175	» 2385	« giam » đổi làm « giám ».



TRƯỜNG	DÒNG HOẶC CÂU	NHỮNG CHỖ SAI LẦM, SỬA LẠI
175	Dòng 27	« ại » đổi làm « tại ».
178	» 8	« vơ » đổi làm « voi » « ả » đổi làm « là ».
182	Câu 2512	Dấu « * » ở giữa chữ quan và chữ lễ bỏ đi mà thế dấu « — » vào.
198	Dòng 14	Chú-thích số (6) hai chữ « nàng Kiều » bỏ đi.
205	» 30	Chú-thích số (2) « hung » đổi làm « chung »
206	Câu 2876	Số « (4) » đổi làm số « (5) ».
212	Dòng 28	« Hòm » đổi làm « hồn ».
213	» 1	« óp » đổi làm « lớp ».
215	» 24	« Tuông » đổi làm « tuôn ».
II	» 28	Sau chữ « nổi nhà » thêm « — — »
»	» 35	Chữ « ông » đổi làm « vị ». Trước chữ « Lũ-động lân » thêm « 1. ».
III	» 12	Sau « Thôi nhà — — » thêm « ) ) »
IV	» 2	« rõ ràng, ra » đổi làm « rõ ràng ra, »
»	» 35	Sau chữ « vạn bả » thêm dấu « ».
V	» 13	Sau chữ « đã tỉnh » thêm dấu « ».
»	» 16	«, » Sau chữ « thủy » đổi làm « — »
»	» 17	« linh-trực » đổi làm « Linh-trực ». Dấu « — » sau chữ điền đổi làm « , ».
»	» 35	cao-dinh đổi làm « Cao-dinh ».
VI	» 37	Sau chữ « xưng-vương » thêm dấu « / ».
XI	» 5	« lòng » đổi làm « lũng ».
XII	» 22	« sanh » đổi làm « sang ».
XV	» 16	« ) ) » sau chữ « tiếc » bỏ đi mà thêm vào sau — — ở dòng 17.
XXI	» 24	« tiêu » đổi làm « tiều ».
XXIII	» 19	« Trời-nổi » đổi làm « trệ-nổi »
XXXIV	» 4	Hai chữ « là tài » bỏ đi.
XXXVII	» 27	« cho bàn thờ » đổi làm « chỗ bàn thờ »
»	» 24	« 1952 » đổi làm « 1953 ».
XLI	» 17	« đe » đổi làm « dễ »
XLII	» 8	não đổi làm nảo.
»	» 28	vẽ đổi làm vẽ.
»	» 33	bỏ cả dòng.
»	» 39	晏 đổi là 宴.
XLIII	» 26	« vi » đổi là « vi ».
»	» 31	« vê » đổi là « vẽ »
»	» 33	« sĩ » đổi là « sĩ »
»	» 34	« noi » đổi là « nôi »
XLIV	» 11	« chỗ » đổi là « chỗ »
XLV	» 2	« lồi » đổi là « lồi ».
»	» 21	« vũ » đổi là « vũ »
XLVI	» 37	« cử » đổi là « cử ».
XLVII	» 18	« kỹ » đổi là « kỹ ».
»	» 32	« ỹ » đổi là « ỹ »
»	» 38	« 剛 » đổi là « 綱 ».
XLIX	» 38	« vĩnh » đổi là « vĩnh »
L	» 19	« vươg » đổi là « vương »
»	» 28	« 韋 » đổi là « 韋 », « vĩ » đổi là « vĩ ».
LI	» 20	« đe » đổi là « dễ ».
»	» 32	« tỉnh » đổi là « tỉnh »